

Tác Giả và Tác Phẩm

Dương Thu Hương

Tiểu sử

Sinh năm 1947 tại Thái Bình, Bắc Việt. Hiện sống tại Pháp

Tác phẩm

Chân dung người gàng xóm - Bên kia bờ ảo vọng
Những thiên đường mù - Tiểu thuyết vô đề



Mục Lục

Vài hàng về tác giả – 2

Bố con đâu – 3

Những phiên tòa của Dương Thu Hương – Nguyễn Đăng Mạnh – 16

Tôi khóc ngày 30 tháng Tư 75 vì thấy nền văn minh đã thua chế độ man rợ - 19

Sự quốc doanh - 22

Tình dục trong văn chương Dương Thu Hương – Thế Uyên - 28

Bùi Duy Tâm và Tôi – 31

Chân dung Dương Thu Hương – Nguyễn Đăng Mạnh - 34

Phụ đính I :

**Chồn vắng - Loài hoa biến sắc - Chân dung người hàng xóm
Hội quang của mùa xuân**

Phụ đính II:

Miền cỏ tơ – Đinh Quang Anh Thái phỏng vấn Dương Thu Hương

Dương Thu Hương, từ tiểu thuyết Vô Đề đến Chồn Vắng

Rực lửa, rực nữ tính – Tin Văn

"Thực ra tôi là một người phụ nữ khá cổ hủ"

40 năm, nhìn lại về ngôn từ

(Tim bài đọc: ở "Keyboard", nhấn nút "F5", đánh số trang, rồi "Enter")

Vài hàng về tác giả



Sinh năm 1947, bà bị khai trừ khỏi Đảng và Hội Nhà Văn năm 1990. Người ta khiến trách thái độ chống đối và cuộc đấu tranh cho dân chủ của bà. Dịch giả của bà nói: “Trong xã hội trọng Khổng Giáo, chỗ đứng của người đàn bà không có. Trong chiến tranh, người ta cần họ, thật là đau lòng, nhưng sau chiến tranh, người ta thích họ quay về với cái bếp.” Trong chiến tranh, năm 20 tuổi bà đã ra chiến trường và điều khiển một đoàn văn công.

Bà đang ở Paris nhân dịp ra mắt quyển sách - Chón Vắng - Terre des oublis. Bà tươi cười, vui vẻ. Và bỗng chốc, bà bùng lửa.: (thở dài) Điên rồi thì tôi có nhiều thứ điên rồi. Khóc thì tôi có hai lần khóc.

Lần thứ nhất khi đội quân chiến thắng vào Sài Gòn năm 1975, trong khi tất cả mọi người trong đội quân chúng tôi đều hớn hờ cười thì tôi lại khóc. Vì tôi thấy tuổi xuân của tôi đã hy sinh một cách uổng phí. Tôi không choáng ngợp vì nhà cao cửa rộng của miền Nam, mà vì tác phẩm của tất cả các nhà văn miền Nam đều được xuất bản trong một chế độ tự do; tất cả các tác giả mà tôi chưa bao giờ biết đều có tác phẩm bày trong các hiệu sách, ngay trên vỉa hè; và đầy rẫy các phương tiện thông tin như TV, radio, cassette. Những phương tiện đó đối với người miền Bắc là những giấc mơ. Ông Thái đừng quên rằng, ở miền Bắc, tất cả mọi báo đài, sách vở đều do nhà nước quản lý. Dân chúng chỉ được nghe đài Hà Nội mà thôi; và chỉ có những cán bộ được tin tưởng lắm mới được nghe đài Sơn Mao, tức là đài phát thanh Trung Quốc. Còn toàn bộ dân chúng chỉ được nghe loa phóng thanh tập thể; có nghĩa là chỉ được nghe một tiếng nói.

Vào Nam tôi mới hiểu rằng, chế độ ngoài Bắc là chế độ man rợ vì nó chọc mù mắt con người, bịt lỗ tai con người. Trong khi đó ở miền Nam người ta có thể nghe bất cứ thứ đài nào, Pháp, Anh, Mỹ..., nếu người ta muốn. Đó mới là chế độ của nền văn minh. Và thật chua chát khi nền văn minh đã thua chế độ man rợ. Đó là sự hàm hồ và lầm lẫn của lịch sử. Đó là bài học đắt giá và nhằm lẫn lớn nhất mà dân tộc Việt Nam phạm phải.

Talawas

Bố con đầu

(Trích từ truyện dài Những thiên đường mù.)

Dầu sao, mẹ tôi không thể tiếp tục sống ở làng. Người ta không nỡ thù ghét mẹ, nhưng cũng khó chịu khi nhìn thấy mẹ. Hai chị em, mẹ và cậu Chính, giống nhau như hai giọt nước. Từ khổ người, hình dáng, tới nét mặt, đường mày, điệu cười, giọng nói. Ngôi nhà tổ tiên chỉ còn lưu giữ những kỷ niệm buồn. Gánh hàng xén, theo lệnh cậu Chính, mẹ đã bán. Đôi bồ xẹp trong xó bếp để ủ chuối. Mẹ tôi dẫn đo một tuần trăng, rồi đem cầm ngôi nhà cho người trong họ, thu xếp tiền bạc tư trang, lên thành phố...

Mười năm sau, tôi đã ra đời trong căn nhà gạch, nửa lợp tôn và giấy dầu, nửa lợp ngói Tây. Ngõ hẻm nằm trong một khu phố ngoại ô, nơi cư trú của dân lao động. Sáng tinh mơ, vào trước buổi lễ minh, những người bán xôi lúa, bánh rán, bánh chưng, bánh giò, bún ốc, bún riêu, bánh cốm, bánh khúc và những thứ quà vặt khác đã thức dậy làm hàng. Bếp trấu, bếp than bập bùng cháy. Mùi thơm của hành phi mỡ, bánh rán, ớt chưng... tỏa khắp nơi, đánh bật mùi các đồng rác, các chuồng tiêu, các hốc tường nồng nặc thứ nước tiểu lưu cữu. Rồi những mùi vị thần tiên đó nhạt dần, bay xa dần với tiếng quang gánh kéo kẹt, tiếng rao ời ọi của những người đàn bà:

- Xôi vò, xôi lúa đây ây ây...

- Ai... bánh rán, bánh chưng, bánh dày...

Mỗi tiếng rao có một âm điệu riêng, với những âm nhấn, những tiết điệu lên bổng xuống trầm. Trong xóm có bảy người bán xôi vò, xôi lúa. Qua tiếng rao, có thể phân biệt từng người. Tiếng rao hàng ời ọi vào buổi lễ minh, trong khoảng trời ngoại ô là thứ âm nhạc đầu tiên đã thấm vào tôi. Mẹ tôi lúi húi xếp hàng vào gánh. hai chiếc quang chắt đầy tới cổ, nào măng khô, bánh đa nem, bánh đa thái, miến tàu, miến ta, đồ xanh, đồ đen, đậu lạc, vừng trật vỏ, vừng nguyên... cả tò ho, thảo quả, hoa hồi... mỗi thứ một ít. Mẹ sắp xếp hàng rồi tới vỗ lưng tôi:

- Em ăn cơm rồi hãy đi học nhé. Chìa khóa nhà mẹ vẫn để trong hốc tường.

Mẹ đi. Từ trên giường lăn xuống, tôi đã thấy chiếc mâm đồng sứt vành đặt trên bàn. Bát dưa cải xanh với đĩa nhộng rang hành. Hoặc bát tương dầm cà với con cá khô nướng. Mùa hè qua mùa đông năm nay qua năm khác, thức ăn dường như không đổi. Cơm ủ trong chiếc liễn sành, bên ngoài là chiếc giỏ cũ lót rơm. Bên cạnh khay nước uống, có sẵn một gói kẹo nhỏ, khi là kẹo bột, khi là mứt thanh chè lam.

- Em ăn chè lam nữa không? Mai mẹ lại mua?

- Kẹo bột ông Tào có gừng, em có thấy mùi thơm không?

Mẹ cúi xuống bên tôi, thì thầm. Mắt mẹ nhìn tôi, vừa áp iu vừa ngưỡng mộ. Tôi lờ mờ cảm thấy, ngay từ độ ấy, tình yêu của mẹ với tôi có gì khác biệt. Những người đàn bà trong xóm, không nhìn con với ánh mắt như thế.

Một sớm đông, trời bỗng rét cần rét lụn, tưởng như nước trong chậu đông sánh lại. Mẹ tôi đi chợ sớm. Gần Tết Nguyên Đán người ta tranh thủ bán hàng. Quanh năm, chỉ có

dịp ấy là dân tiểu thương kiếm được tấm món. Tôi thức dậy, thấy tấm áo bông đặt ngay cạnh gối. Sờ vào còn ấm. Mẹ đã hơ than trước lúc đi. Tôi mặc áo, ăn cơm rồi chạy sang nhà cô bạn hàng xóm. Nó còn ngủ li bì, ông bố nghiện thuốc lào ngồi co ro trên phản, vừa thấy tôi đã giờ chiếc xe điều lên dọa:

- Về nhà ngay, trời rét thế này muốn sưng phổi hay sao mà rủ nhau đi chơi hả? hả?

Tôi đi thơ thần dọc đường. Gió lùa những đám lá úa bay qua. Con chó trắng nhà bà Miều rên ư ử, quét cái đuôi xơ xác lông trên hè phố. Nó cứ dò dẫm bước từng bước một, vừa bước vừa đưa cặp mắt già nua kiếm đường, cái mũi nhăn nheo héch lên một cách khó nhọc.

- Này, Trắng xòm, Trắng xòm...

Tôi gọi:

- Trắng xòm, có đi chơi với tao không?
Con chó già lờ đi, ra điệu khinh khỉnh. Lúc đó, anh con trai què của bà Miều từ trong nhà cất tiếng rống lên:

Rồi thu sang lá vàng rơi đầy.
Hàng bạch dương buồn im xác xơ ven đồi...

Tự dưng tôi muốn khóc. Lúc ấy, con bé Thu bỗng từ sau lưng tôi bước lên:

- Chơi không mà?

Tôi im lặng không đáp. Trong xóm, cả bọn chúng tôi không đứa nào chơi với con Thu. Nó xấu bụng, lại có thói điều toa. Nhiều lần, nó bày trò rủ rê mọi người chơi. Khi bị mắng, Thu liền đổ ngay tội đầu tên cho đứa khác, và nhanh như cắt lẩn trốn. Con bé đứng chặn ngay trước mặt tôi, nhắc lại:

- Tao với mà đi chơi nhá?

Tôi không đáp, lưỡng lự.

Thu liếc nhìn quanh rồi bảo:

- Không ai biết đâu. Mẹ tao lên cơ quan rồi. Mà trưa nay mẹ tao cũng không về. Cơ quan có tiệc trà liên hoan.

Tôi phân vân. Nhưng nghĩ tới gian nhà trống vắng, lại thấy sợ. Thu đoán được ý nghĩ của tôi, liền kéo áo tôi, bảo:

- Đi đi... Ra bãi xem thuyền buồm vui lắm. Nếu chịu khó chúng mình có thể đào được đế mèn.

Tôi theo nó. Chúng tôi vượt qua dãy phố, qua bờ đê, ra ngoài bãi sông. Không gian thơm ngát. Các bụi cây vôi vôi đu đưa chùm hoa tím, các loài cúc áo bé bỏng đơm hoa dọc bờ cỏ, thỉnh thoảng lại gặp một dây lạc tiên hiếm hoi với chùm quả như những chiếc

đèn lồng. Êm ả trôi, dăm cánh buồm trên dòng nước. Người chèo thuyền ngồi trước mũi lái, mặt nhuộm ánh nắng đồng.

- Dô huây, dô huây...

Tiếng hò vẳng từ dưới bến sông đưa lên. Người ta đang hạ thủy một con thuyền... Chúng tôi mê mãi đi dọc theo bờ cát, theo đuổi không chán lũ chuồn chuồn và cánh cam. Thu hái được một vạt áo đầy quả lạc tiên chín. Nó ăn không kịp thở, không chia cho tôi một quả. Tôi lắng nghe tiếng hò của những người dân chài. Bỗng nhiên, có tiếng hét vọng từ bờ đê xuống:

- Thu, Thu ơi i i...

Bóng một người đàn bà đang đi dọc triền đê. Thu vội kéo tôi núp vào ruộng ngô gần đấy. Mẹ nó vẫn tiếp tục gọi:

- Thu, Thu ơi i i...

Tiếng gọi chứa đầy tức giận, nghe như tiếng hét. Cả Thu lẫn tôi đều nín thở. Nó nằm ẹp xuống rãnh ngô, kéo tôi theo. Chờ cho mẹ nó đi thật xa, xuôi bãi sông mới trở dậy:

- Về, về ngay...

Thu bảo tôi. Hai chúng tôi men theo các ruộng ngô và bí đỏ về phố.

- Giả vờ chơi ô ăn quan nhé. Vào sân ông lão mù xem bói.

Thu kéo tôi vào cái hẻm đầu tiên trong ngõ phố. Ở đó, có một ông già mù, chuyên sống bằng nghề bói. Ông ở trong một căn nhà gạch nhỏ, nghe đâu bà vợ đã xây cho ông trước khi bỏ đi với một người đàn ông khác, cách đây mười bảy năm. Căn nhà nhỏ nhưng khá sạch và đầy đủ vật dụng cần thiết. Sân rộng, lát gạch men nâu, có cả tường hoa bao quanh và một luống đất trồng những loại cây lưu niên như lựu, đào, mơ. Người từ các nơi nghe tiếng đồn thường tới ngồi ở mảnh sân ấy, chờ tới lượt mình được thầy xem. Lũ trẻ trong ngõ phố tới sân chơi nịt, chơi nhảy lò cò, chơi ô ăn quan hoặc đá cầu lông. Thu kéo tôi ngồi xuống, ấn vào tay tôi hòn gạch non nó đã nhanh tay lượm được trên đường về:

- Vẽ đi, vẽ ngay ô ăn quan không mẹ tao về tới nơi bây giờ.

Tôi cầm hòn gạch, hồi hải vẽ vòng ô ăn quan. Còn Thu chạy ngay ra đồng sỏi đầu xóm bốc về đầy vạt áo. Nó vừa chia sỏi, rải đều vào các ô, mẹ nó đã xộc tới:

- Ở đâu? Nãy giờ mày ở đâu?

Con bé ngẩng lên:

- Chúng con chơi ô ăn quan.

Mắt mẹ nó trợn ngược, gần như chỉ còn lòng trắng. Cặp môi phai son trơ ra, thâm tím. Bà ta cúi xuống túm tóc đưa con:

- Tao rẽ vào đây rồi mới ra bờ sông tìm mày. Đi đâu? Chết bầm chết vằm ở đâu?

- Con chơi...

Thu ảm ớ, miệng méo xệch.

Mẹ nó kéo con gái đứng lên, rống rả từng lời:

- Đi đâu? Khai ra thì sống. Còn quanh co, tao đánh tuốt xác. Đi đâu?

Mặt cái Thu tái xanh, nước mắt vãi như tháo cống. Rồi, bắt chợt nó khóc hu hu:

- Cái Hằng rủ con ra bãi sông. Nó bảo con đi đào để mèn... Hu hu... Nó còn rủ con bẻ ngô về nướng.

Người đàn bà quay nhìn tôi. Cặp mắt bà ta lồi hẳn ra, trơ và nhẵn như mắt tượng trong chùa, Môi bà mím lại, hẳn thành vết thâm và mọng. Bà im lặng. Những tia nhìn lạnh buốt, đe nẹt, khinh bỉ của bà quất vào mặt tôi, đè bẹp tôi xuống mặt đất lấm bụi. Tôi run lên, hai ống chân cơ hồ không đứng vững. Hai tay bấu chặt lấy vạt áo, tôi cố sức chịu đựng cái nhìn sắc sảo của bà. Cổ tôi nghẹn lại. Bà lia mắt từ đầu tới chân tôi, kiểu như người ta nhìn một con vượn trong chuồng sắt sờ thú. Rồi bà ghìim giữ cơn tức giận sắp biến bà thành một vị chúa sơn lâm nhảy vào xé xác tôi, bà cúi xuống ném vào mặt tôi từng câu một:

- Con kia, tao cấm mày lên la tới gần cái Thu, tao cấm mày bén mảng tới đầu sân, trước ngõ nhà tao. Quân vô thừa nhận, trên không chằng, dưới không rể. Đồ con hoang không bố, lần này tao tha, lần sau thì chớ trách.

Nói đoạn, bà ta túm lấy tay con, xềnh xệch kéo đi. Tôi đứng trên mảnh sân gạch, rải rác lá rụng, nghe gió bắc lùa ngang trời. Hồn tôi như ngôi nhà tan hoang, không tường không vách. Con chó già nhà bà Miều lại kéo đuôi lững thững đi qua hè phố, vừa đi vừa đưa mõm sang hai bên hít hít, ngửi ngửi. Nó cũng không khốn khổ như tôi, trơ trọi như tôi. Ông già mù ngồi trong nhà bỗng cất tiếng:

- Hằng ơi, vào đây ông bảo...

Tôi đứng lặng, nước mắt dâng cay xè.

- Hằng ơi...

Tôi cắm đầu chạy khỏi sân, nước mắt nhòe trong gió lạnh. Ngang trời ngoại ô, mây xám lướt chậm chậm, lũ chim di trú cuối cùng vỗ cánh bay. Món cháo bi thương của người đời có vị đắng ngắt, không trôi được qua họng. Tôi chạy mãi, chạy mãi. Cho tới khi kiệt sức, ngã xuống, tôi thấy làn sóng đỏ của dòng sông nhấp nhô trước mắt mình. Và một cánh buồm nhỏ, góc bên dưới rách tơi tả nhấp nhóang trôi...

Đêm hôm ấy, nước mắt mẹ rơi ướt đầm món tóc bên thái dương tôi:

- Mẹ xin em, em đừng khóc. Nín đi, em nín đi, đừng khóc.

- Nhưng con phải có một người bố chứ? Ai cũng được mà.

- Mẹ xin em, em đừng hỏi.

- Đứa nào cũng có bố, dù bố nó đã chết hoặc đui mù, mẹ phải chỉ cho con biết bố của con.

- Em đừng hỏi. Mẹ chấp tay lạy em ngàn lạy, xin đừng hỏi. Mẹ con ta sống với nhau, có nhau, thế là đủ, mẹ xin em.

Những giọt lệ của bà đã thắng. Tôi đành chịu thua, và hình ảnh về người bố vẫn nằm im trong tấm màn đen bí ẩn.

Hơn một năm sau, cũng vào một ngày đông giá, nhà tôi có khách. Một người đàn ông cao lớn lưng hơi gù, khuôn mặt vuông, mắt đen, môi cười hình trái đào:

- Đây là cậu Chính, cậu ruột của con.

Mẹ tôi bảo. Tôi cúi chào thật to. Cậu cao lớn nhưng nét mặt rất giống mẹ. Tôi có cảm tình với cậu tức khắc.

- Con nấu cơm mẹ nhé? Có phải ra phố mua thịt quay không?

Mẹ tôi gật đầu:

- Mẹ nấu cơm cho. Con đến hiệu thịt quay chú Tàu mua nửa cân lợn quay, nửa cân ngỗng quay với hai lạng kiệu muối.

Cậu Chính cau mày:

- Không cần lãng phí như vậy.

Mẹ tôi đáp nhỏ nhẹ:

- Ngọt chục năm trời chị em mới gặp nhau.

Nói xong, mẹ sai tôi vào buồng lấy chiếc làn tre Lạng Sơn đi chợ. Trong buồng, tôi nghe cậu hỏi:

- Con bé Hằng mấy tuổi?

Mẹ tôi đáp:

- Cháu gần tròn chín tuổi rồi.

Cậu bảo:

- Nó giống hệt anh ta.

Mẹ tôi im lặng không đáp. Một lát sau, cậu nói:

- Chị không có lập trường. Chị không dứt bỏ được con người ấy. Đáng lẽ chị phải xây dựng gia đình mới từ lâu.

Tôi nghe mẹ nói, yếu ớt:

- Gia đình bên ấy xuống trung nông ngay hồi sửa sai rồi. Mà thôi, tôi xin cậu đừng nhắc lại chuyện cũ.

Tôi cảm làn đi ra. Cả hai người im bật. Tôi hỏi:

- Mẹ ơi, có phải mua thêm rau đậu nữa không?

Mẹ tôi lắc đầu:

- Đủ rồi em ạ.

Nói xong, mẹ cúi xuống ngay. Nhưng tôi đã thấy hai giọt nước mắt rơi xuống đầu gối người.

Tối hôm ấy, sau bữa cơm mẹ mời lán giềng thân thuộc sang chơi, giới thiệu cậu em ruột. Dân trong ngõ xóm đều là lao động, người buôn thúng bán mẹt, người làm hàng xôi hàng bún, người kéo xe ba gác chở hàng hoặc đạp xích lô. Họ nghe giới thiệu cậu Chính tôi là cán bộ tuyên huấn của tỉnh Quảng Ninh thì nể vì lắm. Trong con mắt chúng tôi lúc đó, tuyên huấn là một nghề cao siêu, không thể so sánh với các nghề nghiệp khác trong xã hội, vì nó đem lại cho con người tư tưởng, ánh sáng, những tài sản cao quý không tiền bạc nào mua nổi. Cậu tôi đọc nhiều tài liệu trong và ngoài nước, cậu kể chuyện hấp dẫn. Đám lán giềng nhà chúng tôi ngồi nghe mê mẩn. Nào là cuộc đấu tranh của hai phe trên thế giới. Nào là các cuộc bãi công nổ ra trong phe tư bản, phong trào công đoàn phản đối nữ hoàng Anh. Nào là những dòng thác cách mạng trên địa cầu. Những thủ lĩnh da đen lãnh đạo cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc. Các bộ tộc da đỏ đấu tranh đòi hưởng thụ nền văn minh vật chất của bọn đế quốc mới. Quá nửa đêm, dân xóm mới chịu ra về. Mẹ tôi hỉ hả. Về măn nguyện hiện ra trên nét mặt. Mẹ thu dọn những cốc chén, tàn thuốc lá thuốc lào, đĩa đựng mít sen, mít bí, kẹo chanh... Giống như người ta thu dọn bàn tiệc sau lễ cưới. Rồi mẹ trải chiếu mới, sắp xếp chăn màn cho cậu Chính đi ngủ:

- Mẹ con tôi ôm nhau nằm võng càng ấm. Cậu đi nghỉ sớm cho đỡ mệt. Đường dài...

Cậu bảo:

- Không cần. Chị cho cháu Hằng đi ngủ trước đi. Em còn có chuyện phải nói.

Mẹ tôi bảo tôi vào giường ngủ. Xong. Mẹ pha ấm trà ướp hoa cúc:

- Cậu có ăn chè sen tôi nấu? Hồi còn thầy u, năm hai lần, ngày lễ Nguyên tiêu và Tết, bao giờ nhà cũng nấu xôi vò, chè sen.

Cậu Chính đáp:

- Vâng. Nhưng dạo đó em còn nhỏ quá, em không nhớ.

Mẹ tôi nói:

- Tôi tuổi Hợi, cậu tuổi Sửu, chỉ thua tôi chưa đầy 2 năm, sao lại không nhớ?

Cậu tôi im lặng một lát rồi đáp:

- Phải, nhưng em mãi nghĩ đến việc nhà nước, đầu óc bận rộn luôn luôn.

Mẹ tôi nói, giọng hờn dỗi:

- Thế nên 9, 10 năm trời cậu chẳng thèm hỏi tôi lấy một câu. Giá tôi chết, cũng không có người sang điếu.

Cậu Chính đáp, cần nhần:

- Đã bảo chị là em bận. Việc công chứ em có đi chơi đâu. Hết cuộc tập huấn này tới cuộc tập huấn khác, hết hội nghị tỉnh đoàn tới hội nghị tỉnh hội phụ nữ. Rồi là mặt trận tổ quốc, rồi là công đoàn, không có lấy một ngày thánh thoi. Sắp tới, lại có chiến dịch tuyên truyền, phổ biến nghị quyết xuống các cấp. Chắc xong việc thì Tết cũng tới sau lưng.

Hai người im lặng. Tôi nghe tiếng cậu rót trà, uống ừng ực rồi đặt chén xuống chiếc khay nhôm, một khoảnh khắc lặng lẽ nữa trôi qua. Chợt mẹ tôi bật kêu:

- Sao cậu chẳng hỏi gì giỗ Tết thày u thế? Bao nhiêu năm...

Cậu Chính thở dài:

- Ôi dào, chị khéo đa sự. Thày u chết lâu rồi còn hỏi làm gì?

Mẹ tôi khóc dầm dứ:

- Nhưng mà là thày u của mình. Chết hay sống cũng vậy. Thày u chỉ có cậu là người nối dõi.

Cậu Chính gất:

- Chị ăn nói lạ, thời buổi này là thời duy vật, không ai còn nghĩ vớ vẩn như chị. Chết là hết.

Cậu ngừng lời, gian nhà im vắng, chỉ có tiếng nấc khe khẽ của mẹ tôi điểm nhịp. Cậu tôi, sau một lát im lặng, cất tiếng:

- Em quên chưa hỏi, bây giờ chị sống bằng nghề gì?

Mẹ tôi lau nước mắt, trả lời:

- Thế cậu không thấy gánh hàng khô chị đặt trong góc nhà hay sao? Hồi ở quê, dân vốn có gánh hàng xén cậu bắt đem bán. Đôi bồ nan cật, quang dầu tốt thế đành đem dầm chuối cứ mục dần ra. Làm vườn không được, chị đành phải cầm nhà ra phố. Thoạt đầu, chị đi kéo sợi thuê cho nhà làm chỉ. Sau quen chúng quen bạn dần, kiếm gánh hàng ra chợ. Lúc vốn ít thì buôn hoa quả, măng tươi, mì miễn. Sau dần vốn nặng hơn, chị cất cả đường, đậu, các loại gia vị, các thứ đồ ngũ cốc chế biến.

- Tóm lại chị buồn chứ gì?

Cậu tôi cắt ngang, giọng khó chịu, lạnh lùng. Mẹ tôi lặng ngắt, không đáp. Cậu tôi lên tiếng, chì chiết:

- Trong xã hội này, chỉ có hai loại người có chỗ đứng xứng đáng. Một là giai cấp công nhân tiên phong, đội ngũ lãnh đạo cách mạng. Hai là giai cấp nông dân lao động, người bạn đường của giai cấp công nhân, cùng tiến lên xã hội chủ nghĩa. Ngoài ra, không đáng kể. Loại con buôn, dù lớn dù nhỏ, đều là những kẻ bóc lột. Chị không thể đứng trong hàng ngũ bọn chúng.

Mẹ tôi hốt hoảng:

- Nhưng tôi không bán hàng khô thì biết làm gì bây giờ? Tôi còn phải nuôi cháu cậu.

Cậu tôi đáp, giọng tỉnh khô:

- Em sẽ xin cho chị làm công nhân nhà máy. Mới vào, hãy làm tạp vụ. Sau, họ sẽ diu dặt vào nghề. Nhà máy dệt Mông 8 tháng 3, nhà máy điện Yên Phụ, nhà máy xay Lương Yên, nơi nào cũng được.

Mẹ tôi mếu máo:

- Thôi chị xin cậu. Ngần này tuổi mới tập phụ nghề rồi biết bao giờ mới thành nghề. Mà có thành nghề rồi tóc cũng hai thứ. Lúc ấy, chẳng lẽ nghỉ hưu?

Cậu Chính nói:

- Cái chính là chị ngại lao động. Chị đã quen với môi trường của dân tiểu thương. Nhưng chị hãy nghe em, trước hay sau Đảng và Nhà Nước cũng sẽ cải tạo triệt để loại người phi lao động. Chị hãy từ bỏ bọn chúng, đứng vào đội ngũ của những người lao động ngay bây giờ là hơn.

Mẹ tôi nói:

- Cải tạo tư sản nhà nước đã làm từ 10 năm trước. Như chúng tôi, mờ sáng đã đặt đòn gánh lên vai, tối đất mới được ăn bữa cơm độn, cậu bảo bóc lột ai? Mấy mùa đông năm trước, chưa kiếm đủ tiền giấy bút cho cháu, ban ngày đi chợ, tối về phải xách nồi than ra đầu phố, quạt ngô bán thêm.

- Thôi thôi...

Cậu tôi cắt ngang lời:

- Chị không phải nói nhiều. Một bộ phận giai cấp tư sản đã được hình thành từ đám tiểu thương như chị. Nhưng đất nước ta sẽ tiến thẳng lên xã hội chủ nghĩa không qua giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản. Do đó, tư bản trở thành đối tượng của cách mạng. Phải trừ tận gốc rễ mầm mống giai cấp ấy.

Tôi nghe mẹ tôi thở dài. Rồi lát sau, mẹ rầu rĩ nói:

- Cậu Chính, bỏ lỗi cho chị. Chị không được học hành nhiều, chị không biết lý luận. Nhưng ít nhất cậu cũng cho chị kiếm đủ miếng cơm nuôi cháu Hằng ăn học.

- Chính vì nghĩ tới tương lai cháu Hằng em mới yêu cầu chị vào nhà máy. Trong xã hội mới, con em của giai cấp công nhân và nông dân được hưởng mọi quyền lợi để phát triển khả năng lao động. Ở Liên Xô, các nhà văn lỗi lạc, các nhạc sĩ thiên tài, các giáo sư tiến sĩ khoa học đều được đào tạo từ đội ngũ của giai cấp công nhân.

Mẹ tôi không trả lời. Cậu Chính gằn giọng:

- Tôi làm công tác tuyên huấn, giáo dục tư tưởng của Đảng cho các tầng lớp nhân dân trong xã hội. Tôi không thể có một người chị là con buôn.

Mẹ tôi uống nước, rồi khe khẽ đáp:

- Chị mệt quá. Cậu để cho chị đi ngủ. Rồi mai một chị sẽ nghĩ thêm.

Cậu gật đầu, giọng nói êm dịu lại:

- Vâng. Nhưng em có việc nói với chị. Vợ chồng em xin chuyển về Thủ Đức. Cô ấy công tác ở Thành Đoàn. Chúng em được phân phối nhà ở nhưng cần tiền để tu tạo và mua sắm đồ đạc.

Mẹ tôi nói:

- Vâng. Nhà của thầy u tôi cầm cho người ta, hẹn khi nào lấy hết tiền mới làm giấy chính thức. Phần của cậu vẫn còn nguyên. Bao giờ cậu cần?

- Cần ngay, càng sớm càng tốt.

- Vậy cậu về lấy tiền, hay tôi?

- Em bận, làm gì có thời giờ về làng.

- Vâng. Tuần sau tôi sẽ thu xếp hàng họ, đưa cháu về quê. Tôi lấy tiền cho cậu và cho cháu về thăm nom họ hàng làng xóm.

Đúng một tuần lễ sau, mẹ đưa tôi về làng. Hai mẹ con tôi đi xe ca, xuống bến xép ở thị trấn. Từ thị trấn phải đi bộ 8 cây số mới tới bờ sông. Ngang đường, tôi đòi mẹ dẫn vào chợ huyện, một cái chợ quê đông đúc họp ngay trên đò, cách đường chừng 500 thước. Những cây đa cây muồng um tùm nói thành mái che. Dưới các tán cây, người ta dựng một dãy lều sơ sài, chỉ vài cây cọc chống với mái lá mía hoặc thân dừa đập dập. Phía sau chợ, ngôi chùa nhỏ phôi tường với trắng mốc với mái ngói rêu phong. Trên gò đất trước cửa chợ, vợ chồng người thợ nhuộm đang vắt những mảnh lụa vừa vắt trong nồi lên cây sào tre. Mảnh nào mảnh nấy bốc hơi nghi ngút, màu hoa sen chói mắt. Trên chiếc sào bên cạnh, chừng dăm mảnh vải và quần áo màu thiên lý, màu hoa hòe, màu gụ, màu đen. Những thứ màu muôn thuở dân quê ưa thích. Đối diện với hàng nhuộm, một ông già mặc quần áo trắng bần, ngồi dãi thẻ nặn những con giống bột, nào lợn, nào gà, nào trâu, nào ông tướng, bà tướng, thằng tốt đen, cỗ xe hồng. Từng đoàn con giống sặc sỡ xếp hàng trên tấm ván mỏng, kê lên bốn hòn gạch.

- Te tò te, đây là ban kèn Tây.

Ông già vừa nặn xong cây kèn, đưa lên miệng thổi. Lũ trẻ ngồi quanh giương mắt, há miệng châu hầu theo cục yết hầu nhảy lên tụt xuống trên cần cổ già nhăn nheo.

- Te tò te, đây là ban kèn Tây.

To tò tò te tí, có anh nào muốn chơi...

Câu mời chào quuyến rũ làm sao. Mẹ mua cho tôi hẳn 12 con giống với cây đèn ngũ sắc. Tôi xếp mớ tài sản vào chiếc hộp giấy, trước ánh mắt thòm thèm của đám trẻ quê. Mẹ đưa tôi qua dãy hàng xén, bồi hồi nhìn những chiếc hộp gỗ mặt kính bề rộng chừng gang rưỡi, bề dài hai gang, bên trong xếp từ viên bi thủy tinh, mớ chỉ thêu, gói kim ngoại cho tới những chiếc mùi xoa Tàu in bướm sặc sỡ, từ những chiếc ngòi bút sắt, viên băng phiến cho tới chổi hạt vỏ ốc hoặc ngọc trai bằng nhựa giả.

- Ngày xưa, mẹ cũng bán hàng xén. Nhưng ở chợ huyện nhà.

Những giải quai nón bằng lụa ni lông bay phấp phới trên nóc lều. Các cô bán hàng trẻ, lông mày tỉa cong vút như vành trăng ngời nhể ốc trên trong. Mùi nước mắm gừng bay trong gió. Chợ quê, đến là nhiều thứ quà. Những quà rẻ tiền và đôi khi đơn sơ một cách lạ lùng. Kề bên những bánh bún riêu, bún ốc người ta bán cả bún canh rau cải, rau rút. Cạnh hàng bỏng ngào mật, chè lam, ngũ vị, người ta bán cả những thúng bánh con sâu, một hào 12 con, vừa bằng ngón tay út đưa trẻ lên hai. Thứ bánh đó nặn bằng cơm nguội giã trộn bột nếp. Cứ mười phần cơm nguội mới có hai phần bột nếp. Rồi nặn hình con sâu rau ném vào chảo dầu lạc. Bao giờ bánh chín, bột vàng rộm, nứt khía ra và nổi lên trên. Bánh nếp ở đây chỉ vừa bằng tròn chén. Bánh gai nhỉnh hơn cái hạt mít, bọc năm bảy lượt lá chuối bên ngoài. Hàng khoai luộc, củ ấu, củ sùng luộc ngồi cạnh gánh xắm. Chồng xắm đeo kính mắt đen ngồi kéo nhị, vợ xắm mặc áo lụa đỏ phai màu gân cổ hát bên cạnh:

- “Con tàu Việt Nam đi suốt bốn mùa vui...”

Mẹ tôi hỏi tôi có đói không? Tôi lắc đầu. Kì thực tôi có thấy đói nhưng không muốn ăn. Mấy người đàn bà đang cầm cúi ăn bánh đúc mắm tôm ngay gần đó. Nón họ sụp xuống mặt. Chỉ thấy bàn tay hạ xuống, cất lên. Hai mẹ con tôi đi khắp lượt các hàng quán trong chợ, len lách giữa đám người. Giọng hát xắm của người đàn bà đuổi theo. Cứ nghe mỗi lời hát, tưởng chừng lại nhìn thấy sợi gân cổ bằng chiếc đĩa nổi lên. Giọt mồ hôi đọng trên cái cằm cáu bần. Tôi nói:

- Ta vào chùa đi mẹ.

Tôi kéo mẹ về phía cổng ngôi chùa. Ở đó, có một cây đa huyền diệu. Cây đa có tới bảy thân, một thân chính và sáu thân phụ. Mỗi thân phụ là một chòm rễ nổi từ cành cây xuống mặt đất. Nhưng các thân phụ cũng lực lưỡng gần như thân chính. Chúng tạo thành các vòm cổng kết thành thân cây, như những cổng chào kì bí, những khối hoàn môn của trận thắng xa xưa. Tôi ngồi xuống gốc đa, tựa vào đùi mẹ. Những chòm rễ đã trắng ngà đu đưa, đu đưa. Đột nhiên, như những cái vòi bạch tuộc lạ lùng, chúng dính chặt lấy tôi, bắt tôi khỏi vòng tay mẹ. Tôi muốn kêu, nhưng cơn mê dịu ngọt khiến tôi không cất được thành lời. Những chòm rễ đã đứng đưa tôi trong cái nôi xanh êm ả, lồng gió. Rồi chúng đưa tôi tới tận cổng trời. Một bức tường thành sừng sững bởi các lớp mây nặng nề, có ánh bạc như kim khí tạo nên, chạy dài. Giữa tường thành, cái cổng

được trở ra, với hai cây cột lớn bao phủ làn mây ngũ sắc, cuộn xoắn như những con rồng đùa giỡn. Hai cánh cổng tựa hai tấm đồng sáng chói, bóng như gương, cánh khép, cánh mở, nửa như mời mọc, nửa đe dọa con người. Phía sau hai cánh cửa ấy, một khoảng không gian kì bí hiện ra, màu lục thẫm, trong suốt, và lấp lánh như ẩn chứa ngàn ngàn tinh tú.

- Em ơi, dậy đi, dậy đi nào.

Tôi mở mắt. Mẹ tôi cười:

- Con chó con, đến là dễ ngủ.

Hai hàng ngọc trai sau làn môi mẹ ánh lên. Ánh lên nỗi buồn. Xuân sắc đã qua rồi. Không để làm gì. Chẳng để cho ai.

- Cũng phải ăn tí ti chứ em? Mẹ cũng đói rồi.

Tôi ngồi dậy, từ bỏ vòm đa xanh và cái cổng trời huyền hoặc. Nhà chùa cũng bán hàng: bánh nếp đậu xanh và chả đỗ xanh. Ni cô cầm chiếc quạt tre phẩy ruồi. Mẹ con tôi ăn chả đỗ, uống nước với hãm gừng. Mặt trời đã tụt xuống ngang đỉnh núi. Nắng le lói, vàng hực, tỏa hơi nóng như lò gạch đang nung. Mẹ tôi bảo:

- Trời đang âm, phải đi ngay kẻo lát nữa sẽ lạnh.

Tay cầm túi, tay dắt tôi mẹ lên đường. Hôm ấy là một ngày đông hiem hoi. Trời lặng gió, âm. Con đường vượt qua các cánh ruộng, các thôn mạc. Bãi cỏ hoang với cây gạo già. Một nghĩa trang có những bậc thềm xây, ngọn tháp in hình ngôi sao năm cánh với dòng chữ: Tổ quốc ghi công. Một khu hồ bát ngát, nước lặng ngắt dưới chân các cọng sen tàn.

- Nhanh chân lên em. Hay ôm cổ mẹ, mẹ cõng.

- Không, con đi được.

- Từ đây tới bến sông còn dăm cây số nữa.

- Dăm cây con cũng đi, mẹ đừng lo.

Tôi chạy vượt lên, cách mẹ một đoạn. Chờ mẹ đuổi tới nơi, tôi lại chạy tiếp. Cứ thế, mẹ con tôi đã tới bên sông trước lúc hoàng hôn. Cái bờ đê dốc thoải ăn xuống tận mép nước. Những đám rác quần tụ ở đó, với xác vờ. Mẹ tôi xuống bến rửa chân tay cho tôi, rồi chúng tôi tìm một phiến đá, ngồi chờ đò. Trời trở gió. Làn hơi lạnh từ mặt sông thốc ngược lên phủ vào da thịt. Hơi thở của mùa đông. Tôi ôm choàng cổ mẹ:

- Mẹ ơi, bố con ở đâu?

Mẹ nhìn tôi ngạc nhiên, rồi sau đó khẽ than van vì:

- Mẹ xin em, đừng hỏi.

Tôi nhắc lại:

- Bố con ở đâu? Sao mẹ không nói cho con biết?

Mẹ cầm bàn tay tôi, không đáp. Ánh hoàng hôn tím dần nơi chân trời. Một làn khói tỏa giữa thình không, khiến mọi vật không rõ nét. Tôi biết câu hỏi của tôi khiến mẹ đau lòng. Nhưng tôi không thể cầm giữ. Tôi chưa bao giờ hình dung rõ gương mặt của một người bố. Nhưng nỗi cô đơn, hơi thở giá lạnh của chiều đông, làn sương tím lãng đăng trên khoảng trời nhạt nhòa mây nước, cái khung cảnh ấy khiến tôi run rẩy vì lẻ loi. Mẹ tôi cũng trở nên nhỏ bé và lẻ loi. Tôi muốn cầu cứu một gương mặt nào khác, một cánh tay nào khác trong đời. Gió mỗi lúc mỗi mạnh, rít u ú qua các tầng dây điện trên cao. Mẹ tôi vẫn im lặng. Nhưng lúc ấy, cánh buồm trắng đã chòng chành tới bến:

- Qua sông thì xuống đi. Chuyến cuối đây.

Tiếng người lái thuyền ném lên, cục cằn. Đám khách ngồi trên thuyền láo nháo đứng dậy.

- Đi đi em.

Mẹ tôi giục khê. Rồi chúng tôi xuống dốc. Những hòn sỏi trơn tuột lăn xuống nước, chút nữa tôi ngã theo. Chờ đám khách dưới thuyền lên hết bờ, người lái thuyền mới cho chúng tôi bước lên cầu. Trên bờ đê, một người đàn bà gánh gánh khoai tây nặng trĩu, vừa chạy vừa cất tiếng gọi:

- Đò ơi í í... Bớ đò ò ò... Chờ với í í...

Người lái thuyền cắm cây sào đứng chờ. Người đàn bà gánh được gánh khoai tây lên thuyền, rút vuông khăn trùm đầu xuống lau mặt:

- Lạy trời, may thật là may. Lỡ chuyến này là tôi chết.

Mặt bà đỏ ửng, nhể nhại mồ hôi. Hai tay bà xương xẩu, gân guốc như tay thợ nề. Các đốt xương lòi cả ra, như đốt xương người mắc chứng viêm khớp. Đôi vai bà rất mảnh, rất gầy, không hiểu sao nó có thể chịu nổi gánh khoai tây nặng ngót nghét một tạ.

Trên đỉnh dốc, lại một người đàn ông nữa hấp tấp kêu:

- Bớ đò ò ò... Chờ tôi với í í...

Ông ta có dáng vẻ như một người buôn hàng chuyến. Quần ka ki vàng, áo ca rô nhàu nát buông ngoài quần, tay xách túi du lịch lấm bê bết. Chân ông đi giày, thứ giày sĩ quan đế to, khâu những mũi chỉ dài hai ba ly, trông cục mịch. Khi ông bước lên cầu thuyền, con thuyền chao hẫng về một bên.

- Úi chao ơi. Cái nhà ông này, trông thế mà nặng khiếp.

Người đàn bà gánh khoai tây kêu to. Ông khách mới quay đầu lại, trừng mắt nói:

- Nặng nhẹ thì động gì tới nhà bà?

Người đàn bà chừng hững hờ nhìn ông ta, rồi gương mặt chất phác hiện rõ vẻ bối rối, khôn khổ. Đưa mắt nhìn chúng tôi, bà lấp bắp mấy lời:

- Ấy là... ấy là... tôi cũng nói thế.

Lần nữa, người đàn ông quay hẳn mặt lại. Một gương mặt to, thô lậu, hai gò má sần sùi. Tương phản với nó là cái miệng nhỏ, môi tròn, có ngấn xẻ. Một cái miệng đang điểm của đàn bà trên khuôn mặt tên đồ tể. Trong cặp mắt của ông ta, lảng vảng một làn khí hắc ám. Chúng luân chuyển giữa đôi tròng đen luôn chao đảo và phần lòng trắng rất lớn, sắc vàng nhờ, nổi những mạch máu li ti. Ném một cái nhìn dữ tợn vào mắt người đàn bà, ông ta quát:

- Câm mồm đi.

Tiếng quát khiến cả thuyền sững sờ. Mẹ con tôi, dăm người khách quá giang, và người đàn bà gánh khoai khốn khổ đều im bật, đưa mắt nhìn xuống đáy thuyền. Nơi đó, một chiếc gàu tát mẻ miệng nằm chềnh ềnh giữa hai làn nước lênh láng. Chỉ người lái thuyền là thản nhiên nhìn lên bờ đê. Ông ta khoèo một chân giữ mái chèo, đưa tay mân mê mấy sợi râu cầm lún phún. Gió vẫn phàn phật thổi vào lỗ rách của cây buồm. Con thuyền đu đưa. Những đám xác vờ trắng bị sóng đánh tan tác như nắm hoa nhài tàn ai ném xuống mặt nước. Rồi vài khoảng khắc sau, chúng lại hợp tụ giữa những lượn nước xoáy. Từ bờ đê bên kia, gió đưa lại một giọng ca véo von.

- Đi thôi.

Người lái thuyền nói. Rồi rút cây sào đáng phụt một tiếng, ông ta đẩy thuyền rời bến. Tiếng nước óc ách vang động hoàng hôn. Những vòng sóng tím thẫm vỡ tan dưới mũi thuyền. Tôi co người lại, ôm lấy mẹ vì làn hơi giá buốt phả vào da thịt. Cốt kết... cốt kết... cánh buồm lấc lay ngay trên đầu tôi. Tôi có cảm giác như cây cột gỗ kia sẽ bị gió bẻ và cả cánh buồm chụp xuống. Cốt kết... trục buồm vẫn kêu, những cánh buồm vẫn phồng lên hứng gió. Con thuyền lướt sang sông. Tới giữa dòng, chợt một người đàn bà trẻ lao xuống bến:

- Bớ đồ ò ò... Bớ đồ ò ò...

Người lái thuyền không quay đầu lại. Cái gáy của ông ta rất lực lưỡng cạo nhẵn thín, nổi trên cái cổ sơ mi cũ. Hai cánh tay trần, áo len sắn tận khuỷu điều khiển cây dầm chèo lẹ làng.

- Đồ ơi i i...

Tiếng gọi lan dài trên mặt sóng. Trời chạng vạng. Chỉ trong giây lát, ráng mây cuối cùng của hoàng hôn tắt lịm. Mây khói nhòa đường chân trời. Làn nước trở nên huyền bí dưới lớp áo màu tro xám, ánh từng viên sóng như thủy ngân. Cái dáng lẻ loi của người trẻ đồ nhỏ dần, nhỏ dần. Bờ đê bên kia đã lừng lững hiện ra.

Đêm hôm đó, tôi mơ thấy mình bị đánh. Nhưng tôi không hiểu ai đã đánh tôi và tôi có tội gì. Tôi đã khóc rất lâu, rất lâu, nước mắt ướt đầm gối. Có lẽ mặc cảm của trận đòn ấy kéo dài nên hôm sau, khi những người đàn bà lảng giềng trên chọc, tôi đã bỏ ra vườn.

- Bây giờ, mẹ kể cho em nghe...

Sáng hôm sau, khi đã an ủi tôi bằng hai que kẹo mạch nha thật to, mẹ bắt đầu nói tới người chồng của mẹ, ông bố tôi chưa bao giờ biết tới...

Những phiên tòa của Dương Thu Hương Nguyễn Đăng Mạnh

Bài viết sau đây của Giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh ra đời đầu năm 1990, ở thời điểm mà đợt sóng Đổi mới trong văn học Việt Nam sau cao trào 1986-1989 dần lắng lại. Tháng 4.1991, nhà văn Dương Thu Hương bị bắt tù 6 tháng. Từ đó đến nay, tác phẩm của Dương Thu Hương cũng như dư luận của công chúng văn học và đánh giá của giới nghiên cứu phê bình về nhà văn này bị loại khỏi đời sống văn học Việt Nam. Hơn 15 năm nay, bài viết này cũng nằm trong ngăn kéo, bây giờ mới có dịp được công bố.

talawas

Đọc Dương Thu Hương, tôi hình dung mỗi tác phẩm dù là truyện ngắn hay truyện dài đều như một phiên tòa chị lập nên để xét xử và trừng trị những nhân vật của mình. Mô hình chung của các phiên tòa ấy là như thế này:

Chánh án là tác giả, đích thân làm đủ mọi việc, từ buộc tội, luận tội, đến kết án, tuyên án, cả việc thi hành hình phạt nữa. Các nhân vật của truyện hầu như đều là tội phạm cả. Lỗi làm việc của tòa là phân loại can phạm theo tính chất và đặc điểm của tội trạng rồi lôi ra xử gọn hàng loạt một.

Gần đây người ta thấy những phiên tòa của Dương Thu Hương có sự chuyển hướng sang xét xử những vụ án chính trị, nhưng trước đó, suốt mấy năm trời, tòa án Dương Thu Hương hầu như chỉ tập trung xử những vụ án tình. Ở những phiên tòa này, Dương Thu Hương thường chia can phạm ra làm hai loại, xử làm hai đợt. Những phiên tòa như thế thường thiết lập ở Hà Nội, cũng có khi đưa về các tỉnh lẻ như Bắc Ninh, Bắc Giang chẳng hạn. Nhưng dù ở đâu, người đến xem cũng đông đúc và háo hức lắm. Người xem tranh luận sôi nổi. Lớp trẻ nói chung thì tán thưởng (nam giới thích hơn, nữ giới có hơi khó chịu một chút), lớp già không thích lắm, nhất là những trí thức văn nghệ sĩ thuộc loại đàn anh “đứng đắn”, “lịch sự”.

Tôi đã đến dự một số phiên tòa của Dương Thu Hương, đại khái nó diễn ra như thế này:

Nữ chánh án mặc thường phục đúng một thời đại. Chị cho dẫn ra trước tòa lớp can phạm thứ nhất. Loại này thường nữ ít, nam nhiều. Nữ thường là cán bộ quản lý tuổi từ 40 đến 50: chẳng hạn một nữ hiệu trưởng một trường trung học nọ. Cửa hàng trưởng một cửa hàng mậu dịch kia hay một bà hội trưởng hội phụ nữ một huyện nào đó...

Trong số phạm nhân này kẻ có quyền chức hơn cả là một bà phó chánh án tòa án tỉnh. Những người đàn bà này thường nắm vững pháp luật ăn nói đanh thép, đáo đẽ. Nhưng xem ra toàn một loại đạo đức giả thâm căn cố đế, bản chất ngu xuẩn và độc ác, nhưng hễ mở miệng là nói toàn nhân nghĩa công lý và nữ quyền.

Phần đông phạm nhân thuộc nam giới. Điều đáng chú ý là hầu hết đều có vẻ đứng đắn, đẹp trai, thậm chí hòa hoa phong nhã. Họ thường là trí thức có học được đào tạo ở nước ngoài, hoặc là những văn nghệ sĩ (không hiểu sao phần lớn là nhạc sĩ, nhạc công?). Những người này có một đặc điểm giống nhau đến kỳ lạ: đôi bàn tay rất đẹp, mềm mại, mịn màng. Trong khi chờ tòa làm việc, họ thường ngồi ngắm nhìn một cách say sưa đôi bàn tay của mình xem như những vật báu trời cho. Ôi, đôi bàn tay hứa hẹn nhiều với các cô gái nhẹ dạ những cái vuốt ve mơn trớn thật dễ chịu.

Những phạm nhân nam giới này dường như đều cố gò cho mình dáng điệu những người quân tử lúc sa cơ đành phải nhẫn nhục, nhưng dù thế vẫn không chịu che giấu hoàn toàn thái độ đầy khinh bạc đối với vị quan tòa mà họ cho là hết sức vô lý, nhỏ nhãng và thiếu văn hóa.

Này đây đoàn phạm nhân đã được dẫn vào ngồi chật một dãy ghế dài đối diện với chánh án. Họ có vẻ bực bội ra mặt. Những người đàn bà thì trao đổi với nhau một cách giận dữ. Những người đàn ông thì, như đã nói, phản ứng bằng thái độ im lặng đầy khinh bỉ, xứng đáng với tư cách những người trí thức.

Tòa bắt đầu làm việc. Chánh án đứng lên luận tội các bị can. Trừ mấy trường hợp phụ nữ đã nói ở trên còn tất cả đều phạm chung một tội tuy nặng nhẹ có khác nhau: lừa dối những cô gái trẻ lãng mạn bằng cách tự tạo cho mình một thứ hào quang giả, đồng thời vuốt ve phỉnh nịnh họ bằng những lời hoa mỹ, đường mật, bằng thứ âm nhạc tình tứ lẳng lơ và bằng đôi bàn tay vật chất mềm mại của mình. Chánh án kết luận với thái độ đầy phẫn nộ: đây là tội giả mạo tình yêu, giả mạo nghệ thuật, giả mạo văn hóa, trí thức một cách vừa nham hiểm vừa hèn hạ.

Lời buộc tội xem ra không thuyết phục được các bị can, trái lại càng kích thích thêm phản ứng của họ. Họ nhao nhao phản đối. Bà phó chánh án tình đã giới thiệu trên kia đứng phắt dậy và đọc thuộc lòng một thôi một hồi hết chương này đến mục khác, trích trong những bộ luật đã ban hành có liên quan đến chuyện tình ái, hôn nhân của các công dân. Bà kết luận: những người bị bắt bớ đến đây không ai vi phạm vào một điều luật nào hết. Và bà lớn tiếng kêu gọi mọi người hãy cảnh giác vạch mặt nữ chánh án đích thực là một tên quan tòa giả mạo, luật pháp một chữ bẻ đôi không biết mà dám bắt giữ và đem ra xét xử toàn những công dân vào loại đứng đắn nhất, đáng kính trọng nhất của xã hội ta.

Phòng xử án lúc ấy thật là nhộn nháo. Phần đông người đến dự phiên tòa thấy hoang mang thật sự trước lý lẽ của bà phó chánh án. Một số cứ ngỡ ngẩn không hiểu đây là chuyện thực hay là tiểu thuyết “hư cấu” ra vậy.

Nhưng vị nữ chánh án của chúng ta không hề nao núng. Chị đứng dậy, mặt đánh lại, mắt nẩy lửa. Chị lắc chuông cho mọi người giữ trật tự và đồng dục giải thích: Hỡi các công dân lười suy nghĩ, các người chẳng hiểu gì cả. Đây không phải tòa án xã hội mà là tòa án văn chương. Đúng là đối với pháp luật xã hội, các can phạm này không khép được vào tội gì cả. Chẳng thế mà họ vẫn ung dung vênh váo, có người thậm chí còn được cất nhắc đề bạt lên cao hơn nữa. Nhưng luật pháp văn chương thì khác. Phải kết tội rất nặng. Đây là luật nhân văn, nhân bản. Luật nằm ngay trong lương tâm mỗi người và được khắc trên những tấm bia vô hình nhưng rộng lớn của dư luận. Đã phạm luật này thì đứng hòng trốn đâu cho thoát.

Không khí hội trường dịu hẳn lại. Phần đông công chúng gật gù tỏ ý tán thưởng. Các phạm nhân thì tím mặt lại. Nhưng kia vị chánh án đã lại đứng dậy và mọi người hồi hộp lắng nghe các bản án được tuyên đọc và các hình phạt được quyết định cho từng tội nhân. Hình phạt hết sức đơn giản và nữ chánh án đích thân thi hành ngay tức khắc, Chị bước từ trên bục cao xuống đi thẳng đến chỗ tội nhân, ra lệnh cho họ đứng dậy và lần lượt phân phát cho mỗi người một cái tát trái cực mạnh.

Tòa giải lao mấy phút rồi lại tiếp tục. Một loạt can phạm khác lại được dẫn ra theo lệnh của chánh án. Khác hẳn lần trước, lần này hầu hết bị can là nữ giới. Nam giới chỉ loáng

thoảng vài ba người, trong đó có một anh mặc quân phục, đeo lon đại úy. Một người khác thì rõ ra là một trí thức, một học giả. Can phạm nữ nói chung đều rất trẻ và xinh đẹp, tuy đã qua thì con gái cả rồi. Trừ một người có vẻ chất phác quê mùa, còn đều là gái thành thị, y phục hiện đại và biết trang điểm. Nói chung họ thuộc tầng lớp xã hội khá giả và có văn hóa. Nếu để ý một chút sẽ thấy họ đều có vẻ mặt ngờ ngác buồn. Đường như họ sống với những ý nghĩ, những mơ tưởng nào đó ở đâu đâu chứ không phải với thực tại. Thiếu phụ đi vào sau cùng hình như mắc bệnh tâm thần thật sự. Cặp mắt cô khi thì u tối, đau đớn, khi lại vụt sáng long lanh, thậm chí như là nẩy lửa. Có lúc cô lại tỏ ra hốt hoảng một cách bất thường và cứ loay hoay sờ soạng tìm kiếm quanh mình như vừa đánh mất một cái gì quý giá lắm. Và cô khóc thút thít như trẻ nhỏ.

Khi các bị can đã ngồi cả xuống ghế và chánh án tuyên bố họ đều là những người có tội thì tất cả đều giật nảy lên sững sốt, họ nhìn nhau, mắt tròn xoe, tỏ ý không hiểu như thế nào là thế nào. Bởi vì họ đều là những nạn nhân bất hạnh, nạn nhân của chính những tội phạm mà tòa vừa kết án và trừng trị trước đây chỉ mấy phút. Tất cả những người đến dự tòa cũng đều lấy làm lạ. Họ ngờ ngác hỏi nhau. Nhiều người bực bội ra mặt. Một số mắt bình tĩnh đã nhấp nhòm định đứng dậy để hỏi cho ra nhẽ.

Nhưng chánh án đã đứng dậy đề nghị giữ trật tự. Và chị bắt đầu luận tội. Lời nói của vị quan tòa vẫn rất đanh thép quyết liệt như bao giờ, nhưng người tinh ý sẽ cảm thấy trong giọng nói có một cái gì như là cố nén đi một mối xót xa. Không khí phòng xử án lắng dần lắng dần cho đến lúc hầu như tuyệt đối im lặng. Đối với các bị cáo, mỗi lời buộc tội của vị chánh án dường như là một tia sáng nóng bỏng chiếu vào tâm hồn họ khiến họ vừa bưng tỉnh vừa cảm thấy đau đớn.

Lời buộc tội của chánh án có thể tóm tắt như thế này: Hỡi các bị cáo là những cô gái xinh đẹp và đầy ảo vọng kia! Ai đã hủy hoại tuổi xuân của các người? Ai đã làm cho cuộc đời đàn bà của các người bị lờ đờ? Ai đã xúc phạm tàn nhẫn tới lòng tự trọng của các người? Chính là bản thân các người chứ ai! Các người quen được gia đình nuông chiều, được xã hội phỉnh nịnh vì có chút nhan sắc và một ít trí tuệ. Các người sinh chủ quan, kiêu ngạo, thường tự huyễn hoặc bằng những ảo vọng vu vơ, những thần tượng giả dối. Thực ra không ai ngu dại hơn các người. Điều ngu dại nhất ở các người là ngu mà cứ tưởng mình thông minh, hời hợt mà cứ tưởng mình sâu sắc, để đến nỗi mắc vào cạm bẫy của những thằng Sở Khanh đóng vai trí thức, văn nghệ sĩ, lũ bịp bợm hèn hạ ấy tòa đã kết tội và trừng trị đích đáng. Nhưng xét kỹ ra chúng không phải là thủ phạm chính. Thủ phạm chính là bản thân các người đã coi rẻ tuổi xanh vàng ngọc của mình, đang tâm hủy hoại nó, nhiều khi chỉ “trong khoảng khắc của thời thiếu nữ”. Tội của các người vì thế mà rất lớn, gọi là trọng tội không oan ức gì. Tội nặng, tất nhiên hình phạt cũng phải nặng: nếu không phải xử tử ngay tức khắc thì cũng bị đẩy vào cảnh cô đơn, bất hạnh cho đến cùng đời mãn kiếp.

Lời buộc tội vừa dứt, trên ghế phạm nhân nhiều người không nén nổi xúc động thái quá. Họ bắt đầu rên rỉ. Có người ngất xỉu đi, đầu tóc rũ rượi, Người thiếu phụ mắc bệnh tâm thần chúng tôi đã lưu ý trên kia bỗng đứng phất dậy. Chị dang hai cánh tay và cứ thế đâm vào ngực thùm thụp.

Không khí phòng xử án lúc đó phải nói là hết sức căng thẳng, mọi người như bị hút cả về phía người phụ nữ điên dại tội nghiệp đang cắn hờn bản thân mình kia. Họ không biết rằng, trên bục cao, vị nữ chánh án cũng gục xuống bàn nước.

Như trên đã nói, gần đây những phiên tòa của Dương Thu Hương bắt đầu chuyển sang

xét xử những vụ án khác có ý nghĩa chính trị xã hội rộng lớn hơn. Chị tìm đến những tội phạm trên lĩnh vực công tác tư tưởng.

Ở đây, chị quyết lời ra ánh sáng loại cán bộ giáo điều một cách ngu dốt và ngoan cố, cứ muốn nhồi nhét vào đầu óc thiên hạ ảo tưởng về những thiên đường giả dối, thực chất là “những thiên đường mù”. Những con người mà đạo đức giả đã trở thành lẽ sống ấy đang trượt dài trên đường thoái hóa đến mức vô liêm sỉ. Những con người như vậy, nực cười thay lại đóng vai dạy dỗ người khác về tư tưởng và đạo đức cách mạng.

Những phiên tòa này của Dương Thu Hương, tôi không có điều kiện tới dự. Nghe nói, đối với những tội phạm mới phát hiện này, chị có bổ sung thêm một hình phạt khác cũng hết sức Dương Thu Hương: không phải chỉ cho một cái tát trái mà còn bồi thêm một bãi nước bọt vào mặt.

Đồng Xa, 28.02.1990

Tôi khóc ngày 30 tháng Tư 75 vì thấy nền văn minh đã thua chế độ man rợ **Việt Tide Phỏng Vấn**

Bắt nguồn từ những cuộc phỏng vấn thời còn làm cho Đài Á Châu Tự Do năm 1997 và do cảm phục thái độ can cường và tấm lòng của Dương Thu Hương đối với con người và đất nước Việt Nam, Đinh Quang Anh Thái đã xem nhà văn nữ này như một người chị tinh thần. Trung tuần tháng Hai vừa qua, do lời mời của nhà xuất bản Sabine Wespieser Editeur, bà Dương Thu Hương đến Paris để ra mắt tác phẩm đã được in bằng Anh ngữ, cuốn *No man's land*, nay được dịch sang Pháp ngữ là *Terre Des Oublis*.

Khi được tin này, Đinh Quang Anh Thái đã lập tức sang Paris thăm bà Dương Thu Hương và được bà dành cho một loạt cuộc phỏng vấn liên quan đến nhiều vấn đề tại quê nhà chúng ta. Bài thứ nhất đã được đăng trên *Việt Tide* số 241 và sau đây là bài thứ nhì. Những bài kế tiếp sẽ được tiếp tục đăng trên *Việt Tide* vào những tuần sắp tới, mời quý độc giả đón đọc.

-Việt Tide: Năm 1968, khi bà quyết định đi vào Nam chiến đấu – như trong sách của bà nói là bà tham dự cùng các bạn cùng lứa tuổi “xê Trường Sơn đánh Mỹ” –, tâm tư của bà lúc đó như thế nào?

-Dương Thu Hương: Tâm tư của tôi lúc đó hoàn toàn là của một người Việt cổ. Tôi liều thân cứu nước vì tôi quan niệm đây là một cuộc chiến tranh chống quân xâm lược; và chống quân xâm lược thì người tử tế phải xông ra chiến trường chứ không thể để mặc cho người khác hy sinh; và không thể mưu cầu một cuộc sống yên ấm khi người khác lâm nguy.

-Việt Tide: Không phải là theo tiếng gọi của đảng cộng sản Việt Nam?

-Dương Thu Hương: (cười khẩy) Đó là cái điều làm lẫn lộn nhất của các nhà báo nước ngoài cũng như nước trong (cười). Tại vì những người ấy có chịu lắng nghe đâu. Các ông ấy toàn nghĩ theo kiểu các ông ấy thôi. Cứ hàm hồ chụp lên đầu người khác suy nghĩ của mình.

-Việt Tide: Bà có thể nói rõ hơn?

-Dương Thu Hương: Tôi chả coi đảng cộng sản Việt Nam là cái gì cả. Đối với một gia đình như gia đình tôi, bố tôi từng là đại đội trưởng Đội Bá Vụ, phụ trách vấn đề liên lạc vô tuyến và làm trực tiếp dưới quyền ông Võ Nguyên Giáp, nhưng bố tôi không bao giờ được vào đảng vì bà của tôi là địa chủ. Bố tôi chịu nhiều bất công, vì ông cống hiến rất nhiều mà chả được gì cả. Khi tôi lớn lên thì tôi không được thi vào đại học bởi vì lý lịch của bố tôi và gia đình tôi không thuộc thành phần cốt cán. Tôi vào trường Lý luận Nghiệp vụ vì lúc đó họ tuyển năng khiếu diễn kịch, hát múa; và tôi vào được vì do cơ may tôi có một người họ hàng làm thầy giáo của trường.

Tôi còn nhớ lúc xảy ra chiến dịch Cải cách Ruộng đất, ngay trước cửa nhà tôi là một người bị chết treo và lúc 8 tuổi, tôi đã phải đi theo các đoàn học sinh để chứng kiến các cuộc đấu tố địa chủ. Sau lưng nhà tôi, ngay đường xe hỏa, một người khác bị vu là địa chủ nên tự tự bằng cách đặt cổ vào đường ray cho xe lửa cán chết. Thật khủng khiếp. Khi 8 tuổi, buổi sáng khi đi tưới rau, tôi thấy cảnh những người chết như thế và điều đó làm cho tôi vô cùng khủng khiếp. Cho nên tôi nhắc lại, năm 68 tôi vào tiền tuyến là vì tôi tuân thủ truyền thống cứu nước của dân tộc Việt Nam chứ không vì đảng cộng sản.

-Việt Tide: Theo chỗ tôi biết, bà lập gia đình trong giai đoạn chiến tranh và hai con của bà sinh ra ngay tại tiền tuyến; có đúng không ạ?

-Dương Thu Hương: Vâng, đúng như vậy.

-Việt Tide: Bà có thể cho biết hoàn cảnh sống của hai cháu tại tiền tuyến khi cuộc chiến bắt đầu vào thời điểm khốc liệt năm 1968?

-Dương Thu Hương: Chúng tôi sống như những người nông dân và tất cả mọi người đều chịu sự tàn phá của bom đạn chiến tranh. Thức ăn thức uống vô cùng khan hiếm, thậm chí rau cũng không có. Gạo ở bên kia sông, chỉ vì mấy cân gạo có thể mất mạng, vì bom Mỹ ném liên tục. Một điều nữa, ngay trong chiến tranh, năm – bảy trăm người chết nhưng không bao giờ tin tức được loan báo. Vì tất cả đều chấp nhận cái chết đương nhiên. Và không thể loan tin vì suy nghĩ lúc bấy giờ ta là dân tộc anh hùng chiến thắng tất cả mọi kẻ thù nên không thể cho biết sự tổn thất. Hai con tôi sinh ra trong hoàn cảnh như vậy. Khi chúng nằm ở trong hầm, dưới mặt ván vài gang là nước và rắn bò lóp ngóp. Đứa con gái của tôi khi vừa được ba tháng, rắn ngủ ở dưới đít của nó. Vì rắn tìm chỗ ấm mà! May mà sáng ra rắn tuồn xuống nước chứ không cắn con bé. Mà đây là rắn độc. Cho nên mấy ông dân chài sống chung quanh bảo rằng con tôi được thần độ mạng. Tôi tin con người có số thật. Bởi vì sống dưới bom đạn, đói khát, rắn rết như vậy mà hai đứa con tôi, dù không được tươi da thắm thịt như con cái những người sống trong hoàn cảnh bình thường, nhưng chúng cũng không đến nỗi bị què quặt.

-Việt Tide: Khi lớn lên, các cháu có bị ám ảnh bởi hồi ức lúc sống trong chiến tranh bom đạn không ạ?

-Dương Thu Hương: Trong chiến tranh chúng nó còn rất nhỏ cho nên khi lớn lên ấn tượng về cuộc chiến cũng mờ nhạt. Nhưng khi chúng lớn lên thì chúng chịu một cuộc chiến tranh khác còn tàn khốc hơn cuộc chiến thời 1968: mẹ chúng nó làm giặc. Cho nên chúng nó bị nhiều thiệt thòi lắm.

-Việt Tide: Thưa bà, các cháu bị thiệt thòi ra sao ạ?

-Dương Thu Hương: Tôi đã nói rất rõ với các con tôi, rằng con đường làm giặc là phải chịu tất cả mọi khổ đau; cho nên tất cả mọi người trong gia đình, nghĩa là bố tôi, mẹ tôi, anh em tôi và con cái, nếu ai muốn thì tôi sẵn sàng viết giấy với tòa án là không có quan hệ với tôi nữa để tránh cho họ khỏi bị di lụy. Còn nếu những người muốn tiếp tục đứng với tôi thì phải chấp nhận khổ đau, thua thiệt và không bao giờ được nói với tôi một lời

can thiệp vào việc tôi làm. Bởi vì tôi biết chắc chắn cộng sản sẽ dùng những người thân thuộc để gây sức ép. Nhiều trường hợp đã xảy ra đối với những người đấu tranh dân chủ tại Việt Nam. Vợ con, anh em của họ bị công an áp lực phải khuyên can họ không được đấu tranh nên một số người đành bỏ cuộc. Bản thân tôi đã lường trước điều đó nên tôi tuyên bố sòng phẳng rằng, cả tuổi xuân của tôi, tôi đã hy sinh để nuôi con rồi, nên bây giờ tôi an tâm lao vào cuộc chiến chống lại bọn cường quyền. Tôi bảo các con tôi có thể về sống với bố của chúng hay với một người mẹ khác. Còn nếu chọn sống với tôi thì phải chấp nhận khổ đau, vì chắc chắn chúng sẽ không có chỗ đứng trong chế độ này. Hai con tôi đứa nào cũng hai bằng đại học nhưng vẫn không có việc làm. Con trai lớn của tôi phải sống bằng tất cả mọi việc, từ bồi bàn cho đến gác cổng. . . và bây giờ đi quay phim thuê cho một hãng tư. Cháu gái thì bán sơn.

-Việt Tide: Các cháu có chia sẻ lý tưởng của mẹ không?

-Dương Thu Hương: Không! Đối với chúng nó, tôi là một người điên. Nhưng dầu sao chẳng nữa thì cũng là tình mẹ con, nhất là tôi đã giao hẹn là nếu chấp nhận tôi thì không được can ngăn việc tôi làm, nếu can thiệp thì tôi sẽ cắt đứt ngay tức khắc, thành ra chúng nó đành chấp nhận thôi.

-Việt Tide: Từ một người dân thân “xẻ Trường Sơn đánh Mỹ”, bây giờ bà trở thành một người làm giặc ngay tại Hà Nội tại sao vậy, thưa bà?

-Dương Thu Hương: Câu hỏi của ông vô cùng mâu thuẫn và vô cùng ngớ ngẩn. Tôi là người yêu nước khi tôi tham gia cuộc chiến tranh và đến tận bây giờ tôi vẫn là người yêu nước. Vì thế tôi mới làm giặc. Hai hành động đó (vào tiền tuyến năm 68 và bây giờ làm giặc) thống nhất với nhau.

-Việt Tide: Tư tưởng “làm giặc” của bà nhen nhúm từ lúc nào?

-Dương Thu Hương: Từ năm 1969. Lúc đó, nếu tôi còn chút ảo tưởng nào về chủ nghĩa cộng sản thì tôi đã trở thành đảng viên rồi. Họ mở rộng cánh cửa mời tôi vào đảng cơ mà. Nhưng vì tôi được dạy dỗ trong một gia đình lấy đạo đức làm tiêu chuẩn cho nên tôi không thể xếp tôi đứng vào hàng ngũ với những người mà tôi khinh bỉ. Đơn giản như vậy thôi.

-Việt Tide: Bà từng viết rằng, ngày 30 tháng Tư năm 1975, khi các phụ nữ khác trong đoàn quân của bà trầm trộ trước sự phát triển vật chất của miền Nam thì bà ngồi khóc trên lề đường Sài Gòn. Bà có thể nhắc lại tâm trạng của bà lúc đó?

-Dương Thu Hương: (thở dài) Điên rồi thì tôi có nhiều thứ điên rồi. Khóc thì tôi có hai lần khóc.

Lần thứ nhất khi đội quân chiến thắng vào Sài Gòn năm 1975, trong khi tất cả mọi người trong đội quân chúng tôi đều hờ hởi cười thì tôi lại khóc. Vì tôi thấy tuổi xuân của tôi đã hy sinh một cách uổng phí. Tôi không choáng ngợp vì nhà cao cửa rộng của miền Nam, mà vì tác phẩm của tất cả các nhà văn miền Nam đều được xuất bản trong một chế độ tự do; tất cả các tác giả mà tôi chưa bao giờ biết đều có tác phẩm bày trong các hiệu sách, ngay trên vỉa hè; và đây rầy các phương tiện thông tin như TV, radio, cassette. Những phương tiện đó đối với người miền Bắc là những giấc mơ. Ông Thái đừng quên rằng, ở miền Bắc, tất cả mọi báo đài, sách vở đều do nhà nước quản lý. Dân chúng chỉ được nghe đài Hà Nội mà thôi; và chỉ có những cán bộ được tin tưởng lắm mới được nghe đài Sơn Mao, tức là đài phát thanh Trung Quốc. Còn toàn bộ dân chúng chỉ được nghe loa phóng thanh tập thể; có nghĩa là chỉ được nghe một tiếng nói. Vào Nam tôi mới hiểu rằng, chế độ ngoài Bắc là chế độ man rợ vì nó chọc mù mắt con người, bịt lỗ tai con người. Trong khi đó ở miền Nam người ta có thể nghe bất cứ thứ đài nào, Pháp,

Anh, Mỹ . . .nếu người ta muốn. Đó mới là chế độ của nền văn minh. Và thật chua chát khi nền văn minh đã thua chế độ man rợ. Đó là sự hàm hồ và lầm lẫn của lịch sử. Đó là bài học đắt giá và nhằm lẫn lớn nhất mà dân tộc Việt Nam phạm phải.

Lần thứ hai tôi khóc là năm 1984 khi tôi đến Mascova. Tất cả những người Việt Nam khác đến đây đều hờn hờ, sung sướng. Riêng tôi thì nhục nhã không thể tả được. Vì khi ở trong nước, tôi vẫn có ấn tượng dân tộc mình là dân tộc anh hùng và là một dân tộc cũng có được một cuộc sống xứng đáng. Nhưng khi đến Mascova trong một phái đoàn điện ảnh trẻ thì tôi mới nhìn thấy ra rằng, người Việt Nam bị khinh bỉ. Người Việt Nam đầu đen chỉ xếp hàng trong các đội quân dài dặc các bà già Nga bụng to để mua nồi áp xuất, bàn là điện nhằm gửi về nước. Những người bán hàng họ mắng cho như là mắng khi ấy. Họ mắng cũng đúng vì người mình khuôn hàng đồng nồi, hàng đồng sản phẩm của người ta để tuồn về nước. Khi đứng ở khách sạn Peking nhìn xuống đường, tôi thấy những đoàn đại biểu Việt Nam trong những bộ quần áo complet góm giếc trông như những đàn bò đi trong thành phố. Tôi hoàn toàn vỡ mộng và tôi khóc. Một nhà văn Nga mắng tôi. Anh ta bảo rằng, “người ta đi Nga người ta sung sướng, còn bà thì tại sao bà lại khóc như cha chết vậy. Sao lại vỡ vẫn thế”. Anh ta không biết nỗi đau đớn của tôi khi thấy thân phận của người Việt Nam.

-Việt Tide: Từ đó bà lao vào cuộc đấu tranh?

-Dương Thu Hương: Ngày 30 tháng Tư năm 1975 đã là một ngã rẽ trong đời tôi. Đúng ra, ngã rẽ này đã bắt đầu từ năm 1969 khi lần đầu tiên tôi gặp những toán tù binh người miền Nam ở Quảng Bình. Lúc đó tôi làm công tác ở các binh trạm và những tù binh lần đầu tiên tôi gặp không phải là người Mỹ mà chính là người Việt Nam, cũng đầu đen mắt đen, cũng lùn và da vàng mũi tẹt như tôi, và nói tiếng Việt Nam như tôi. Cho nên tôi mới hồ nghi rằng tất cả những điều người ta nói đây là cuộc chiến tranh chống quân xâm lược thì đó là láo toét. Tuy nhiên vì lúc đó là chiến tranh và tất cả đều lao vào một guồng máy và bị cỗ xe khổng lồ nó cuốn đi. Cho đến năm 75, với thời gian (giọng ngậm ngùi, xúc động), tất cả mọi ngò vục trong tôi đã chín muồi. Năm 75, tôi hiểu rằng đây là thời điểm quyết định và là ngã rẽ dứt khoát trong tư tưởng của mình.

-Việt Tide: Nói chuyện với bà, tôi thường nghe bà nhắc đến hai chữ “số phận”. Bà tin số phận như thế nào và bà hiểu hai chữ số phận như thế nào?

-Dương Thu Hương: (cười thoải mái) Tôi tin số phận theo kiểu của tôi và hiểu số phận theo kiểu một người nhà quê chân đất mắt toét. Đại loại như vậy. Còn để diễn giải hai chữ số phận trong cuộc phỏng vấn ngắn ngủi này thì đó là điều bất khả.

-Việt Tide: Xin bà cứ nói chi tiết.

-Dương Thu Hương: (cười to) Tôi nói ví dụ, chúng ta không phải hoàn toàn là những kẻ bất lực nhưng chúng ta cũng không hoàn toàn là những kẻ làm chủ được số phận của mình. Ví dụ như khi tôi ở trong tù năm 91, tôi nghĩ không bao giờ có ngày ra khỏi tù. Nhưng rồi tôi lại thoát nhờ sự can thiệp của những người mà tôi chưa bao giờ biết. Như vậy rõ ràng là có bàn tay của Chúa (nói theo người Thiên Chúa Giáo) và có bàn tay của Giới Phật (nói theo người dân Việt Nam). Đây là điều khiến tôi tin vào số phận.

Sự quốc doanh

Sau khi trả lời ông Đinh Ngọc Ninh bỗng nhiên tôi nhận được một loạt thư, hỏi:

- Bà có phải phật tử không? Chúng tôi thấy nhiều quan điểm trong bài viết của bà rất gần với lý thuyết đạo Phật.

- Nếu điều chúng tôi nghi ngờ là đúng, tại sao một người đấu tranh cho dân chủ lại có thể là phật tử?.....

Câu trả lời của tôi là: Tại sao không?

Đạo Phật không biên giới. Đó là một tôn giáo thấm đẫm tính đạo đức và triết lý. Đạo Phật cũng như bất cứ tôn giáo nào khác đều tồn tại và phát triển thông qua hằng hà sa số các cá nhân. Bất cứ cá nhân nào cũng có một gốc rễ văn hóa, cũng mang một nhãn hiệu bản thể gọi là quốc tịch. Do đó khi trong một con người cùng tồn tại song song hai tình yêu lớn: tôn giáo và tổ quốc, người đó ắt phải tranh đấu cho hai kỳ vọng, hai niềm tin.

Vì thế, câu trả lời của tôi là: Tại sao không?

Tuy nhiên, tôi chỉ là phật tử theo cách của riêng tôi. Tôi không đi lễ chùa. Chẳng phải là cố tình tìm một cách tồn tại độc đáo nhưng vì tôi không có khả năng thỏa hiệp, cho dù đó là một sự thỏa hiệp dễ chịu nhất.

Cách đây chừng mười bảy mười tám năm một ngày Xuân tôi đi viếng cảnh chùa. Ngôi chùa đó nằm gần phủ Tây Hồ. Trên đường tới phủ rẽ tay phải chừng non trăm mét là tới. Tôi không còn nhớ rõ tên chùa mặc dù đó là nơi trước khi xảy ra sự việc năm nào tôi cũng tới, khoảng một hai tháng một lần, siêng năng nhất là mùa xuân và mùa Thu. Đó là ngôi chùa cổ còn may mắn sót lại sau những cơn đốt phá đình chùa đền miếu theo chủ trương "tiêu diệt tàn dư phong kiến" của chính quyền cộng sản. Không có gì đặc biệt ở ngôi chùa ấy, ngoài một mảnh vườn nhỏ vừa trồng đào vừa trồng mai. Có lẽ cảnh tượng thân ái của những cây đào và cây mai chen vai, thích cánh cuốn hút tôi vào mùa xuân và khi mùa thu đến, đám cành trần trụi khẳng khiu vươn lên trong lặng lẽ cũng mang lại một vẻ đẹp u sầu và nghiêm cẩn, vẻ đẹp ta thường gặp ở mọi ngôi chùa cổ xứ Bắc.

Trưa hôm đó, tôi qua cổng chùa đi vào ngôi nhà ngang. Vừa đặt chân lên bậc tam cấp tôi chứng kiến một cảnh tượng không tương hợp chút nào với chốn từ bi: Trên tấm phản gỗ mốc, sự cụ bà ốm nằm còng queo, bát cháo ăn dở ở một góc phản khô đét lại.

Nhà "sư nữ" ngoại tam tuần mắt long sòng sọc, tay nắm cổ người bệnh lác, miệng rít lên:

- Mày chết đi, mày chết ngay đi cho người ta nhờ!....

Sự cụ đã quá yếu không động cựa nổi, cái đầu lác lư ngật ngưỡng như quả bưởi trong tay người đàn bà trẻ hung hãn:

- Mày chết đi.....

Tôi định lui ra nhưng cô ta đã nhìn thấy tôi. Quá muộn cho cả đôi bên. Hẳn cô ta không ngờ có kẻ đột nhập vào "ngang hông" bởi thông thường khách thập phương phải qua sân đi vào chùa chính. Cô ta không biết rằng tôi quen mọi ngõ ngách và thường đi tắt qua nhà ngang vào chùa sau để hầu chuyện sự cụ. Không thể mở miệng "mô phật" như lần trước cô ta ném cho tôi một cái nhìn giận dữ và thách thức rồi ngoay ngoáy quay đi.

Tôi ngồi xuống phản với sự cụ. Cụ không mở mắt nổi và giọng nói đã đứt quãng nhưng hoàn toàn minh mẫn. Đó là người đã xuống tóc từ thời chính quyền 1945 chưa thiết lập, đã duy trì và tu tạo ngôi chùa này qua mọi thăng trầm của thời gian. Nhưng cụ không có may mắn quyền hành để lưu giữ các chân tu ở lại, thay cụ chủ trì. "Nhân sự" do "bên trên" đưa xuống.

Vậy cái gì là "bên trên" ?

Quyền lực nào áp chế những người tu hành và thả lũ lợn bản thủ vào khắp chùa chiền xứ sở? Chẳng có gì bí mật cả, "bên trên" là A 25 Cục bảo vệ văn hóa thuộc Tổng cục 1 Bộ Nội vụ. A 25 có nhiệm vụ đào tạo sư sãi để "yểm" Hội Phật giáo Việt Nam, để trấn giữ hệ thống chùa toàn quốc. Không ai quên rằng chính nhà nước cộng sản đã dấy lên cơn bão kinh hoàng nhằm tàn phá đình chùa, đền miếu thậm chí đào mồ hốt mả chúng sinh, tiêu diệt tất cả những gì mà họ cho là "tàn tích của chế độ phong kiến".

Trong một thời gian dài, những người cộng sản muốn xóa sạch tất cả các tôn giáo, bắt chúng sinh thờ vị thần duy nhất mắt xanh mũi lõ tên là Karl Marx và đám tông đồ của ông ta. Nhưng để xóa đi một đức tin và thay thế vào một đức tin khác không dễ dàng như họ tưởng. Và không phải bất cứ lúc nào họ sủng cũng đem lại những kết quả mong muốn. Thời gian không ủng hộ họ. Bức tường Berlin sụp đổ và Lénine vĩ đại của họ sụp đổ theo. Dân Nga xích cổ tượng ông ta kéo lê trên bùn. Đám tín đồ phương Đông đứng chờ vợ không biết từ nay "người cầm lái vĩ đại" của họ sẽ là ai? ...

Trong lúc đó dân chúng ào ào dựng đình, cất chùa. Khắp nơi miếu mạo, đền chùa, lăng tẩm dựng lên theo trí nhớ. Chính quyền cộng sản có thể truy bức tàn sát chúng sinh, cướp bóc phá hủy tài sản của họ, nhưng trí nhớ và niềm tin là những thứ không thể bắt thừng bằng các loại đạn. Và như thế, giờ đây dân chúng đã xây lại tất cả những gì đã từng bị họ tàn phá, nếu không nói là còn nhiều hơn. Nhu cầu tâm linh hóa ra cũng là một nhu cầu sinh tử của kiếp người. Trước tình hình này A 25 trở nên quan trọng hơn trong vai trò "bảo vệ nền chuyên chính". Nhiệm vụ của họ là "khống chế hội Phật giáo" biến chùa chiền toàn quốc thành hệ thống pháo đài của quyền lực, rình mò theo dõi tư tưởng dân chúng và ...điều này nữa, các tín đồ của Marx không quên: tận thu nguồn lợi béo bở từ đám chúng sinh "mê tín" kia. Vậy là đội quân "sư nhà nước" được hình thành. Nguồn đào tạo chính là C 500 (đại học ngành an ninh). Thêm nữa, sinh viên tuyển lựa từ các đại học khác như Tổng hợp, Sư phạm, Ngoại ngữ ... có thành phần cơ bản (lý lịch đáng tin cậy) được vũ trang bằng lý thuyết giai cấp của Marx-Lénine và một thứ chủ nghĩa duy vật hạ đẳng. Sau đó, lớp người này được "tráng men" bằng lý thuyết đạo Phật và trước hết các phương pháp niệm kinh, hành lễ để "vào nghề".



Như thế nhà nước cộng sản đã tạo nên một đội ngũ "tôi tớ trung thành" được quyền thỏa mãn mọi nhu cầu vật chất và nhục thể dựa trên sự đầu cơ trục lợi "những khát vọng tâm linh" của dân chúng. Các ông sư bà sư áo quần phấp phới cưỡi xe vù vù đi "hợp kín". Hợp kín ở đây tức là hợp "giao ban" ngành dọc A 25. Họ báo cáo rành mạch mọi thành tích. Riêng những cọc tiền thu được từ các hòm công đức là "không thể rành mạch" vì các sư còn phải mang về quê xây nhà tầng và lo cho các con học đại học trong nước và ngoài nước. Sư hành nghề ở Thái Nguyên, Hà Bắc thường có quê quán gia thất tại

Thanh Hóa, Nam Định và ngược lại ... So với các nghề khác trong Bộ Nội vụ, "nghề làm sư" là béo bở, chỉ thua kém "Cục buôn lậu ma túy" thôi.

Cả một bộ máy lừa bịp vận hành nghiêm nhiên và ngang nhiên dưới ánh mặt trời, trước mắt dân chúng.

Dân chúng, tuy thường xuyên phải cúi mặt nhẫn nhục cam chịu, đôi khi cũng vùng lên tranh đấu, đòi đuổi sư nhà nước, giành chùa cho chân tu. Vụ biểu tình của các tín đồ chùa Lăng Hà Nội cách đây ba năm là một ví dụ. Trong tối hôm đó, công an đã bắt giam trên một trăm tín đồ.

Vậy tôi xin trở lại lý do khiến tôi không đi lên chùa từ gần hai thập kỷ nay, sau kỷ niệm đau buồn với sư cụ tôi không còn muốn nhìn thấy một lần nữa bọn "thầy chùa đều".

Nhưng chưa hết.

Tôi không đi lễ chùa cũng còn vì chùa chiền giờ đây đầy rẫy bọn "đao phủ" đi "đánh quả" thần, phật. Gọi là "đao phủ" vì chính lũ người đó trước đây đã ra lệnh phá đình chùa, đuổi sư sãi, vật cổ vật tay tượng phật làm củi.... giờ đây chúng lại xì xụp hương khói hơn tất cả mọi người.

Vì sao có sự đổi hướng quay chiều?

Tôi sẽ trả lời tường tận nhưng trước hết, để tránh rơi vào lối ám chỉ chung chung tôi xin nêu dẫn chứng:

- Một là, những người dân Huế cỡ trung niên hẳn chưa quên câu ca này:

Bùi San cùng với Trần Hoàn

Hai thằng ngu ấy phá đàn Nam Giao

Bùi San: bí thư tỉnh ủy. Trần Hoàn: trưởng ty văn hóa. Công trình chung của họ là hủy diệt một di tích lịch sử nơi xưa kia các vua Nguyễn tế Trời Đất và tiên vương. Sau này, ông Trần Hoàn ra làm bộ trưởng Bộ Văn hóa, vợ con ông ta xem bói từ Nam ra Bắc, khấn lễ mọi nơi, đặc biệt lễ hậu là Bia Bà để cầu cho ông được "vững vàng". Riêng tôi, tôi nhìn thấy ông nhiều lần cấp cặp đứng trước cổng nhà các vị "Bộ Chính trị". Quả là một cuộc hiệp đồng tác chiến; vợ con ông đi đút lót "thần, phật" còn ông đi hầu hạ các "thánh sống" để ông được duy trì thêm 4 năm trên ghế bộ trưởng vì ông đã già lại quá nhiều khiêu kiện, cấp trên của ông đã chắm ông "vào sổ hưu".

- Hai là, thời kỳ Lê Khả Phiêu làm tổng bí thư Đảng, ngoài chiến dịch "Thanh Hóa hóa bộ máy cầm quyền" ông ta đã tranh thủ đào bới ngân khố quốc gia để xây dựng lại, mở mang hoành tráng đền thờ Lê Lai, tin tưởng đó là tổ tiên trực tiếp, là thần hộ mạng cho mình.

- Ba là, vài năm gần đây nhiều người họ Trần vênh vang tuyên bố rằng họ Trần sắp sửa bước vào thời kỳ "đại phát" vì Trần Đức Lương vừa cho xây khu mộ cổ họ Trần tại Thái Bình. Khu mộ này sẽ được xây theo thể "rồng phục" sao cho ít nhất, chín đời họ Trần sẽ liên tục "làm vua", v.v. và v.v.

Theo logic, ngày nào chế độ độc tài này còn tồn tại thì tất cả bọn cầm quyền họ Miêu họ Thử họ Ngưu họ Mã sẽ lần lượt vét ngân khố quốc gia để xây dựng mồ mả đền miếu cho riêng dòng tộc của chúng với một chủ đích hoặc ngụy trang hoặc lộ liễu: Duy trì quyền lực.

Quyền lợi, đó là căn nguyên sự quay chiều đổi hướng của kẻ cầm quyền. Marx và Lénine hết sai được thì quay sang "đầu tư, đánh quả" thần, phật. Hạng người ti tiện, lòng tham ngùn ngụt như vậy làm gì có "tâm hồn tôn giáo"?..., nhất là một tôn giáo có quá nhiều yêu cầu đạo đức, cấu trúc trên tinh thần khắc kỷ như đạo Phật? ... Không phải vô cớ mà so với đạo Hồi và Thiên Chúa giáo, đạo Phật có ít tín đồ hơn. Con đường dốc khó trèo. Con đường dốc ấy làm sao tương hợp được với bọn cởi áo đạo

phủ khoác áo cà sa diễm nhiên như diễn viên thay trang phục sân khấu, không một chút ngưng ngừng, không mảy may hối tâm, không một lần thành khẩn trước tha nhân. Lẽ ra, chính quyền Việt Nam phải xin lỗi dân chúng một cách công khai, một cách thanh thật, một cách nghiêm khắc vì tội ác phá đền chùa lăng miếu, đào bới san ủi mồ mả tiền nhân của chúng sinh. Nếu họ cải tâm họ đã phải làm điều đó trước khi đặt chân lên thềm những đền chùa mà dân chúng gom góp xây dựng lại. Nhưng cái ngả mạn của kẻ cầm quyền khiến lương tâm họ mù tối. Họ không cần xin lỗi ai bởi vì họ tự nhận là “Đấng thần thánh và vĩ đại”. Và vì “thần thánh và vĩ đại” họ đã thần nhiên làm cái việc mà cổ nhân từng cảnh báo: “Thế gian có mặt mũi nào đã nhỏ lại liếm làm sao cho lành”

Tôi chuyển sang mục thứ hai: Tôi là phật tử theo kiểu của riêng tôi. Không đi lễ chùa đã đành, tôi cũng không tin tuyệt đối vào lòng từ bi. Đối với tôi, lòng từ bi không thể độ hành. Lòng từ bi phải bước song song với một trí tuệ sáng suốt và khả năng chiến đấu chống lại điều ác.

Khi lòng từ bi không được rọi chiếu dưới ánh sáng trí tuệ, nó dễ dàng đưa ta đến tai họa. Chỉ cần nhớ lại tích “Đường Tam Tạng đi lấy kinh” là đủ. Đã bao nhiêu lần vị sư phụ này mắc lừa bọn yêu quái, niệm chú để xiết chặt vòng kim cô làm Tôn Ngộ Không đau đớn vật vã điên cuồng. Và cũng chớ nên quên rằng bao nhiêu lần ông ta mắc lừa, bấy nhiêu lần Tôn Hành Giả đi giải cứu.

Khi thiếu khả năng chiến đấu chống lại cái ác, lòng từ bi của chúng ta biến thành chất dầu nhờn, bôi trơn cỗ máy nghiền của loài ngạ quỷ và chính cỗ máy này sẽ nghiền nát chúng sinh. Một dân tộc hiền hòa như dân tộc Tây Tạng đã mất nước vì thiếu khả năng chiến đấu. Quân lính Trung Quốc không chỉ xâm chiếm, tàn phá đất nước Tây Tạng mà còn đổ than hồng vào đầu vào họng các nhà sư và tra tấn họ bằng tất cả những hình thức tra tấn thời Trung cổ.

Thêm một ví dụ nữa: Ai cũng biết ở Khơ-me đạo Phật là quốc giáo. Vậy mà chính tại xứ sở này nạn diệt chủng đã xảy ra. Hơn hai triệu người bị giết dưới chính quyền Khơ-me đỏ. Thê thảm thay, rất nhiều cuộc tàn sát man rợ lại xảy ra chính tại các chùa. Nơi thờ cúng linh thiêng biến thành địa ngục và giờ đây, thành một thứ bảo tàng lưu giữ đầu lâu của các nạn nhân.

Với nghiệm sinh, tôi xin gộp một dẫn dụ nhỏ. Năm 1991, trong gần tám tháng tù, tôi nhớ nhất câu này:

- Chị sẽ được ra tương ớt! Chị sẽ được nghiền ra tương ớt!

Không phải vì câu nói được lặp đi lặp lại mà vì thái độ của những người nói. Họ có một vẻ hài lòng đáng sợ, một sự diễm nhiên đáng sợ. Tôi không thù ghét họ: một đại tá, một đại úy, một trung úy. Có lẽ về bản chất họ không phải người ác người xấu. Nhưng họ đã được đào tạo để làm cái việc “nghiền người khác ra tương ớt”. Vì thế, đối với họ, việc nghiền ai đó ra tương ớt là phận sự, là phương tiện sinh tồn, giống như người thợ phay bào một con ốc thép hoặc người đầu bếp xào món rau.

- Chị sẽ được nghiền ra tương ớt!

Mỗi lần nghe câu nói đó, tôi đọc thấy trên gương mặt họ niềm hạnh phúc thanh thản của “Gã nông phu vừa cày xong thửa ruộng, Ngả mình trên nếp cỏ ngủ ngon lành”.

Đương nhiên, họ chuẩn bị mọi sự để cho tôi ra “tương ớt”. Nhưng không may cho họ, một tuần sau cuộc đảo chính ở Nga thất bại, thành trì của chủ nghĩa xã hội sụp đổ tan tành, cả ê-kíp ba người hỏi cung tôi tái xanh tái xám, mặt họ hiện lên nỗi hoang mang thê thảm, không còn chút tự tin.

Họ phải dừng tay, không dám cho tôi ra “tương ớt”.... Và rồi, với 95 triệu franc viện trợ không hoàn lại của chính phủ đảng Xã hội Pháp, nhà nước cộng sản đã thả tôi ra.... Hơn một thập kỷ trôi qua, tôi vẫn không quên hình ảnh “tương ớt”. Vì cỗ máy nghiền con người ra tương ớt vẫn tồn tại. Và nó tiếp tục nghiền những người khác. Cả một đội ngũ “thợ nghiền” tiếp tục nuôi sống bản thân cũng như vợ con họ bằng nghề nghiệp này. Liệu các vị có thể dùng lòng từ bi hỉ xả như vũ khí tối hậu và duy nhất để làm thay đổi cỗ máy nghiền này chăng?

?.....?.....

Tôi không tin.

Vì thời gian hữu hạn, khả năng con người cũng hữu hạn.

Vì sự tập nhiễm là bản năng thứ hai có sức mạnh ghê gớm mà chỉ riêng lòng tốt không đủ để đổi thay.

Vì lẽ đó, cuộc đấu tranh của Phật Tử cũng như của giáo dân không thể chỉ tựa trên sức mạnh của lòng từ ái. Cuộc đấu tranh nào cũng phải có chiến lược và chiến thuật, tùy cơ ứng biến. Và dù đứng dưới bóng Phật hay bóng Chúa, con người cũng cần có một bộ óc phán đoán phân tích sắc bén cộng với một khả năng đủ cho việc chống lại cái ác, bên cạnh lòng hỉ xả từ bi,

Tôi là Phật tử theo kiểu của riêng tôi vì tôi không bao giờ chủ trương đạo Phật trở thành “quốc giáo”, tôi đấu tranh cho một nền dân chủ đích thực mà nền dân chủ đích thực chỉ cho phép tồn tại một nhà nước thế tục trong đó tất cả các tôn giáo đều được bảo vệ một cách bình đẳng nhưng trước hết mọi tín đồ đều có nghĩa vụ làm công dân xứng đáng.

Với tôi, chỉ có một nền dân chủ đích thực cho phép thay đổi thường xuyên các chính phủ thối nát, lạm những mới cho phép các tôn giáo tồn tại đúng với tư cách tôn giáo, đền chùa và nhà thờ mới tồn tại như những chốn thiêng liêng nhằm thỏa mãn nhu cầu tâm linh của cõi người mà không bị biến thành đồn bắt bảo vệ cho quyền lực nơi đám cường hào trá hình ức hiếp người tu hành và bóc lột chúng sinh.

Bây giờ, là một câu hỏi có tính riêng tư:

- Cơ duyên nào đưa bà đến cửa thiền?

Tôi xin trả lời:

- Sự đưa dẫn của số phận.

Đúng như vậy. Tất cả những ngã rẽ lớn trên đường đời, tôi không trù tính. Tất cả, đều xảy ra như những ngẫu nhiên. Nói một cách bóng bẩy hơn suốt phần đời tôi đã trải qua là tạo phẩm dưới bàn tay vô hình của số phận. Tuổi thơ, tôi không mơ ước làm nghề viết văn. Trưởng thành tôi cũng không hình dung được có ngày tôi trở thành kẻ thù số 1 của chế độ này. Tương tự như thế, chưa bao giờ tôi cố ý đi tìm đọc giáo lý nhà Phật. Sau cái chết của cha tôi 1992 trong tôi bỗng nảy sinh nhu cầu siêu hình. Vì sao, chính tôi cũng không rõ. Có điều, tôi biết chắc chắn rằng đời người thường chưa chất những ngộ nhận, những nhầm tưởng, những bí ẩn, những che giấu.... tất cả những gì mà ta thường gọi là “bờ lú bến mê”. Trong quan hệ giữa con người với con người, những mê lú thường đem lại khổ đau, hờn oán. Thâm tình càng sâu, khổ đau càng lớn. Bởi vì, chỉ những người ta yêu thương mới có khả năng làm cho ta đau đớn. Phật tử Như Lai dạy: “Con cái là những sợi xích bằng vàng”. Với tôi, sự thật dạy thêm về đối: “Cha mẹ là những chiếc cùm bằng ngọc”. Trong gia đình tôi, tồn tại một nguyên tắc “Gia pháp cao hơn quốc pháp”. Vì lẽ đó, trong hơn một thập kỷ cha tôi đã áp dụng với tôi mọi hình thức kỷ luật quân đội để ép tôi sống với người chồng cũ, vì “bỏ chồng là điểm nhục gia phong”.... Có lẽ vì những ẩn ức đó tôi bỗng có nhu cầu siêu hình sau cái chết của ông, dù người âm kẻ dương chúng tôi vẫn là cha con và vẫn có nhu cầu trò chuyện. Cũng chính vì những ẩn ức đó cuộc gặp gỡ và thờ phụng Phật bà Quan Âm đối với tôi là một hạnh duyên, một may mắn vĩ đại và thần bí.

Là người viết văn tôi biết rằng với thời gian và qua thời gian tất cả các nhân vật lớn thuộc mọi tôn giáo đều được thần thoại hóa. Nhưng cho dù tước bỏ mọi chi tiết huyền hoặc, mọi sợi chỉ óng ánh thêu dệt chân dung tôi vẫn thấy Phật Bà là một nhân cách vĩ đại tỏa sáng. Bị chinh phục hoàn toàn vì nàng công chúa từ bỏ cuộc đời xa hoa của hoàng cung, chạy trốn sự truy đuổi của quân lính triều đình, cưỡi hổ về phương Nam tu hành, tôi đi tìm đọc giáo lý nhà Phật.

Vậy là con đường tôi đi ngược chiều với nhiều người khác. Tuy nhiên phương Tây có câu: "Mọi con đường đều dẫn đến Roma".

Tôi tin rằng có nhiều con đường khác nhau dẫn đến tôn giáo nói chung cũng như cửa Phật nói riêng. Tùy theo duyên phận từng người, họ có thể dẫn thân vào hành trình đó sớm hay muộn, lâu dài hay ngắn ngủi, sâu hay nông, thành thực hay chiếu lệ, v.v.

Đối với tôi, đạo Phật đem lại nhiều chân lý vĩnh hằng: Tính vô thường của Tôn Sinh, luật ly hợp của con người, vòng quay Sinh Diệt, v.v. Nhưng trước tất cả mọi triết thuyết, đạo Phật dạy ta xử lý ra sao trong các mối mâu thuẫn nan giải của đời người. Lịch sử cá nhân của Quán Âm Bồ Tát đem cho tôi một sức mạnh mới mẻ và sự thanh thản triệt để trong tâm hồn. Tôi hiểu là từ ngàn xưa những con người vĩ đại đã giải quyết ra sao mối mâu thuẫn giữa các thế hệ đặt trong bối cảnh tình huyết nhục.

Tôi hiểu rằng ngoại trừ ngày cha mẹ đặt ta vào cõi đời, con người phải tự mình sinh đẻ ra mình, và lần sinh trưởng thứ hai này mới thực sự quyết định cho nhân cách cũng như sự nghiệp.

Tôi hiểu rằng không phải vinh quang cũng không phải chiến thắng mà chính là Tình Yêu và sự Hy Sinh nâng con người lên cao.

Và tất cả những ý tưởng ấy được chất lọc ra khi tôi đọc "Chuyện Quan Âm". Cho nên tôi như được hồi sinh khi tẩy xóa mọi ẩn ức, thanh lọc tâm hồn. Tôi cúi đầu trước vong linh cha tôi vì hiểu rằng chính ông và chỉ ông mới tạo ra tôi nhưng tôi vẫn đi đúng con đường tôi đã chọn, không may mắn nào núng. Tôi cũng không bao giờ ép duyên hay can thiệp vào đời tư của các con tôi. Và bài học lớn lao ấy tôi học được từ Phật bà Quán Âm. Ngài chính là cơ duyên đưa tôi đến cửa Thiền.

Cuối cùng, để cảm ơn tất cả những ai đã quan tâm hỏi tôi, nhất là các Phật tử tôi xin phép nói rằng:

Tôi vẫn mơ ước có một ngày, khi lũ lợn bản thiu bị đuổi khỏi đền chùa, mọi nơi thờ cúng linh thiêng được trả lại cho các chân tu những người mà mệnh và nghiệp gắn kết họ với tôn giáo... Ngày ấy, nếu Trời còn cho sống tôi sẽ lại "văn cảnh chùa", để thưởng thức mùi hương thuần khiết, thanh cao của hoa mộc hoa sỏi, hoa lan.... những loài hoa chỉ được phép trồng nơi thiêng liêng hương khói.

Tình dục trong văn chương Dương Thu Hương Thế Uyên

Từ 1951, năm Đảng Cộng sản Việt Nam sau một thời gian lẩn vào quần chúng, xuất hiện công khai trở lại với tên mới là Đảng Lao động Việt Nam, miền Bắc Việt Nam bắt đầu theo một thứ đạo lý mới, thường gọi là đạo đức cách mạng hay đạo đức xã hội chủ nghĩa, bắt nguồn từ Liên Xô, cải biến bởi Trung Quốc, trước khi nhập nội. Nội dung về phương diện tình yêu và tính dục tương tự như chế độ thanh giáo trung cổ của các nước theo Công giáo, nên còn có thể gọi là thanh giáo XHCN. Đã là thanh giáo thì thanh giáo nào cũng giống nhau, cũng tìm đủ cách kiểm chế khổng chế bản năng tình dục, kiểm soát tối đa có thể cái giống của con người, nam cũng như nữ. Sự kiểm soát này được đẩy tới cao độ trong hoàn cảnh có chiến tranh, đẩy tới đỉnh điểm trong mọi chế độ thần quyền chuyên

ché, nhất là chuyên chế kiểu toàn trị, vô sản như trong những nước theo chế độ XHCN. Hậu quả dễ thấy nhất là trong địa hạt văn học.

Trong các tiểu thuyết xuất hiện thời kỳ này, đàn bà kể như là không được phép yêu đương lãng mạn như kiểu tiền chiến, thậm chí ngay vú, hông, đùi, âm hộ và các thứ linh tinh như phấn son, nước hoa, quần áo đẹp, gợi tình... đều không được phép nhắc tới. Cùng lắm, nhà văn chỉ được nhắc tới kinh nguyệt là chấm hết. Các thi sĩ vẫn được dùng hai đại danh từ "anh" và "em", nhưng không được chỉ người nam và người nữ đang yêu nhau. Khi chữ "em" lỡ phải xuất hiện, thì "em" phải vô tính, không nam không nữ. Nếu cùng lắm phải là nữ, thì phải chưa dậy thì. Hậu quả là xã hội "thanh khiết", ít nhất trong những biểu hiện bên ngoài, đến độ sau ngày 30 tháng 4. 1975, phụ nữ miền Nam, nhất là giới kinh doanh bằng vốn trời cho (bây giờ gọi là "vốn tự có"), thường chế nhạo quân đội miền Bắc là "chim bộ đội chỉ dùng để đáí"...

Trong một hoàn cảnh như thế, khi giới văn nghệ sĩ được "cởi trói" trong một vài năm khi mới Đổi Mới 1986, xuất hiện hiện tượng mà sau này hải ngoại gọi là *phản kháng*, với một số nhà văn mới, trẻ, có tài, như Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài... Và tương tự như trong mọi phong trào phản kháng, cách mạng... đã xảy ra trước đó, ngoài việc tranh đấu cho tự do sáng tác, tự do nói chung và nhân quyền tối thiểu, các nhà văn cũng đã phá những ràng buộc của nền đạo lý cũ, được coi là lỗi thời, nhất là trong địa hạt tình yêu và tính dục. Báo chí tiếng Việt hải ngoại, một phần vì lý do chính trị (chống cộng quá đà...), một phần vì không ít chủ biên chủ báo theo Công giáo La Mã từ hồi còn ở Việt Nam, cũng chủ trương thanh giáo như ai, nên đã chỉ làm ồn ào về khía cạnh chính trị, không để ý đến hay cố tình bỏ qua khía cạnh cách mạng thứ hai, là về tình yêu và tính dục.

Những nhà văn thuộc lớp phản kháng Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Dương Thu Hương... đều thực hiện cuộc cách mạng thứ hai, mỗi người một kiểu, một cách, tùy văn phong và "tạng" mỗi người. Trong phạm vi bài này, chúng ta cứ thử xem hoa tiếp tục, nhìn vào khu vườn chữ nghĩa của Dương Thu Hương, thường thức những bông hoa cấm, qua hai truyện dài mới chỉ được in nguyên văn tại hải ngoại, là *Tiểu thuyết vô đề* và *Chôn văng*.

Tiểu thuyết vô đề

Cuốn này Dương Thu Hương viết tại Hà Nội và không thể in ở trong nước, chuyển bản thảo sang Mỹ, nhà xuất bản Văn Nghệ tại California in lần đầu năm 1991 với giới thiệu và phân tích của nhà bình luận văn học Thụy Khuê (Paris). Dương Thu Hương đưa ra một mẫu người bộ đội thật hơn, người hơn, với đủ tình yêu và tính dục bình thường. Đó là Quân, một quân nhân mang cấp bậc đại đội trưởng (quân đội miền Bắc hồi đó không dùng quân hàm, chỉ dùng chức vụ để gọi nhau). Quân được điều vào miền Nam tham dự cuộc nội chiến Nam Bắc 1960-1975, và như mọi người lính khác trước khi ra trận, Quân đến từ biệt người yêu tên Hoa. Thông thường theo ấn bản qui định trong nền văn học XHCN, chàng phải đứng bên này một cây cỏ thụ mà động viên nàng ở lại phải "ba đảm đang, bốn sẵn sàng" và nàng cũng khuyên chàng "tuyệt đối tin tưởng ở Bác và Đảng và cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước thần thánh..." Dương Thu Hương đã làm một cách mạng nho nhỏ ^[1] khi tả đôi trẻ Quân Hoa từ biệt như sau:

Hoa ngoái đầu lại, cười. Vì thế vấp, ngã. Đang đà bước tới tôi ngã chồm lên cô. Trời tối... nhưng tôi thấy rõ khuôn mặt Hoa kẻ dưới cổ tôi, khuôn ngực phập phồng dưới vòng tay tôi... Tôi choáng váng, xây sầm mặt mày, lần đầu tiên chúng tôi gần gũi đến thế. Lần đầu tiên tôi thèm muốn điên cuồng... Tôi đã là một thằng con trai. Chuyện thầm kín giữa đàn

ông và đàn bà như một trái cây chín đong đưa ngay trước miệng... Có lẽ đây là cơ hội đầu tiên tôi có thể trở thành đàn ông một cách toàn vẹn. Nhưng tôi nghe Hoa thì thào: "Đừng anh... "

Tay cô vẫn đặt trên ngực tôi, môi cô vẫn kề môi tôi trong nụ hôn mê man. Khi chúng tôi ngừng lại để thở, cô nói tôi, lần này rành mạch hơn:

"Đừng anh... Chúng mình chưa cưới. Bố mẹ sẽ đánh đuổi em nếu mà..." (Tiểu thuyết vô đề)

Vậy là chàng Quân vẫn còn trinh nam hay đồng nam khi vác súng vác đạn lên đường "sinh Bắc tử Nam", tham dự ngập đến tận cổ cuộc nội chiến dai dẳng. Với thời gian Quân được thăng lên cấp sĩ quan, và cũng có dịp để mất trinh:

Ấy là bận hành quân qua Nghệ An, một làng nhỏ ven núi. Con gái vùng ấy thực dễ dàng. Các cô sán đến cầu chí, trợn đuôi cọ vú vào bọn tôi. Tối đến, chúng tôi lần mò lên đồi. Gió thổi mát rượi giữa những tiếng cười rúc rích, lướt qua những thân cỏ mịn màng ấm nóng sau những tiếng thì thầm, tiếng rên, tiếng nấc của những bụi sim hồng hèn, chao đảo, nhấp nhô... Trong vòng tay tôi, cô ta vừa ôm chặt lấy tôi, vừa líu ríu nói gì đó tôi nghe không rõ." (tr. 81, sđd.)

Đọc đoạn văn trên, thấy khi có dịp thuận tiện, thì người hùng cách mạng cũng biết chim mình không phải chỉ để đái mà thôi!

Sau nhiều năm chiến đấu gian nan, Quân được cái phép về Bắc thăm gia đình. Chàng đi ngược đường mòn Hồ Chí Minh, dĩ nhiên là đi bộ với tám thân suy tàn vì chiến đấu quá nhiều, ăn uống thiếu thốn, bệnh tật. Một ngày kia đến một trạm giữa rừng, người duy nhất hiện diện là trưởng trại, một phụ nữ xấu xí bản thủ nhưng vạm vỡ, vừa mới kéo ba xác bộ đội đi chôn. Cô đơn giữa rừng lâu ngày, người đàn bà này thêm khát đàn ông kinh khủng. Cô tận tình tiếp đón anh chàng trung úy trẻ mới ở mặt trận trở về, cho ăn uống tắm rửa và nằm chung giường.

Rồi không kiên nhẫn được nữa, cô túm lũng quần tôi, lay... Tôi không dám mở mắt nhưng tôi xoay người lại, nói ôn tồn:

"Đồng chí Viêng... Chính vì đồng chí ở đây một mình nên tôi không dám gây phiền phức. Lỡ có chuyện gì không may xảy ra thì chết mất..."

Dĩ nhiên đồng chí Viêng đang lên cơn động tình, lần đầu tiên cơn hứng tình của phụ nữ được nói tới trong văn chương miền Bắc, đã không nghe lời, tiếp tục "xách nhiều tình dục" chàng trai, một cảnh tán công tình dục kéo dài đến ba trang giấy, có lúc nàng"... *riết chặt lấy tôi, ôm bồng lên bụng mình*" và vân vân. Nhưng chàng bộ đội cương quyết không chịu và Dương Thu Hương cho biết không phải vì quân phong quân kỷ đạo đức cách mạng chi hết, chỉ vì nàng xấu và hôi như một phu đào huyết chính cống, không phải *như là*, mà là người có nhiệm vụ kéo xác tử sĩ về rồi chôn cất... Sau cùng:

Viêng vụt đưa mắt hồ nghi nhìn tôi rồi bắt chợt thọc tay vào bụng dưới tôi, khoảng giữa hai đùi... Lúc đó, rõ ràng cô đã thấy tôi là thằng đàn ông vô dụng! Cuộc khám nghiệm có kết quả đảo ngược tình thế. Nữ chủ nhân thu tay về, đưa mắt nhìn tôi im lặng, cái nhìn đầy bao dung và khinh bỉ. Kẻ bị thương hại bây giờ là tôi. "Thế là may rồi! Thật hú vía!" ... tôi thầm nghĩ... (tr. 48-151 sđd.)

Chàng và nàng ai trở về giường người nấy, và sáng hôm sau chàng tiếp tục cuộc bộ đi ngược đường Trường Sơn, tinh lực tình dục dồn nén từ mấy năm vẫn chưa giải quyết, để chàng thỉnh thoảng nằm mơ dâm tình:

Nhưng, thân thể vừa ấm, tôi chìm ngay vào cơn mê buốt lạnh. Tôi thấy Hoa. Cô đang ăn nằm với một gã đàn ông đen sì, dị dạng. Cô kêu ú ớ, mặt tái nhợt như kẻ chết trôi. Gã đàn ông bóp nặn cô với đôi cánh tay gầy, lông lá. Tóc hắt dựng đứng. Tắm thân gã cử động khó nhọc và quái dị như một con đười ươi. Tôi thấy gã nhìn tôi, nhăn nhó cười, phơi bày cuộc chiến thắng bỉ ổi một cách hể hả... Tim tôi đau nhói vì ước muốn trả thù. Tôi định hét to lên một tiếng.

Sau một cơn bệnh làm Quân phải nằm bệnh xá một thời gian, chàng được chứng kiến sự xuất hiện của một cô gái ở giữa rừng xanh núi xám và đám lính xa nhà đã lâu. Dương Thu Hương tả cảnh đó tương tự như bức tranh "Vénus sortant de l'onde" (Vệ nữ ra khỏi sóng), và bà có lý, vì tự bản thân lúc trẻ đã đi thanh niên xung phong vào rừng núi Trường Sơn:

Sớm nay thứ hai, giao liên tới: "Nữ giao liên, anh em ơi...!" Có nhiều cậu nhẩy căng lên. Cả đám người xao động, nháo nhác chạy ngược xuôi. Tôi đứng lẫn trong đám đông, lòng rộn ràng. Mỗi mười phút sau tôi mới thấy người con gái đó. "Cũng bỏ công chờ đón..." Cô xinh xắn, nhưng không đẹp. Da trắng xanh, tóc đen, mắt đen, răng khềnh. Cô lại nhỏ bé, có vẻ yếu ớt.

Tất cả chúng tôi xô ra, ai cũng cố nói với cô một câu, chạm vào vạt áo đen mềm hay mái tóc xoã ngang lưng. Cô giao liên cười với tất cả, gật đầu chào tất cả bằng thái độ bình tĩnh, nhẵn nại. Chắc cô đã quen với cảnh rồ dại của đám đàn ông bị nhốt lâu trên rừng.

Khi *Tiểu thuyết vô đề* xuất hiện ở Mỹ, không ít độc giả Việt Nam hải ngoại cần nhân tác giả về đoạn bịa đặt biệt kích miền Nam tàn ác, sa-đích đối với các thanh niên xung phong miền Bắc đi lạc: "*Chúng tôi hướng vào góc rừng đã toả ra mùi thối khủng khiếp. Tới vực Cô Hồn, gặp sáu cái xác trủng. Xác đàn bà. Vú và cửa mình bị xẻo, ném vung vãi khắp đám cỏ chung quanh.*"

Đó chỉ là một huyền thoại tuyên truyền thường được sử dụng trong chiến tranh để tạo lòng căm thù đối phương. Tương tự như huyền thoại do tờ *Sài Gòn Giải Phóng* phổ biến sau ngày 30 tháng 4. 1975: các dân quân của chi khu Hải Yến miền Hậu Giang, vốn gốc là dân tị nạn cộng sản Tàu, thích ăn thịt đàn bà, chứ không chỉ xẻo ra, vứt chơi không. Ai thích ăn vú, được gọi là Hai Vú, ai thích ăn thịt cái đó của đàn bà, gọi là chi... Có thể các huyền thoại kiểu như thế dùng để dọa các cô thanh niên xung phong vào Trường Sơn, trong đó có Dương Thu Hương lúc trẻ, để mấy cô đừng có rời đơn vị đi lang bang. Có ngáo ộp trong rừng đó!

Bùi Duy Tâm và Tôi



Năm 1964 ông Bùi Duy Tâm từ Mỹ trở về Sài Gòn, sau khi hoàn tất học vị Tiến sĩ Y khoa và Tiến sĩ Sinh hoá (Biochemistry). Đầu tiên ông Tâm dạy tại Đại học Y khoa Sài Gòn, sau đó ông ra Huế làm Khoa trưởng Đại học Y khoa Huế cho đến cuối năm 1972. Ông rời Huế về Saigon để làm Khoa trưởng Đại học Y khoa Minh Đức. Đạo đó tôi đang làm Hiệu trưởng một trường trung học tại Saigon, cho nên nói về nghề nghiệp, thì tôi với ông cũng là ... đồng nghiệp. Vào năm 1972 ông Tâm cho mở một trung tâm huấn luyện bóng bàn dành cho thiếu nhi trong tòa nhà khánh tiết tại Vận Động Trường Cộng Hòa Sài Gòn. Tòa Đại Sứ Tây Đức viện trợ 10 bàn đúng tiêu chuẩn quốc tế. Các em thiếu nhi đến tập dượt không phải trả tiền mượn bàn, mà còn được cấp bánh, và nước uống. Ông Tâm cũng xin Bộ Thanh Niên biệt phái danh thủ Mai Văn Hòa và Vũ Đình Nhạ đến chỉ bảo huấn luyện cho các em.

Nhà tôi ở đường Triệu Đà (đối diện với nhà ông Trang sĩ Tấn, nguyên giáo sư trung học, nguyên Chuẩn tướng Giám đốc Nha Cảnh sát Đô thành Saigon). Từ nhà tôi đi bộ đến sân vận động Cộng Hoà chỉ có năm mười phút, cho nên vào những buổi chiều, tôi thường xách vợt đến đó chơi kè với các em thiếu nhi. Từ đó tôi có dịp quen biết giáo sư Tâm, vì thỉnh thoảng sau giờ dạy tại đại học Y khoa Saigon, ông Tâm cũng thường lái xe ghé qua để theo dõi sinh hoạt trung tâm bóng bàn.

Quen biết nhau chưa được mấy năm, thì xảy ra biến cố 30 tháng 04, giáo sư Tâm và tôi không hẹn mà gặp trong trại tù cải tạo Trảng Lớn (tỉnh Tây Ninh). Chúng tôi ở trong L3/T2 tức là Trung đoàn 3 Tiểu đoàn 2. Bên kia hàng rào là Tiểu đoàn 1, có luật sư kiêm ca sĩ Khuất Duy Trác, mỗi chiều thường chỉ huy đội hợp ca Tiểu đoàn hát bè các bài nhạc cách mạng.

Bên này hàng rào, chúng tôi cũng không thiếu nhân tài. Có giáo sư Đặng thông Phong (chưởng môn Hapkido ở Việt nam), gs Vũ Đình Lục (dạy toán Võ bị Đà Lạt), gs Bùi Duy Tâm (khoa trưởng Y khoa Minh Đức), Thống đốc Ngân hàng Quốc gia Việt nam Lê Quang Uyển, họa sĩ Trịnh Cung Nguyễn văn Tiến, Phan Hải cháu ruột của Phan Mạch (Chủ nhiệm văn phòng Thủ tướng Phạm văn Đồng) và người bạn thân của tôi là giáo sư Phan Đình Hoài (Hoài là cháu ruột của ba ông lớn (Không dùng từ này): Lê Đức Thọ Phan Đình Khải, Mai Chí Thọ Phan Đình Đồng và Đinh Đức Thiệu Phan Đình Dinh).

Mấy tháng đầu trong tù, chúng tôi chỉ lo đào giếng, cất tranh lợp nhà, xây cất hội trường và lao động trồng rau xanh. Dự tính đi học 10 ngày rồi về, mà chẳng thấy học hành gì cả. Một buổi chiều, sau khi cơm nước xong, giáo sư Bùi Duy Tâm rủ tôi đi dạo chơi như thường lệ. Chúng tôi đi luôn lách giữa các vườn rau xanh. Khi chỉ còn có hai đĩa, giáo sư Tâm khẽ nói: Mưa sẽ về trong một hay hai tuần nữa, mưa có vài lời khuyên toa

- Thứ nhất, hãy tập nhịn ăn. Trước kia ăn ba bát cơm thì nay tập ăn hai bát hoặc ít hơn,

bên ngoài người dân cả nước còn đói, hướng chi bọn tù như mình.

- Thứ hai, hãy tập nhin nói, vì trong tù đầy rẫy bọn ăn ten. Càng nói nhiều càng mang hoạ vào thân.

- Thứ ba, toa hãy ráng giữ gìn sức khoẻ, giữ vững tinh thần, để chờ ngày về với gia đình. Có thể toa sẽ phải học tập trong hai ba năm hay lâu hơn nữa. Hãy giữ vệ sinh để tránh bệnh tật. Ở đây mắc bệnh thì chỉ có chết.

Tôi ngạc nhiên về những thông báo của anh, làm sao anh biết anh sẽ về, làm sao anh biết tôi sẽ học tập trong vài ba năm.

Giáo sư Tâm cho biết trước ngày mất miền Nam, anh có viết một dự án xin nước Pháp tài trợ và trang bị một phòng thí nghiệm y khoa, một thư viện cho đại học Minh Đức và Pháp đã chấp thuận. Bây giờ “Cách mạng” cần anh về để làm thủ tục nhận lãnh các quà tặng này. Giáo sư Tâm cũng cho biết trong gia đình anh có một người thân làm lớn trong chính quyền mới, người này đã báo cho anh biết rõ chính sách và thời gian cải tạo “ngụy quân ngụy quyền” và cũng chính người thân này đã “đứng tên” giùm nhà cửa, xe ô tô của anh trước khi anh đi trình diện học tập.

Quả thật, đúng hai tuần sau, giáo sư Tâm xách hành trang cá nhân lên trình diện Tiểu đoàn. Anh chỉ kịp gửi cho tôi một bao thuốc tây gồm một ít thuốc cảm, thuốc ho và kiết lỵ là những thứ tối cần cho người tù cải tạo.

Ba năm sau, tôi được tam tha trở về thành phố mang tên Bác. Tôi gặp lại giáo sư Tâm đi dạy đại học Nha Y Dược. Anh mặc áo sơ mi trắng, bỏ bên ngoài chiếc quần tây màu cứt ngựa. Anh cỡi xe đạp đến trường, vai mang xách cốt, trông không khác gì một anh cán bộ miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

Mấy năm sau, khi đã định cư ở Úc, tôi lại nghe nhiều tin giật gân về giáo sư Tâm. Anh đã định cư ở Hoa Kỳ. Anh leo lên núi Mont Blanc cao hơn 4800 mét và là người Việt nam đầu tiên lên Bắc cực (có giấy chứng nhận của Cơ quan Quản lý Bắc cực). Anh còn ra vào Việt nam nhiều lần để môi giới bán giúp (Không dùng từ này) Việt nam kho đạn Long Bình. Rồi giáo sư Tâm đi biển Đồ sơn chơi với nữ văn sĩ Dương Thu Hương và bà Hương đã thu bằng những lời “hàn huyền” của ông Tâm. Chính nhờ những cuộn băng này mà bà Dương thu Hương không bị (Không dùng từ này) Việt nam “thủ tiêu”.

Đến đây tôi xin mời độc giả xem trích đoạn bài văn do chính bà Dương thu Hương viết: “Trời đã giúp tôi thành công. Trong chuyến đi chơi Sông Đà với các ông Bùi Duy Tâm và Bùi Duy Tuấn, tôi đã mất 3 cuốn băng ghi toàn những chuyện ba hoa, hươu vượn.

Nhưng vào đoạn chót của cuốn băng thứ 4 ông Tâm đã thú nhận: Anh đã cho Dương Thông rất nhiều tiền (Dương Thông là Trung tướng Công an).

Sau chuyến đi đó chừng vài ngày, họ bắt tôi. Trong thời gian ấy tôi đã kịp sao băng ghi âm ra vài bản, gửi ra 3 nước: Pháp, Tiệp và Mỹ. Do sự can thiệp của chính phủ Pháp, đặc biệt là bà Daniel Mitterand và phong trào nhân quyền thế giới, ngày 20/11 họ buộc phải thả tôi ra, sau gần 8 tháng giam giữ không xét xử. Lúc đó ông Bùi Thiện Ngộ là Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Ông Ngộ cử thiếu tá Sơn tới gặp tôi:

- Theo đúng pháp luật thì chị có quyền kiện Nhà nước. Nhưng Bộ trưởng muốn tìm một khả năng mềm dẻo hơn có lợi cho cả 2 bên.

Tôi cười. Tôi hiểu cái sự kiện tụng ở xứ sở này ra sao. Tôi yêu cầu cuộc thanh toán với Dương Thông. Bộ Nội vụ chấp thuận.

Vào mùa Xuân năm 1992, đại diện của Bộ Nội vụ là ông Bùi Quốc Huy (tức Năm Huy) - Tổng cục trưởng Tổng cục An ninh, tiếp tôi có sự tham gia của Đại tá Nguyễn Công Nhuận, người ký lệnh bắt và phụ trách nhóm người tra hỏi tôi trong nhà giam. Trong

cuộc gặp này, tôi nói :

- Tôi hiểu rất rành rọt tôi đang chơi trò trứng chọi đá. Bởi thế, lúc nào tôi cũng chuẩn bị cho cái chết của tôi . Tuy nhiên, tôi lại không ưa chết một mình. Nên tôi cũng trù liệu để sau cái chết của tôi, ít nhất cũng phải có dăm bảy đứa khác phải chết theo để tiếp tục chiến đấu dưới âm phủ, nếu không dưới đó rất buồn. Tôi có vũ khí của tôi. Trong tay tôi có 2 cuộn băng ghi âm. Cuộn thứ nhất *liên quan tới một trong những kẻ tạo dựng ra Nhà nước này, sự tổ của những người như ông. Nó tố cáo nhân cách một trong các bậc lương đồng của triều đình chỉ là loài đều giả, tâm tính hiểm ác, vô luân.* Cuộn thứ 2, *chắc ông cũng đoán được, ghi lại cuộc nói chuyện của ông Bùi Duy Tâm với tôi, trong đó ông Tâm khẳng định là đã cho ông Dương Thông rất nhiều tiền.* Đây hẳn là món thù lao cho việc ông Dương Thông đã 2 lần cứu ông Tâm ra khỏi trại giam, thêm nữa, đón rước ông Tâm đi tới tất cả những lầu cao thềm rộng từ dinh cơ bà Nguyễn Thị Định tới Bộ Tổng Tham mưu, Bộ Quốc phòng, từ nhà riêng các vị chóp bu Nhà nước xuống tới đám quan chức kề cận, để bàn định những đại sự như bán kho vũ khí Long Bình, bán dầu thô và những nguyên liệu khác... Như vậy tôi có trong tay bằng chứng về người tiền nhiệm của ông, gương mặt tiêu biểu cho quyền lực của chế độ này.

Hai băng ghi âm đó đã được chuyển tới 3 nước: Pháp, Tiệp, Mỹ. Nếu các ông đủ lực xin cứ việc truy tìm. Nhưng tôi không tin điều ấy. Các ông không có tiền. Nhân viên sứ quán Việt Nam ở nước ngoài đơn thuần là bọn buôn lậu, quay cuồng trong cơn lốc cướp nhét đô la . Ở nước ngoài, các ông bắt lặc. Còn ở đây, các ông có thể tổ chức tai nạn xe máy để kẹp chết tôi, có thể đầu độc tôi, có thể làm bất cứ một điều gì khác nữa nhưng vào thời điểm tôi chết, chắc chắn phải có kẻ đồng hành. Không tức thời, nhưng sớm hay muộn cũng sẽ có. Và thêm nữa, những người thân của tôi ngoài biên giới sẽ lần lượt công bố các cuốn băng kia.

Cả 2 người đàn ông lặng thinh rồi một người mở chai nước, một người mời tôi ăn nho . Họ hỏi tôi về sức khỏe, con cái, nhà cửa ... làm như là một cuộc tán gẫu giữa mấy người hàng xóm. Tuy nhiên, tôi chẳng phải là một đứa bé nên tôi hiểu cái thái độ người thường gọi là: đánh trống lảng... ấy . Bất cứ kẻ đạo đức giả nào cũng sợ sự thật. Tất cả mọi quốc gia, mọi thể chế đều có bọn đạo đức giả. Nhưng chắc chắn, không ở đâu con người buộc phải trở thành đạo đức giả như ở đây, một xứ sở mang xiềng xích của 2 thể chế: Phong kiến và CS.

Trước khi về, tôi nói thêm :

Xin nhắc lại rằng, tôi đứng trước guồng máy của các ông chỉ là trứng chọi đá. Nhưng vì đã dấn thân vào cuộc chơi này, tôi bắt buộc phải học lấy vài món nghề của các ông. Vậy, các ông theo rồi tôi, tôi cũng theo rồi lại các ông. Tôi biết ông (Năm Huy) thường uống rượu ở đâu, chơi gái ở đâu . Trong hội Quý Mùi (những người sinh năm 1943) ông vẫn tụ họp với những ai và đem theo loại rượu nào. Thành thực mà nói, trên phương diện này, đôi khi trứng còn mạnh hơn đá. Các ông rất nhiều tiền, các ông thèm khát sống, thèm uống rượu Tây, thèm chơi gái, thèm xây nhà lầu ... Tôi là kẻ phá sản, tôi không uống rượu cũng không chơi điểm, tôi có thứ sức mạnh mà sự tổ của các ông thường vẫn gọi "sức mạnh của giai cấp vô sản". Riêng về luận điểm này, tôi thấy Mác đúng. Bởi vì, nói một cách sòng phẳng, với tất cả những thèm muốn ấy các ông sợ chết hơn tôi". (Hết trích).

Đọc qua đoạn văn trên của bà Dương thu Hương, tôi quả thật nể nang giáo sư Tâm. Từ một người tù cải tạo, anh giao du với Bộ Trưởng Công an VC. Anh dùng đô la Mỹ để mua chuộc và lèo lái cái đám lãnh tụ Bắc Bộ phủ vào quỹ đạo của anh.

Cũng may nhờ cơ duyên gặp gỡ anh, mà bà Dương thu Hương đã có được những

cuồn băng ghi âm quý giá. Những cuồn băng này đã giúp bà Hương tránh được cái chết (vì tai nạn giao thông như bà Nông thị Xuân, vợ bác Hồ) và được định cư tại Pháp quốc. Ngày xưa trong tù, giáo sư Tâm đã khuyên tôi ba điều: nhịn ăn, nhịn nói và giữ gìn sức khỏe. Ngày nay, tôi chỉ dám nhắc nhở ông Tâm một điều “tên anh là Duy Tâm, xin anh hãy cẩn trọng khi giao du với những con người Duy Vật”.

Nguyễn Đồng Danh

Chân dung Dương Thu Hương Nguyễn Đăng Mạnh



Tôi không nhớ rõ đã quen Dương Thu Hương từ bao giờ. Có lẽ từ hồi chị học trường viết văn Nguyễn Du chẳng (1981)? Tôi được mời dạy trường này mấy khoá đầu. Dương Thu Hương học khoá một cùng với Ngô Thị Kim Cúc, Lâm Thị Mỹ Dạ, Lê Thị Mỹ, Hữu Thịnh, Chu Lai, Nguyễn Khắc Trường... Hôm làm lễ bế giảng, chị mặc áo dài trắng, khoác tay tôi cho Hoàng Kim Đáng chụp. Ấy là năm 1982. Dương Thu Hương là một phụ nữ có tính cách rất dữ dội và ngang tàng.

Tôi nhớ trong một cuộc họp rất đông văn nghệ sĩ nghe Hoàng Tùng nói chuyện, ở câu lạc bộ báo chí xé xé Nhà hát lớn. Có lẽ nghe chán quá, nhiều người bỏ xuống tống trệt giải khát. Giữa chỗ đông người, Dương Thu Hương nói lớn: *“Trừ anh Hoàng Ngọc Hiến là thầy tôi, anh Nguyễn Đăng Mạnh là người tôi kính trọng, còn tất cả bọn phê bình đều là dòi bọ. Riêng Phan Cự Đệ là con chó ngao”*.

Hồi tôi còn ở nhà B10, khu tập thể Đồng Xa, chị có đến vài lần. Một lần chị đến với đạo diễn điện ảnh Tiến. Tôi đi vắng. Khi về, thấy có một mảnh giấy gài ở cửa, ghi mấy chữ: *“Em đến anh cùng với Tiến để trao đổi về tác phẩm của nhà văn trâu bò của chúng ta (tức cuốn Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành của Nguyễn Minh Châu, chị muốn chuyển thành kịch bản phim). Rất tiếc, anh đi vắng. Ngày mai em lại đến. Nếu anh không có nhà thì cái trường Đại học Sư phạm của anh sẽ bị đốt”*.

Hồi chị viết *Bên kia bờ ảo vọng*, ban đầu đưa đến nhà xuất bản Lao động. Lúc ấy Ma Văn Kháng làm giám đốc. Kháng ngại không in, có lẽ vì sợ đụng đến Nguyễn Đình Thi. Chị đưa cho nhà xuất bản Phụ nữ và được chấp

nhận. Trên đường đi về, tình cờ chị gặp Ma Văn Kháng và một anh nữa cũng ở Nhà xuất bản *Lao động*. Họ đi xe đạp ngược chiều nhau. Dương Thu Hương gọi hai anh kia đỗ xe lại và nói dõng dạc: *“Này hai thằng mặt dày, sách của tao in rồi!”*. Trong một cuộc hội thảo khoa học kỷ niệm 35 năm văn học cách mạng (1980), Dương Thu Hương lên diễn đàn, chị phát biểu *“Đôi điều suy nghĩ về nhân cách của người trí thức”*, phê phán nhiều văn nghệ sĩ tư cách rất hèn. Chị cũng phàn nàn về đời sống nhà văn. Chị nói: *“Viết một tác phẩm rất khó nhọc mà nhuận bút thấp. Nếu tôi không say mê văn chương thì tôi đi làm thợ may hay bán bánh rán còn sống tốt hơn. Cả hội nghị đôi, anh nào cũng mặt xanh nạnh vàng cả. Ta có quá nhiều nhà thơ và anh hùng mà thiếu người làm kinh tế...”*

Lại nhớ một lần tôi cùng Dương Thu Hương, Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Văn Hạnh được trường Đại học Sư phạm Việt Bắc mời nói chuyện. Hôm Dương Thu Hương đăng đàn diễn thuyết, tôi có đến nghe. Chị vừa nói vừa đi đi lại lại rất hiên ngang. Tôi nhớ loáng thoáng, mở đầu chị phê phán Hồ Chí Minh: *“Năm điều bác Hồ dạy, không nói yêu cha mẹ nên bây giờ trẻ con hư hỏng hết.”* Lúc đó có một anh cán bộ giảng dạy đứng lên hỏi, đại khái, có phải tác phẩm nào đấy của chị là kết quả của chuyến đi thực tế ở đâu đó không? Chị mắng luôn anh cán bộ nọ: *“Lẽ ra tôi không thèm trả lời. Việc gì tôi phải đi thực tế! Chỉ có bọn cán bộ lãnh đạo quan liêu mới phải đi thực tế chứ! Chính tôi là thực tế, còn phải đi đâu?”*

Có một lần tôi đến Dương Thu Hương lúc chị còn ở Ngô Thì Nhậm. Chị nói, ông Đỗ Mười có sai một anh thư ký đến mời chị đến gặp. Chị trả lời: *“Ông Đỗ Mười hay Đỗ mười một muốn gặp tôi thì đến đây mà gặp”*.

Tôi và Dương Thu Hương có một cuộc dong chơi có thể gọi là một cuộc “bát phố” Hà Nội rất thú vị. Từ Ngô Thì Nhậm, chị rủ tôi đi bộ. (Dương Thu Hương rất cảnh giác, không đi xe đạp, không đi xe máy, sợ bị thủ tiêu). Chúng tôi cứ đi lang thang từ phố này sang phố khác. Thỉnh thoảng chị lại chỉ nhà này nhà nọ, hỏi tôi: *“Anh có biết nhà ai đây không?”*. Tôi không biết. Chị nói: *“Cóm đấy!”* Theo chị, Trần Quốc Vượng, Phạm Hoàng Gia cũng là cóm. Đi mãi, mỏi chân, chúng tôi vào ăn ở một cái quán ven đường Trần Quốc Toàn chỗ giáp Trần Bình Trọng. Ăn xong, tôi rủ Dương Thu Hương đến nhà Văn Tâm chơi. Văn Tâm ở Phan Bội Châu, gần đấy. Hương nói: *“Văn Tâm là thằng khốn nạn, không đến!”*. Tôi ngạc nhiên nói, Văn Tâm không phải thế đâu, cũng là người tử tế. Chị nói: *“Thôi được, đã là bạn của anh thì đến cũng được”*. Văn Tâm hôm ấy hơi mệt, vào thấy đang nằm trên giường. Vợ chồng Văn Tâm thấy Dương Thu Hương đến thì cảm động lắm, vội vàng tiếp đón niềm nở. Nhìn thấy bức tranh Lưu Công Nhân vẽ Văn Tâm treo trên tường, tôi nói: *“Tranh của Lưu Công Nhân”*. Dương Thu Hương nói *“Lưu Công Nhân là thằng khốn nạn!”*. Từ Đà Lạt, nó dám viết thư gọi: *“Em vào đây với anh – Thằng khốn nạn!”* Chị Cam, vợ Văn Tâm nói: *“Chị uống ca cao nhé!”* Dương Thu Hương: *“Không, uống cà phê”* Chị Cam: *“Cà phê chúng tôi cũng có nhưng để bị hã mất rồi!”*

Dương Thu Hương: *“Thì ra ngoài phố uống!”*.

Vợ chồng Văn Tâm phải nài khéo chị mới ở lại.

Bỗng Dương Thu Hương chỉ mặt Văn Tâm nói: *“Anh là thằng khốn nạn!”* Văn Tâm ó người, không hiểu sao. Dương Thu Hương giải thích: *“Anh làm thầy dùi phá đám cuộc tình của Cao Xuân Hạo và Phương Quỳnh phải không?”* (Lúc này Dương Thu Hương còn chơi thân với Phương Quỳnh).

Văn Tâm phân trần: Anh không hề can thiệp gì đến cuộc tình ấy. Thậm chí anh còn cho đấy là mối tình đầu tiên thật sự là tình yêu của Cao Xuân Hạo.

Chẳng qua là vợ Hạo trong Nam doạ sẽ thuê bọn voi xanh voi đỏ ra phá tan nhà Phương Quỳnh, vì thế họ phải chia tay. Dương Thu Hương không nói gì nữa.

Đáy khẩu khí của Dương Thu Hương là như vậy. Thế mà khi đến nhà tôi, vợ tôi thấy chị có vẻ rất hiền. Cười rất tươi. Tính cách Dương Thu Hương như vậy, nên viết văn cũng dữ dội lắm.

Hồi ấy tôi viết bài *Những phiên tòa của Dương Thu Hương* (1986) là muốn diễn tả cái chất văn quyết liệt ấy. Chất văn này mà được phát huy trong thể văn bút chiến, tranh luận thì phải biết! Sau này quả là chị đã trở thành ngòi bút chính luận rất sắc sảo. Sắc sảo hơn văn tiểu thuyết. Chính Dương Thu Hương cũng không đánh giá cao văn tiểu thuyết của mình. Có lần chị nói với tôi: *“Văn của em là văn cải lương, anh đọc làm gì!”*. Dương Thu Hương rất có ý thức viết văn không vì mục đích văn chương mà vì mục đích chính trị, mục đích chiến đấu cho lợi ích dân tộc, cho chân lý – chị tuyên bố như thế.

Hồi Dương Thu Hương mới ở tù ra, tôi tình cờ gặp ở quán cà phê vỉa hè chỗ 51Trần Hưng Đạo. Không hiểu sao chị lại ngồi với một nữ trung úy công an rất xinh xắn (Dương Thu Hương là nữ mà lại mê những cô gái đẹp). Đối với những người có liên quan đến chị mà phải làm việc với công an khi chị bị tù, chị nghi ngờ tuốt và khinh tuốt, như Đỗ Đức Hiểu (từng dạy chị tiếng Pháp), Nguyễn Huy Thiệp, cả Nguyễn Ngọc và người bạn gái xinh đẹp và thân thiết của chị là Phương Quỳnh. Chị hỏi tôi: *“Này, có phải Nguyễn Huy Thiệp sợ hãi đá ra phải không?”*.

Dương Thu Hương thích nói năng kiêu dân dã, kể cả nói tục. Thích giọng đời. Không thích giọng văn chương. Coi nhiệm vụ công dân lúc này là cao hơn nhiệm vụ làm văn.

Nhân chuyện Hoàng Ngọc Hiến nghe Đỗ Chu nói dối đi hội chen về mà tưởng thật, và chuyện anh đại đột tham gia vào một đảng nào đấy, Dương Thu Hương gọi Hiến là đồ ngốc, “nếu là đàn bà thì chữa hoàng hàng tỉ lần”. ở Dương Thu Hương, dường như nói bạo, nói thô, nói tục là để át đi một cái gì có thực trong lòng là những tình cảm đằm thắm, là sự nhạy cảm về lý tưởng, do đó tự thấy là yếu đuối. Con người dữ mà thực ra lành. Đốp chát đấy mà hay nể người. Rất cảnh giác mà lại cả tin. Dễ bị lừa. Thách thức kẻ thù, hiện ngang đối mặt với kẻ thù, sẵn sàng cô độc giữa bầy sói, nhưng lại cần tình bạn. Ôi! Tình bạn vô tư, chân thật sao mà hiếm có trên đời, nhất là đối với một cô gái xinh xắn trên đất Việt Nam này! Cho nên viết văn là nhu cầu tất yếu, là lẽ sống, để có thể có người tri kỷ mà không có tình dục xen vào. Văn chương là người bạn vô tư. Dương Thu Hương hay viết về tình yêu - đúng ra là những vụ án tình. Nhưng trong truyện của chị, xem ra không hề có tình yêu tốt đẹp, được ngợi ca như là hạnh phúc đời người. Tình yêu trong tác phẩm Dương Thu Hương, hoặc chỉ là tình yêu ảo vọng của những cô gái ngây thơ và lãng mạn, hoặc chỉ là thứ “tình chài gái, lừa gái” của những gã Sở Khanh hiện đại.

Dương Thu Hương tuyên bố thoải mái: *“Tôi là con đàn bà lại đực (Còn Nguyễn Khải là thằng đàn ông lại cái)”*. Chị thích chơi với bạn trai nhưng rất ghét những thằng cứ muốn chuyển sang tình yêu nam nữ, như Lê Đạt, Trần Đĩnh... Khi nhận thấy có biểu hiện như thế, lập tức chị đuổi luôn. Dương Thu Hương cũng không thích phiền lụy đến những gia đình mà do chồng có quan hệ với chị mà vợ chồng lủng củng. Có lần Dương Thu Hương rủ Nguyễn Duy Tiến (một tiến sĩ toán có giúp đỡ gì đó đối với con hay cháu của chị) đi nhậu cho vui.

Nhưng khi biết vợ Tiến có ý nghi ngờ, ghen tuông, chị cắt luôn, không chơi với nữa. Riêng tôi và Hoàng Ngọc Hiến vẫn được chị coi là bạn vô tư. Với chúng tôi, chị có thể nói như nam giới với nhau về thói dâm ô của người này người khác, như chuyện Hoàng Tùng nửa trên, nửa dưới như thế nào đó...

Một người có vẻ sắc sảo và luôn cảnh giác như thế mà đã nhiều phen bị lừa... Chẳng hạn chuyên làm nhà làm cửa gì đấy với Lam Luyến, hay chuyện mua phải thuốc bổ rôm (làm bằng thuốc tăng trọng lợn) bị phủ và lở loét khắp người. Tóm lại Dương Thu Hương có vẻ giàu nam tính – tính cách mạnh, ăn nói ngổ ngáo – nhưng thực chất vẫn là một phụ nữ giàu tình cảm và luôn có mặc cảm của một cô gái trong xã hội Việt Nam với những thành kiến, những định kiến về người phụ nữ. Ăn nói tạo tợn dữ dội, bốp chát, ngang tàng, đúng là một cách để che dấu sự mềm yếu của nữ tính và để đối phó với những định kiến xã hội nói trên. Cho nên chị mới phải “tự thiến” (Uống thuốc diệt dục). Có ba điều dễ mắc phải và dễ bị lợi dụng, bị vu khống là danh, lợi, tình dục. Danh lợi chị không thèm. Nhưng tình dục thì phải “tự thiến”.

Dương Thu Hương đã từng có lúc tưởng chỉ còn vắt vào nhà xác (uống nhầm aspirine bị chảy máu dạ dày). Hai lần uống thuốc tự tử. Lấy phải thằng chồng vũ phu, bị nó đánh có thương tích (Nguyễn Văn Hạnh nói, có lần Dương Thu Hương dùng mưu trả thù: lừa chồng chui đầu vào gầm giường nhật hộ cái gì đó, rồi lấy gậy quật thật lực).

Dương Thu Hương không dấu tôi chuyện gì. Hỏi gì cũng nói: Hương sinh ở Thái Bình (quê nội) được một năm thì nhà chuyển đi Bắc Giang, chỗ giáp Bắc Ninh (Việt Yên). Nhà bị bom, chuyển vào thị xã Bắc Ninh cho đến hết kháng chiến chống Pháp. Học trường Hàn Thuyên cho đến 1964. Sau đó học trường lý luận nghiệp vụ Bộ văn hoá. Từng cắn máu tay viết đơn xin đi tuyển lửa Quảng Bình (1966- 1975). Chín năm ở tuyển lửa. Khi chiến thắng thì vỡ mộng: lý tưởng vấp phải thực tế đầy tiêu cực, bị phá sản. Những thần tượng bị sụp đổ. Tự coi như bị lừa dối, chị từ bỏ thơ, xoay ra viết văn xuôi để lên án những kẻ đã làm vấy bùn lên lá cờ lý tưởng của mình. Từ nay, tất cả đều phải cảnh giác, chỉ tin ở mình thôi. Chấp nhận sống cô độc, chấp nhận sống giữa kẻ thù để chiến đấu.

Nhưng thật ra có tin ở một cái gì mới hăng hái chửi bới, phủ định như thế chứ! Chín năm ấy dẫn đến sự vỡ mộng, nhưng cũng là chín năm rèn luyện một niềm tin ở mình và cuộc sống.

Dương Thu Hương kể chuyện với tôi, chị lấy phải một thằng chồng thô bỉ mà mãi không bỏ được. Ông bố là một sĩ quan quân đội rất phong kiến, không cho bỏ chồng. Ông bắt con phải kiểm điểm chính huấn theo kiểu Tàu, học được ở Quế Lâm. Con gái lớn mà bắt đứng úp mặt vào tường. Li dị chồng rồi vẫn thế (Dương Thu Hương thế mà lại là đứa con ngoan, rất sợ bố).

Mãi sau ông cụ mới hiểu ra. Sáng sớm hôm ấy, ngồi đầu giường con đang ngủ, hút thuốc lão, nhìn con, thương con, ông hối hận. Giờ ông mới hiểu, do biết thằng rể thực chất là một thằng đê. Mười bốn năm sống với nó, còn gì là đời con gái!

Có lần Nguyễn Tuân mời Dương Thu Hương đến chơi. Chị từ chối, vì thấy ông ấy kiêu ngạo quá. Nguyễn Tuân nhắc lại. Chị nói: “Cháu chè, thuốc, rượu, chả biết”. Vậy là Dương Thu Hương không thích quan hệ trên dưới kiểu gia trưởng. Con người này sinh ra thích bình đẳng, có máu dân chủ. Dương Thu Hương đặc biệt căm ghét bọn trí thức hèn nhát, trí thức quý tộc đi Volga mà hèn. Căm ghét khái niệm “đi thực tế”. Bọn quan lại: đi ô tô,

xa thực tế mới cần đi thực tế. Còn nhà văn là phải sống với thực tế cả đời chứ!
Đâu còn loại nhà văn tháp ngà!

Sau khi đi tù về, Dương Thu Hương ở một căn hộ thuộc một chung cư ở Trung Tự (A8, B17). Sống một mình. Hai con có chồng có vợ, trưởng thành cả rồi. Chị hay mời tôi với Hoàng Ngọc Hiến (gần đây thêm Nguyễn Thị Bình) đi ăn, khi ở nhà hàng Phú Gia, khi ở nhà hàng Vân Nam, thường vào dịp đầu xuân hay sau một chuyến đi nước ngoài về. Chị không muốn có quan hệ với bạn mới, sợ liên lụy đến người ta.

Gần đây, Dương Thu Hương luôn tự nhận mình là giặc, và là một người đàn bà nhà quê, răng đen, mắt toét, mặc vá. Chị nói, dân tộc Việt Nam thực ra là một dân tộc nông dân. Chị thích văng tục vì đây là ngôn ngữ nông dân. Phải nói bằng ngôn ngữ nông dân mới diễn đạt được đích đáng mọi sự thật.

Nhưng Dương Thu Hương là người rất công bằng. Có lần chị được mời sang Pháp. Một đám Việt kiều ở một tỉnh nào đó mời đến nói chuyện. Bọn này muốn chị mạt sát Hồ Chí Minh. Nhưng chị vẫn đánh giá Hồ Chí Minh, dù sao cũng là một nhân vật vĩ đại. Thế là chúng tức tối, có thằng đến khách sạn dọa đánh chị. Dân Việt Nam là thế, hay bè phái. Mà bè phái thì bất chấp chân lý, bất chấp lẽ phải.

Hồi ấy nhiều người cứ tưởng Dương Thu Hương ở lại Pháp không về. Thực ra đúng thời hạn, chị về ngay.

Gần đây, chị lại sang Pháp. Lần này chị chủ trương ở lại. ở trong nước, bị quấy nhiễu quá, không làm việc được. Có hồi người ta cắt cả điện thoại của chị. Viết truyện, Dương Thu Hương thường hay luận về vấn đề hạnh phúc của những cô gái trẻ. Những cô gái hờn hĩnh và lãng mạn, chẳng hiểu tình yêu và hạnh phúc là gì, cứ chạy theo những tình yêu mơ mộng và huyền hoặc, để cuối cùng đánh rơi mất tình yêu và hạnh phúc thực của mình. Dương Thu Hương từng luận về hạnh phúc như một người đầy trải nghiệm: nó như quân xúc sắc trong trò chơi. Cần thì không đến. Không cần lại đến. Nhưng nó đến mà đánh rơi nó, đánh mất nó như chơi. Hạnh phúc phải do chính mình quyết định. Là ý thức, là hiểu biết, nhưng nó cũng là sự hồn nhiên, chân thực, thật thà, trước hết với mình. Đừng có dại nghe ai xúc xiêm – vì hạnh phúc chỉ có cá nhân mình mới hiểu được.

Không rõ Dương Thu Hương tự thấy đời mình thế nào, còn theo tôi, chị chưa bao giờ có hạnh phúc. Đời người đàn bà như thế là khổ lắm. Tôi thật sự khâm phục Dương Thu Hương. Cảm phục sự dũng cảm của chị – sự dũng cảm đã phải trả giá rất đắt: một người yêu đời, rất cần tình bạn và sự cảm thông, mà phải sống cô độc, một mình chống chọi với cả một Nhà nước. Tôi cũng thật sự thương Dương Thu Hương, một người đàn bà như thế là khổ lắm. Hiện nay Dương Thu Hương đang ở Pháp.

Nghe nói tiểu thuyết *Chốn vắng* của chị được dịch và *Những thiên đường mù* sắp được chuyển thành kịch bản phim.

Xin chúc mừng chị.

Phụ đính:



Chốn vắng Talawas

Hơn một thập niên sau, tại hải ngoại mới thấy xuất hiện một cuốn truyện dài mới của Dương Thu Hương, là *Chốn vắng*, đăng nhiều kỳ trên tạp chí *Hợp Lưu* xuất bản tại California trong những năm đầu của thiên niên kỷ thứ 3. Sự vắng mặt lâu của Dương Thu Hương về văn học không làm ai ngạc nhiên vì biết bà bị một thứ quản chế mà G. Orwell trong tác phẩm nổi danh *1984* gọi là "bức hơi", nghĩa là Đảng CSVN vẫn để cho bà sống ở Hà Nội, nhưng không được viết, hiện diện, nhắc nhở... trên mặt báo chí, sinh hoạt văn học... tại Việt Nam nữa. Những nhận định tuyên ngôn này nọ đòi tự do tư tưởng, sáng tác và nhân quyền tối thiểu, chỉ ra được nước ngoài theo cách thể thường được gọi là "chui". Dĩ nhiên kể cả cuốn tiểu thuyết mới nhất của bà: *Chốn vắng*.

Thời gian đã trôi qua hơn mười năm kể từ cuốn *Tiểu thuyết vô đề*, đã làm Dương Thu Hương chín chắn hơn, biết tiết chế ngòi bút, nghĩa là nói tóm tắt: bà viết hay hơn, vững hơn hồi còn trẻ. Thời gian của truyện: Sau khi cuộc nội chiến 60-75 chấm dứt. Về phương diện xã hội, miền Bắc gần như cũ, nhưng đã bắt đầu nhẹ thở và dễ sống hơn, dù công cuộc Đổi Mới mới chỉ bắt đầu ở miền Nam. Không gian: Lần này không ở trong núi rừng Trường Sơn như *Tiểu thuyết vô đề*, mà ở một thị xã nửa tỉnh nửa quê miền Bắc, gần biển nhưng không xa núi.

Nhân vật chính: Vẫn bộ ba cổ điển, như trong huyền thoại Táo quân hai ông và một bà, hay như trong nhiều tiểu thuyết và phim ảnh Pháp hiện đại. Người nữ chính: Miên, dĩ nhiên là đẹp và sexy. Người nam thứ nhất: Bôn, bạn từ nhỏ và 17 tuổi lấy Miên làm vợ, trước khi lên đường vào miền Nam "chống Mỹ cứu nước". Sau hơn mười năm Bôn mất tích kể như chết, Miên chính thức đi lấy chồng khác, là Hoan, tuy cùng lứa tuổi nhưng được miễn đi lính vì có gan bàn chân bẹt. Hoan mánh mung giỏi nên mang lại cho Miên một đời sống tương đối đầy đủ. Hai người đã sinh con thì chiến tranh chấm dứt và Bôn sống sót trở về, và như một lời ca của Phạm Duy, "anh trở về dang dở đời em". Bôn không què quặt nhưng mất sức toàn diện, nghèo (lính chiến giải ngũ xứ nào chẳng nghèo), thêm bệnh thối mòm vì thực quản bị hở. Chính quyền địa phương và dư luận ép Miên phải trở về với ông chồng cũ, một anh hùng bộ đội. Không lẽ để kẻ đi chiến đấu nơi chiến trường xa, trở về lại mất vợ vào tay một người không một ngày lính. Vậy là thảm kịch bắt đầu. Trong một bầu khí hiem khi có trong văn chương miền Bắc, là *bầu khí dục tình*. Như khung cảnh mà Hoan, chồng số 2, đã sống qua:

Mùi biển đêm không chỉ còn là mùi nước mùi gió mùi rong rêu sóng táp vô bờ mùi lũ cá nóc

trương phình trên cát mùi gỗ thuyền hóp nắng đang nhả dần vì nắng khét đôi chỗ mùi vỏ chanh đấm người ăn sò huyết ném lại... mà còn là thứ mùi khác lạ hoà trộn với tất cả những mùi quen thuộc trên khiến không khí đặc thành thứ keo vô hình, và khi hít thở thứ không khí ấy, con người bị nhiễm cơn đói dục tình, ấy là mùi toát ra từ những cặp tình nhân đang quần thảo trong các kho chứa lưới, trên các cồn cát vàng và trong bóng tối rừng dương. Sóng vỗ không mỗi một không ngừng nghỉ như kẻ gác đêm trung thành để tiếng ào ào ồn ã khoá lấp tiếng thì thầm tiếng kêu rên của cặp trai gái nhưng mùi biển không lấn át được mùi các cặp ái ân và vì thế không gian ướt đầm nhục cảm đâu đó những kẻ đói khát ái tình không may lọt chân vào đó...

Đoạn văn trên gợi nhớ tới một đoạn văn của Lê Thị Thấm Vân tả không khí Sài Gòn khi bà trở lại thăm thành phố này (*Xứ nắng*). Hai phụ nữ thật khác nhau lại giống nhau ở cái mũi tinh tường: Lê Thị Thấm Vân ngửi thấy mùi tinh khí mùi cửa mình trong không khí Sài Gòn, còn Dương Thu Hương ngửi thấy mùi ân ái của các đôi trẻ đang làm tình ven biển. Các nhà văn lớp trước không hề ngửi thấy các mùi tương tự, không biết tại các cụ mũi không thính bằng lớp hậu sinh, hay tại những lý do gì khác...

Hoan, người chồng thứ hai của Miên, ngoại trừ khuyết điểm là bàn chân bẹt, là một người khá đẹp trai, cao lớn vạm vỡ. Chàng Bôn, người chồng cũ trở về, mới chỉ thấy quần đùi đang phơi của Hoan, đã thấy mọi sự như sau:

*Bôn đứng lặng, trân trân nhìn chiếc quần đùi của tình địch như con bệnh tâm thần rồi khoảng khắc sau, không nén được lòng, anh giơ tay kéo nó xuống... Bôn thọc hai tay vào hai ống quần, giang rộng ra xem kích tấc người mặt. Anh biết hai bắp đùi người đàn ông này rất lớn. Bộ mông anh ta ít nhất cũng to gấp ba lần bộ mông teo tóp của anh. Và cùng với cặp mông và bộ đùi ấy anh hình dung đến bộ phận truyền thống của đối thủ... Anh chửi rửa mình. Nhưng nào óc anh lại hiện về khung cảnh các phiên chợ xưa, khi anh còn bé tẻo tẻo. Trong các phiên chợ ấy, người ta mua trâu bò, heo giống, chó mèo giống... Khách thò tay nắn bóp hạ bộ con vật, xem hai hột tinh hoàn của nó cân hay lệch, mềm hay rắn, nảy tròn hay méo lép... Rồi họ xoạc gang tay đo chiều dài dương vật... Bôn đau đớn nghĩ rằng chính anh vừa so đo, nắn bóp kiểm soát mình như khách mua kiểm soát một con vật làm giống... (tr. 230 *Hợp Lưu* số 59)*

Vì là người to khoẻ như thế, Hoan đã có những kinh nghiệm dục tình phong phú hơn Bôn nhiều. Có lần một cô gái nhà giàu lỡ không chồng mà chửa, đã khéo léo dụ Hoan ngủ với mình để lấy làm chồng. Nhưng kinh nghiệm dục tình đáng nhớ nhất là lúc còn trẻ, thời kỳ sống trong một cái chòi tre lá đơn sơ, gần một xóm chài nghèo qui tụ những đàn bà goá chồng có con. Một phụ nữ nghèo, lam lũ kiếm sống nuôi con, mê và thèm muốn Hoan, đã lợi dụng một đêm tối trời leo lên chòi lá:

Rồi đột ngột chị úp mặt vào ngực anh, bàn tay thô thám của chị rờ rẫm trên da thịt anh: "Có nháp không?... Tôi có làm anh đau không?"... Rồi như cảm thấy những lời lẽ vụng về thô mộc đó không biểu hiện được sự hàm ơn chị cúi xuống hôn ngực Hoan. Bắt đầu từ lúc đó anh chàng còn biết đến gì ngoài những cảm giác xác thực và mạnh mẽ chị khêu dậy nơi thân xác anh. Cặp môi dạn dĩ đối khác của chị đưa anh vào cõi khoái lạc chưa từng nếm trải. Anh cảm nhận một cách minh bạch rằng anh hoàn toàn tỉnh táo, sáng suốt, không giọt men trong dạ dày, không một ý nghĩ hoặc liên tưởng nào làm hưng phấn dục tình trước khi người đàn bà xóm Hà đến, vậy mà chị dẫn anh leo trên từng nấc thang một, từng nấc liên tục không ngừng nghỉ trên cầu thang bất định đưa con người tới tận cùng sung sướng... "Hãy yên. Hãy lặng yên... Để mặc tôi...mặc tôi..." Chị thì thầm vào một lúc khác, họ chuyển tư thế. Tay chị nhẹ nhàng và kiên nhẫn, khi cởi từng chiếc khuy trên chiếc quần sọc anh mặc, khi đỡ tấm lưng anh vì anh ở vào vị thế chông chênh, cử chỉ nào cũng nương nhẹ,

cần trọng... như trong cuộc làm tình này chính chị mới là đàn ông thứ thiệt, kẻ hùng mạnh rên tập, dẫn dắt... bạn tình." (tr. 232-233 *Hợp Lưu* số 65, 2002)

Dĩ nhiên người đàn bà ra về trước rạng đông làm Hoan không nhìn thấy mặt mũi ra sao. Người đàn bà goá thê kịch còn trở lại vài đêm nữa trước khi biệt tích, và sau đó Hoan có tới xóm Hà nghèo khó, nhưng không tìm ra tông tích "người tình không chân dung". Mười năm sau chàng lại có dịp trở lại vùng này, lúc đó đã trưởng thành và giàu có, lại vào xóm Hà tìm kiếm người xưa. Khi kiếm ra nhà, nhìn thấy phía sau người bạn tình đam mê nhiều đêm năm xưa, này vì vất vả khó nhọc, đã biến thành một bà già tóc tiêu muối đang ngồi bằm bèo cho heo. Hoan bỏ chạy không tìm nhìn mặt người xưa nữa, nhưng không quên để lại cho đứa con một món tiền lớn, dặn trao cho bà mẹ. Như vậy Hoan là một người có tình nghĩa và nhiều kinh nghiệm dục tình, trước khi lấy Miên làm vợ. Và sau này khi Miên bị chính quyền địa phương và dư luận ép phải trở về với chồng cũ, là Bôn, người chiến sĩ anh hùng trở về ốm o và nghèo khổ, Hoan vẫn cấp dưỡng cho Miên đầy đủ. Khi được phục viên, Bôn đã biết mình bị bệnh hờ thực quản nên thối mồm không ai chịu nổi và bác sĩ cho biết phải vài năm mới chữa nổi. Còn về tính dục, chắc là bình thường vì trong những năm rùng núi Trường Sơn, "... những đêm dài mong nhớ, quần quai trên võng vì cơn đói dục tình, quần quai trong hang sâu vì cơn sốt rét... mà nhìn mấy cô giao liên đi qua con giống vẫn dựng ngược lên như mãnh hổ chực vồ mồi..." (*Hợp Lưu* số 63 tr. 223, 02).

Bởi thế Bôn vẫn hân hoan đón Miên trở về với mình, trong căn nhà đơn sơ tồi tàn thiếu tiện nghi do làng xóm dựng hộ. Anh tự tin hoàn toàn, sung sướng khi được nằm cùng giường với Miên, sau biết bao năm tháng ước mơ trong rừng núi và chiến tranh khốc liệt. Và đúng như người xưa đã nhận xét, "tân thú bất như viễn qui" (mới lấy nhau không bằng đi xa trở về):

... anh cúi xuống cời những chiếc khuy trên tấm áo màu xanh dương của chị. Miên không để tâm tới điều gì. Chị nằm như pho tượng, hoặc bằng thạch cao hoặc bằng cao su, kiểu diễm như tạc bởi bàn tay nghệ nhân tài tình bậc nhất, lạnh lùng như khí núi mùa đông. Cặp mắt chị nhìn vào một điểm nào đó trên mái nhà. Anh cúi xuống hôn bụng vợ quanh cái rốn nhỏ mà anh nhớ có một cái mụn ruồi đỏ bằng hạt vừng ở chéch bên trái... Chiếc quần lụa của Miên mỏng tanh, mặt lụa mát lạnh, Bôn vo tròn chiếc quần lại vừa trong chét tay, và bằng cử chỉ ấy anh có cảm tưởng thấu được người anh yêu một cách dễ dàng. Sau khi đã bóp chặt chiếc quần đó vài ba lần một cách khoan khoái anh ném nó sang một bên và đặt tay lên chiếc quần lót trắng... Trắng như bông và mềm hơn cả lông mèo. Sao mỗi thứ ở nơi Miên đều đẹp như thế?

Cơn thúc hối làm Bôn mờ mắt. Anh chỉ còn thấy tấm thân trắng nhẽ nhại của Miên... Rồi anh chìm sâu vào chị.

Mặc dù Miên thụ động, lạnh nhạt vì không còn yêu thương Bôn như những ngày còn trẻ nữa, nhưng Bôn bảo làm gì, chị làm điều đó. Trục trặc, là do phía Bôn, phía người đàn ông. Thông thường khi đàn ông xa đàn bà lâu ngày, hoặc bị kích thích quá độ, như chú rể đêm động phòng, thường xảy ra hiện tượng xuất tinh sớm. Hoặc mới nằm cạnh người nữ, đã xuất tinh trong quần rồi, như một nhân vật của nhà văn Lâm Chương đã bị, sau mười năm đi cải tạo trên rừng núi, hay như một thiếu niên sung sức trong phim khô hài nặng dục tình *American Pie* của Mỹ khá ăn khách gần đây. Hoặc là bị, như một lời nói đùa của nam nhi miền Nam trước 1975, là "khóc ngoài quan ải", nghĩa là cái đó của đàn ông vừa mới diện kiến cái đó của đàn bà, tinh đã xuất rồi. Nhưng ở đây sự trục trặc xảy tới cho Bôn lại phức tạp hơn, như sau:

Trong khoảng ngắt của hai hơi thở, lời rên rỉ buột khỏi môi anh: thuyền anh nô dờn trên con

sóng đục tinh, thấy lại tuổi trẻ của anh... Nhưng bỗng nhiên một luồng khí bị dồn nén chạy dọc sống lưng, xuyên suốt thân xác anh như một mũi tên, khoát lạch và mộng mơ cùng lúc vọt ra rồi tắt ngấm. Con thuyền đắm say rơi từ đỉnh sóng xuống bờ cát, nằm vật vờ như mảnh ván mục... Rồi bỗng dựng bộ phận truyền giống của anh đi vắng, nó chẳng còn là của anh, mà như một thứ đồ vật ngoài thân thể, ngoài ý muốn và sự điều khiển của anh. Nỗi sợ hãi hùng hổ thẹn cùng lúc làm sống lưng anh lạnh toát trong khi hai thái dương và đầu anh nóng phừng phừng như lửa đốt... Anh lặng lẽ tụt xuống chân Miên, không dám nhìn vào mắt chị... vợ chiếc quần đùi mặt vội để che đi cái phần héo rũ trên cơ thể.

Trường hợp xảy đến cho Bôn, tục thường gọi là "chưa lên xe đã tuột xích", chưa xuất tinh mà dương vật đã mềm xèo, rủ xuống như lá héo. Nếu Bôn sống tới thập niên này và ở những nước không XHCN, thì tình trạng "có vấn đề" như thế, có thể giải quyết bằng cách xin bác sĩ gần nhất một toa Viagra, Cialis hay Levitra. Đàng này Bôn sống ở miền Bắc Việt Nam sau chiến tranh...Bôn buồn cho mình và xấu hổ với Miên, nằm thiếp ngủ tới gần sáng, khi tiếng gà gáy cất lên, thời gian cái giống đàn ông bình thường thường cương lên vì buồn tiều, lại len lén "luồn tay xuống dưới háng như một thằng ăn cắp. Chẳng còn gì nữa để hồ nghi. Nó đã rủ xuống như tàu cái héo, một nhúm da vật vẹo giữa hai bẹn. Anh biết ngay bây giờ, giá như Miên thay đổi thái độ, bỗng nhiên vuốt ve hôn hít anh bỗng nhiên tự cởi bỏ quần áo và chủ động bế thốc anh lên bụng chị... Giá như thế, anh cũng không thể nào đánh thức được cái nhúm da không gân cốt kia.. Anh muốn khóc, nhưng cố ngiên hai hàm răng. Khóc thì hèn quá. Anh đâu phải là đồ hèn?... Nhưng đây không phải trận mạc. Đây là cái giường đôi."

Cả khu vực có Miên, là một phụ nữ đẹp, Hoan, một người giàu có tháo vát to khỏe, có Bôn, một chiến sĩ anh hùng trở về từ chiến trường xa xôi, ai ai cũng theo dõi mỗi tình Táo quân, nên sự kiện Bôn đã bắt lực truyền đi rất nhanh. Ai có chút kinh nghiệm y khoa, kinh nghiệm sống, đều làm cổ vấn không công cho Bôn, một phần vì lòng tốt tự nhiên của con người, một phần có lẽ vì hối hận đã ở trong số đông ép Miên trở về với chồng cũ. Dĩ nhiên Bôn đang lâm thế tuyệt vọng, ai khuyên gì cũng nghe: "Đã bao ngày trời anh kiên trì uống thứ thuốc ông già Phiêu tốt bụng kê đơn: Dâm dương hoắc - Nữ trinh tử - Tật lê tử... Anh theo chân loại dê lên núi cắt lá dâm dương hoắc. Già Đột cho anh rượu mạnh nấu bằng gạo nếp nương nhà. Mọi người cứu mạng anh như cứu mạng một kẻ tạt nguyên." Và cũng dĩ nhiên cũng vì bận bịu tìm thuốc uống thuốc, khóc lóc một mình, Bôn không đi kiếm việc làm. Hoàn toàn sống nhờ Miên, và nàng cũng đâu có tiền, phải về lấy của ông chồng số 2 là Hoan. Và Hoan là người tốt: "người tình không chân dung" của mười năm trước, Hoan còn trở lại tặng một khoản tiền. Nữa là Miên, người yêu, người vợ anh yêu mến, mẹ đẻ con duy nhất của anh. Vậy Miên cần bao nhiêu, anh cũng đưa, dư biết cả nhà bên Bôn ăn bám vào Miên. Sự kiện đó lại càng làm Bôn, người hùng chiến địa, thêm tủi hổ. Nhưng tủi hổ thì tủi hổ, phải xin tiền Miên mua thuốc thôi. Và Miên là người vợ hiền chân chính, vẫn chi ra đều đều... Và bao dung ông chồng số 1, kể cả khi ông nghe lang băm, xin bắt huyết dê mới chọc tiết, pha rượu rồi ngâm dương vật vào. Bị bỗng muốn nhảy nhồm lên, đứng lúc Miên về, làm đổ bát huyết lênh láng khắp phòng...

Thời gian cứ qua đồng đều cho tất cả, ban ngày Bôn bận bịu lo thuốc men phục hồi con chim của mình, đại khái như sau: "... Ông dạy cho anh cách uống rượu dê với những món ăn thích hợp, cách nấu lẩu tinh hoàn dê với hạt củ sen củ súng, cách hấp tinh hoàn dê với hành tỏi ướp ngũ vị hương và rượu mạnh, cách ăn gan dê nướng vào lúc người đang tháo mồ hôi và cách uống sữa dê vào buổi sáng..." Rồi cứ đêm xuống, anh lại tìm mọi cách khác nhau làm tình với vợ, nhưng "chị không đủ sức chịu đựng những nụ hôn đắm đuối và hôn hám của anh, đã đẩy anh ra ngoài người khỏi giường nôn thốc nôn tháo. Từ đó Bôn không còn dám hôn chị. Anh chỉ dám úp mặt xuống phần dưới cơ thể chị trút vào đó tất cả

mỗi tình cuồng nhiệt và khổ sở của anh. Cùng một lúc, chị xót thương và kinh tởm..."

Mọi sự rồi sẽ ra sao, người viết bài này không biết vì truyện dài *Chốn vắng* tạp chí *Hợp Lưu* ngưng đăng tiếp, vì lý do kỹ thuật. Chúng ta cùng đợi thôi, đợi xem tác giả Dương Thu Hương giải quyết ra sao truyện vợ chồng Táo quân thời hậu chiến... Biết bản chất nồng nhiệt của tác giả, nếu dùng chữ của tạp chí *Việt* ở nam bán cầu trái đất, biết cái "tạng" đấu tranh cao độ của Dương Thu Hương, chúng ta chỉ có thể dự đoán hồi kết cục sẽ không êm đềm như nước ao hồ tù đọng cả ngàn năm Hà Nội, mà sẽ như sông Hồng mùa nước lũ.^[2]

© 2007 talawas

^[1]*Trước đó nhà thơ Quang Dũng đã bị phê bình là "đôi trụy" khi tả đôi má đỏ hồng của cô hàng, và nhà thơ Nguyễn Đình Thi bị kết án tiểu tư sản, có con mắt thứ ba khi làm hai câu thơ nổi tiếng: "Người ra đi đâu không ngoảnh lại, Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy".*

^[2]*Theo người viết Việt Nguyên, đã được đọc hết bản dịch tiếng Anh Chốn vắng, truyện này có kết là một thảm kịch, có máu lửa điên khùng..., đúng văn phong nhà văn Dương Thu Hương. Nàng Miên sau cùng trở về sống sung sướng với chồng sau Hoan, sau khi bị chồng cũ bắn cụt mất hai ngón tay. Anh chồng cũ người hùng chống Mỹ cứu nước ngày nào sau cùng phát điên. Kết như thế, nhà văn Dương Thu Hương vốn đã bị Đảng CSVN ghét từ trước, nay bị ghét thêm.*

Loài hoa biến sắc

Tôi khoá cửa, cẩn thận móc thêm mấy chiếc móc sắt và thả những tấm rèm xuống. Xong xuôi, tôi mở sắc lấy ra thỏi son Nữ hoàng Ê-li-da-bét. Ống son mạ vàng in hình đầu một người đàn bà đẹp mê hồn.

Tôi đặt thỏi son lên môi, hôn hộp và náo nức. Trong tấm gương, một khuôn mặt xa lạ nhìn tôi: Đôi mắt, đường cong lông mày, món tóc lưa thưa sau cơn sốt phủ xuống trán, làn da tái xanh với những chấm tàn nhang mờ mờ hai bên má... Những thứ đó chẳng ăn nhập gì với cặp môi tô son nhem nhuốc. Đôi mắt trong gương nhìn tôi với vẻ lạ lùng. Và một đôi mắt khác, một đôi mắt vô hình nhìn tôi với cái nhìn nóng bỏng.

Tôi đặt thỏi son xuống. Cơn gió đi qua thổi lật những trang sách trên bàn. Đó là cuốn "làm đẹp", một cuốn sách dày ngót sáu trăm trang mà tôi mới tìm mua được ngày chủ nhật trước. Những dòng chữ in nghiêng nổi lên: Trang điểm xong, bạn hãy ngồi trước quạt dăm phút cho khô kem rồi hãy sang phòng chọn áo. Mùa hè nên chọn hàng mỏng. Thứ bóng hay mờ tùy theo người gầy hay béo. Màu thanh thiên, hoàng yến, lòng tằm lọt hay màu hoa cà là những màu thường được ưa chuộng... Những người đàn bà ở đây mới sung sướng làm sao?... Một sự thèm muốn xâm chiếm lòng tôi, từ từ và đau rát như một dòng chì lỏng tưới vào. Sau những năm tháng ở rừng, cuộc sống ở nơi đây làm tôi choáng váng. Phố phường, nhà cửa, lầu gác, hàng hoá, ánh đèn chất ngất, tiếng ồn ào vô tận như dòng suối chảy trên bờ phố, nhịp điệu của tiếng đàn ghi ta trong những tiệm cà phê thấp đèn hồng. Nhưng điều lôi cuốn hơn cả vẫn là những người đàn bà ở đây. Họ mở ra trước mắt tôi một thế giới của cuộc sống phồn hoa, một thế giới chúng tôi chưa từng thấy, chưa từng nghĩ đến, một thế giới choáng lộn màu sắc và ngào ngạt hương thơm của các mỹ phẩm. Mỗi người đàn bà ở đây có hàng tá áo dài áo len đủ màu và đủ kiểu. Những hộp nữ trang đồ sộ, các loại phấn son, các thứ chì kẻ mắt... Chỉ những đồ dùng vật vãnh của họ cũng đủ làm cho tôi mê mẩn.

Tuổi thanh xuân đi qua trên những cánh rừng ngút ngàn của giải Trường Sơn. Những năm ấy làn da đã trôi mất màu hồng tươi thắm vì sốt rét. Mái tóc ong ả đã trút dần trên những con suối độc ngâm đầy lá lim. Bàn tay quen với choàng cuốc dân chài cứng. Và chúng tôi trở về thành phố với chiếc ba lô sau lưng, tấm khăn dù quấn quanh cổ và với vẻ vụng về ngỡ ngàng của những người quen ở miệt núi non.

Đoàn quân chiến thắng đổ về các thành phố. Chúng ta đã sống những ngày đầy tự hào, những ngày vui sướng đến gầy gầy. Nhưng rồi sau đó chỉ những người con trai vô tư là giữ được trọn vẹn niềm hân hoan đó. Tôi thì có khác, bên hạnh phúc của người chiến thắng, tôi còn những nỗi xao xuyến khác, một thứ tâm sự rất đàn bà. Tôi thường nhìn những người con gái đi qua mặt mình, những người con gái được trang điểm lộng lẫy, áo quần sang trọng, dáng điệu đài các. Họ đi đến đâu, không gian sực nức mùi nước hoa quyến rũ. Rồi tôi cũng lại tự ngắm mình trong gương, trong các tấm kính cửa, và tôi thấy ở đó một cô gái đen đũi, ăn vận xoàng xĩnh. Có một cảm giác gần như ghen tị, và bên dưới sự ghen tị đó là một nỗi tủi buồn mờ nhạt, không rõ nét nhưng dai dẳng xâm chiếm tâm hồn. Mỗi khi có người đàn bà nào đó đi qua không thèm ngoái lại, ném sang một cái nhìn chế diễu hoặc khinh mạn, lòng tôi cộm lên và nỗi uất ức làm nóng ran đầu óc...

Tôi nhìn vào tấm gương. Một khuôn mặt khác vẫn còn trong đó, với đôi môi đỏ chót.

Gian phòng thênh thang vắng lặng. Trên bàn chiếc máy ghi âm đang phát ra một đoạn nhạc không lời, một giai điệu nhợt nhạt buồn bã nhưng tiếng đệm của bộ gõ lại quá chất chúa và rậm rịch. Đoạn nhạc kéo dài, rồi nó chợt tắt đi và tiếng đọc thơ vang lên, một giọng nam trầm ấm áp:

*Cùng mắc võng trên rừng Trường Sơn
Hai đứa ở hai đầu xa thẳm ...*

Bài thơ than thiết, như một cơn gió đột ngột ulla đến, nó tràn đầy trong tôi, xoá sạch những nỗi buồn bực, day dứt.

Tôi nhắm mắt lại. Không còn nhìn thấy khuôn mặt ngỡ ngàng có cặp môi tô son, không còn nhìn thấy bóng dáng những người đàn bà thành phố, không còn cái đầu mê hồn của nữ hoàng Ê-li-da-bét mạ vàng. Không còn những ao ước những khát khao mới lạ... Những cánh rừng rung lá trên đầu tôi. Những cánh rừng xanh rì, dây leo nở đầy hoa, những tán cây xum xuê như chiếc dù thần bí. Trắng cổ non bốc lên làn khói màu lam... Rồi đường 20, con đường lầy như cháo đổ, những con ngấm nước rêu. Đèo Phu-la-nhích trong sương. Làn khói vòng vèo trên mái nứa binh trạm. Tôi cùng đồng đội đứng làm cọc tiêu trong mưa. Trận bom bên kia đèo. Trong cái hang Cóc Chúa sặc sụa khói, chúng tôi ngồi gác chân bên đống than hồng, vắt mái tóc ướt sũng nước mưa và gào lên những câu hát tinh nghịch:

*Hết xuân rồi, anh có lấy em không?...
Những ngày gian truân và vui sướng.*

Tôi chìm sâu trong những hồi ức chiến tranh, lòng mát mẻ em dịu và thấm đẫm những giọt sương mai, những giọt sương của một cánh rừng tiền duyên, chúng nổi nhau rơi xuống từ những chiếc lá hình thoi, màu xanh sáng. Trên chót những vòm lá một chùm hoa tím đung đưa. Những giọt sương rơi lộp độp, tiếng vang động như tiếng nứt của những quả thông khô... Ai gõ cửa rất lâu và dồn dập. Tôi sực tỉnh. Việc đầu tiên là lấy khăn ướt lau cho sạch son trên môi rồi chạy ra mở khoá. Chiếc chìa khoá vừa xoay một vòng thì hai cánh cửa đã bật tung ra và Khánh đứng trước mặt tôi với nụ cười hết cỡ:

- Nhóc con, ngủ hay sao mà lâu thế?
Tôi chưa kịp trả lời thì anh đã mắng té tát luôn:

- Coi chừng đó, về thành phố là đâm lười ra, chưa tới đã lên giường ngủ. Tôi cười chống đỡ và vội vàng đứng tựa lưng vào chiếc bàn trang điểm để che đi hộp son còn nắm lẫn lóc. Nhưng Khánh không để ý đến điều đó, anh giục tôi:

- Chải đầu rồi đi ăn cơm với anh.
- Em ăn cơm chiều rồi.
- Đi chơi, ăn bánh trái là chủ yếu chứ ai bắt ăn cơm. Con gái ở rừng về có khác, ngốc thật.

Tôi ngại ngùng:

- Thôi, để khi khác.

Khánh nhìn quanh phòng, anh cười triu mến:

- Nay, đây có phải cái đèn đầu mà em làm ông từ coi bàn thờ Phật.

Khánh cùng cơ quan với tôi nhưng ở khác bộ phận. Tôi được vào làm phóng viên báo là do anh. Hồi trước tôi ở C bảy. Trong một đợt đi công tác dọc đường 20 Khánh đã đến đơn vị tôi. Anh đọc báo liếp chi đoàn rồi cứ nằng nặc đòi tôi cho xem nhật ký. Anh đi được nửa tháng thì có lệnh gọi tôi lên ban chỉ huy. Ở đó người ta làm thủ tục chuyển tôi sang toà báo và chỉ nói một câu cụt lủn:

- Đồng chí sang bên đó hợp với khả năng hơn.

Đeo ba lô đến cơ quan mới, tôi vẫn cứ tấm tức không hiểu vì có sao người ta lại cho tôi ra đi một cách vội vàng đến thế. Tụi bạn gái khóc sưng mắt, chúng dúi vào ba lô tôi từ chiếc mùi xoa, cây kim móc đến mấy sợi chỉ thêu và chiếc hộp đựng xà phòng gò bằng ống pháo sáng. Đến nơi mới thấy Khánh đứng cười ha hả, tay cầm phong lương khô đem làm quà cho nữ phóng viên mới. Khánh đã có vợ con và hơn tôi bảy tuổi. Anh đối với tôi và những bạn đồng nghiệp khác có cái sẵn sàng của người gia trưởng. Trong con mắt anh, tôi là một con bé tinh lẻ, lớn xác và ngốc nghếch vì thế anh hay để ý chăm chút hơn.

Tôi chải tóc và lấy chiếc túi nhựa bỏ vài thứ lật vạt vào. Khánh đã khởi động chiếc honda ngoài sân. Tiếng máy nổ lục đục, tắt nghẹn rồi lại ròn rã.

- Nào, ngồi lên, ôm cho chắc kèo ngã vỡ đầu đấy.

Khánh ra lệnh, anh chờ tôi ngồi yên rồi mới dặn ga. Chiếc xe lao đi.

Đường phố buổi tối rất đông. Tuy bớt đi về ồn ào nóng bức ban ngày nhưng lại thêm cái chói chang, lấp loé hoa, mùi rác rưởi, vỏ cây lá bánh ngoài cửa chợ và mùi xào nấu trong các tiệm ăn bốc lên. Khánh đưa tôi đến một tiệm ăn Hoa Kiều. Một thanh niên chờ sẵn ở đó, chạy ra nắm lấy tay Khánh tươi cười:

- Sao lâu vậy, làm mình chờ hoài.

Anh ta quay sang tôi:

- Chào chị.

Tôi gật đầu chào lại. Khánh giới thiệu:

- Đây là cô Sửu, em út trong cơ quan tôi. Còn đây là anh Hoàn vừa là anh con bác vừa là bạn của anh.

Tôi cười. Hoàn nhã nhận chìa tay ra dánh điệu lịch thiệp và duyên dáng. Anh bận áo ni lông cát trắng và chiếc quần vải mềm mại xám nhẹ. Hoàn có nụ cười tươi, môi mỏng và hồng, nó làm người ta quên đi nước da nhợt rất khó ngó với khuôn mặt quá dài, nhất là chiếc cằm giống hệt một chiếc bánh mì chưa nướng.

Hoàn là anh em con chú bác ruột với Khánh, nhưng hai người ngoài mối quan hệ ruột thịt còn gắn bó với nhau bằng tình bạn hữu. Cả hai cùng ở phố Trần Xuân Soạn Hà Nội. Năm 54 họ còn là những chú bé tám tuổi sáng sủa xin mẹ hai trăm rưỡi ra ngõ I Hàm Long ăn phở Tàu, đến trường chia nhau từng quả táo dầm muối ớt. Sau đó gia đình Hoàn di cư. Hai người đứng trong xó tối buồn tắm khóc thút thít. Khánh đã dốc vào túi anh tất cả số tiền lấy trộm được của mẹ với một gói ô mai. Ngày ấy cách đây đã hai mươi năm rồi... Cả hai người đã lớn và khác xưa.

Nhưng Hoàn vẫn nhớ Khánh rất thích ăn phở Tàu và tối nay anh đã đặt cơm tại đây, một tiệm ăn Hoa kiều nổi tiếng. Trên chiếc bàn gỗ mun cổ lỗ trải khăn trắng, món ăn, đồ nhắm, bia rượu và nước ngọt bày la liệt. Chúng tôi ngồi vào bàn. Những bữa ăn vẫn chưa bắt đầu vì còn phải chờ một vị khách nữa, theo như Hoàn giới thiệu thì đó là bồ của anh. Tôi dựa lưng vào tường, lơ đãng nhìn những cánh quạt đang xoay tít trên trần nhà. Những người bồi mặc áo trắng đi lại, mấy tấm gương đục ó nước thủy tinh bầu dục phản chiếu bóng người và xe cộ ngoài đường phố. Các bàn ăn chật ních, có những người hình như đã ngồi đó từ sáng đến giờ và còn có thể ngồi đó cho đến nửa đêm. Một cặp trai gái cầm chiếc nĩa lên lưng một con gà quay và cứ ngồi chuyện rì rầm mãi. Ở đây người ta sẵn thì giờ thật.

Thì giờ ở những tiệm ăn, tiệm giải khát, những phòng uốn tóc và những mỹ viện, những chiếc ghế xích đu và những đi văng. Không hiểu vì sao tôi lại theo đuổi những ý nghĩ tản mạn và thấy buồn. Cái âm hưởng của những câu thơ quen thuộc vẫn còn ngân nga trong tôi. Nó ngân lên những âm thanh trong suốt, âm thanh của những nguồn suối trên non cao.

Hoàn bỗng đứng dậy và phác một cử chỉ như vẫy gọi. Ngoài cửa, một cô gái đang lách giữa đám khách ăn chật ních tìm lối đi vào. Hoàn ra hiệu cho cô ta lần thứ hai. Cô gái nhận ra anh và cười. Phải chăng cô chính là người chúng tôi chờ đợi?... Cô gái chừng mười chín, hai mươi tuổi. Nhưng mặc dù cô còn rất trẻ, tôi không thấy cô có dáng dấp của một cô gái mà lại có vẻ từng trải của một người đàn bà sớm biết lo toan. Người cô gầy, dáng mảnh dẻ, cô bận chiếc áo dài hở cổ màu Ca-ra-men in hoa chuối, quần bằng thứ sa tanh mỏng, nổi lấm tấm những hạt đậu bóng, Cô xách chiếc xách giả da cá sấu, khoá mạ vàng

hình tròn, kiểu rất lạ. Hoàn đứng dậy giới thiệu. Chúng tôi chào nhau rồi cô gái kéo ghế ngồi xuống, ngay cạnh tôi. Vạt áo dài cô rơi xuống chạm vào chân tôi mát lạnh, êm ái đến nỗi ta hình dung ra ngay sự mịn màng của chất lụa. Cái cảm giác ấy lại gọi cho tôi sự thèm muốn đã bị dập tắt. Từ áo quần cô gái toả ra mùi nước hoa mát mẻ, mùi nước hoa kêu gọi người ta đến gần.

Hoàn đứng dậy nói vài lời trước bữa ăn. Tôi nhân dịp đó mà ngắm nghía cô gái. Cô không đẹp nhưng cũng dễ coi. Nét mặt đều đặn, cặp môi tròn và chiếc mũi thanh. Còn đôi mắt đờ đẫn và cặp lông mày tỉa nhỏ trông có phần tẻ nhạt. Cô dùng phấn son khá hợp màu da, mắt kẻ chì nâu và chải lông mi bằng thứ gôm tốt. Sự trang điểm đã tôn nhan sắc của cô lên khá nhiều nếu không cô cũng chỉ có một khuôn mặt như bất cứ khuôn mặt một cô gái nào mà ta có thể gặp ngoài đường. Bàn tay cô nhỏ, mềm mại, đeo nhẫn bạch kim có gắn những mảnh đá li ti.

Mỗi khi giơ tay kéo áo hoặc vén mớ tóc loà xoà trước trán, những mảnh đá phản chiếu ánh đèn sáng óng ánh khiến cô giống một nàng công chúa trong màn cải lương. Bằng sự tò mò đặc biệt của đàn bà với đàn bà, tôi nhận ra là sau mấy phút dè dặt ban đầu cô ăn uống rất ngon lành, thậm chí còn hơn thế nữa. Rượu uống cạn từng chén đầy, mặt không hề biết sắc. Tôi đã gặp những bà nạ dòng có thể uống hết hàng lít rượu, nhưng

chưa hề gặp người con gái nào ung dung uống hết cốc rượu này đến cốc khác tựa hồ ta uống nước lạnh trong mùa hè. Kinh ngạc, tôi ngồi im thắm lén theo dõi. Bên kia bàn, Khánh và Hoàn đang sôi nổi chuyện trò. Câu chuyện đã chuyển qua vấn đề màu sắc trang phục. Tôi thấy Hoàn đặt tay lên bàn ngắm nghía, hai bàn tay anh ta trắng như tờ giấy, và nhướn cao đôi mày lên:

- Không hiểu vì sao mà mấy anh chị ngoài Bắc vô ửng màu bơ marin và màu boóc đô thế. Đi đâu cứ gặp người mua len, mua áo hai màu đó là biết liền. Cô gái góp chuyện:

- Hai màu đó quê quá hà! Rồi lại cúi xuống đĩa thịt vằm bọc tôm chiên. Khánh cười, anh ngẩng cao mái đầu chớm bạc

- Vì chúng tôi ở rừng lâu quá mà. ở rừng lâu quá hoá mê rừng. Màu bơ marin gợi nhớ núi non.

Hàm răng Khánh ngồi lên dưới ánh điện đều đặn và trẻ trung.

Biết mình lỡ lời. Hoàn khéo léo lái câu chuyện sang hướng khác:

- Anh có biết ngày xưa ai hay mặc màu đó không?

- Vân tóc đuôi mèo. Cả hai cùng cười và cùng lắng lại. Đôi mắt Hoàn trở nên xa xăm.

- Vân đẹp thật.- Anh nói - Hồi đó chúng mình còn nhỏ xíu mà tôi vẫn nhớ như ngày hôm qua. Vân có đôi mắt nhưng, miệng cười rất tươi có một chiếc răng khểnh. Vân hay mặc áo len màu Bơ Marin cài hoa trắng và tóc thắt một chiếc nơ đỏ rất to... Anh có nhớ chúng mình đã chặn đường cướp của cô ấy quả nhót không?... Ngày trước ngõ Hàm Long ấy mà.

- Tôi vẫn nhớ. Khánh trả lời thông thả.- Ngày ấy đúng là tôi yêu Vân. Mê thì đúng hơn. Buổi học nào vắng cô ấy là mình không ngồi yên được. Đúng là tình yêu thời còn trẻ nó không bao giờ thành công và cũng không bao giờ chấm dứt.- Anh vẫn còn yêu Vân chứ?

Khánh hỏi và cười, đuôi mắt anh nheo lại riểu cợt. Hoàn cũng cười, anh gỡ kính xuống lau và trầm ngâm:

- Không. Cũng không phải là không mà cũng không hẳn là có. Anh biết đấy, chúng ta đã trưởng thành. Tôi có nhiều người đàn bà, nhiều cô gái, tôi kiếm họ chẳng khó khăn gì. Nhưng chưa ai làm tôi phải hồi hộp như Vân ngày ấy. Anh ta mơ màng một giây rồi hỏi Khánh, giọng thấp xuống:

- Vân còn không anh?- Còn, chị ấy bây giờ là phó tiến sĩ hoá học, Vẫn ở ngõ Huyện thôi.

- Cô ấy có chồng chưa? Hoàn hỏi tiếp, háp tấp nâng cặp kính, chăm chú vào miệng Khánh!

- Chị ấy hai cháu rồi.

- Thế à... Hoàn bật ra một tiếng thở dài, anh co căng chân dưới gầm bàn lại, nhún vai:- Ai cũng yên bề gia thất rồi, chỉ còn mình là chưa nên tằm nên đũi gì cả.

- Sao cơ? Khánh giả bộ hỏi lại, anh cười rất to và lúc sau, anh tiếc nhìn cô gái một cách trêu cợt, vui vẻ nói:- Thì anh cũng sắp nên tằm nên đũi rồi, có gì mà phải than thở.

Tôi cũng cười hường ửng và nhìn cả hai người. Nhưng trước thái độ của chúng tôi Hoàn không nói gì cả. Đang bần thần nghĩ ngợi anh ta bỗng "hả?..." một tiếng. Rồi lại im lặng suy nghĩ điều gì đó, nét mặt dửng dưng hoàn toàn không chú ý gì đến chuyện của chúng tôi. Tôi và Khánh sững sờ. Chúng tôi nhìn nhau, và nhìn cô gái. Ở địa vị của cô có lẽ tôi đã phải thăng thiên hay độn thổ vì ngỡ ngàng. Nhưng trái lại với mọi sự lo ngại, cô vẫn điềm nhiên lấy nữa chọc vào một miếng bánh bơ. Bây giờ thì chính thái độ của cô lại làm chúng tôi kinh ngạc.

Tôi nhìn Khánh dò hỏi. Nhưng anh lắc đầu. Anh cũng không hiểu biết gì hơn tôi. Sự im lặng kéo dài một lúc lâu, Hoàn mới sực nhớ ra bữa tiệc đã xong, đến phần ăn đồ ngọt và uống trà. Ngồi xuống, Hoàn đưa tay lên túi lấy thuốc theo thói quen. Thuốc đã hết.

Anh rút từ giấy bạc một ngàn và bảo cô gái:

- Mỹ Dung mua hộ anh bao thuốc, chịu khó nghe cưng.

Cô gái đứng dậy đi ra. Chờ cho cô đi khuất Khánh mới trách Hoàn:

- Tại sao anh lại có thái độ như vậy?

- Tôi làm sao cơ chứ? Hoàn hỏi lại, cặp lông mày nhướng lên theo thói quen. Khánh nhắc lại câu nói đùa ban nãy và thái độ hờ hững của Hoàn, nhất là khi cô gái ngồi ngay đó.

- à, xin lỗi, xin lỗi... Hoàn cười ngất và gật đầu lia lịa: - Tôi hiểu rồi, hiểu rồi, nhưng các bạn phải để tôi nói cho hết đã. Mỹ Dung là bồ của tôi, nhưng tôi không có ý định cưới cô làm vợ. Trước tôi, cô ấy cặp bồ với người khác. Tôi cũng vậy. Mỗi tháng tôi chỉ cho Mỹ Dung hai mươi ngàn, cô ấy chỉ đòi hỏi ở tôi có vậy thôi. Ngoài ra không cần gì hơn nữa. Tôi không muốn Dung ràng buộc gì với đời tôi. Cả hai chúng tôi đều tự do... Ngừng lại một chút Hoàn nói tiếp: - Mỹ Dung làm bồ cho tôi là trúng số. Dẫu sao tôi cũng biết điều và rộng rãi. Còn nếu đi dạy học thì cũng lắm cỡ giáo viên tiểu học như cô ấy một tháng chỉ được tám chín ngàn là hết sức. Ông bà già cô ấy nghèo, không buôn bán chi hết. Tôi bao Mỹ Dung mới được gần một năm nay, so với những người trước cặp bồ với Dung tôi bận bịu nhiều công việc, nên mỗi tháng cô ấy chỉ mất với tôi trên dưới một tuần thôi. Các bạn cứ hỏi mà xem, cô ấy nói cặp bồ với tôi là dễ chịu nhất...

Hoàn ngừng lại. Và để minh họa cho cái quan hệ sòng phẳng giữa hai người, anh ta rút ra một xấp giấy bạc đã đếm sẵn, được chằng lại bằng một sợi giây nịt. Chiếc ví của cô gái vẫn để trên bàn, Hoàn kéo lại, mở khoá để xếp tiền vào trong. Nhưng đúng lúc anh xách ngược chiếc ví đã mở nắp thì cô gái bước vào cùng lúc đó mấy đồng xu lăn ra cùng với một vật gì đó. Cô gái kêu một tiếng rồi đứng sững. Mặt cô như tái đi dưới làn phấn mỏng.

Tôi cúi xuống nhặt mấy đồng xu. Cô gái hấp tấp xô mấy chiếc ghế sang một bên để lượm gói đồ đã nằm giữa lối đi sáng trưng ánh điện. Trong lúc luống cuống, cô đã làm tuột lần giấy bọc ngoài, một vật rơi ra. Đó là một mẩu bánh mì nhỏ vẫn bán trong những quầy bánh ven đường. Cô gái cuộn tờ giấy bọc một cách vội vã dấu diếm. Tôi biết cô đang run vì mặt đá chiếc nhẫn bạch kim cứ lóng lánh rất bất thường. Mái tóc cô rũ xuống bên vai, hở ra một khoảng gáy rất sâu, màu xanh tái. Tôi kéo cô ngồi xuống. Khánh im lặng. Hoàn cũng lặng thinh, nhưng anh ta có vẻ ý tứ hơn khi xếp tiền vào trong ví cho Mỹ Dung. Xung quanh người qua lại, ăn uống vẫn nhộn nhịp, không ai hay biết tán kịch vừa xảy ra. Chỉ riêng chúng tôi là chứng kiến nỗi ê chề của cô gái. Cô ngồi bên tôi, thỉnh thoảng lại giơ tay vén tóc. Nhưng cử chỉ của cô không còn vẻ duyên dáng, đàng hoàng nữa, nó có gì tội nghiệp. Tôi xóc một miếng bánh bơ đưa cho cô. Cô khẽ cúi đầu:

- Cảm ơn chị. Từ lúc đó về sau tôi không nhìn ai nữa. Tôi không nỡ nhìn thẳng vào mặt

cô gái. Tôi cũng không muốn nhìn Hoàn, điều đó lúc này thật khó chịu. Tôi cứ ngửa cổ nhìn lên bức tường quét vôi vàng qua những làn khói thuốc dày đặc, tôi thấy bóng những chiếc cánh quạt in lên những vệt đen dài, gãy khúc. Một cảm giác nóng ran lan trên mặt tôi. Tôi nhận ra mình đang ngượng ngùng. Không phải riêng biệt nỗi ngượng ngùng của cô gái bị mất thể diện, mà là nỗi ngượng chung, thay vì cho cả hai người đó, hai kẻ gọi là bồ của nhau.

Bên kia bàn Khánh và Hoàn vẫn đang chuyện trò. Hình như họ nói đến những kiểu áo dài cách tân ở miền Nam, về thời trang của thế giới. Hai người đàn ông trao đổi những nhận xét về một thiếu phụ đẹp lộng lẫy đi qua. Rồi họ tiếp tục uống trà và hẹn gặp nhau vào một ngày trong tuần tới.

Khi chia tay, cô gái vôi vàng chào tôi rồi đứng nép vào một bên cửa chờ Hoàn, đôi mi tỏ chì sụp xuống. Hoàn ôm lấy Khánh cao giọng

- Tuần sau nhé. Họ nói với nhau một tràng tiếng Pháp. Rồi Hoàn nhã nhặn chìa tay cho tôi, miệng nở nụ cười tươi tắn. Nhưng với tôi lúc đó, nụ cười của anh đã nhạt nhẽo và cái cảm dài thượt ra trông thật vô duyên. Tôi lặng lẽ đáp lễ và quay đi.

Khánh đưa tôi về nhà. Chiếc xe Hon đa lách giữa dòng người hai chiều đồng nghịt.

Thành phố càng về đêm càng đông hơn, tiếng động làm nhức óc và mệt mỏi. Tôi bảo Khánh rẽ sang đường bờ sông cho mát mẻ. Anh đồng tình ngay. Chúng tôi đi dọc sông Hàn và trở về đường Lê Thánh Tôn vào lúc chín giờ tối. Khánh đưa tôi vào cửa rồi về ngay, anh còn có bài phải sửa cho số báo sắp tới.

Còn mình tôi ngồi với cái bóng của mình. Căn phòng vắng. Không làm sao mà ngủ được. Chiếc quạt vẫn xoay, gió vẫn thổi những trang sách bay loạt soạt và hộp son vẫn nằm lẩn lóc trên bàn. Chiếc đầu nữ hoàng Ê-li-da-bét trông như một hạt ngô bóng loáng. Tôi nhìn ra ngoài: thành phố chất ngất ánh đèn, có một cái gì tự tan vỡ ra nơi đó. Một lớp giấy trên chiếc rọ làm hình nhân bị xé rách. Một lớp váng đầu ngũ sắc bị khuấy tan trên mặt nước tù. Và trong tôi, một tình yêu, một niềm tự kiêu hãnh lớn lên, vững vàng, cứng cáp, với một sức mạnh khôn cùng. Ngoài sân, những cây trứng cá đang lác lác rụng lá. Những bóng lá chợt sáng chợt tối giao nhau in lên ô cửa kính giống như những bộ mặt đối hình. Hiện tại, quá khứ. Quá khứ, hiện tại... Cuộc sống ủa đến tôi trong cùng một lúc. Xa kia là một con đường thăm thẳm, một con đường đầy bóng xanh che phủ. Có người con gái nào đang đi đến với tôi và hát. Người con gái ấy là tôi.

Chân dung người hàng xóm

Khi tôi chuyển đến N, một thị trấn nhỏ vùng biên giới, bà cô ruột của tôi lại từ đó rời về Hà nội với đứa con gái duy nhất vừa lấy chồng. Bởi thế, bà để lại cho tôi, với giá rất rẻ, hầu như việc lấy tiền chỉ là một sự tượng trưng.

Nhà của cô tôi là một trong sáu căn nhà xây áp tường nhau, kéo một vệt dài ven phố bờ sông. Cô tôi bảo dãy nhà này của một Hoa kiều làm nghề thấu khoán xây vào cuối thời kháng Pháp rồi bán lại cho các chủ, mỗi căn giá bốn vạn vàng. Sáu căn nhà giống nhau như sáu giọt nước. Tất cả đều là nhà một tầng, lợp ngói máng rất cao. Mái trước dốc, mái sau thoải thoải kéo dài cho tới sân nhà bếp. Nhà nào cũng có một cửa ra vào và hai cửa sổ lớn cánh bằng gỗ lắp có thể mở cửa bán hàng. Mỗi nhà có hai buồng và một gian gác xép bằng gỗ lim. Trên khoảng tường cao áp mái, người ta đục một lỗ cửa đắp hình hoa thị. Do lỗ cửa này, những câu chuyện trong nhà không thể che giấu người bên cạnh. Khi tôi dọn đến, ô cửa bên trái đã bị trát kín từ lâu. Lớp vữa khô còn in rõ những nhát bay vụng về. Ô cửa tường bên phải vẫn để ngỏ. Cô tôi giải thích:

- Cái cửa kia thông sang gian gác nhà Lý Ung nên phải trát kín đi. Lão ấy mặt dơi tai chuột, gian giảo lắm. Còn cái cửa này cứ để nguyên cũng được. Bên ấy là nhà chú Lý Xuân. Chú ấy là người hiền lành, ngay thật...

Vợ tôi im lặng nhìn tôi. - Tôi mỉm cười:

- Thế là ta có hai hàng xóm trái màu đấy. Nhớ lời cô dặn mà xem xét...

Cô tôi còn dặn dò chúng tôi một lô kinh nghiệm sống, cách xử thế, những việc linh tinh, những nhân vật đáng chú ý ở cái phố miền sơn cước mà bà đã sống quá nửa cuộc đời. Sau đó cô đi xem xét lại toàn bộ căn nhà với vẻ bịn rịn rồi bảo tôi đưa ra ga. Khi làn khói trắng của còn tàu tắt dần giữa các vách đá tôi quay lại thị trấn. Con đường bụi mờ mờ trải dưới chân tôi vệt sơn dài hoang dã. Một nỗi lo âu mơ hồ đè nặng trong tim: Tôi sắp sửa sống ở một vùng đất mới, với những con người mới. Không có ai quen thuộc ở nơi đây. Phải, mối quan hệ lớn nhất bây giờ là quan hệ với những người hàng xóm... Chiều hôm ấy, cơm xong tôi lững thững ra sân. Trời êm ả. Mùi hoa móng rồng ở bức tường sau bếp toả ra thơm nức. Tôi ngồi xuống ghé, nhìn những vách núi rực nắng chông chắt ở chân trời phía Tây. Tiếng một người bắt chọt cất lên:

- Anh chị mới đến ở đây?...

Tôi quay lại. Bên kia hàng rào trồng đậu đũa, một người đàn ông toại cười nhìn tôi, hàm răng lấp lánh.

Ngay tức khắc, tôi hiểu đó chính là Lý Xuân. Tôi vồn vã trả lời:

- Chúng tôi mới chuyển công tác lên đây. Cô tôi để lại cho cái nhà này...

Người đàn ông gật đầu lia lịa:

- Ô, lên đây ở cho vui... anh em áo ngắn cả mà. Trước bà Ân với nhà tôi cũng quý nhau lắm...

Chúng tôi cùng giới thiệu tên mình. Người hàng xóm gương mặt đỏ hồng, toại tắn. Mái đầu cắt ngắn trên cổ vạm vỡ. Ngực rộng. tám thân rắn chắc nổi lên những bắp thịt nh những múi thừng. Anh ta cởi bộ quần áo thợ ra, bỏ mũ đập cho sạch bụi rồi ngồi xuống gốc một cây liễu cửa cụt làm ghé. Mặt gỗ ngồi nhiều đã nhẵn bóng nhưng ở nơi gốc cây, chồi non đâm tua lên một đuôi công xanh mướt. Lý Xuân ngồi trên chiếc ghé tự tạo đó với dáng điệu của một ông vua ngồi lên ngai vàng của mình. Anh ta vừa phe phẩy chiếc mũ vừa khoan khoái ngắm nhìn vườn tược, khóm đậu xum xuê và những vò hoa tím nhạt nở lốm đốm khắp hàng rào. Vẻ mặt mãn nguyện hồn nhiên của anh ta làm tôi có thiện cảm:

- Ít ra thì mình cũng đã có một người hàng xóm tin cậy được... Tôi thầm nghĩ.

Trong bếp nhà Lý Xuân, một phụ nữ bụng mâm cơm bước ra. Người đàn ông quay lại nhìn vợ đơn đả:

- A Phượng này, anh chị Ngọc ở dưới xuôi mới lên ở bên thím Ân, hàng xóm mới của nhà mình đấy...

Người đàn bà khẽ cúi chào rồi bước thẳng lên nhà trên. Tôi cảm thấy trong dáng điệu của chị ta, có ẩn giấu một vẻ kهن kiệu kín đáo. lát sau người vợ cất tiếng gọi:

- Lên ăn cơm Lý Xuân à...

Anh chồng nhòm dậy:

- Để tôi xay xong cối bột đã nhé.

Dứt lời anh ta chạy vào bếp, khuôn một chiếc cối đá cỡ đại ra sân. Xong, lại bê ra một thúng gạo ngâm và một soong nước. Ngồi lên gốc liễu, anh ta chạng hai chân ôm lấy chiếc cối, cầm cần tay. Thế rồi, một tay giội nước, vun gạo, một tay quay vào vò liên tục. Chỉ độ một giờ sau Lý Xuân đã xay xong cối bột. Anh ta đứng dậy nhìn tôi cười hề hả:

- Tôi là thợ cơ khí của thị trấn... Tối về làm bánh cài thiện thêm. Anh thấy không? ... tôi làm trong chớp mắt là xong thôi mà...

Tôi gật đầu đồng tình với người đàn ông tràn trề sức sống đó. Lý Xuân cất dọn mọi thứ rồi lại ra giếng tắm. Sau tiếng giội ào ào là tiếng anh hàng xóm gọi vợ:

- A Phượng, tôi xay xong bột rồi, đi ăn cơm thôi...

Rồi khi vào nhà tôi đã thấy cái bóng đồ sộ của anh ta in giữa khung cửa mở giống như bóng của một con gấu rừng. Suốt bữa ăn không nghe người vợ nói năng gì. Chỉ có tiếng bát đũa và chạm lách cách và tiếng anh chồm thình thoảng lại sột sắng giục:

- Kia, mình ăn đi chứ... Ăn đi kéo ốm...

Trước đây, quan hệ của cô tôi với nhà hàng xóm bên trái là Lý Ung có lẽ không mặn mà cho lắm. Vì vậy, không những ô cửa hoa thị trên nóc tường áp mái bị trệt kín mà đến hàng rào ngăn cách phần sân của hai nhà cũng được bịt bùng bằng mọi thứ ván gỗ, mảnh toả rỉ và những đồ vật linh tinh khác. Hàng rào chướng ngại ấy trông xấu xí đến tức cả mắt, đối lập hẳn với hàng đậu thông sang nhà Lý Xuân được giăng bằng vài chéo nửa gài cánh sẻ, dây đậu leo xanh rờn, hoa tím nở lung linh như bươm bươm.

Tôi có ý định tháo dỡ hàng rào cồng kềnh giữa nhà mình và nhà Lý Ung. Trước tiên là để quan hệ giữa hai nhà bớt căng thẳng. Sau đó là làm một hàng đậu trồng dây leo cho mát mắt. Tôi sang gặp Lý Ung, người hàng xóm thứ hai. Đó là một người đàn ông thấp bé tuổi trạc bốn mươi. Đúng như cô tôi đã nói, hình dung ông ta có phần kỳ dị. Mặt Lý Ung nhỏ quắt queo, đôi tai mỏng và nhọn bám vào hai bên đầu như đôi tai chuột. Chúng tôi làm quen và nói chuyện cầm chừng. Trái với Lý Xuân, Lý Ung ít cười mở. Ông ta dẫn đo từng câu nói, cặp mắt nhỏ đưa đẩy luôn luôn về phía quầy bày những con vịt quay bóng loáng. Nhà Lý Ung hơi tối vì những đồ vật kê chen chúc. Tủ đứng, tủ bò, giường nằm, bàn ăn cho khách... Toàn là những loại đồ sộ bằng gỗ gụ hoặc lát chun. Trên gác xép, góc trong cùng giáp với nơi mái ngói chụp xuống bức tường chắn đỡ, một chiếc bàn thờ lốt sa tanh đồ kê ngay ngắn. Trên bàn thờ dựng một bài vị đề chữ Hán, bát hương, vài quyển sách đọc da ám khói và mấy quyển Mao tuyển đồ chói. Tôi nói chuyện với ông ta khá lâu. Nhưng mối quan hệ cũng không tiến triển được bao nhiêu vì Lý Ung kín như một cái hũ nút. Rút cuộc, tôi đành phải nói tới việc phá dỡ hàng rào với ý nghĩ rằng mình đang làm một chuyện vô ích. Đúng như tôi phỏng đoán, người hàng xóm từ chối. Ông ta đưa ra một lô lý do quanh quẩn mà tôi không hiểu nổi. Sau cùng, tôi đành thất bại ra về. Cái hàng rào vẫn cứ sừng sững giữa hai mảnh đất, thô kệch và xấu xí, ngăn cách đời sống của gia đình tôi với người hàng xóm Hoa kiều ở phía bên trái. Cũng từ dạo đó tôi không để ý đến ông ta nữa. Chỉ có đôi dịp chuyện trò với những người cùng phố, họ cho tôi biết Lý Ung rất giàu và khôn khéo. Dân Hoa kiều ở thị trấn này nể sợ ông ta. Ông ta sống ở đây rất lâu với đứa con gái; còn người vợ chưa thấy mặt bao giờ. Đứa con gái Lý Ung tôi nhìn thấy luôn. Nó giống ông ta như tạc, khuôn mặt và đôi tai bé quắt, con mắt nhìn lằm lỉ, bí ẩn... Hàng đậu dưa đã được hái lứa đầu tiên. Những chùm quả mềm mại thả dọc bờ đậu, tươi mơn. Quan hệ giữa gia đình tôi và nhà Lý Xuân cũng gần bó thêm một mức. Chiều nào ở hai bên sân chúng tôi cũng ngồi trò chuyện. Những câu chuyện về sự làm ăn, sinh hoạt thường kỳ trong phố. Khi nào có trà ngon Lý Xuân mời tôi sang ngồi bên góc liểu cật uống nước. Tôi chỉ cần bước nhẹ qua kẽ hở của hàng đậu dưa là tới nơi. Còn nếu tôi mua được cà phê, thế nào tôi cũng bày bộ tách sứ Giang Tây của cô tôi để lại, với hai chiếc phin pha sáng loáng mời anh hàng xóm sang thưởng thức. Và Lý Xuân chỉ co chân bước một bước là vọt qua hàng rào, ngồi vào chiếu với tôi. Đứa con trai tôi rất quyến luyến Lý Xuân. Anh ta cũng quý thằng bé. Buổi tối làm bánh rán Lý Xuân thường giành viên bột cuối cùng nặn thành con chim, con cá, chiếc đùi gà hoặc quả đào rán phồng lên đem cho thằng bé. Đôi khi, tôi bắt gặp anh ta bế nó lên đùi, vụng về ve vuốt:

- Ô... cháu ngoan lắm... cháu có muốn làm con nuôi chú không?

Lý Xuân lấy vợ đã chín năm mà cha có con. Tôi biết anh ta đang khao khát được làm bố:

- Khi nào có con tôi sẽ đóng cho nó một con ngựa gỗ có lắp chuông. Khi nào có con tôi sẽ gửi mua cho nó chiếc xe đẩy bánh bọc cao su thật tốt, người bà con của tôi bên Trung Quốc đã hứa mua hộ... Khi nào tôi có... Anh ta thường nói với tôi như vậy. Vợ Lý

Xuân mắc chứng bệnh gì đó không rõ. Không thấy chị ta đi làm. Công việc của chị ta trong một ngày chỉ là đi chợ, nấu hai bữa cơm và buổi tối giao bánh cho nhà hàng. Mỗi ngày A Phụng phải ăn một lạng giò hoặc hai lạng vịt quay. Lý Xuân bao giờ cũng nhường thức ăn cho vợ còn bản thân anh ta thì chỉ ít dầu hoặc một tô rau bí xào cũng và hết sáu bảy bát cơm:

- Kia, mình ăn đi, chả quế của dì Sáu Sìu đấy... Mình ăn đi, vịt ông Lý Ung quay mới ra lò...

Ngày nào tôi cũng nghe người chồng nhắc lại cái điệp khúc ấy vào bữa cơm. Chị vợ điềm nhiên hưởng thụ sự chăm sóc đó, với một vẻ im lặng nửa hồn nhiên nửa điệu bộ. Hàng tóc mai cắt bằng xoã xuống trán như một tấm màn bên trên cặp mắt một mí long lanh. A Phụng có cái vẻ đẹp của các cô gái vẽ trên hộp phấn rôm Thượng Hải ngày trước. Không hiểu sao tôi thiếu

thiện cảm với chị ta. Cả vợ và đứa con trai tôi cũng vậy. Các buổi sáng chủ nhật Lý Xuân rủ tôi đi làm rẫy. Bắt chước anh ta, tôi cũng vỡ một vạt đất trồng sắn và củ mỡ. Lý Xuân bày cho tôi cách bẫy đá, đốt cây, gỡ mầm củ. Đôi cánh tay của anh ta cảm cuộc vung lên, nhịp nhàng và mạnh mẽ. Trong nắng sớm, tấm thân lực lưỡng của Lý Xuân ngả bóng dài trên nương sắn. Tôi ngắm nhìn và lại hình dung đến lúc anh ngồi trước chảo bánh, bàn tay khéo léo vo những viên bánh tròn rắc vừng, lạnh lẹn và tề nhị như đôi tay của một người đàn bà. Lòng tôi tràn ngập niềm yêu mến với con người ấy. Con người sinh ra để lao động nuôi dưỡng cuộc đời. Xong việc Lý Xuân rủ tôi ngồi nghỉ hút thuốc. Cả hai chúng tôi đều im lặng hồi lâu, miệng không ngừng nhả khói, mắt lim dim tận hưởng mùi vị của thứ thuốc sợi vàng tằm mật ong. Trước mặt chúng tôi, nương rẫy trải một màu xanh ngút ngát. Màu xanh cây là phản chiếu trong ánh mắt của Lý Xuân khiến nó trở nên mơ màng. Anh ta ngược nhìn giải núi trùng điệp là một màu lam nhạt lên chân trời biên giới và bỗng cất tiếng hát. Lý Xuân hát bằng tiếng Hoa, tiếng của tổ quốc anh ta. Mắt anh ta nhìn xa xôi, rưng rức. Giai điệu của bài ca bay lên như cánh chim rời lờ lờ hạ dần xuống. Lát sau, tường chừng sắp sửa tắt đến nơi nó lại vọt lên đột ngột như một đỉnh núi cao bỗng hiện lên phía trước con đường. Tôi nghe tiếng hát buồn buồn của Lý Xuân và thấy hiện ra trước mắt mình một vùng đất bao la tuyết phủ, những xóm mạc tha thớt, những ngôi nhà đắp bằng đất, những bầy chim xứ lạnh bay chậm chậm, vừa bay vừa cất tiếng kêu trên giải đồng bằng xa tắp... Năm tháng bình yên trôi. Nhưng cuộc sống của Hoa kiều trong thị trấn bỗng nhiên bị xáo động. Cuộc cánh mạng văn hoá vô sản ở Trung Quốc ảnh hưởng tới tận nơi đây. Nhóm Hoa kiều xông xáo. Họ nhận trước tác Mao Trạch Đông đọc và thảo luận. Vài người bỏ về nước. Lại một số người khác vượt biên giới sang. Một buổi sớm rét mướt, công an biên phòng tìm thấy hai xác chết của người Hoa nằm trong một am nhỏ thờ thần ở ven rừng. Cả hai đều bị đâm nát mặt. Trong những ngày đó Lý Xuân có vẻ hốt hoảng. Anh ta ủ rũ và ngờ ngác. Đi làm về, Lý Xuân lúi lúi xay bột, không còn ngheu ngao hát nữa. Nhưng trái lại, A Phụng thì xăng xái lắm. Ngày nào cũng thấy chị ta sang nhà Lý Ung bàn tán chuyện trò, vẻ mặt đầy vẻ quan trọng. Trừ những lúc nấu cơm, A Phụng ngồi đọc trước tác Mao Trạch Đông. Buổi tối, khi Lý Xuân ăn cơm chị ta nói lại cho chồng nghe với cái giọng san sát như mảnh bát cọ nhau.

Chúng tôi không hiểu được nội dung, chỉ thấy Lý Xuân cầm cúi và cơm hoặc dựng đũa thờ dài sườn sọt. Tất cả dân phố đều pháp phủng chờ đợi một cái gì đó không lành sẽ xảy ra trong những người dân Hoa. Nhưng may sao, mọi việc êm xuôi. Ngày nối ngày qua đi và sự xông xáo lắng dần xuống. Người ta bận làm ăn, kiếm sống, lo toan trăm thứ nên những cuộc họp riêng để đọc trước tác Mao Trạch Đông ít dần và bị lãng quên. Lý Xuân tôi tỉnh trở lại. Tỉnh thoảng đã thấy anh ta ngồi trên gốc liễu cụt nhăm nháp chén trà và cất tiếng hát.

Nhưng riêng A Phụng vẫn chưa thể trở lại nhịp sống bình thường. Khi Lý Xuân đi làm, chị ta vẫn sang nhà Lý Ung mỗi sáng. Thay vì đọc trước tác, chị ta ăn phở chua do chủ

nhân thất đãi. Chuyện đó nghiêm nhiên thành lệ. Dân phố xì xào. Đưa con gái Lý Ung nhìn A Phụng với con mắt hân học kín đáo. Chỉ có Lý Xuân là không hề hay biết. Một buổi sáng trời mưa lớn. Cơn mưa đầu hạ rơi ồn ào trên mái ngói. Tôi ngồi viết lại sổ phích cho tủ sách cơ quan. Một dòng nước từ mái ngói bỗng nhỏ long tong xuống bàn, bắn lên những tấm bìa viết mực nho còn ớt. Tôi vội vã chuyển bàn làm việc tới một góc nhà và leo lên gác xếp xóc lại mảnh ngói vỡ trong bụng thầm đoán đây là kết quả trận ném nhau của lũ trẻ trong phố. Trên sàn gác, nước đột đọng thành vũng. Tôi kiếm một chiếc ghế nhỏ. Khi đứng trên ghế, đầu tôi đã gần chạm tới cây rui. Vô tình, tôi đa mắt nhìn vào ô cửa hoa thị thông sang gác nhà Lý Xuân, lúc ấy đã ở ngay trước mặt. Một tia sáng mảnh rọi thẳng từ trên kẽ ngói vào ô cửa trống. Nhờ tia sáng đó, tôi nhìn thấy trên sàn gác nhà Lý Xuân, trong khoảng tối lơ mờ vì chần đệm che lấp và những bức gỗ nặng nề vây quanh, hai bóng người loã thể vận vẹo như đôi rắn. Ngay tức khắc, tôi nhận ra A Phụng và Lý Ung. Hoảng hốt, tôi tụt xuống ghế lao xuống nhà dưới. Lặng lẽ và câm nín như một kẻ ăn trộm.

- Sao thế? Xóc lại ngói đi...

Vợ tôi ôm con trai trên giường la to. Tôi đến bên cô ta, đặt bàn tay lên vai, bóp thật mạnh:

- Đừng om sòm lên. Nước đột nhỏ vào giữa mặt, chờ tạnh mưa mới sửa được.

Thấy thái độ lạ lùng của tôi, cô ta im lặng ngay. Buổi tối, tôi kể chuyện cho vợ tôi nghe. Cả hai chúng tôi cùng ngồi lặng hồi lâu, thương xót anh chồng bị lừa dối.

Sau trận mưa mở đầu, những cơn mưa mùa hạ gọi nhau ào ạt kéo đến. Sông suối dâng đầy trong phút chốc, sóng cuộn ào ào. Nỗi lo ngại lớn nhất của những người làm cha mẹ lúc này là nước lũ. Chúng tôi cũng vậy. Chúng tôi luôn luôn theo sát đứa con trai, dặn dò, đe dọa nhiều khi van lơn nó đừng theo bạn ra sông chơi. Nhưng tai hoạ vẫn cứ đến. Một chiều chúng tôi ngồi phân loại sách cho cơ quan. Trời mới tạnh mưa, nắng le lói chiếu trên mặt đất còn ớt dầm. Đứa con trai tôi nằm vắt chân chữ ngũ ê a đọc tranh truyện trên giường. Vợ chồng tôi vừa làm vừa chuyện vặt. Chợt vợ tôi sực nhớ tới đồng lạc chưa kịp phơi đã gặp nước mưa. Cô ta hốt hải bảo tôi mang ra sân phơi. Tôi đành bỏ dở việc, cào đồng lạc ở góc nhà vào thúng đem ra sân. Vợ tôi rải lạc thành lớp mỏng trên sân gạch. Phơi lạc xong, cô ta lại phát hiện ra nửa thúng lạc xấu đã bị trương lên và yêu cầu tôi phải giúp cô ta bóc ngay tức khắc. Thế là tôi đành tặc lưỡi ngồi xuống cầm chiếc kẹp tre tách vỏ lạc. Vừa bóc được độ mười hạt, một bà cùng phố chạy xộc vào, kêu thất thanh:

- Chú Ngọc, con chú bị lũ cuốn rồi...

Tôi ném chiếc kẹp tre, đứng lên. Trên giường trống ngợ trống ngắt quyển tranh truyện ném bên mép chiếu, thằng bé đã bỏ đi từ lâu. Không kịp nói một lời, tôi chạy bỏ ra cửa, tai ù đi như cối xay nghiền bên trong. Tôi chạy hết phố xuống tới bờ sông, mang máng cảm thấy một người nào đó vừa la khóc vừa chạy theo mình. Chắc đó là vợ tôi. Phía trước bến sông, một đám người tụ tập ồn ào bàn tán. Tôi xô vào họ, tìm quanh quất, không thấy con, tôi lại đâm nhào xuống nước. Một người nào đó kéo áo tôi lại. Dòng nước đục ngầu lao đi giữa hai bờ đất, khủng khiếp như một con trăn gió phóng tới chụp mồi. Chỉ thấy những lượn sóng đục ngầu chồm lên nhau, rú rít. Không tìm được một mảnh áo, một bàn tay chới với nào được ngoài những đám bọt xoáy tít và những cành củi trôi vùn vụt giữa dòng. Nỗi tuyệt vọng làm tôi như điên loạn. Tôi giằng khỏi bàn tay níu giữ của một người nào đó chạy dọc theo mép nước. Tiếng la khóc của vợ tôi ở phía sau lớn dần lên, bám chặt lấy tôi, khoan sâu vào óc não. Sóng vẫn đập chồm trước mắt tôi nh một bầy thú kì dị và độc ác. Tưởng như tôi cũng sắp bị nó nuốt chửng vào cái dạ dày hung hiểm kia. Đúng lúc ấy, Lý Xuân hiện ra trước mặt tôi.

- Anh Ngọc..

Anh ta gọi.

Tôi đứng lại, mắt hoa lên. Lý Xuân ớt dầm đìa, tái nhợt, vài vác đứa con trai của tôi.

Thấy tôi đứng đờ đẫn, anh ta cũng đứng lại, bé thằng nhỏ xuống:

- Tôi đã quay bảy vòng, nó nôn hết nước... Bây giờ nó thở được rồi đấy...

Lý Xuân nói và trao đứa con nhỏ cho tôi. Làn môi nhợt nhạt hé cời anh nói tiếp:

- Lúc nãy, nó mở mắt ra gọi: Chú Xuân... Nó nhận ra tôi...

Cổ họng tôi tắc nghẹn. Tôi ôm đứa con, nước mắt trào lên. Vợ tôi cũng lao đến ôm thằng bé. Chúng tôi khóc. Và cùng cảm thấy hạnh phúc khi tìm lại được một cuộc sống còn quý giá hơn cuộc sống của chính mình. Cuộc sống ấy chỉ chút nữa là vĩnh viễn bị đánh mất. Lý Xuân nhìn chúng tôi với ánh mắt ám áp. Anh ta quay lại lấy bộ quần áo thợ ớt sũng vắt trên thành cầu. Rồi giơ tay chào chúng tôi, anh thông thả đi vào phố.

Từ mùa hè năm đó. Lý Xuân trở thành ân nhân của gia đình tôi. Lễ tất

niên chúng tôi quý trọng anh hơn trước nhiều. Nhưng Lý Xuân không hề lạm dụng lòng biết ơn đó. Hình như anh coi việc cứu đứa trẻ cũng tự nhiên như việc cuốc đất trồng sắn, tiện cái đinh ốc hay xay bột làm bánh. Thằng con trai tôi quán quít anh suốt ngày:

- Bố Lý Xuân gập cho con chiếc tàu bay... bố Lý Xuân bắt cho con con bọ ngựa...

Lý Xuân nhận thằng bé làm con nuôi. Anh ta thường cầm bàn tay bé xíu của nó xoa lên má, cọ vào chiếc cằm đầy râu:

- Ô tay nó xinh ghê ... Ôi, tay nó êm như tay con búp bê bằng lụa...

Mỗi lần có món ăn ngon, vợ tôi lại sai con đem sáng biểu vợ chồng Lý Xuân. Lần nào thằng bé cũng về kể:

- Bao nhiêu miếng thịt nạc cô A Phượng ăn hết, bố Lý Xuân chỉ gặm xương thôi...

Chúng tôi bật cười. Vừa bực vừa thương con người hỉ xả đó. Tháng năm cứ thế trôi qua. Tôi dần dần có thêm nhiều bạn bè mới, công việc quen thuộc dễ chịu hơn nhiều. Tôi gần bó tù lúc nào không rõ với cái phố nhỏ miền sơn cước này. Lý Xuân vẫn là người hàng xóm tin cậy, người gần gũi nhất đối với tôi. Có lẽ, chúng tôi có thể sống êm thắm như thế mãi nếu không có những biến động. Đầu tiên, là những vụ xung đột xảy ra dọc biên giới. Dân công xã Trung Quốc bị khích động chạy sang chiếm đất, gặt trộm lúa, phá vỡ những đập nước và mương máng. Những vụ giành giật đất đai, đánh lộn bằng gậy gộc, ném đá xảy ra, dội vào thị trấn. Dư luận ồn ào. Hoa kiều nhìn chúng tôi bằng ánh mắt khác lạ, thâm lén và nghi kỵ. Đời sống thường ngày của thị trấn trở nên trầm lắng, ủ ê. Buổi tối, các cô gái và các chàng trai không còn rủ nhau tới cửa hàng kem hoặc vào thư viện đọc sách. Lũ trẻ cũng bớt chạy ra đường, hò reo, tập trận giả. Các cánh cửa đóng im ỉm, lọt ra vài vệt sáng. Mọi người sống thu mình lại, chờ đợi cái gì đó sẽ xảy ra. Lý Xuân ủ rũ như con chim gãy cánh. Anh ta buồn bã hơn cả hồi xảy ra vụ cách mạng văn hoá mấy năm trước. A Phượng thậm thọt chạy sang nhà Lý Ung suốt ngày. Thậm chí có bữa chị ta ngồi lì bên nhà lão bán phở chua bàn bạc việc cơ mật không thèm nấu ăn. Buổi trưa anh chồng đi làm về lại cầm cú rửa nồi thổi cơm. Đứa con trai tôi cũng ít sang nhà bố Lý Xuân hơn trước. Dường như nó cũng linh cảm thấy sự thay đổi trong thái độ của những người lớn. Tình hình mỗi ngày mỗi xấu đi.

Ban đêm, qua các khe cửa, những bàn tay đen mang truyền đơn kêu gọi thúc ép người Hoa về nước. Lý Ung thường có những nhóm người tới thì thầm bàn tán. Mặc dầu chính quyền hoạt động tích cực giải thích, trấn an cho số dân Hoa, họ vẫn lục tục bán nhà, thu dọn đồ đạc bỏ về nước. Lý Xuân gầy tọp đi, râu ria tua tủa. Bộ mặt đỏ hồng tràn trề niềm vui sống của anh giờ đây đờ đẫn, hai hốc mắt trũng xuống, hằn nếp gấp trên mi. Anh không làm bánh nữa, suốt ngày thơ thẩn ra vào suy tính. Một đêm oi nóng, vợ chồng tôi thao thức không ngủ được. Đột nhiên, tiếng thì thao gay gắt bên kia tường văng sang. Chúng tôi cũng nín lặng nghe. Vợ chồng Lý Xuân cãi nhau. Họ nói tiếng Hoa, chúng tôi chỉ hiểu lờ mờ đôi chút. Giọng nói cả hai cùng cố nén nhỏ nhưng giòn dũ. Người tấn công là A Phượng. Chị ta nói liên tục, hùng hổ. Lý Xuân chống đỡ bằng lối nói nhát gừng, lúng búng của anh ta. Sau một lúc đôi co, A Phượng bỗng hét lên một tiếng nhỏ rồi hằm hè hỏi một câu gì đó. Lý Xuân lặng im không trả lời. A Phượng thúc hối một lần nữa. Lý Xuân vẫn câm nín. Chúng tôi nghe chị vợ rít lên lần thứ hai và tiếp

sau đó những tiếng vỗ đôm đốp. Tiếng đập xen lẫn nhịp thờ hào hển của người đàn bà. A Phụng đánh chông. Vợ tôi thì thào. Tôi mở mắt trong bóng tối, lắng nghe tiếng động dội sang và tưởng như nhìn thấy bộ mặt người đàn bà tái mét vì tức giận, hàng tóc mai dính bết trước trán, cặp mắt một mí long lên đen khùng. Chị ta vừa thờ hồn hển vừa tát đôm đốp vào mặt Lý Xuân. Anh chồng hộ pháp đó có lẽ nằm im chịu đòn. Chúng tôi không nghe thấy một tiếng động nhỏ nào chứng tỏ anh ta chống đỡ. Sau một hồi bạo động, chắc A Phụng đã mệt. Chị ta thờ dốc và nằm vật ra giường. Từ những nan gỗ bị rừng mạnh và vang lên khô khan trong bóng tối. Sáng hôm sau Lý Xuân đi đâu rất sớm. Gần trưa anh ta mới về: về mặt bần thần. Mấy người cùng phố cho tôi biết anh vừa bán non nương sắn. Nghe đâu chỉ được giá dăm trăm. Nếu để đền vụ nương sắn của anh phải thu ngót hai ngàn. Ngay buổi chiều hôm đó bên nhà Lý Xuân vang lên tiếng đục gỗ chi chát. Tôi biết anh đang đóng hòm chở đồ. Ngày hôm sau A Phụng gọi người tới bán giường, tủ, mấy chiếc ghế tựa và chiếc cối xay bột. Tới cuối tuần họ đã thu xếp xong. Lý Xuân bước qua hàng đậu, sang nhà tôi:

- Chào anh chị Ngọc, tôi đi.

Anh ta nói, giọng khàn khàn không rõ buồn hay vui. Chúng tôi không dám hỏi han gì thêm chỉ lặng lẽ pha trà. Đứa con trai nhỏ của tôi bỗng ôm choàng lấy Lý Xuân:

- Thế bố có quay lại đây nữa không? bố Lý Xuân?...

Người hàng xóm cầm tay đứa bé, mắt chớp chớp. Sau khi uống một chén trà, anh ta bỗng thở dài:

- ở đây làm ăn đang vui. Tôi không muốn về đâu, nhng Tổ quốc kêu gọi...

Mấy tiếng cuối cùng nghe như bị hụt hơi. Lý Xuân lặng im không nói gì thêm nữa. Vợ tôi lấy gói kẹo mè sừng vừa mới gửi mua ở Huế đưa cho Lý Xuân và chúc anh ta đi mạnh khoẻ. Lý Xuân đứng dậy chào chúng tôi về. Thân hình vạm vỡ của anh in đầy khuôn cửa. Cái lưng hơi gù gù tạo nên vẻ nhẩn nhện và cam chịu. Lần đầu tiên, sau bao nhiêu năm quen biết, tôi mới nhận thấy lưng anh ta hơi gù. Lý Xuân đi tới hàng đậu. Vào mùa này, những cây đậu đũa đã hết rụi, kho xác ôm quanh các ống rào. Lý Xuân định bước qua hàng đậu về sân. Đột nhiên đứa con trai tôi chạy bổ ra:

- Bố Lý Xuân ơi, cho con buồng chuối kia nhé, con để chín cây cho chim sáo ăn dần...

Thằng bé vừa nói vừa chỉ buồng chuối tiêu ở góc vườn nhà Lý Xuân đang bắt đầu tròn quả. Lý Xuân quay lại cười. Ngay lúc đó tiếng A Phụng cất lên riết róng:

- Đừng tưởng bở, chúng tao chỉ về hai tháng rồi lại sang đây thôi.

Người đàn bà xanh lét như một con sâu trong bộ quần áo hoa xanh lốm đốm.

Mặt chị ta vênh lên nhìn chúng tôi với vẻ ngạo mạn và thách thức. Vợ tôi vội vã mắng con. Thằng bé bỏ chạy đến bên chiếc lồng sáo. Lý Xuân lúi lũi đi về. Đó là kỷ niệm cuối cùng kết thúc một thời gian dài êm ấm. Tôi tưởng không bao giờ gặp lại người hàng xóm nữa. Nhưng cuộc đời diễn ra ngoài sự tưởng tượng của mỗi chúng ta. Hơn một năm sau ngày Lý Xuân về nước, giặc Trung Quốc đánh ập sang. Chúng đánh vào lúc mọi người ít chuẩn bị nhất. Tháng hai, Tết nguyên đán vừa đi qua, nhng mùi hương ngày lễ rằm còn phảng phất. Các súc thịt ủ rơm trong sọt chưa hết. Nhiều nhà hầy còn bánh nếp, bánh bồng. ở vùng núi, mùi vị tết kéo dài theo không khí lành lạnh, lắng lắng hơi sương của mùa xuân. Bất chợt, hai giờ đêm, pháo nổ ran bốn phía. Tiếng động dội vào các vách đã, nhân lên, trùm lấy không gian, phá vỡ sự bình yên trong mọi căn nhà. Một người nào đó ở ngoài phố hét to:

- Giặc Trung Quốc đánh đến rồi,... giặc Trung quốc...

Chúng tôi bật dậy. Thế là bắt đầu cuộc chạy giặc. Vào trong núi, chúng tôi mới kịp nhận ra rằng trong lúc hốt hoảng, chúng tôi đã không mang theo những thứ cần thiết để duy trì đời sống: Lương thực, soong nồi, bát đũa, dao chặt củi, xô múc nước... Tối hôm đó, một đoàn người bao gồm tôi, cậu bé mời làm con ông già giữ thư viện, một bác thợ ngói đã về hưu, những người đàn ông hiếm hoi trong đám

dân sơ tán cùng liều chết quay lại thị trấn. Chúng tôi cứ men theo những lối mòn mà đi. Thoạt đầu còn dè dặt, sau rồi chạy hối hả, liều lĩnh. Tiếng súng ở phía đầu thị trấn vẫn nổ từng đợt dài chứng tỏ dân quân cha rút khỏi trận địa. Họ đang chống trả lại quân địch. Thị trấn chìm trong bóng tối hoang vu. Chúng tôi chia nhau ở cột đèn cuối thị trấn, hẹn sau nửa giờ quay lại cùng đi, rồi ai nấy lần về nhà mình. Tôi mò mẫm mở ổ khoá. Rồi trong đêm, mò mẫm tìm những thứ cần mang theo. Tiếng súng ở đầu thị trấn bỗng dội lên quyết liệt rồi sau đó tắt hẳn. Sự im lặng đó đè nặng lên tim tôi. Nó báo hiệu phút hiểm nguy đang tới gần. Mồ hôi toát ra ọt đẫm, tôi cuống cuống gói đồ đạc thành một bó. Sợi dây thừng đã ải bỗng nhiên đứt phụt. Vừa rờ rẫm tìm hai mối nối, tôi vừa nghe

tim mình đập thình thịch. Phút im lặng kéo dài. Rồi đột nhiên một loạt đạn tiểu liên nổ kèm theo tiếng chân chạy rầm rập. Tôi buông gói đồ xuống mở hé cánh cửa nhìn ra phố. Trong làn sáng của lửa đạn, tôi thấy quân địch đen nghịt tràn lên lòng đường. Tôi nhận ra họ ngay. Bởi lẽ hình dáng của họ đã quá quen thuộc đối với tôi, người đã sống trên mời năm trong dãy phố hai phần ba là Hoa Kiều.

Tôi khuôn gói đồ, chạy ra căn hầm đào dưới cây nhót ngoài vườn. Nấp trong đó, tôi lắng nghe tiếng súng nổ loạn xạ, tiếng ồn ào ngoài đường vọng vào. Quân địch đã ủa vào các căn nhà. Bóng đen lố nhố in lên vòm trời sáng đục vì những đám cháy ngoài thị trấn hắt lên. Đám đông chuyển động trên mảnh sân nhà tôi và nhà Lý Xuân. Đôi khi, nhờ ánh lửa hồng hồng gợn khói soi rọi, tôi nhìn ra những bộ mặt quen thuộc của thị trấn: Hai thanh niên thợ gốm chiều chiều đá bóng trên sân cỏ. Một lão cắt tóc có chiếc rương gỗ sơn đỏ vẫn dựng quán trước cửa chợ phiên. Một cán bộ phân phối ngành thương nghiệp. Một lão bụng tròn ngày ngày vẫn ôm chiếc hòm đựng bánh bột viên đi quanh phố, miệng rao dè dẹo:

- Cái bi ron ron, cái bi ròn ròn à...

Tụi lính Trung Quốc gọi nhau ngẫu ngã tìm nước uống. Giữa đám tiếng nói hỗn loạn, một giọng oang oang bỗng cất lên:

- Có giếng đấy, có giếng trước cửa bếp đấy...

Giọng nói quá quen thuộc. Tôi lặng người, nín thở lắng nghe. Trong bóng đêm vang lên tiếng hỏi:

- ? ? (đâu? đâu?...)

Vài tiếng găt gỏng. Một thằng lính va đầu vào cánh cửa bật chữ:

- Tiu nà ma...

Những bóng đen đi lại lộn xộn. Rồi có tiếng gàu chạm lanh canh vào thành giếng xây, và cái giọng ban nãy lại cất lên, vui vẻ, ngạc nhiên:

- Ô, cái gàu nữa đây... cái gàu của nhà tao hầy còn.

Đích thực là giọng nói của Lý Xuân, không thể ngờ vực. Tôi hỏi hộp dươn người lên, giương mắt nhìn lại đám lá nhót. Bên ngoài, tụi lính đang tranh nhau uống nước ừng ực. Mấy thằng lính nuôi quân đã nhóm một đống lửa giữa sân. Trong ánh lửa đỏ rực, tôi nhìn thấy người hàng xóm cũ. Lý Xuân, đứng trước cửa nhà mình, cao hơn, hơi gù, bộ mặt to lớn, hơi gù, bộ mặt to lớn đầy mãn nguyện. Tụi lính đang đập phá nhà tôi. Chúng bẻ gãy chân bàn, phá giương ném vào đống lửa. Cả chiếc lồng chim sáo của đứa con trai cũng bị vứt vào bếp. Những chiếc nan tre cháy bùng lên. Con sáo đập cánh bay rí rít, điên loạn trong đám lười lửa vây quanh. Vừa giãy giụa, con chim vừa kêu:

- Có khách, có khách...

- Có khách...

Con vật bé nhỏ kêu hoài cho đến lúc cháy thui. Tụi lính vỗ tay cười. Một tên lính nhỏ thó bụng bộ tách chén bằng sứ Giang Tây của tôi ra, vạch quần tiểu tiện vào. Tụi đồng bọn thích thú cười nghiêng ngả. Lý Xuân cũng cất tiếng cười hô hố. Anh ta nhìn bộ tách sứ đó, cũng như nhìn con sáo tội nghiệp chết quàn quại trên đống lửa bằng con mắt xa lạ, đứng đưng. ánh lửa chập chờn rọi lên hàm răng trắng bóng đều đặn của Lý Xuân. Cái

cổ vạm vỡ đỏ ửng. Đôi mắt xéch dới cặp mày ngắn long lanh. Vẻ mặt anh ta hồn nhiên cho đến nỗi tôi đâm ngờ vực chính con mắt của mình, ngờ vực cả cái quá khứ lâu dài xa kia, đã có một thời, hơn mười năm chúng tôi là những người láng giềng thân thiết. Tên lính nhỏ thó, lác các bê cả bộ tách sứ đầy nước tiểu liệng vào giếng nhà tôi. Tụi lính xung quanh kêu ồ lên ngạc nhiên, tán thưởng. Lý Xuân nhìn hấn thích thú. Lúc này, anh ta giống nh một đứa trẻ độc ác hồn nhiên. Một đứa trẻ vui thú trong trò chơi độc ác, ví như vừa chơi vừa cầu đôi con bóm hay lấy dao chặt cụt đuôi mèo. Tụi lính Trung Quốc vận nhện nhạo đùa rờn quanh đồng lửa. Nhng đột nhiên có tiếng hét ngoài phố.

- Duê nản... tả duê nản...

Tụi lính nhào dậy. Lý Xuân là người đầu tiên ngó qua khuôn cửa nhảy ra ngoài đường.

Anh ta hét lên:

- Tả duê nản...

Và cánh tay lực lưỡng giật khẩu súng dựng bên tường, cặp vào vách. Đạn liên thanh nổ hai tràng dài sau đó. Rồi một tiếng kêu đau đớn, mơ hồ từ phía cuối thị trấn vẳng lên.

Tôi thấy tim mình như đứng lại: Phía đường ấy là nơi cột điện tôi đã hẹn ông già thợ ngói và chú bé tới cùng đi. Nếu một trong hai người đó quay trở lại? ... Tôi biết làm sao bây giờ? áp ngực vào thành hầm, tôi căng thẳng lắng nghe, đầu óc rối loạn vì những lo âu và phỏng đoán.

Một tiếng đổ ầm ầm vang lên; tên lính bấp vào nhà tôi gỡ cánh cửa, lặc lè kéo đến bên đồng lửa. Hấn lấy riu bữa nhỏ, ấn vào bếp. Trong khung cửa trống hoác đó Lý Xuân bước vào. Đi sau anh ta là lão già Lý Ung. Lão bán phở chua bây giờ mới xuất hiện.

Trong bộ phục rộng thùng thình, trông lão xấu xí lạ lùng. Lão kéo theo sau người bị bắt. Chính là chú bé đã cùng tôi quay lại thị trấn buổi chiều nay. Máu dồn lên mặt tôi nóng phừng, rồi

trong một giây, người tôi lại tái đi, mồ hôi toát ra ớt đẫm. Những nắm tay tôi tìm nhau, vắn chặn lại trong cơn tuyệt vọng và bất lực. Trên kia, lão già Lý Ung đang quát hỏi chú bé:

- Ai sai mày quay lại đây? Do thám hả?

Chú bé đau đớn quỳ nghiêng trên sàn, ôm bàn chân đập nát. Nó ngẩng lên, nhìn vào mặt lão bán phở nói khẽ:

- Tôi về lấy gạo, lấy nồi nấu cơm, lấy xô múc nước... Các ông bắn pháo...

Không kịp đem theo...

Tụi dân quân sai mày về đây? hay bộ đội địa phương? ... Chúng nó sai mày dò xét cái gì?...

Ung tiếp tục hỏi.

- Không ai sai cả.

Chú bé lắc đầu.

- Lý Xuân, mày hãy cho nó một báng súng, thẳng ranh con này bướng thật. Chắc nó đã được học làm do thám, nó rình rập để đánh trả chúng ta.

Lý Xuân đứng dậy, cánh tay kèn càng vươn lên cao, giáng cây súng xuống cậu thiếu niên. Tôi nhắm mắt lại, choáng váng như vừa bị bổ một thanh củi vào đầu. Tôi chưa thể hình dung sự việc lại diễn ra như vậy. Tôi không thể ngờ Lý Xuân tàn nhẫn đến thế.

Mặc dù hấn đã thản nhiên chứng kiến cảnh đồng bọn đập phá nhà cửa, đồ đạc của tôi, mặc dù hấn đã cười hồ hớ khi con sáo bị thiêu cháy, mặc dù... Tôi nhìn bộ mặt đỏ rực ánh lửa của người láng giềng, đôi mắt xéch dưới hai tràng lông mày ngắn không lay động. Chú bé bị đánh vào vai, ngã rụi xuống sân. Nó bật kêu lên một tiếng đau đớn và gọi:

- Chú Lý Xuân...

Cậu thiếu niên ngược nhìn tên hộ pháp, ánh mắt kinh hoàng. Một chút xao động chạy qua gương mặt tên lính. Hình như hấn bối rối. Trước đây, hấn vốn là người vui tính.

Hấn thường cười trần, mặc quần đùi chạy đá bóng lông nhông với lũ thiếu niên trong phố,

giống như một con gà cộ lạc giữa bầy gà con. Buổi chiều, hắn thường nhảy xuống bên sông bơi òm òm, la hét đùa nghịch với chúng và đôi khi rối rãi, hắn ngói chuyện gẫu với mấy chú nhóc trước quán bánh rán nước chè, điều thuốc phi phèo trên môi. Vì tất cả những chuyện đó, lũ thành niên choai choai trong thị trấn thân thiết và yêu mến Lý Xuân. ánh mắt đau đớn, ngỡ ngàng của chú bé lúc này dán vào mặt hắn. Tên lính cúi đầu xuống. Một ngón tay hắn choãi ra trên nóng súng. Lão già bán phở vẫn ngồi chồm hồm trước cậu bé, tra hỏi:

- Thế nào ranh con? Khai ra chứ?...

- Ai sai mà?...

Chú bé nhìn bộ mặt choắt cheo của Lý Ung, những nếp nhăn xếp trên cái trán hói quá da và đôi mắt ti hí đầy soi mói của lão. Bất chợt, nổi khùng, nó dớn người lên, quát vào mặt lão già:

- Tôi không do thám ai cả. Chính các ông mới là đồ do thám. Các ông ở đây, lòng xét mọi thứ rồi dẫn quân Trung Quốc về đánh...

Lý Ung làm một động tác giống như con mèo chồm lên bắt mồi, lão định vồ lấy chú bé nhưng lại co hai tay, ngồi xuống:

- Lý Xuân, mày thấy thằng con lão kho sách nói gì chưa?... Đúng là một tên tiểu bá...

Lý Xuân đứng im, mặt chầy thọt. Tên lính nhỏ thó từ trong nhà hắn đi ra:

- Thủ trưởng bảo các anh bắn ngay đi, thằng này không phải là gián điệp nhưng đích thị là một tên tiểu bá... Kia, Lý Xuân...

Lý Xuân như sực tỉnh. Hắn lên đạn. Tiếng động vang lên, lạnh lẽo. Chú bé run rẩy nhìn hắn. Nhưng bộ mặt tên lính đã khô cứng lại như mặt nạ, dừng dưng và vô cảm. Không do dự, hắn siết cò. Chú bé ngã vật xuống.

- Thế là hết...

Tôi thầm nói. Nổi cay đắng nhục nhã xâm chiếm toàn thân, tôi cảm thấy người mình rời rã từng mảnh vì căm giận, bất lực. Trên kia, hai tên giặc xì xào trao đổi gì đó với nhau, rồi cả hai đến ngồi bên đồng lửa:

- Mày bắn khá lắm - Tên Lý Ung nói - Lúc ở trong phố, tối đen nh mực mà mày bắn trúng bàn chân thằng ranh con...

- ờ...

- Lý Xuân gật đầu.

- Mai tao sẽ báo công với thủ trưởng.

Lý Ung tiếp.

- Ờ... Nếu mà bắn ban ngày, cách năm chục thước, tôi có thể tĩa trúng bàn tay một tên Việt Nam...

Tên sát nhân trả lời với vẻ mãn nguyện và giơ bàn tay lên hơ trước đồng lửa. Tôi nhìn chăm chặp vào đôi bàn tay hắn. Đôi bàn tay to lớn, dày dạn với những vết chai mà tôi vẫn nhớ. Trước kia, tôi đã quý trọng chúng biết bao... Đêm xuống. Tụi lính Trung Quốc sau khi ăn no đã đào hố ở ngoài bãi đất trống sau khoảng vườn của chúng tôi chạy ra phía ngoài thị trấn. Đào hố xong, chúng phủ rơm rạ, lót ván gỗ đập lên và rúc xuống bên dới ngủ. Lửa đã gần tàn, chỉ còn đám than hồng hắt sáng lên bầu trời tối om. Hai tên lính ngồi chồm hồm canh chừng cho đồng bọn ngủ. Đó là Lý Xuân và Lý Ung. Cả hai ngồi cầm nín nh hai con chó đá giữ cửa chùa. Xung quanh, tiếng ngáy phi phò của tụi lính vang lên. Bóng tối buồn thảm chụp xuống mặt đất. Tôi không thể ngủ được. Tôi nhìn hai bóng người đen đúa ấy, và cùng một lúc, những hình ảnh của quá khứ lần hiện tại ập đến, quay cuồng ở trong tôi như những hình người và thú xoay trên mặt ngọn đèn cù. Đêm khuya. Đám than đã lụi. Tôi mệt mỏi tựa lưng vào bờ đất. Đột nhiên, một tiếng kêu bật lên: Tôi nhòm dậy, chăm chú nhìn. Cái bóng đen cao lớn đang mặt rền rĩ:

- Ôi... sao ông lại đánh tôi?

- Mày ngủ gật. Mới ngày đầu đã không chịu theo kỷ luật. Mai tao sẽ báo cáo thủ trưởng.

- Tôi có ngủ đâu?... tôi vẫn thức từ tối mà...

Tiếng Lý Xuân áp úng.

- Mày ngủ gật. Tao đã đếm tới đúng một trăm.

Lý Ung lạnh lùng đáp.

- Tôi...

Lý Xuân lúng búng rồi cầm bật. Tôi nghe hần thở dài, chống khẩu súng xuống đất ngồi thu lu. Một bàn tay hần rờ rẫm bên má:

- Ông đánh tôi đau quá...

Lý Ung im lặng. Lão ngồi bất động, cần mẫn như một con chó già. Có lẽ cặp mắt ti hí của lão đang lục lọi trong bóng tối. Một lúc lâu sau tôi không nghe chúng nói gì thêm nữa. Chỉ có tiếng gió lùa ù ù trong khe núi và tiếng côn trùng rỉ rả. Một tên lính ngủ mê la hét nói lấp bắp một tràng dài. Rồi sau đó lại hoàn toàn yên lặng. Tôi đã sắp sửa tụt xuống hầm thì Lý Xuân bỗng háng giọng. Hần ho vài tiếng khan rồi nói:

- Này, ông Lý Ung, sau đợt này ông về đâu?

- Chưa biết.

- Trưng trị Việt Nam xong, tôi sẽ về quê thôi. Bỏ tôi vừa chết mùa đông năm ngoái, còn để cho tôi cái nhà.

Lão bán phở chua không góp chuyện. Ngừng lại một chút, Lý Xuân nói tiếp:

- Tôi sẽ tiêu diệt thật nhiều tên tiểu bá Việt Nam, tôi sẽ được phát phiếu lĩnh lương thực và tiền. Mùa đông này sẽ đắp đất lại cái mái nhà cũ...

Hần thở mạnh và say sa tiếp:

- Sẽ đắp đất lại cái mái nhà. Và tôi sẽ bảo A Phương làm thật nhiều bánh bao nhuộm phẩm ăn mừng. A Phương không làm được việc nặng, tôi sẽ kiếm cho cô ấy cái máy khâu... Ông bảo có được không?...

- Được - Lý Ung trả lời - Nhưng mày phải hoàn thành tốt nhiệm vụ Tổ quốc vĩ đại đã giao phó...

Nói xong, lão bán phở chua lại im lặng. Cái bóng đen thấp bé nhòn nhọn của lão không cử động, giống như một hòn đá dới chân núi. Lý Xuân khe khẽ hát. Bài: "Ra khơi nhờ tay lái vững". Bàn tay xoè rộng, vỗ nhịp trên đùi. Hần đang sống sung sướng với những mộng mơ của hần. Phía đông, chân trời rạng lên một vệt các vòm cây hiện lên mờ mờ trên nền trời màu xám sữa. Một tên lính thấp béo lạch bạch chạy từ chỗ ngủ vào sân, hét to:

- Bắc chảo lên.

Chắc hẳn đó là tên bếp trưởng. Chúng nó đã chuẩn bị nấu ăn. Rạng sáng rồi. Trời sáng hần. Dới ánh mặt trời, tôi nhìn rõ những bộ mặt của quân địch. Tụi chúng đi lại nhộn nhạo, đưa gõ ca gõ bát, đưa sữa sang súng đạn. Vài tên lính cởi giày đập bùn bám vào đêm qua. Mùi chân thối hoảng xông đến tận nơi tôi ẩn nấp. Quanh bếp, một tốp lính mới đầu húi gần như trọc đang ngồi vừa vỗ tay vừa hát bài "Ra khơi nhờ tay lái vững". Tên lính nhỏ thó lác các hôm qua ngồi thổi kèn đệm theo. Chiếc kèn trong tay hần gần giống như kèn đám ma nhưng ngắn hơn. Âm thanh nó phát ra the thé như giọng một cô gái già nanh nọc. Lý Xuân và Lý Ung đã ngủ. Lão bán phở chua rải mảnh ni lông nằm còng queo nơi cửa bếp. Còn Lý Xuân cứ tựa lưng vào một gốc cây, há hốc mồm mà ngáy. Bỗng nhiên, tụi lính khe xì xào:

- Thủ trưởng...

Vẻ mặt chúng nhuốm một màu sắc khó phân định. Người ta chỉ có thể ngửi ra màu đó. Thứ màu khúm núm, sợ hãi một cách không tự giác trước quyền uy. Từ cửa nhà Lý Xuân, tên sĩ quan chỉ huy bước ra. Đó là một người đàn ông trạc bốn mươi, tầm thước. Bộ mặt y trắng lợt, bóng loáng như quả bầu già bôi mỡ. Hai bên thái dương và dưới quai hàm, chi chít những nếp nhăn mệt mỏi. Y nghiêm nghị đi qua sân, bộ mặt lạnh lùng vô cảm, dường như y không hề nhìn thấy tụi lính đang ngược nhìn y với con mắt thần phục, dường như y đang bước đi trong một khoảng trống không người. Theo đuổi một ý

ngĩ nào đó, mắt y nhìn thẳng về phía trước. Qua sân, qua mảnh vườn, y băng tới đám đất hoang mà tụi lính đào hố cá nhân đêm qua. Tôi mài mê nhìn theo tên sĩ quan ấy. Y có cái gì khác biệt với những Hoa kiều mà tôi đã từng biết. Dường như y mang bên trong con người y cái băng giá bí ẩn của phương Bắc. Một tiếng nổ bùng lên ngay bên tôi. Rồi những tiếng rào rào trút như mưa trên đầu. Đất rơi xuống, tối tăm mặt mũi. Tôi cha kịp định thần tiếng nổ thứ hai đã tiếp theo. Sau đó đạn pháo nổ liên tục từng chuỗi dài. Đạn mười hai ly bảy của ta. Đạn cối của ta. Tất cả đều từ phía đồi cuối thị trấn trút xuống. Chắc hẳn một đơn vị bộ đội nào đã di chuyển tới kháng cự quân địch. Tôi tụt xuống hầm, đậy nắp lại. Toàn thân run lên vì xúc động. Niềm sung sướng được trả thù, nỗi vui hăm bị trúng pháo xen lẫn trong tôi. Tiếng pháo nổ không ngừng khiến tai tôi ù đi. Nhưng trong tiếng nổ, tôi nghe rõ tiếng la hét của lũ giặc, tiếng hét gào lên như điên loạn tiếng hô hoảng hốt:

- Đạn cối Việt Nam, đạn cối... nằm xuống...

Những thanh âm đó vang lên trong tôi, reo phàn phật nh ngọn lửa trước gió. Nó đem đến cho tôi một thứ hạnh phúc kỳ lạ. Thứ hạnh phúc chỉ những người đã từng chịu khổ đau, thua thiệt mới cảm thấy. Nó bù trả lại sự phá vỡ cuộc sống yên ổn của chúng tôi. Bù trả lại tiếng khóc khan vã của những đứa con nít trong hang núi lạnh không có cơm ăn và nước uống. Nó bù trả lại cái chết của cậu thiếu niên đêm hôm qua, cả tiếng kêu thảm thiết của con sáo bị thiêu cháy trong lòng... Tôi tựa sát người vào vách hầm. Đất ẩm lạnh thấm sang da tôi. Cả những đợt rung chuyển vì đạn nổ cũng truyền sang tôi làn sóng của nó. Một mảnh đất rơi xuống, cát sạn lọt vào trong cổ áo, nham nháp nơi lưng. Tôi ưỡn thẳng người, giữ áo. Nhưng ngay lúc đó, một tiếng kêu khủng khiếp vang lên, trùm lấp mọi tiếng động khác. Không phải tiếng kêu của con người bình thường. Đó là tiếng gầm của một con thú bị thương hoặc của một tên khổng lồ trong chuyện cổ.

- ú ú ú...

Tiếng rú kéo dài, bị méo mó vì kinh hoảng. Lần này, vị đạn pháo đã dứt, tôi nhận ra tiếng hú đó là của Lý Xuân. Bất giác tôi rùng mình trước sức lực đáng sợ của tên họ pháp đó. Trên mặt đất, pháo đã ngừng bắn. Cả đạn cối cũng vậy. Tụi lính giặc gọi nhau ới ới:

- Đạn Việt Nam ngừng rồi, chạy mau...

- Lệnh thủ trưởng di chuyển về trận địa cũ, phỏ...

Đám quân lính rầm rập chạy qua mảnh vườn. Có tên bị thương la hét rên rỉ. Tò mò, tôi lại bật nắp nhô lên xem. Khoảng sân giữa nhà Lý Xuân và nhà tôi bị pháo đào một hố rộng. Trong bườn còn bốn năm hố nữa. Gạch ngói vỡ, đất đá, những vụn cây gãy... ngổn ngang. Xác gần một tiểu đội giặc chết cụm bên chảo cơm cha chín. Những thanh củi cháy dở vẫn đang ngún khói. Trong khung cảnh đó, những tên lính bị thương bò lê lết, kêu rên:

- Đau quá... trời ơi...

- Băng cho tôi với, băng cho tôi...

Những tiếng rên rỉ của chúng bị chìm lấp trong tiếng gào của Lý Xuân. Con người lực lưỡng ấy bị mảnh pháo tiện đứt một bên đùi. Cẳng chân trái của hắn cùng ống quần binh sĩ bắn về phía trước sân, cách nơi hắn ngồi hai thước. ở đó, khúc chân cụt vẫn tiếp tục phun máu. Vũng máu đỏ lĩ loàì bò từ từ trên sàn gạch. Mảnh vải thấm đẫm máu trở thành một nằm giẻ đen đúa, thứ màu đen thê thảm khó quên. Khúc chân to lớn giống như một cái xác

riêng biệt. Còn chủ nhân của nó đang ôm chặt bắp đùi cụt, la hét. Máu vẫn chảy qua những kẽ ngón tay hắn, tủa thành dòng. Mặt tái nhợt, Lý Xuân ngược nhìn những tên lính chen nhau chạy ra phía đường thị trấn:

- Đồng chí Hứa Minh... cõng tôi với...

- Bành Căn ơi, tao đau quá... Bành Căn... Cõng tao với... Lý Quang Sương... trời ơi...

Hắn kêu gọi, ánh mắt chứa chan sự cầu xin và lòng hy vọng. Nhưng đồng bọn của hắn hấp tấp đi qua. Không dám quay đầu lại. Khi bước khỏi cửa nhà Lý Xuân, chúng cầm đầu lao về phía trước. Tên lính cụt chân thảm thiết. Bộ mặt vàng như sáp ong, tuyệt vọng, điên cuồng. Hắn nhìn những tên lính lãnh lặn chạy qua, trông mắt lạc đi. Miệng hắn giống lên những tiếng chửi tục tĩu và những lời nguyền rủa ghê gớm, ác độc. Lúc đó, từ phía bãi đất hoang, sĩ quan chỉ huy đi đến. Theo sau là lão già Lý Ung. Cả hai vội vã nhằm tới khung cửa nhà Lý Xuân ngược đôi mắt tuyệt vọng nhìn thủ trưởng. Tên chỉ huy vẫn bước đều đặn, mắt nhìn thẳng. Hai bàn chân y diều ngang qua mặt Lý Xuân, sắp sửa rời khỏi mảnh sân đầm máu tươi. Lý Xuân nhìn chăm chặp vào hai bàn chân mang giày da đen ấy: Thủ trưởng sắp đi qua, thủ trưởng cũng sắp bỏ hắn rồi. Tên lính bị thương kêu học lên một tiếng tuyệt vọng. Rồi, với tất cả sức mạnh điên cuồng, hắn đuổi theo tên chỉ huy. Hắn bò nhanh ghê gớm, trên hai bàn tay và khuỷu chân còn lại. Hắn vẽ những vệt đỏ trên nền gạch lát sân. Những vết máu in hình hai bàn tay và một lần đồ dài ngoằn ngoèo nh con rắn. Đứng vào lúc tên chỉ huy bước lên bậc cửa thì Lý Xuân đuổi kịp y:

- Thủ trưởng đừng bỏ tôi... Tôi bị thương, đau lắm...

Hắn kêu thật to, giọng ồm ồm nh tiếng vang trong một cái thùng bịt đáy. Hai bàn tay ôm chặt lấy đùi tên sĩ quan, cứng ngắc.

Tên chỉ huy dừng lại. Về bối rối thoáng hiện trên bộ mặt điềm tĩnh trời sinh của y. Nhưng y trấn tĩnh rất nhanh:

- Đồng chí Lý Xuân...

Y gọi.

- Thủ trưởng đừng bỏ tôi, tôi đau lắm...

Tên lính vẫn tiếp tục kêu la, hai bàn tay siết chặt. Bộ mặt to lớn của hắn nhợt nhạt, bọt sùi ra hai mép. Phía sau, lão già Lý Ung im lặng đứng nhìn.

- Đồng chí Lý Xuân, đồng chí có biết mình chiến đấu vì ai không?

Sĩ quan chỉ huy tiếp tục nói.

- Báo cáo, tôi đã được học tập - Lý Xuân vội vã trả lời - Tôi chiến đấu vì Tổ quốc vĩ đại...

Nhưng tôi bị thương đau lắm, thủ trưởng đừng bỏ tôi... - Tôi và đồng chí - Tên sĩ quan nghiêm giọng - Chúng ta cùng chiến đấu theo lệnh của thủ trưởng số 1. Chúng ta là những quân nhân của Đội quân Trung Hoa vĩ đại. Chúng ta cần xứng đáng với danh hiệu đó. Đồng chí không được kêu la như vậy. Điều đó làm tổn thất danh dự quân nhân. Lý Xuân không kêu nữa. Nhưng hắn vụng vẹo như một con rắn bị chặt đuôi và trên mặt hắn, những nếp nhăn hẳn lên thảm khốc. Những nếp nhăn làm biến dạng gương mặt Lý Xuân và khiến tim tôi nhói lên một cảm giác khó cắt nghĩa. Trước đây, tôi vẫn quen nhìn gương mặt đó hồng hào, long lanh mồ hôi, tràn ngập sức sống và niềm vui chất phác. Phải, trước đây... Tên sĩ quan chỉ huy đã lại nói tiếp, với cái giọng đồng dục quyền uy:

- Tổ quốc vĩ đại chỉ cho phép chúng ta chiến thắng về vang. Người chiến sĩ không thể trở về với một bộ mặt tàn phế, thảm hại. Người chiến sĩ

không thể trở về với một tinh thần bạc nhược, yếu hèn. Như thế là bêu riếu nhân dân, làm nhục tới quốc thể. Đồng chí hãy nhớ những lời tôi nói và suy nghĩ đến bản thân...

Lý Xuân nhìn về mặt nghiêm trọng của chỉ huy, vừa kịp hiểu những lời nói đó, hắn buông tay, hà hốc mồm. Bộ mặt hắn đờ đẫn, ngây dại trong phút tập trung suy nghĩ.

Ngay tức khắc, tên sĩ quan chỉ huy bước đi. Trước khi đặt chân lên bậc cửa, y liếc nhìn Lý Ung. Lão già bán phở nhìn lại y với cặp mắt hiểu biết của một con thú về già. Lão

lạnh lẹn rút một cái hộp hình chữ nhật trong túi dệt, mở nắp, đổ thốc lên người Lý Xuân.

Bột xăng khô lả tả trùm lên người tên lính cụt. Và trong khi hắn còn cha kịp định thần xem chuyện gì xảy ra thì lão già Lý Ung đã xòe diêm ném. Ngọn lửa bùng lên cuộn tròn

lấy tên lính hộ pháp. Cho đến tận giờ, có lẽ Lý Xuân cũng cha kịp hiểu tai họa đã bay đến từ nơi đâu. Từ những lời giáo huấn nghiêm trang, uyển chuyển của tên sĩ quan, từ ánh mắt đưa thắm kín của y, hoặc từ ngọn lửa diêm xòe cháy trong tay lão hàng xóm

già. Tên lính to lớn gào lên, hú lên. Những âm thanh không còn giống tiếng của một con người. Đó là tiếng la hét của cái chết. Tôi nhìn hẳn, người hàng xóm ngày xưa, kẻ giết người và người bị giết. Hẳn đang cháy đùng đùng như một bó đuốc sống. Một bó đuốc ghê rợn toả ra mùi tử thi và đem đến bầu không khí u ám âm hiểm của phương Bắc. Sau khi quân Trung Quốc rút về nước, chúng tôi trở lại thị trấn. ở đó, chúng tôi nhen nhúm, tạo dựng lại đời sống trên những ngôi nhà bị phá trống hoác. Chúng tôi dọn những mảnh vườn tan nát và gỡ đám dây khoai đầu tiên cho mùa khoai mới. Chúng tôi gieo đậu và những dây đậu loăn xoăn mềm mại đã rụt rè leo lên hàng đậu ngả nghiêng. Ngày một ngày hai, cuộc sống thường nhật dần trở lại. Nhưng sự yên tĩnh trong lòng con người ở nơi đây không trở lại nữa. Dân thị trấn nhắc tới chiến tranh, tới mối hiểm hoạ với nỗi đau xót, với sự kiêu hãnh của những người đã từng trải và sẵn sàng thách thức. Riêng tôi, mỗi khi nhìn sang ngôi nhà đóng im ỉm của Lý Xuân, lòng tôi dấy lên những hồi tưởng. Tôi nhìn mảnh sân bị cháy đen, in dấu vết cái chết thảm khốc của nó. Mảnh sân đó chúng tôi đã phải cọ rửa một tuần, rồi mới dọn về, vì những mụn thịt còn sót thối rữa. Tôi nhìn gốc liễu cụt, với một nhánh cây uốn cong, xanh mướt. Nơi đó trước đây người chồng bị cấm sừng Lý Xuân đã sung sướng ngồi xay bột và nghêu ngao bài hát. Tiếng hát của người hàng xóm vang vọng trong tôi. Những hồi âm lại gợi đến một vùng tuyết sa bát ngát. Trên cánh đồng trắng lạnh xứ tuyết, tôi thấy rõ Lý Xuân. Anh ta bước đi cầm nín trong một đội quân dằng dặc. Mặt và nửa thân trên của họ bị che kín bởi những tấm vải dày. Người ta chỉ nhìn thấy những đôi chân của họ. Những đôi chân bước đều đặn, không ngừng nghỉ, bị cuốn đi như gió đẩy, như bùa ém. Một bàn chân in lên mặt tuyết dấu bùn. Bàn chân kia in lên vết máu.

Hồi quang của mùa xuân

Không phải vì buổi chiều ấy.

Nhưng bắt đầu từ buổi chiều ấy, ý tưởng về người con gái trong hồi ức không rời anh nữa. Nó chập chờn trong một khoảng thời gian dài, rồi bất chợt ào đến như cơn gió, làm xao xuyến mọi ý nghĩ, xói tung những cảm giác yên bình thường nhật, cuộn xoáy lên nỗi nhớ nhung mơ hồ và da diết...

Chiều hôm ấy, anh đang từ một tỉnh trung du trở về Hà Nội. Anh là tiến sĩ vận trù học. Những chuyến đi xa đối với anh đã trở thành nhàm chán. Nhưng buổi chiều ấy, khi anh đang gà gật tựa vào ghế ngủ, chiếc xe bon trên đường, chợt có tiếng lắc rắc trong ổ máy. Người lái xe mở ca-bu, nói như muốn khóc:

- Không thể về Hà Nội chiều nay được. Vỡ bình nén rồi...

Mọi người xuống xe đi tản mát để hít thở không khí dễ chịu của vùng áp trung du. Cánh đồng vàng chạy tới chân mây. Những ngọn đồi xanh thẫm, lô nhô như đám ốc phủ rêu nằm yên lặng trên thảm lúa. Màu vàng lúa chín phôi phai trong nắng muộn, nhưng đôi chỗ lại rực lên như còn ngậm sáng. Ven bờ đường, những khoảng ruộng gặt rồi ánh lên màu hồng phơn phớt, nhẹ nhàng và dịu ngọt như những tình yêu thoáng qua khi người ta mới lớn. Gió heo may làm anh hoàn toàn tỉnh táo. Trong chốc lát, anh cảm thấy đầu óc mình nhẹ bỗng, không còn bị những phương án, những dữ kiện, những lời phê chuẩn, sự ủng hộ và các lực lượng cản trở chi phối. Đầu óc anh trong suốt. Cái cảm giác rất kỳ lạ đó, anh chưa thấy bao giờ.

Anh bước nhanh về phía trước.

Một dãy phố nằm ven đường. Với những mái nhà nhấp nhô và những mảng tường trắng, nó làm vùng quê ảm áp hẳn lên. Các căn nhà nằm sát bên nhau, cái nọ tựa sườn vào cái kia, mặc dầu chúng có những mái hiên khác kiểu, cao thấp lộn xộn. Một khoảng sân nhỏ, gập ghềnh những mảnh gạch và những gốc cây, tiếp giáp với mí đường. Dăm chiếc chuồng bồ câu dựng trên đó. Vài cây rơm vàng óng, còn nức mùi thơm mùa màng. Dưới các gốc rơm, mụ gà mái già dẫn con đi kiếm mồi, táo ta táo tác. Một hàng chửa xe đạp, có tấm biển kẻ chữ xanh đỏ rất quê mùa. Cái lớp hồng trao trước hiên cứ gió đánh là lúc lắc. Mấy quán bán quà xoàng xĩnh, nải chuối móc lơ lửng ngay trước mặt khách...

Khung cảnh êm đềm, buồn nhẹ của cái thị trấn nhỏ xíu này bỗng làm anh xao động. Anh không hiểu mình nghĩ gì. Nhưng anh cứ đi lại, ngắm nghía hoài cảnh vật. Nhất là những hàng rào trồng điền thanh và kim phượng ở phía sau các ngôi nhà. Những đóa hoa vàng rưng rưng trong buổi chiều vắng lặng.

- Mời bác vào xơi nước. Có bánh gai bánh nếp nhà quê đây.

Bà già bán hàng ngồi sau chiếc tủ kính nhỏ ghé đầu chào khách. Anh hơi ngạc nhiên vì đã lâu, anh không nghe người bán hàng nào mời mọc bằng cái giọng thân thiết bình thản như vậy. Anh bước vào, ngồi trên chiếc ghế dài khắp khênh kê ngay phía trước, không hiểu mình vào đây để làm gì. Anh không đói, không khát, cũng không có ý định hút một điếu thuốc lào. Nhưng anh biết rõ rằng mình đang chờ đợi một cái gì đó, rất mơ hồ, nhưng thôi thúc. Trái tim anh phân vân, pháp phồng chờ. Bà chủ quán thong thả rót một bát nước chè xanh, đặt trước mặt khách. Rồi bà lấy tràu ăn một cách điềm nhiên, không hỏi han thêm lời nào nữa. Anh bưng bát nước chè, nhấp một ngụm rồi đặt xuống, nhìn quanh. Một cơn gió cuốn những chiếc lá điền thanh li ti rải trên mặt đất. Trông xa, chúng giống như những hạt vàng cám mà thiên nhiên hào phóng đã đánh rơi...

Tất cả những thứ này, anh đã từng có. Nó giống như những hình ảnh của một quãng đời đã qua. Nhưng anh không ý thức được điều đó. Nỗi băn khoăn dâng lên trong anh, mỗi lúc mỗi dày.

- Bà ơi, cháu quạt bánh đa nữa nhé...

Tiếng một cô gái vang lên phía trong nhà. Thanh âm khiến anh sửng sốt. Chỉ thiếu chút nữa là anh đứng dậy, làm cái việc rất bất nhã là ghé mắt nhìn vào gian nhà. Nhưng anh kìm giữ được. Và lúc ấy, cô cháu gái bà chủ quán cũng bước ra:

- Cháu quạt một chục bánh đa nữa bà nhé, trong thúng hết cả rồi!

Cô gái nhắc lại. Thấy anh, cô bé lùi vào trong, vè e dè. Bà già mở gói lấy ra một xấp bánh đa nhỏ:

- Quạt cho bà hai chục cái nhỏ, dễ bán hơn.

Cô gái khẽ đáp: Vâng. Rồi cúi xuống chiếc chậu sành, thổi lửa. Tàn lửa trắng bay lên, nhảy múa, và nhẹ nhàng đậu trên mái tóc đen nhánh của cô. Gương mặt dậy thì da mịn màng, hồng như một thứ quả đang chín, đường sống mũi thẳng và thanh với hàng ngò rẽ chia đôi mái tóc giản dị và trong trắng quá. Anh không thể rời mắt ngắm nghía cô gái

nhỏ, trái tim đập lồng lên trong ngực.

- Đây rồi!...

Gần như cùng một lúc, trong anh đã vang lên câu nói thắm kín đó khi cô gái nhỏ bước ra... Hai mươi ba năm trước, khi anh còn là một cậu học sinh lớp mười, trọ học ở phố huyện, cũng đã có một cô bé ngoan ngoãn và xinh xắn như vậy. Cũng chịu than đống rục, những tàn lửa bay tơi tả, hai gò má đỏ bừng của cô gái trước hơi nóng, cái cổ tay tròn trĩnh... Nhưng trên trán cô bé ngày xưa có một vết lõm dài. Và những bông hoa kim phượng, những chiếc lá vàng lấm tấm rơi đầy mặt đất mùa thu, cơn gió xao xác, cái âm điệu hiu quạnh chậm rãi của phố huyện - nơi tiếng ra-đi-ô hòa trong tiếng côn trùng rì ran và lúa rì rào ở những mảnh ruộng khô chưa gặt...

Lạ lùng sao, ký ức chôn vùi kỹ đến như vậy... Hồi đó nhà anh nghèo, mẹ anh chỉ gửi cho anh mỗi tháng mười cân gạo và ba đồng để tiêu vặt. Nhưng anh học chăm hơn tất cả những cậu con trai cùng lớp. Bọn chúng gọi anh là một sách. Cô bé xinh xắn ở sát nhà anh trọ. Cô vẫn tì tay lên bờ rào, lắng nghe anh học thuộc lòng những bài thơ. Mẹ cô bán hàng quà. Cô thường ngồi trước cái chậu sành đựng than, quạt bánh đa cho mẹ. Đêm đêm, khi anh học, cô cũng thắp ngọn đèn hoa kỳ ngồi dưới gốc khế ngoài sân và học bài. Mười giờ, anh còn vùi đầu đọc sách thì cô quang gánh lên vai, kéo kẹt đi gánh nước. Cô học giỏi và chẳng bao giờ phải nhờ anh giảng bài hộ. Nhưng cô vẫn nhìn anh bằng con mắt kính cẩn khi anh vẽ những bài toán hình không gian, hoặc khi anh nhắm mắt, đọc như cháo chảy những bài thơ triền miên, trầm bổng. Cô gánh nước xong thì anh cũng chuẩn bị đi ngủ. Bụng đói cồn cào đến nỗi anh phải vịn mình, thắt thật chặt dây lưng. Lúc đó, cô mang cho anh một chiếc bánh đa nóng hổi. Hai người chẳng nói gì nhiều nhận với nhau. Thường thì anh chỉ cười:

- May quá, mình đang sôi bụng ào ào.

Chẳng bao giờ anh biết cảm ơn cô. Hai người chỉ cảm thấy cần gặp nhau, cần nhìn mặt nhau và nói những câu nhát gừng vu vơ. Chẳng ai dám hỏi chuyện người kia một cách cặn kẽ. Nói đúng ra thì họ cũng không còn gì hơn để mà tìm hiểu về nhau... Những tấm bánh đa nóng hổi của cô. Và vàng trán có một vết lõm dài. Và gương mặt rạng rỡ, sáng ngời. Tia nhìn cảm thông khi anh ngồi co ro buồn bã nhớ nhà trong những chiều mưa rét...

Anh chợt nhớ lại những cái đó. Tất cả. Tất cả. Và bỗng hiểu vì sao anh đã như chờ đợi một cái gì. Nó tới rồi. Cái ký ức đẹp đẽ, ngọt ngào và xa lơ xa lắc kia. Cái ký ức bị vùi sâu hơn hai chục năm trời, một cơn gió bất thần đã đánh thức nó dậy.

Cô gái nhỏ đang quạt bánh đa bỗng ngẩng lên:

- Bà ơi, được một chục rồi đây... bà đỡ cho cháu với...

Cô gọi, đưa chồng bánh vàng rộm cho bà lão. Khi cúi xuống cô tò mò liếc nhìn người khách lạ. Ông ta ngồi xoay bát nước chè trong tay và nhìn cô không rời. Cô bé bối rối. Bàn tay cầm quạt luống cuống gạt một cục than rớt xuống. Cô vội vã nhón hòn than lên, ném vào chậu rồi đưa hai ngón tay lên miệng thổi phù phù. Cặp mày đen chau lại trên đường tinh mũi.

- Lúc này trông nó giống một đứa trẻ mười hai. Cô bé ngày xưa lớn hơn, và xinh hơn -

Anh nghĩ...

Một lần, anh thiếu tiền đóng cho lớp để mua sách. Không hiểu vì sao cô biết điều đó. Buổi tối, khi đưa bánh cho anh, cô đưa cả một gói giấy nhỏ. Rồi cô chạy ù đi, không thông thả như thường lệ. Anh mở ra: trong gói là một xấp nhỏ những đồng tiền hào. Những đồng tiền mới đến nỗi còn bốc mùi thơm của giấy và của mực in. Anh ngồi lặng đi. Đây là những đồng tiền mừng tuổi tết Nguyên Đán của cô. Chắc cô đã dành dụm giấu nghĩa suốt mười tháng trời mà không dám đụng tới... Vậy mà ngày đó mình đã làm gì?... Tốt nghiệp xong, anh lo thi đại học. Rồi thi xong, biết tin được đi học, anh đã rối rít, tung bừng lo cất giấy tờ ở quê, liên hoan chia tay với xóm giềng rồi lên tàu đi thẳng ra Hà Nội.

- Hồi đó sao mình không tới thăm cô bé? Không, có chứ. Mình cũng đã có ý định nhưng quá sát ngày. Họ hàng giục già. Và chính mình cũng sợ lỡ chuyến đi vàng ngọc... Rồi sau đó?... Một miền đất mới, những phố phường xa lạ, nhịp chuyển động của đời sống làm anh chóng mặt, ánh đèn chói lọi, những ga xe điện, những buổi tối hội hè đầu tiên ngượng ngùng và quê kệch, tấm bảng đen trên giảng đường, những cô bạn gái mới...

- Bác ăn bánh đa nóng cho thơm miệng. Ở Hà Nội chắc chả mấy khi ăn quà nhà quê...

Bà già bán hàng chìa ra trước mặt anh một tấm bánh đa nhỏ. Những chiếc bột bánh nổi phồng lên, với những hạt vừng lấm tấm vàng rộm khiến nó trông rất ngon lành. Anh bẻ miếng bánh, bỏ vào miệng. Một mùi vị mà từ lâu anh quên lãng.

... Trước kia mình đã từng coi bánh đa là món ăn ngon nhất trần gian - Anh nghĩ - Anh nhớ lại những buổi tối ngồi học bài, nhất là học thuộc lòng sử và sinh vật - hai cái môn phải gạo đáng nguyên rủa - anh đói đến nỗi vừa nghe tiếng chân cô bước tới bờ rào là miệng đã như cảm giác được mùi vị thơm ngon của chất bột nướng với những hạt vừng chín béo ngậy... Mùi vị đó... Và cặp mắt long lanh của cô nhìn anh, khi cô tì cánh tay lên cửa sổ, và cười:

- Em biết anh đói rồi nhé. Buổi tối em cũng hay đói ghê cơ. Mẹ bảo em ngày mai vào áp mua sắn luộc ăn thêm buổi tối.

Ngày hôm sau cô mang sang cho anh thêm mấy khúc sắn luộc. Và anh cũng đã ăn những miếng sắn luộc đó, với cảm giác của một chàng trai mười tám tuổi, sắn luộc của cô cũng là món ăn ngon nhất trần gian. Có lần, cô đặt những miếng sắn gói lá chuối bông rẫy vào tay anh. Anh rút tay lại. Hai bàn tay nhỏ bé của cô cầm luôn cả gói sắn lẫn tay anh. Một giây, cô bé vội buông ra, đôi mắt mở to ngỡ ngàng. Còn anh, lúc đó choáng váng như buổi sớm mùng năm tháng năm đói lòng mà ăn quá nhiều rượu nếp...

- Hồi đó, mình đã yêu cô bé thật sự... mình đã yêu thật sự...

Nhưng rồi sao hồi đó anh không trở lại phố huyện tìm cô? Học xong, anh nhận công tác. Rồi anh phải lo xin nhà. Rồi sự gần gũi với những người đàn bà đồng nghiệp. Những lo toan trong đời sống. Điều dẫn tới là những thỏa thuận ngầm và một tờ giấy kết hôn. Vợ anh là người đàn bà như thế đấy, xấu người nhưng kiên trì vây bọc tình yêu của anh. Kiên trì đánh những ngọn đèn tình cảm ngầm cho tới khi anh ngã quỵ trước sự khắc nghiệt của những nhu cầu đời sống... Và tiếp đến là những gì? Những đứa con ra đời. Những khó khăn trong công việc. Sự tiến thủ. Những bước tiến và những bước lùi. Mấy năm anh ra học ở nước ngoài để lấy bằng tiến sĩ... Mọi sự đều phải tính...

- Bánh có ngon không bác?

Bà già hỏi.

- Ngon lắm cụ ạ.

Anh trả lời.

Những vụn bánh rơi xuống đầu gối. Anh lấy tay phủ đi. Mụ gà mái lại gần, túc túc gọi con nhặt.

- Sao mình không đi tìm cô bé? Sao ngày đó mình lại... Ờ, nhưng lúc đó mình phải đấu tranh cho được thực hiện phương án vận trù 038. Và mình đi dạy thêm lấy tiền nuôi con. Những đứa con gái của mình chả giống mình lấy một chút nào - Chúng giống như hết mẹ chúng, vừa xấu vừa đồng đánh... Mà này, mình có yêu cô ta không nhỉ? Hình như không... Có lẽ không thật. Mình chưa bao giờ run rẩy vì cô ta như mình đã run rẩy khi đợi chờ tiếng chân bước của cô bé năm xưa. Nhất là buổi trưa, khi mọi người đi vắng, cô bé gọi đầu, hai má tươi mơn ròn ròn nước, những sợi tóc đen nhánh bết vào thái dương. Cô bé lau tóc, tỉ cánh tay lên cây cột hàng rào và mỉm cười vì biết rằng mình đang nhìn trộm... Còn vợ mình, chẳng bao giờ mình hồi hộp vì cô ta, chẳng bao giờ mong muốn gặp gỡ, và cũng chẳng bao giờ thấy trống trải khi xa cách. Năm xưa, những lần về quê lấy gạo mình đã náo nức bao nhiêu khi nghĩ tới lúc được gặp lại cô bé, dù chỉ vắng nhau mới một ngày... Vợ mình cần lấy chồng, và cô ta đã lấy được mình. Còn mình thì...

Anh bỗng muốn điên lên khi nghĩ tới điều đó. Anh đứng bật dậy. Cô bé quạt bánh ngược nhìn anh, mắt đen như than. Một bên má lúm đồng tiền.

Anh trả tiền bà lão và bước nhanh ra ngoài. Anh đi về phía ô-tô. Anh muốn về Hà Nội ngay. Anh muốn quên đi những ý nghĩ đó...

Hai giờ sáng ô-tô chữa xong. Họ trở về Hà Nội vào lúc bình minh. Anh trở lại cuộc sống thường nhật, những công việc và những mối quan tâm thường nhật... Nhưng ý tưởng về cô bé năm xưa không rời anh nữa. Nó cứ quay tròn như cây kim trên mặt một chiếc đồng hồ.

- Sao ngày đó mình không đi tìm cô bé?... Nếu thế chắc chắn mình đã có một người vợ khác. Và biết đâu... Cô bé năm nay đã ba mươi tám tuổi rồi, nhưng với anh, đó vẫn là một thiếu nữ mười lăm. Cô ấy là tình yêu đích thực của anh. Nhưng làm sao người ta chỉ có thể nhận ra điều đó khi đã sống qua hai chục năm trời?...

Anh gạt tàn thuốc vào chiếc đĩa thủy tinh hồng sang trọng và nhìn những đốm lửa nhỏ li ti dần nguội tắt. Ở trên giường, vợ anh ngái ngủ nhắc đầu lên hỏi:

- Sao anh thức khuya thế? Anh có ngấm em không đấy?

- Có ngấm, ngấm rồi.

Anh trả lời và ấn mạnh mẩu thuốc xuống chiếc gạt tàn. Cô vợ anh mới mua được bộ quần áo bằng xoa Thái Lan thêu. Từ chiều tới giờ cô ta hỏi anh đã ngấm cô ta mặ

quần áo mới chưa ba lần rồi.

- Đi ngủ đi anh.

- Đang bận làm việc mà.

Anh đáp.

... Không biết cô bé bây giờ ở đâu. Làm gì. Hay mình lấy xe và ngày mai trở lại nơi đó? Không, không thể được. Vì anh đã cảm thấy rõ ràng sự ra đi im lặng của anh hai mươi ba năm trước là một tội lỗi. Làm sao anh có thể quay về nơi đó được, khi anh đã rũ bỏ bao nhiêu yêu thương một cách dễ dàng đến thế?...

Anh lấy lại mẫu thuốc đã tắt, bật diêm châm. Đóm lửa lại ngún đỏ trên môi:

... Cái khu vườn đầy bóng mát. Hoa khế rụng như sao. Và mùi khế chín. Và đôi mắt long lanh của cô gái. Mái đầu nghiêng nghiêng khi cô đứng bên hàng rào...

- Nhưng hồi đó mình nhát, và mình chưa dám hẹn hò gì...

- Đừng chối. Anh đã thừa hiểu rằng anh yêu cô ấy và cô ấy yêu anh. Nhưng anh đã vội vàng ra đi vì anh choáng mắt trước một tương lai quá rực rỡ, quá nhiều vinh quang. Và trong lúc rối ren, bán búa với các công việc trước lúc lên đường, một toan tính âm thầm nhỏ nhen đã níu kéo anh lại. Chính là toan tính... những toan tính không có hình thù.

- Không thể thế được, bởi vì...

- Không, chính là như thế đấy.

- Không thể được...

- Đúng, không thể tha thứ được...

Anh ném mẫu thuốc vào chiếc gạt tàn, buông mình xuống ghế. Chiếc nệm bọc tơ hóa học êm ái không còn đem lại cho anh cảm giác dễ chịu thường ngày. Anh lại đứng dậy, đi tới bên cửa sổ, mở toang hai cánh cửa kính.

- Lạnh, lạnh em, anh ơi...

Cô vợ kêu eo éo.

Anh không quay lại, sáng giọng trả lời:

- Lạnh thì trùm chăn lên.

Bầu trời sâu thẳm, và những vì sao hiện lên, tràn đầy không gian. Và bỗng dưng anh ngửi thấy mùi thơm của rơm mới, mùi thơm của mùa màng. Cái mùi thơm quen thuộc đã vương đầy thềm phố nhỏ. Thơm đến nao lòng. Những cây rơm. Hoa kim phượng im lặng nở trong chiều... Tất cả thức dậy, vừa huyền hoặc, vừa tỉnh táo đến chua xót. Chúng làm anh chao đảo như một kẻ say sóng.

Anh lại châm thuốc, đập tay lên trán:

- Làm sao thế này?

Không có tiếng trả lời. Chỉ một thanh âm run rẩy cất lên, khế như tiếng lúa rì rào, như tiếng lá xào xạc. Rồi một khung trời đong đưa trên vòm lá khế, cánh tay nuột nà, rần rỏi của cô gái đặt trên song cửa sổ, khi cô nhìn anh cười. Và hàm răng cô như những hạt ngô trắng nõn... Tình yêu đó đã quay trở lại. Bây giờ. Ở trong anh...

Bất giác, anh đi tới trước gương. Tóc đã bắt đầu bạc rồi. Những đường chân chim in đầy trên hai gò má. Sau cặp kính cận, đôi mắt đã bắt đầu dại, không còn tinh anh như trước. Anh rít thuốc liên hồi và thở mạnh. Những vòng khói màu lam nhạt cuộn cuộn tỏa lên, như những đường hoa văn rồi ren không sao lằn gờ được của cuộc đời.

Phương án cải cách vận trù trong kinh tế của anh đem ra thực hiện thành công tốt đẹp đến nỗi cả những cán bộ lãnh đạo ủng hộ anh lẫn những người cản trở đều không ngờ. Chính anh, anh cũng không hiểu vì sao mình lại có thể làm được như thế. Trong những buổi tối dài dặc, đi lại, nhìn những cuộn khói tỏa lên và tan dần trong không gian, anh đã nghĩ tới cô gái ấy. Cô ấy. Niềm yêu thương thực sự của anh. Hạnh phúc một mình, tình yêu đơn phương... Anh không hiểu gì về những danh từ đó. Không biết rằng chúng có thật hay không? Nhưng những hồi ức thấm thiết dịu dàng và buồn bã làm anh thao thức. Anh đã hoàn tất công việc chính vào những giờ phút đó - những giờ phút anh muốn bù trả lại những gì đã mất đi trong cuộc đời.

Ở hội nghị tổng kết toàn ngành, người ta đã phải trầm trồ trước phòng trưng bày phương án cải cách vận trù của anh. Anh đã thành công. Gần như tuyệt đối. Kể cả những người đã công kích anh cũng đến chúc mừng anh. Anh cười, bắt tay, cảm ơn tất cả rồi lẩn ra ngoài hàng lang vắng. Một mình.

Người bạn đồng sự thân thiết nhất chạy tới tìm anh, nhìn vào mắt anh và bảo:

- Máy nhà báo đang chờ cậu để chụp ảnh. Làm sao thế? Cậu đang yêu chẳng?

- Tôi mà lại còn yêu?...

Anh cười khẩy, và nói bằng một giọng gầy gò, rất khó chịu: Tôi mà yêu? Cậu không mắc bệnh tâm thần đấy chứ?... Tôi mà còn yêu?... Cái thằng xi-măng cốt sắt, cái thằng... và tóc đã bắt đầu...

Anh bỏ dở câu nói, bước nhanh ra cổng. Anh đi ra con đường nhỏ phía trước. Không hiểu vì sao, mắt anh cay như có khói bay vào... Bây giờ, thị trấn đó thế nào? phố huyện đó thế nào? với những chuồng chim bồ câu và những cây rơm vàng đứng trước các sân nhà. Và những bông hoa kim phượng rụng rụng trong chiều nắng. Và khoảng đồng đầy gió, có các ô ruộng đang chín rì rào. Và những thửa gặt rồi ánh lên một màu hồng phơn phớt, một màu hồng xa vắng...

Phụ đính II:

Miền cỏ tơ

Trần bỏ thêm một cành củi khô vào đống lửa. Một nhánh trầm bầu còn dính những chiếc lá lăn tăn khô xác. Ngọn lửa liếm vào cành trầm bầu, hực lên liền. Thứ cây này đốt thiệt dư. Xung quanh anh, trên cái nền nhà trống, trên lối cát và miệt vườn hoang vắng kia còn rải rác nhiều củi. Có thể đốt suốt đêm nay cũng không hết. Trần bom cuối cùng trước ngày hoà bình đã phạt trụi những rặng trầm bầu. Cành lá chúng rơi xuống, gió thổi khô đi, còn mãi cho đến giờ.

Trần biết rõ những cây trầm bầu đó từ hồi thơ ấu, anh cúi nhặt chiếc que sắt dưới chân, cời lửa: đó là chiếc que thông nòng đã cong queo, không biết ai bỏ lại. Lòng tro rỗng thành một khoảng trống, gió lùa vào và ngọn lửa bốc lên. ánh lửa soi lên mặt anh, ánh lửa lay động trên khoảng đất làm trống trải, trên những lùm lá sòi dại và vài ngọn rau dừa còn sống sót. Cuối cùng, ngoài xa kia - nơi luồng ánh sáng rực rỡ chỉ còn là những làn sóng mờ run rẩy là một mái nhà tranh nằm im lặng, mảnh tôn ghép tường chốc chốc lại rặng lên một lần trắng chập chờn.

Từ căn nhà ấy một đứa bé tí tơi phía anh, tay nó cầm cây đèn sắt.

- Thừa chú, cho con xin chút lửa.- Lại đây. Thằng bé đến gần, chìa cây đèn ra. Trần châm lửa cho nó.

Giờ dữ quá, ngọn lửa tắt mấy lần. Đèn cháy rồi, thằng bé lự phép chào anh:- Con xin cảm ơn chú. Một tay khum khum che cổ đèn, nó thận trọng đi về phía nhà mình. Trần nhìn theo, anh nhận thấy dáng điệu của đứa bé thật cẩn trọng và khôn ngoan. Nó gầy, mặc chiếc quần đùi ngắn cũn cỡn. Hình như nó có một mụn ruồi nơi đuôi mắt trái, anh thoáng nhận ra điều đó khi ngẩng lên đưa lại cây đèn... Một đứa con trai! Trần bóp cánh tay cụt và nhìn ngọn lửa nhảy nhót.

Một đứa con trai! Anh đã từng có một đứa con trai đứa con trai lanh lợi, có làn môi đỏ au và một mụn ruồi nơi đuôi mắt phải. Nó thường mặc quần cụt màu mận tím và chiếc áo thun xanh kẻ sọc.

Khi vợ Trần còn chung tình với anh, đứa con nhỏ thường đeo lấy cổ bố và nói những lời ngọt ngào. Gian nhà nhỏ tối om vì tắt hết đèn chỉ có tiếng đứa con nhỏ và lời thầm thì của người vợ vang lên. Chốc lát người mẹ lại bảo đứa con:

- Khẽ chứ, khẽ chứ, ông kẹ (1) bắt bây giờ...

Nhưng ông kẹ cũng không làm cho đứa trẻ sợ hãi, nó ôm chặt lấy cổ bố riu ran. Thật là một điều lạ lùng, những đứa con sớm xa bố thường ít chịu nhìn nhận hoặc bày tỏ tình cảm với cha chúng. Nhưng con anh càng xa cách nhiều lại càng nồng nhiệt trong những giây phút gặp gỡ hiếm hoi. Phải chăng trong đầu óc non nớt của nó, đã sớm có những ý thức về tình phụ tử. Cũng có thể ngay từ buổi ban đầu, giữa hai cha con đã nảy sinh một mối tương giao khó giải thích. Trần thường ôm con vào lòng, sờ nắn chân tay, áp khuôn mặt nhỏ bé vào mặt mình, ngửi mùi thơm da thịt, hít hơi thở thân quen của đứa trẻ. Đôi lúc ánh đèn bên ngoài lại lọt qua khe cửa soi vào mặt thằng bé và Trần lại nhìn

thấy đôi mắt long lanh của nó với mụn ruồi, mụn ruồi xinh xẻo nơi đuôi mắt phải.

- Ba ơi, bao giờ ba lại về?...

Thằng nhỏ áp miệng vào cổ anh nói thào, tay nó lùa lên tóc cha gỡ những mảnh đất khô. Trần ôm con, xoa tấm lưng gầy của thằng nhỏ. Tay anh lần từng đốt xương sống rồi vuốt ve mái cặp móng bé tí teo...

Vợ Trần đã bỏ anh. Đó là một người đàn bà xinh đẹp mà suốt thời trai trẻ anh say mê. Cô ta tuy gốc gác là gái quê nhưng rất trắng. Khuôn mặt khả ái, cặp mắt một mí có làn mi cong, đôi môi chín mọng lúc nào cũng như hé hé mở. Hồi còn con gái, cô cũng yêu Trần đắm đuối. Hai người sung sướng mà lấy nhau, không một chút đắn đo, như mọi lứa đôi khác ở cái tuổi hai mươi và nghĩ rằng tình chồng vợ sẽ bền chặt đến trọn đời.

Mấy năm đầu tiên khi Trần đi hoạt động, mọi sự vẫn như thường. Một hai tháng anh lại tạt về nhà, cô vợ chuẩn bị sẵn cho chồng dấm tút thuốc với nửa cân đường phèn. Lúc chia tay hai người bịn rịn đến cả giờ đồng hồ không thể rời nhau. Nhưng rồi Trần phải đi xa. Và cuộc sống có nhiều biến động mới. Thôn làng anh đã thành thị hoá. Đất đai, vườn tược biến mất, chỉ còn một vành cát trắng trơ trụi. Dân làng, những người không đi theo cách mạng lên xanh hoặc không bị bắt lính đều bạt ra các thị trấn làm ăn. Vợ anh xin được môn bài bàn hàng tạp hoá, cô mở tiệm và dần dần khá giả. Đầy đủ, an nhàn, cô trẻ đẹp lên nhiều, có phần còn mỡ màng hơn hồi con gái. Vợ Trần để kiểu tóc khác xưa, mặc những bộ quần áo tân kỳ. Tụi sĩ quan và lính tráng Đông Hà gọi cô chủ tiệm đồ tạp hoá là: Nàng búp bê Nhật Bản. Chúng lượn quanh nàng như những vệ tinh.

Thế rồi, việc gì đến nó sẽ tự đến. Tên thiếu tá an ninh mê vợ Trần. Y ba mươi hai tuổi, gốc người Huế, đẹp trai và lịch lãm. Cô vợ Trần chống cự không nhiều nhận gì lắm và thực tâm cũng có ưng thuận y. Một bên, là người chồng đi biển biệt hàng năm không thấy về, mặt mày hốc hác, áo quần đầy bụi đất hôi hám. Một bên, là người tình trẻ đẹp, lịch sự hào hoa, đầu tóc mượt mà thơm nức, luôn luôn đến và đem theo mọi thứ chiêu đãi vật chất cũng như tinh thần. Một bên, là những kỷ niệm của tình đầu trong trắng, tuy êm đềm đẹp đẽ nhưng đã lùi vào quá khứ xa xôi. Một bên, là những đam mê sôi sục, đầy ma lực gắn liền với những đòi hỏi cấp thiết trong đời sống hiện tại...

Ngọn lửa đã thôi reo phần phật, nó chỉ còn cháy lom đom. Những cục than hồng phủ một lớp tàn trắng mịn. Trần đứng dậy lượm vài cành củi khô xếp lên và thổi cho bếp lửa bùng cháy. Anh rất thích nhìn ngọn lửa đỏ rực rực, hắt lên một quang sáng ấm áp và vui tươi. Những năm ở rừng anh đã quen đốt lửa vào những đêm đông và cả những đêm hè. Từng thân gỗ to một người ôm chụm lại, chúng cháy từ chập tối tới mờ sáng tinh mơ mới hết. Trần thường ngồi một bên, lâu lâu lại đẩy củi vào, ngọn lửa nhảy múa trước mặt anh, tạo thành những hình ảnh và màu sắc kỳ lạ. Khi thì nó có màu đỏ, khi vàng, khi gần như trắng. Đôi khi ngọn lửa có cái lõi màu lam. Lúc đó anh biết rằng trong đám tro có lẫn một chiếc vỏ đạn đồng.

Kể từ ngày giải phóng đến hôm nay anh mới lại được ngồi trước một đống lửa, trong cái đêm yên ả như thế này.

Có người nào đó đang đi tới từ phía căn nhà nhỏ trước mặt Trần. Một người đàn bà. Trong ánh lửa chập chờn trông thân hình chị như bị vuốt dài ra. Những nếp áo dưới luồng ánh sáng mờ rung rinh vây phủ trở nên óng ánh như may bằng một thứ nhung tơ. Người đàn bà thon thả bước, mỗi lúc nhìn chị một rõ hơn. Đó là một phụ nữ trạc ba

mười tuổi, dáng mảnh dẻ nhưng rắn chắc. Chị mặc một chiếc áo xanh, màu xanh lá khiến Trần có cảm giác như chị bước ra từ một khu rừng chứ không phải từ một thôn đã bị tàn phá tro màu cát trắng.

Người đàn bà bước đến trước mặt Trần, cúi đầu lư phép nói:

- Xin anh châm giùm chút lửa.

Chị chìa cây đèn sắt nơi tay ra. Đúng là cây đèn của thằng nhỏ mặc quần cụt. Như đoán được ý nghĩ của Trần chị nói thêm:

- Trời gió dữ quá, cháu nó mang đèn về đặt vội lên bàn thiên nên tắt rụi ngay.

Giọng người đàn bà êm dịu, và cách nói của chị thật dư nghe. Trần cười tự nhiên, cầm lấy cây đèn:- Có sao đâu, chị đưa tôi châm cho.

Anh lấy cái vỏ mía khô quất châm lửa vào tim đèn. Sợi bấc bén cháy ngay nhưng ngọn lửa bị gió thổi bật đi, lắt lay như muốn tắt. Trần khum khum bàn tay che gió, chờ cho ngọn lửa bốc thật to mới đưa cây đèn cho người đàn bà. Lúc ngẩng lên anh thoáng đưa mắt nhìn chị. Một gương mặt xương gầy nhưng rạng rỡ, cặp mày dài và đen. Những sợi lông tơ trên má rung động khi chị cười.- Cảm ơn anh nghe, không có anh, lại phải xách đèn bão lên xóm trên xin lửa. Trần cười xoà, qua hạt lửa vàng thắm của ngọn đèn anh thấy đôi mi người đàn bà hạ thấp, chị chưa dám một lần nhìn thẳng vào mặt anh. Người đàn bà chào Trần và quay đi. Bóng chị mỗi lúc một nhỏ dần trên lối cát. ánh lửa như một đọt sóng lan mãi ra xa rọi lên làn áo xanh và những nếp lụa bay phấp phật trên tấm thân rắn chắc của chị. Trần khơi chiếc que thông nòng vào đồng lửa. Mấy vành củi khô bén nổ lép lép, ngọn lửa vụt bốc cao soi rõ bóng của người đàn bà trước khi chị rẽ ngoặt vào ngôi nhà tranh. Ngọn lửa soi vào mặt kính chiếc đồng hồ đeo tay của Trần: đã tám giờ mười lăm rồi. Trần bỗng thấy mệt mỏi, anh rút tấm ni lông trong ba lô ra trải và nằm xuống. Trời trong suốt, đầy sao. Những ngôi sao toả ra một thứ ánh sáng tương phản với màu lửa đỏ, một thứ ánh sáng sắc nhọn lấp lánh, có màu xanh như lá mạ non. Trần không thuộc hết tên sao. Hồi bé, có đôi lần cha anh chỉ cho biết những chòm sao tua rua, sao thần nông, con vịt trời... và dạy cách đoán thời tiết. Những điều cha anh bảo Trần đã quên rồi, lớn lên là anh đi đánh giặc. Những kinh nghiệm chiến đấu đã thay thế cho những kinh nghiệm mùa màng. Bây giờ, anh nằm nhìn vòm trời rờ rờ ngàn vạn ngôi sao. Những vì sao. Những vì sao. Chúng ở xa con người đến thế. Nào ai có thể biết được ngôi sao nào nuôi sự sống và ngôi sao nào mang luồng khí độc của tử thần. Đến con người, con người ở một bên ta mà... Trần bỗng thở dài, anh chợt nhận ra mình đang quay lại với nỗi bi thảm riêng tư. Vợ anh đã phản bội anh. Đứa con trai của Trần hiện giờ ở đâu?... Một người cùng phố kể rằng nó không chịu gọi tên thiếu tá nguy là ba, nó cũng không khi nào nói chuyện với mẹ. Vợ Trần phải gửi nó cho một trường nuôi trẻ lưu trú ở Huế. Ngay sau ngày giải phóng anh đã đi tìm con, suốt ba tháng ròng không ra manh mối... Vợ anh đã bỏ đi Mỹ với tên thiếu tá nguy đẹp trai. Bỏ đi không một lời. Đôi lúc Trần nhớ lại những hình ảnh sinh động của cuộc sống trước kia, anh vẫn tự hỏi mình: Vì sao anh yêu cô ta đến thế? ... Một người bạn gái cùng quê hương, một thiếu nữ xinh đẹp có sức hấp dẫn bất cứ chàng trai nào đến tuổi yêu đương, một người đàn bà thân thể đầy sinh lực và sự khêu gợi... Có thể là như thế... Nhưng còn một điều ngoài tất cả những yếu tố đó, một điều lớn lao trọng đại mà ở tuổi hai mươi và ở trong hoàn cảnh sống bình thường anh không thể nào biết được. Điều lớn lao nhất trong mỗi người đàn bà, chỉ có qua cuộc chiến tranh này ta mới hiểu được mà thôi.

Trân nghiêng mình lại, anh đẩy mấy cành củi vào đồng lửa cho khỏi tắt. Xung quanh anh, những mảnh vườn trống, những nền gạch vỡ lô nhô, bóng vài bụi trâm bầu thấp lè tè như những chiếc nấm. Một chiếc lon đồ hộp lăn lóc giữa lối đi, thỉnh thoảng lại sáng loé lên vì ngọn lửa hắt vào. Xóm làng bây giờ còn có vậy. Mảnh đất mà anh đang nằm đây ngày xưa là ngôi nhà bà gian của cha mẹ anh. Phía trước nó có một vườn đào tiên với hai dãy cau chạy dọc theo hai bên cổng. Giờ đây cây cối đã cháy rụi, chỉ còn tro cái nền gạch bị nạy loang lổ với khúc đũa gỗ cháy sốt đen sì. Dân làng tan tác đi các ngã giờ mới lác đác rủ nhau về. Ngoài gian nhà tranh của mẹ con người đàn bà mặc áo xanh còn dăm bảy nóc nhà đổ hất ra le lói. Nhà riêng của vợ chồng Trân trước cũng ở xóm đó, bây giờ có lẽ cũng chỉ còn lại cái nền, nhưng Trân không muốn đến thăm, có lẽ vì nó sẽ lại nhắc cho anh những kỷ niệm đắng cay.

Đêm chợt vang lên những âm thanh lao xao, nhẹ nhẹ. Rồi có tiếng chân bước. Trân ngẩng đầu lên anh thấy thằng bé bạn quần cụt đang đi đến, tay nó ôm một bọc gì đó trước bụng. Thằng bé đến bên Trân, nhoèn miệng cười, nó quỳ xuống và thả hai vạt áo. Một mớ khoai rơi xuống, lăn lóc trên mặt đất. Những củ khoai của miền quê Quảng Trị, tròn và có làn vỏ dày màu tím đỏ. Trân ngồi nhổm dậy, kéo thằng nhỏ lại. Nó ngồi xuống một bên bên lên nói: - Má con nhủ đem mấy củ khoai sang, chú lụi ăn cho vui.

Trân thoáng ngỡ ngàng một chút, rồi anh gật đầu:

- Cháu ở đây với chú, tai lụi khoai cùng ăn chơi.
- Dạ, nhưng má con dặn đem khoai sang cho chú rồi về.
- Nếu vậy chú không nhận đâu, ăm một mình buồn lắm.

Thằng nhỏ ngồi im, chần chừ. Trân nói thêm:

- Rồi chú nói với má cho, má không la đâu.
- Dạ...

Đứa bé vừa cười vừa thở một hơi dài nhẹ nhẹ. Nó yên tâm co chân ngồi bệt xuống cát, hai tay ôm vòng lấy đầu gối.

Trân lấy que sắt cời than ra dàn thành một lớp mỏng, anh phủ tro lên rồi xếp khoai trên đó, những củ khoai đặt so le rục đầu vào nhau rất khít. Xong xuôi Trân lại rải tro và than lên. Lớp than và tro nòng vun cao như một đồng nấm nhỏ.

- Giờ thì xong rồi đấy, ta chỉ cần ngồi chờ khoai chín thôi.

Trâu bảo chú bé. Anh móc bao thuốc trong túi áo ra ngửi, mùi thuốc thơm nòng bốc lên dư chịu. Bao thuốc để trong người, lúc nào cũng âm âm. Trân rút điếu thuốc, anh không đưa lên miệng ngay mà châm vào một hòn than đang cháy. Ống tay áo bên trái vẫn gài vào túi bông rơi thõng ra. Chú bé theo dõi Trân, mặt nó hiện lên sự sửng sốt. Có lẽ bây giờ nó mới nhận thấy anh chỉ còn có một cánh tay. Trân không để ý đến điều đó, anh rít một hơi thuốc, khoan khoái thở ra những làn khói trắng. Gió ngoài mạn biển thổi vào càng về đêm càng mát lạnh, nó làm dịu đi những nỗi đau và thức dậy những hy vọng xa vời.

- Này, cháu lên mấy tuổi?

- Cháu lên bảy.

- Cháu đi học chưa?

- Dạ, cháu học ở nhà thôi, má cháu bày...

Chú bé trả lời Trân và liếc nhìn anh với cái vẻ mỗi lúc mỗi ái ngại và tò mò. Thấy Trân duỗi dài chân, lăn mình trên mảnh nilông nó áp úng hỏi:

- Chú... chú định ngủ ở đây sao?

- ừ, chú ngủ ở đây.

- Chú không có nhà à?

- Không, chú không có nhà.

Trân thông thả trả lời.

Chú bé xây mặt đi. ánh lửa in lên cái cổ mềm mại của nó một vệt hồng hồng. Xưa kia, ánh trăng đã từng lọt qua khe cửa và in lên gáy đứa con trai anh những vế sáng màu ngà... Những vệt sáng in lên làn da non nớt của trẻ thơ, sao dịu dàng, sao rưng động trái tim con người đến thế?

Chú bé vẫn dăm dăm nhìn đống lửa, nét mặt trở nên trang nghiêm. Chợt nó quay lại:

- Chú không sợ cảm hay sao? Má cháu bảo ngủ ngoài trời dư bệnh lắm.

- Không, chú không sợ, chú quen rồi.

Trân trả lời, giọng khàn khàn. Anh bỗng cảm thấy một cái gì đó, gần như sự mũi lòng, làm cay sống mũi. Đã từ lâu rồi, anh chưa được nghe lời hỏi han chăm bẵm của một đứa trẻ.

Thằng bé ngồi nhòm dậy, nhìn anh:

- Đừng, không quen được đâu. Ba cháu đó, khoẻ gấp năm lần chú mà cũng đau chết, má cháu bảo chết vì ngủ rừng nhiều.

Nó hạ giọng thảm thì:

- Đêm. ở ngoài trời có con ma mặc áo trắng đi lang thang, nó tìm bắt những người không nhà cửa...

Trân kéo thằng bé lại bên mình, dịu dàng xoa tóc nó:

- Ai nói chuyện tầm bậy đó, má cháu hả?...

Cháu bé lắc đầu quả quyết:

- Không tầm bậy đâu, thiệt đó mà... Chú không nghe rồi chú lại chết mất như ba cháu thôi.

Rồi nó nhìn anh với vẻ lo ngại chân thành. Đôi mắt nhỏ phản chiếu ánh lửa ngời lên như nước, những sợi mi thưa, mảnh in bóng lên bờ mắt khiến gương mặt thon thon của đứa bé càng giống hình ảnh của một ông hoàng tỷ hơn nào đó lạc trong những cuốn truyện thần tiên.

Đồng lửa vẫn cháy rùng rục, thỉnh thoảng những tàn lửa vụt bay lên như những vì sao đỏ, chúng vội vã cháy rồi vội vã tắt trước khi rơi xuống. Trần liếc nhìn mụn ruồi nơi đuôi mắt phải của chú bé. Anh hỏi:

- Ba cháu đâu?

- Ba cháu chết rồi mà, cháu vừa kể cho chú nghe thôi.

Chú bé trả lời anh, giọng trách móc.

- ừ... à à, thế mà chú quên - Trần cười xí xoá - Ba cháu làm gì?

- Ba cháu lên Xanh - Thăng bé nói rành rọt - Ba cháu đi đánh Mỹ bị chết vì sốt rét. Má cháu bảo tại bà ngủ rừng nhiều. Ba cháu chết hồi cháu mới được hai tháng, cháu chưa biết mặt ba đâu.

- Thế má cháu khi đó làm chi?

- Má cháu làm cấp dưỡng cho đơn vị của chú Sáu. Giải phóng rồi nội nhủ má con cháu về đây.

- Thế trước nhà cháu ở đâu?

- ở Quảng Nam, ở đó quê nhiều lắm chú à. Dưới biển họ đem khô cá chuồn lên đổi quê.

- Ba cháu quê ở đây hả?

- Dạ, ba cháu quê đây.

Ra thế, ba chú bé là người đồng hương với anh, còn mẹ chú là người Quảng Nam, giọng nói của chú bé pha trộn âm hưởng của cả hai xứ sở. Chú bé đã theo mẹ trở về quê cha.

Trần thoáng bâng khuâng. Anh biết rằng rất ít người đàn bà chồng chết rồi mà còn đưa con về quê nội. Nhất là quê anh, một vùng đất dữ dằn, gió nóng, cát bụi, đất đai cằn cỗi. Người đàn bà áo xanh phải có một tình yêu thủy chung và sâu sắc lắm mới có thể quyết định như vậy. Chị đưa con về đây, cho nó sống trên mảnh đất này, ăn củ khoai cha nó đã từng ăn, uống ngụm nước cha nó đã từng uống, dưới bầu trời đầy sao của miền quê Quảng Trị. Có một người vợ như vậy thật hạnh phúc. Hạnh phúc... Trong cuộc đời riêng mọi người đều may mắn hơn ta... Trần chợt nhận ra anh có một thoáng ghen tị với người đồng chí chưa quen biết đã hy sinh và với bao nhiêu bạn bè quen thuộc.

Ngọn gió bỗng xoay chiều thổi tạt khói vào mặt Trân. Anh nhắm mắt. Trong đầu lại chờn vờn những hình ảnh cũ: Cái cổ mảnh khảnh của đứa con trai in một vết sáng màu ngà. Hình ảnh của chính anh lang thang trên những con đường Huế, và Đà Nẵng hết cô nhi viện này đến trường mồ côi khác, những trưa nóng nực, chói chang và ồn ào đến chóng mặt, những chiều mưa ướt, đám mây xám nặng trĩu dồn tụ nơi chân trời, anh đứng cô đơn trên hè phố, nhìn đám người giường ô đi qua...

- Sao chú im lặng thế? Chú ngủ rồi à?

Đứa bé cao giọng hỏi làm Trân giật mình. Anh mở mắt. Đống lửa vẫn cháy rất to, đỏ hồng. Còn chú bé đang chăm chú nhìn anh, môi nó tươi như màu bông trang.

- Chú buồn ngủ chưa? Cháu bới khoai ăn nghe! Trân vùng dậy, anh ngồi tựa lưng vào chiếc ba lô con cóc:

- Phải đấy, cháu bới khoai ăn đi.

Chú bé nhanh nhẹn lấy cây que sắt gạt lớp tro bên trên, nó gạt rất nhẹ những hòn than đã cháy hết, chỉ còn tro tàn trắng vẫn lả tả bay lên, xộc vào mũi. Đứa bé quay đi, hắt hơi liền hai cái rồi nhón từng củ khoai, đập nhẹ cho bụi tro bay đi, xếp lên mảng lá chuối héo mà ban chiều Trân gói đồ ăn mang theo.

- Chú ăn khoai ạ!

Thằng bé mời Trân, còn nó thì phũ tay vào nhau và ngồi bó gối, khuôn mặt nhò trang trọng như mặt một cụ già.

Trân bóc khoai, anh thổi cho những ngón tay bớt nóng:

- Cháu nghĩ gì vậy?

- Cháu nghĩ đến chú.

- Sao cơ?

- Chú không có nhà, mà má con cháu thì có những hai cái nhà: Một nhà ông bà nội ở xóm Côi - Nó giờ tau chỉ cùm nhà mới dựng, đèn le lỏi - Một nhà ở đây.

Thằng bé ngưng lại một chút rồi nó nói tiếp, giọng quả quyết:

- Đây, hay chú vào ngủ nhà cháu đi. Nhà cháu chỉ có hai má con, sợ lắm, đêm nào cũng phải thấp đèn.

- Hà?...

Trân bối rối - anh chưa biết trả lời đứa bé ra sao. Nó vẫn nhìn anh chờ đợi, cặp mắt đen mở rộng, long lanh.

- Chú ngủ ngoài này đau bệnh chết đây. Trong nhà cháu có giường, có cả mùng vuông, thứ thiệt đẹp...

Nó nói, như dõ dằn, Trân nhìn ngôi nhà heo hút chìm trong khoảng tối mờ với dăm bóng cây, anh bỗng cảm thông với nỗi quạnh hiu của chú bé. Nó có mẹ rồi, nhưng nó vẫn cô đơn và như anh, nó cũng cần người bầu bạn.

- Kia, chú?

Đứa bé giục già, mắt nó dán vào miệng Trân, nồn nóng chờ đợi. Trân lúng túng, anh chưa biết tìm cách nào nói cho phải.

- ừ, à, để chú xem đã.

Nói xong, mặt Trân nóng lên, máu chảy giàn giụa hai bên tai. Chính anh cũng ngạc nhiên vì thấy mình dao động như vậy. Câu chuyện của chú bé làm xao xuyến tâm hồn Trân, nơi mà anh đã tưởng chừng người lạnh mãi mãi.

Đứa bé vụt đứng dậy:

- Cháu vào bảo má nghe.

- Khoan, khoan, nghe chú nói đã.

Trâu hốt hoảng níu tay đứa bé, hốt hoảng đến líu cả lưỡi.

Người đàn bà xa lạ kia sẽ nghĩ gì khi đứa con tự nhiên nói lên những đề nghị kỳ quặc như thế.

Trong thâm tâm, Trân kính trọng chị, anh rất sợ chị hiểu lầm, nhất là đối với vợ của một người đồng chí đã hy sinh.

- Chú nói điều này nghe...

Đứa bé đứng lại, chờ đợi. Trâu kéo nó ngồi xuống, anh tìm cách hoãn binh. - Hãy còn sớm, cháu ăn khoai với chú cho hết đã.

- Dạ!

Thằng bé ngoan ngoãn nhặt một củ khoai, nhưng trước khi bóc nó lại giao hẹn:

- Chặt nữa chú phải sang ngủ nhà cháu nghe!

Trân không trả lời, anh cắn một miếng khoai thật to, thở hà hà làn hơi nóng:

- Chà, ngon thiệt!

Đúng lúc đó vang lên tiếng gọi của người đàn bà:

- Lâm ơi, về ngủ con...

Tiếng gọi lặp lại lần thứ hai và người mẹ đi tới. Vẫn dáng đi đẹp để làm Trân sửng sốt lúc đầu, vẫn tà áo xanh trong ánh lửa soi rọi, lấp láy những ánh vàng tươi thắm.

Trân vút mảnh vỏ khoan vào đồng lửa, luống cuống xoa tay vào đầu gối. Người đàn bà đến gần và nói:

- Xin phép anh cho cháu về kéo khuya.

- Dạ, chị cho cháu về.

Trân trả lời, anh thầm mong đứa bé theo mẹ về ngay và quên đi câu chuyện ban nãy. Nhưng nó đã hấp tấp nói:

- Khi hồi chú bảo về nhà cháu mà?

Tim Trân đập thành thịch, anh chưa kịp thanh minh thì thằng nhỏ tiếp luôn:

- Má ơi, chú ấy không có nhà, con nhủ chú về nhà mình ngủ cho khỏi đau má nghe!

Người đàn bà cúi đầu xuống, môi mấp máy nhưng không thành tiếng, có lẽ cũng bàng hoàng và ngỡ ngàng. Trân thấy mặt mình nóng ran, anh sợ sùng cười, nửa như phân trần, nửa như chữa thẹn:

- Thằng nhỏ ký quá.

Hai người cùng im lặng. Và đêm vang lên tiếng gió, tiếng lửa reo phàn phật, tiếng nỉ non êm dịu của những côn trùng ngoài đám ruộng khoai mới trồng.

Lâu rồi người đàn bà cũng nói:

- Anh định ngủ ngoài này sao? Hồi trước đánh giặc ngủ bụi ngủ bờ chi cũng được. Chứ nước nhà thống nhất rồi...

- Không, tôi quen rồi. Vả lại đốt lửa cả đêm hơi giá cũng tan hết... Trân nói hấp tấp, anh nghe tiếng mình nói và nhận thấy nó biến đổi. Có chi ấm áp bao phủ khắp người Trân, dịu dàng và thuần khiết hơn cả hơi ấm của ngọn lửa, nó khiến anh vừa muốn chìm xuống một cơn mơ màng lại vừa nôn nức và xao xuyến.

Người đàn bà vẫn đăm đăm nhìn ngọn lửa, chị nói, giọng nhỏ và trầm, gần như tiếng thầm thì:

- Tôi biết anh...

Lưỡng lự một chút chị ta nói tiếp, rành rẽ hơn:

- Tôi biết hoàn cảnh của anh, ông nội cháu kể...

Trân cắn môi, anh nhìn chị với vẻ biết ơn và không nói gì thêm.

Thằng nhỏ đứng lên, phủi những hạt cát bám ở đũng quần:

- Chú về nhà cháu chứ?

- Bữa khác, bữa khác, - Trân vội vã trả lời - Đêm nay chú còn bận, đêm nay chú phải gác.

Thằng bé không chịu:

- Giải phóng rồi còn Mỹ, nguy đâu mà gác?

- Còn, còn chứ, không có người gác là chúng quay lại ngay.

Người đàn bà cúi xuống kéo tay con:

- Cứ nói lời thôi mãi, Lâm!

Rồi chị quay sang Trân:

- Tôi nhủ cháu đem mảnh tặng sang cho anh che sương ngủ tạm.

- Thôi, tôi ngủ như vậy cũng được mà...

Trân từ chối, nhưng người đàn bà đã cao giọng nói với đứa bé:

- Về con, đem cho chú mượn mảnh tặng rồi đi ngủ. Sáng mai còn đi vun khoan sớm.

Chị xoay lưng đi rất nhanh, trước khi đó ánh mắt chị lướt qua như một lời chào. Trân chưa kịp có một cử chỉ đáp lại thì hai mẹ con chị đã bước đi. Thằng nhỏ níu lấy áo mẹ, chạy gấp gáp. Còn người đàn bà bước đi với dáng điệu thanh thoát nhẹ nhàng. ánh lửa nhóng nhánh trên lằn lụa xanh, biến thành một thứ màu sáng rạng rỡ, tươi non. Trân nheo mắt, ngọn lửa nhảy nhót trước mặt anh, lan toả trên đôi vai tròn trặn của người đàn bà và làm màu áo chị rực lên như một miền cỏ dẫy, một miền cỏ tơ với những sợi cỏ xanh óng ánh trơn mượt - Một miền cỏ đang mọc rờ rờ trên những vùng đai trắng quê anh.

Dương Thu Hương
10 - 1976

(1) Ông kẹ: ngáo

Đình Quang Anh Thái (Việt Tide) phỏng vấn nhà văn Dương Thu Hương

LTS: Bắt nguồn từ những cuộc phỏng vấn thời còn làm cho Đài Á Châu Tự Do năm 1997 và do cảm phục thái độ can cường và tấm lòng của Dương Thu Hương đối với con người và đất nước Việt Nam, Đình Quang Anh Thái đã xem nhà văn nữ này như một người chị tinh thần. Trung tuần tháng Hai vừa qua, do lời mời của nhà xuất bản Sabine Wespieser Editeur, bà Dương Thu Hương đến Paris để ra mắt tác phẩm đã được in bằng Anh ngữ, cuốn "No man's land", nay được dịch sang Pháp ngữ là "Terre Des Oublis". Khi được tin này, Đình Quang Anh Thái đã lập tức sang Paris thăm bà Dương Thu Hương và được bà dành cho một loạt cuộc phỏng vấn liên quan đến nhiều

vấn đề tại quê nhà chúng ta. Bài sau đây là bài đầu tiên. Những bài kế tiếp sẽ được tiếp tục đăng trên Việt Tide vào những tuần sắp tới, mời quý độc giả đón đọc.

Việt Tide: Thưa bà, đây là lần thứ mấy bà đến Pháp?

Dương Thu Hương: Đây là lần thứ hai, sau hơn 10 năm bị cầm tù tại chỗ.

Việt Tide: Lần đầu tiên là lúc nào ạ?

Dương Thu Hương: Lần đầu tiên là năm 1994, tôi rời Việt Nam khoảng mùa Thu.

Việt Tide: Lần đó, bà đến nước Pháp với mục đích gì ạ?

Dương Thu Hương: Lần đó tôi đi theo lời mời của Hội Nhà Văn Pháp, và để gặp các nhà xuất bản đã in sách của tôi.

Việt Tide: Nếu tôi nhớ không lầm thì trong chuyến đi năm 1994, chính phủ Pháp có nhã ý mời bà ở lại Pháp với tư cách tỵ nạn chính trị, nhưng bà từ chối. Bà có thể cho biết lý do tại sao?

Dương Thu Hương: Lúc đó chính phủ Pháp mời tôi ở lại vì chính chính phủ Pháp đã cứu tôi ra khỏi nhà tù. Tất cả mọi người đều biết là khi tôi bị giam trong tù, phu nhân Tổng thống Pháp, bà Daniel Mitterand, đã yêu cầu chính phủ Việt Nam để cho bà gặp tôi, nhưng chính phủ Việt Nam từ chối. Khi bà Daniel trở lại Pháp, bà đã dùng tổ chức đấu tranh cho tự do do bà sáng lập để tìm mọi cách giải phóng tôi. Nước Pháp lúc bấy giờ đã phải bỏ ra 95 triệu Franc và giúp Việt Nam vay tiền của Ngân Hàng Thế Giới để cứu tôi ra khỏi nhà tù. Đây là một ân sủng mà tôi không thể quên được. Tôi luôn luôn nhớ rằng cá nhân bà Daniel Mitterand và nhân dân Pháp rất tử tế với tôi. Riêng đệ nhất phu nhân Mitterand, bà dằn dò tôi luôn luôn phải cẩn thận đối với những người lãnh đạo Việt Nam; vì họ chỉ là những tù trưởng; và trong chế độ của các tù trưởng thì họ không tôn trọng luật pháp; và sinh mạng của tôi có thể bị đe dọa bất cứ lúc nào. Cho nên khi tôi tới Pháp năm 1994, chính phủ Pháp mời tôi ở lại với tư cách cư trú chính trị. Nhưng tôi nghĩ rằng tất cả các bạn tôi đã chết một cách oan uổng trong cuộc chiến tranh để rồi đất rơi vào tay một chế độ cường quyền ức hiếp người dân khiến nhân dân sợ hãi. Đồng bào chúng ta có thể đứng cầm trong chiến tranh nhưng trong cuộc sống bình thường thì họ sợ hãi nhà cầm quyền và họ cam chịu một chế độ độc tài. Trong chế độ độc tài đó, nỗi sợ hãi nghiền nát con người thành những con kiến. Cho nên, tôi nghĩ rằng việc của tôi không phải là ở lại Pháp, mà tôi phải trở về Việt Nam với một việc duy nhất, là ìa vào mặt bọn cầm quyền.

Việt Tide: Phải chăng do sự can thiệp của chính phủ Pháp nên nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam đã kiêng dè không dám có những hành động ám muội nhắm vào tính mạng của bà, như họ đã từng làm với nhiều người dám chống lại họ?

Dương Thu Hương: Họ chẳng kiêng dè gì cả. Hai lần họ đã cho công an dùng xe ba bánh cán chết tôi. Nhưng vì Trời có mắt và nhờ hai người đàn em của tôi nên tôi thoát chết. Nhưng thất bại hai lần không có nghĩa là họ không dám ra tay lần thứ ba. Về phía tôi, khi chọn con đường làm giặc thì tôi cũng phải thủ thân kỹ càng. Tôi biết kẻ thù của tôi là ai và tôi cũng phải chuẩn bị những vũ khí bí mật của tôi để khi chúng nó giết tôi thì tôi cũng phải giết lại vài thằng. Như ông biết, những cuốn băng thu Bùi Duy Tâm, mãi mười năm sau tôi mới rút ra khỏi hầm đưa ra ánh sáng để chống lại những lời vu cáo

của họ rằng tôi là tôi tớ của ngoại bang. Tôi vẫn còn một cuốn băng nữa là vũ khí dự phòng của tôi. Ngoài ra, tôi còn một vũ khí khác do Trời ban, đó là tất cả mối quan hệ của tôi với những người nước ngoài sống tại Hà Nội, trước hết là các sứ quán. Năm ngoái, khi tôi đi sang Ý để nhận giải văn chương Grinzane Cavour, tòa đại sứ Ý tại Hà Nội đã phải huy động toàn bộ nhân viên để lấy lại hộ chiếu cho tôi, vì hộ chiếu bị công an tịch thu khi tôi ở Pháp về năm 1994. Ngoài ông Đại sứ Ý, người tôi vô cùng cảm phục vì tính kiên nhẫn là anh Anthonio. Chính anh ấy đã phải đối đầu với công an Việt Nam trong mùa Hè nóng bức tại Hà Nội để lấy lại hộ chiếu của tôi. Phải nói rằng, khó có một người xa lạ nào lại có thể tận tụy đến như thế khi làm một việc không nguy hiểm nhưng đầy bực dọc, vì anh ấy phải hết sức nhẫn nại trong những lần tiếp xúc với công an. Còn nhiều người khác nữa đã hết sức giúp đỡ tôi.

Việt Tide: Trong những lần trả lời phỏng vấn của chúng tôi cách đây khoảng 3 năm, thái độ của bà rất cương quyết và ngôn ngữ của bà rất mạnh bạo khi chỉ trích chế độ cộng sản. Thậm chí bà dùng nhiều chữ rất bỗ bã. Nhiều người thắc mắc là tại sao bà có thể lên tiếng như thế ngay tại Hà Nội mà không bị guồng máy trấn áp của chế độ nghiền nát. Phải chăng bà được an toàn là vì sự chú tâm của dư luận quốc tế, nhất là của chính phủ Pháp đối với bà?

Dương Thu Hương: Tôi nghĩ rằng chế độ cũng chẳng tử tế gì với tôi; và tôi cũng chẳng tử tế gì với họ. Cả hai bên đều tìm mọi cách để tiêu diệt lẫn nhau. Tôi cho đó là sự sòng phẳng, không có lời thối gì hết. Có lẽ mỗi con người có một số mạng riêng. Khi tôi bị bắt, không bao giờ tôi nghĩ sẽ có ngày ra khỏi tù. Bởi vì lúc ấy tôi đâu có biết bà Mitterand và tôi cũng không biết lực lượng quốc tế lại có thể huy động nhiều đến như vậy để can thiệp cho tôi. Ngay khi tôi đi Pháp lần đầu tiên năm 1994 và trở về Việt Nam, chế độ đã muốn chặn đường về của tôi. Nhưng lúc đó một người bạn của tôi là ông Henry Kent, một nhà báo Mỹ từng đoạt giải Pulitzer và có rất nhiều bạn bè, và nhiều nhà văn Pháp đã tổ chức một chiến dịch để đưa tôi về nước. Trước khi phi cơ về tới Nội Bài, Giám đốc văn phòng của hãng thông tấn Pháp AFP, ông Philippe André, đã chờ hai tiếng đồng hồ tại sân bay. Ông ấy kiên nhẫn chờ công an lục soát tất cả các túi hành lý của tôi và cho tới khi thấy tôi lên xe về nhà thì ông ấy mới rời phi trường về lại văn phòng làm việc của mình. Tôi nghĩ rằng đó là duyên Trời, là cơ may nên tôi có nhiều người bạn quốc tế có tấm lòng tốt như thế. Sống trong lòng Hà Nội, tôi không dám rời Hà Nội vì tôi biết chế độ có thể thủ tiêu tôi bất cứ lúc nào ở các xóm xinh ngoại ô. Còn ở ngay tại Hà Nội, tôi có quan hệ với hầu hết các đại sứ làm việc ở đây. Chuyến đi Pháp lần này, đại sứ Mỹ đã cử một nhân viên đến gặp tôi để tỏ mối quan tâm về an ninh của tôi. Tôi nghĩ rằng tất cả các quan hệ đó là một lá chắn để bảo vệ tôi. Chính phủ Việt Nam hiện nay không thể nói phét mãi. Họ đói, họ cần tiền, họ bầu vào các dịch vụ đầu tư của nước ngoài. Do đó họ phải giả vờ tử tế với tôi, chứ thực tế, tôi với họ là kẻ thù. Bản thân tôi thì tôi không bao giờ hy vọng vào lòng tốt của những loại người như vậy.

Việt Tide: Chuyến sang Pháp lần này, mục tiêu của bà là gì ạ?

Dương Thu Hương: Chuyến đi lần này đơn giản vì cuốn sách của tôi là cuốn Terre Des Oublis, tựa tiếng Anh là No Man's Land, do nhà Sabine Wespieser Editeur xuất bản. Nhà xuất bản mời tôi sang để làm việc với báo chí, vì vậy tôi chỉ sang vì cuốn sách của tôi thôi. Cho nên tôi từ chối tất cả các cuộc phỏng vấn của các đài báo của người Việt như đài BBC, đài RFI. Thế nhưng khi nhận trả lời phỏng vấn của ông Thái, có lẽ vì ông và tôi có mối quan hệ tương đối lâu dài và quan hệ đó không có gì tồi tệ, nên tôi mới đồng ý trả lời ông.

Việt Tide: Cám ơn bà đã cho tôi vinh dự phỏng vấn bà. Trở lại câu bà nói rằng bà chọn con đường làm giặc, bà định nghĩa “làm giặc” là gì?

Dương Thu Hương: Làm giặc nghĩa là chống lại kẻ cường quyền. Ngày xưa, tôi làm giặc là bị tru di tam tộc. Ngày nay, chúng nó cũng muốn giết ba đời nhà tôi. Nhưng thời thế đã đổi thay nên họ không làm được. Tôi làm giặc, có nghĩa là tôi đấu tranh cho tự do dân chủ, nhưng tôi không có tham vọng làm tổng thống, không có tham vọng làm lãnh tụ một đảng phái chính trị nào, cho nên tôi không phải làm vừa lòng bất kỳ người nào để kiếm phiếu, để tranh thủ sự hậu thuẫn. Cho nên tôi nói bất kỳ ngôn ngữ nào tôi thích, tôi cho là chính xác. Cùng với cái lưới gổ của giới lãnh đạo chế độ, thì cũng có một thứ ngôn ngữ khác rất là ngoại giao, rất là lịch sự, nhưng tôi không thích (những thứ ngôn ngữ đó). Thí dụ năm ngoái, một nhà báo Mỹ phỏng vấn tôi và hỏi tôi nghĩ như thế nào về quan hệ của tôi với chế độ, tôi nói thẳng rằng, chế độ Hà Nội là bọn người rắm bọn Bắc triều (Trung Quốc). Ông nhà báo Mỹ này chắc là rất sững sờ vì không ngờ một nhà văn lại ăn nói thô tục như vậy. Nhưng mà ngôn ngữ ấy là ngôn ngữ của người dân Việt Nam, của những người nông dân Việt Nam, và tôi cho rằng đó là ngôn ngữ vô cùng chính xác. Tôi đoán ông Thái có thể tìm được một câu nào diễn đạt đúng thực chất sự việc mà ngắn gọn hơn câu như vậy. Bọn cầm quyền Hà Nội là bọn thích người rắm bọn Bắc triều. Tôi đoán ông Thái và đồ quý vị tìm được câu nào ngắn hơn. Đối với tôi, người Việt Nam chỉ có một gia tài là ngôn ngữ, cho nên tôi phải làm sống động lại ngôn ngữ của người dân Việt Nam với 90 phần trăm là nông dân. Nên tôi từ chối tất cả mọi thứ ngôn ngữ lưới gổ của cộng sản hay mọi thứ lưới gổ ngoại giao, lưới gổ lịch sự nào khác. Tôi tìm cách ngắn nhất để diễn đạt đúng bản chất của sự việc. Tôi nhắc lại, tôi là người tự do, tôi không mưu cầu gì, cho nên tôi không có nhu cầu lấy lòng ai.

Việt Tide: Khi chọn con đường làm giặc, bà có tiên liệu mọi hậu quả xảy đến cho bản thân bà và gia đình bà?

Dương Thu Hương: Tại sao lại không? Tôi sống trong lòng một lũ cầm quyền như thế mà sao tôi lại không hiểu họ. Ông nên nhớ là đối với con người, có ba điều quan trọng nhất mà người ta có thể bị tấn công. Điều thứ nhất là tiền tài. Điều thứ hai là danh vọng. Và điều thứ ba là bản thể. Về tiền tài thì khi tôi làm cuốn phim “Thánh Đường Của Những Người Tuyệt Vọng”, thì đã có một cặp giả làm Việt kiều mang đến nhà mẹ tôi một túi du lịch đầy những bó đô la và nói rằng, “chúng tôi là Việt kiều ở California, nghe chị làm cuốn phim thì chúng tôi muốn đóng góp”. Tôi trả lời rằng, làm phim ở Việt Nam là một việc điên rồ, và tôi chỉ có thể điên rồ với tiền của chính bản thân tôi chứ tôi không thể điên rồ bằng tiền của người khác. Sau đó tôi mời hai người đó ra khỏi cửa. Tôi chắc chắn đó là cái bẫy của công an gài. Cái bẫy thứ hai là quyền lực thì đối với tôi, quyền lực nó vô nghĩa, vì tôi đâu có thích làm quan, làm vua trong chế độ bản thủ như thế. Tôi là người ở sạch, tôi không ngồi vào những cái ghế bản thủ. Và nếu tôi ngồi vào những ghế bản thủ đó thì năm 1986, tại Đại hội Nhà văn Việt Nam, ông Nguyễn Văn Linh (lúc đó là Tổng bí thư đảng cộng sản) ôm hôn tôi thăm thiết và đề nghị biếu nhà biếu cửa cho tôi thì tôi đã nhận lời rồi. Nhưng đối với tôi, mọi việc tôi coi là phù du. Điều thứ ba quan trọng nhất là bản thể của con người thì con người phải có âm có dương thì mới mạnh khỏe được. Nghĩa là đàn ông phải lấy vợ và đàn bà phải có chồng. Mà tôi thì sau khi ly dị, tôi sống một mình. Cho nên tôi phải tự thiến tôi bằng cách đơn giản nhất là uống thuốc diệt dục. Loại thuốc này Đông y có từ rất lâu rồi. Tóm lại, đây là ba biện pháp để tôi đề phòng tối đa những âm mưu mà người ta có thể gài bẫy tôi.

Việt Tide: Xã hội Việt Nam hiện nay, nhiều người không còn nghĩ đến lý tưởng nữa mà chỉ biết chạy theo vật chất. Bản thân bà, khi chọn lối sống như thế, bà có cảm thấy cô

đơn không?

Dương Thu Hương: Tất nhiên tôi cảm thấy cô đơn, nhưng tôi đã quen với sự cô đơn và tôi không có nhu cầu giao du, vì tôi thích suy 2. 2

Việt Tide: Năm 1968, khi bà quyết định đi vào Nam chiến đấu – như trong sách của bà nói là bà tham dự cùng các bạn cùng lứa tuổi “xẻ Trường Sơn đánh Mỹ” – tâm tư của bà lúc đó như thế nào?

Dương Thu Hương: Tâm tư của tôi lúc đó hoàn toàn là của một người Việt cổ. Tôi liều thân cứu nước vì tôi quan niệm đây là một cuộc chiến tranh chống quân xâm lược; và chống quân xâm lược thì người tử tế phải xông ra chiến trường chứ không thể để mặc cho người khác hy sinh; và không thể mưu cầu một cuộc sống yên ấm khi người khác lâm nguy.

Việt Tide: Không phải là theo tiếng gọi của đảng cộng sản Việt Nam?

Dương Thu Hương: (cười khẩy) Đó là cái điều làm lẫn lộn nhất của các nhà báo nước ngoài cũng như nước trong (cười). Tại vì những người ấy có chịu lắng nghe đâu. Các ông ấy toàn nghĩ theo kiểu các ông ấy thôi. Cứ hàm hồ chụp lên đầu người khác suy nghĩ của mình.

Việt Tide: Bà có thể nói rõ hơn?

Dương Thu Hương: Tôi chả coi đảng cộng sản Việt Nam là cái gì cả. Đối với một gia đình như gia đình tôi, bố tôi từng là đại đội trưởng Đội Bá Vụ, phụ trách vấn đề liên lạc vô tuyến và làm trực tiếp dưới quyền ông Võ Nguyên Giáp, nhưng bố tôi không bao giờ được vào đảng vì bà của tôi là địa chủ. Bố tôi chịu nhiều bất công, vì ông cống hiến rất nhiều mà chả được gì cả. Khi tôi lớn lên thì tôi không được thi vào đại học bởi vì lý lịch của bố tôi và gia đình tôi không thuộc thành phần cốt cán. Tôi vào trường Lý luận Nghiệp vụ vì lúc đó họ tuyển năng khiếu diễn kịch, hát múa; và tôi vào được vì do cơ may tôi có một người họ hàng làm thầy giáo của trường. Tôi còn nhớ lúc xảy ra chiến dịch Cải cách Ruộng đất, ngay trước cửa nhà tôi là một người bị chết treo và lúc 8 tuổi, tôi đã phải đi theo các đoàn học sinh để chứng kiến các cuộc đấu tố địa chủ. Sau lưng nhà tôi, ngay đường xe hỏa, một người khác bị vu là địa chủ nên tự tử bằng cách đặt cổ vào đường ray cho xe lửa cán chết. Thật khủng khiếp. Khi 8 tuổi, buổi sáng khi đi tưới rau, tôi thấy cảnh những người chết như thế và điều đó làm cho tôi vô cùng khủng khiếp. Cho nên tôi nhắc lại, năm 68 tôi vào tiền tuyến là vì tôi tuân thủ truyền thống cứu nước của dân tộc Việt Nam chứ không vì đảng cộng sản.

Việt Tide: Theo chỗ tôi biết, bà lập gia đình trong giai đoạn chiến tranh và hai con của bà sinh ra ngay tại tiền tuyến; có đúng không ạ?

Dương Thu Hương: Vâng, đúng như vậy.

Việt Tide: Bà có thể cho biết hoàn cảnh sống của hai cháu tại tiền tuyến khi cuộc chiến bắt đầu vào thời điểm khốc liệt năm 1968?

Dương Thu Hương: Chúng tôi sống như những người nông dân và tất cả mọi người đều chịu sự tàn phá của bom đạn chiến tranh. Thức ăn thức uống vô cùng khan hiếm, thậm chí rau cũng không có. Gạo ở bên kia sông, chỉ vì mấy cân gạo có thể mất mạng, vì bom Mỹ ném liên tục. Một điều nữa, ngay trong chiến tranh, năm - bảy trăm người

chết nhưng không bao giờ tin tức được loan báo. Vì tất cả đều chấp nhận cái chết đương nhiên. Và không thể loan tin vì suy nghĩ lúc bấy giờ ta là dân tộc anh hùng chiến thắng tất cả mọi kẻ thù nên không thể cho biết sự tổn thất. Hai con tôi sinh ra trong hoàn cảnh như vậy. Khi chúng nằm ở trong hầm, dưới mặt ván vài gang là nước và rắn bò lóp ngóp. Đứa con gái của tôi khi vừa được ba tháng, rắn ngủ ở dưới đít của nó. Vì rắn tìm chỗ ấm mà! May mà sáng ra rắn tuồn xuống nước chứ không cắn con bé. Mà đây là rắn độc. Cho nên mấy ông dân chài sống chung quanh bảo rằng con tôi được thần độ mạng. Tôi tin con người có số thật. Bởi vì sống dưới bom đạn, đói khát, rắn rết như vậy mà hai đứa con tôi, dù không được tươi da thắm thịt như con cái những người sống trong hoàn cảnh bình thường, nhưng chúng cũng không đến nỗi bị què quặt.

Việt Tide: Khi lớn lên, các cháu có bị ám ảnh bởi hồi ức lúc sống trong chiến tranh bom đạn không ạ?

Dương Thu Hương: Trong chiến tranh chúng nó còn rất nhỏ cho nên khi lớn lên ấn tượng về cuộc chiến cũng mờ nhạt. Nhưng khi chúng lớn lên thì chúng chịu một cuộc chiến tranh khác còn tàn khốc hơn cuộc chiến thời 1968: mẹ chúng nó làm giặc. Cho nên chúng nó bị nhiều thiệt thòi lắm.

Việt Tide: Thưa bà, các cháu bị thiệt thòi ra sao ạ?

Dương Thu Hương: Tôi đã nói rất rõ với các con tôi, rằng con đường làm giặc là phải chịu tất cả mọi khổ đau; cho nên tất cả mọi người trong gia đình, nghĩa là bố tôi, mẹ tôi, anh em tôi và con cái, nếu ai muốn thì tôi sẵn sàng viết giấy với tòa án là không có quan hệ với tôi nữa để tránh cho họ khỏi bị di lụy. Còn nếu những người muốn tiếp tục đứng với tôi thì phải chấp nhận khổ đau, thua thiệt và không bao giờ được nói với tôi một lời can thiệp vào việc tôi làm. Bởi vì tôi biết chắc chắn cộng sản sẽ dùng những người thân thuộc để gây sức ép. Nhiều trường hợp đã xảy ra đối với những người đấu tranh dân chủ tại Việt Nam. Vợ con, anh em của họ bị công an áp lực phải khuyên can họ không được đấu tranh nên một số người đành bỏ cuộc. Bản thân tôi đã lường trước điều đó nên tôi tuyên bố sòng phẳng rằng, cả tuổi xuân của tôi, tôi đã hy sinh để nuôi con rồi, nên bây giờ tôi an tâm lao vào cuộc chiến chống lại bọn cường quyền. Tôi bảo các con tôi có thể về sống với bố của chúng hay với một người mẹ khác. Còn nếu chọn sống với tôi thì phải chấp nhận khổ đau, vì chắc chắn chúng sẽ không có chỗ đứng trong chế độ này. Hai con tôi đứa nào cũng hai bằng đại học nhưng vẫn không có việc làm. Con trai lớn của tôi phải sống bằng tất cả mọi việc, từ bồi bàn cho đến gác cổng. . . và bây giờ đi quay phim thuê cho một hãng tư. Cháu gái thì bán sơn.

Việt Tide: Các cháu có chia sẻ lý tưởng của mẹ không?

Dương Thu Hương: Không! Đối với chúng nó, tôi là một người điên. Nhưng dầu sao chẳng nữa thì cũng là tình mẹ con, nhất là tôi đã giao hẹn là nếu chấp nhận tôi thì không được can ngăn việc tôi làm, nếu can thiệp thì tôi sẽ cắt đứt ngay tức khắc, thành ra chúng nó đành chấp nhận thôi.

Việt Tide: Từ một người dân thân “xẻ Trường Sơn đánh Mỹ”, bây giờ bà trở thành một người làm giặc ngay tại Hà Nội; tại sao vậy, thưa bà?

Dương Thu Hương: Câu hỏi của ông vô cùng mâu thuẫn và vô cùng ngớ ngẩn. Tôi là người yêu nước khi tôi tham gia cuộc chiến tranh và đến tận bây giờ tôi vẫn là người yêu nước. Vì thế tôi mới làm giặc. Hai hành động đó (vào tiền tuyến năm 68 và bây giờ

làm giặc) thống nhất với nhau.

Việt Tide: Tư tưởng “làm giặc” của bà nhen nhúm từ lúc nào?

Dương Thu Hương: Từ năm 1969. Lúc đó, nếu tôi còn chút ảo tưởng nào về chủ nghĩa cộng sản thì tôi đã trở thành đảng viên rồi. Họ mở rộng cánh cửa mời tôi vào đảng cơ mà. Nhưng vì tôi được dạy dỗ trong một gia đình lấy đạo đức làm tiêu chuẩn cho nên tôi không thể xếp tôi đứng vào hàng ngũ với những người mà tôi khinh bỉ. Đơn giản như vậy thôi.

Việt Tide: Bà từng viết rằng, ngày 30 tháng Tư năm 1975, khi các phụ nữ khác trong đoàn quân của bà trầm trộ trước sự phát triển vật chất của miền Nam thì bà ngồi khóc trên lề đường Sài Gòn. Bà có thể nhắc lại tâm trạng của bà lúc đó?

Dương Thu Hương: (thở dài) Điên rồ thì tôi có nhiều thứ điên rồ. Khóc thì tôi có hai lần khóc.

Lần thứ nhất khi đội quân chiến thắng vào Sài Gòn năm 1975, trong khi tất cả mọi người trong đội quân chúng tôi đều hơn hờ cười thì tôi lại khóc. Vì tôi thấy tuổi xuân của tôi đã hy sinh một cách uổng phí. Tôi không choáng ngợp vì nhà cao cửa rộng của miền Nam, mà vì tác phẩm của tất cả các nhà văn miền Nam đều được xuất bản trong một chế độ tự do; tất cả các tác giả mà tôi chưa bao giờ biết đều có tác phẩm bày trong các hiệu sách, ngay trên vỉa hè; và đầy rẫy các phương tiện thông tin như TV, radio, cassette. Những phương tiện đó đối với người miền Bắc là những giấc mơ. Ông Thái đừng quên rằng, ở miền Bắc, tất cả mọi báo đài, sách vở đều do nhà nước quản lý. Dân chúng chỉ được nghe đài Hà Nội mà thôi; và chỉ có những cán bộ được tin tưởng lắm mới được nghe đài Sơn Mao, tức là đài phát thanh Trung Quốc. Còn toàn bộ dân chúng chỉ được nghe loa phóng thanh tập thể; có nghĩa là chỉ được nghe một tiếng nói. Vào Nam tôi mới hiểu rằng, chế độ ngoài Bắc là chế độ man rợ vì nó chọc mù mắt con người, bịt lỗ tai con người. Trong khi đó ở miền Nam người ta có thể nghe bất cứ thứ đài nào, Pháp, Anh, Mỹ . . . nếu người ta muốn. Đó mới là chế độ của nền văn minh. Và thật chua chát khi nền văn minh đã thua chế độ man rợ. Đó là sự hàm hồ và làm lẫn của lịch sử. Đó là bài học đắt giá và nhằm lẫn lớn nhất mà dân tộc Việt Nam phạm phải.

Lần thứ hai tôi khóc là năm 1984 khi tôi đến Mascova (Moscow). Tất cả những người Việt Nam khác đến đây đều hơn hờ, sung sướng. Riêng tôi thì nhục nhã không thể tả được. Vì khi ở trong nước, tôi vẫn có ấn tượng dân tộc mình là dân tộc anh hùng và là một dân tộc cũng có được một cuộc sống xứng đáng. Nhưng khi đến Mascova trong một phái đoàn điện ảnh trẻ thì tôi mới nhìn thấy ra rằng, người Việt Nam bị khinh bỉ. Người Việt Nam đầu đen chỉ xếp hàng trong các đội quân dài dặc các bà già Nga bụng to để mua nôi áp xuất, bàn là điện nhằm gửi về nước. Những người bán hàng họ mắng cho như là mắng khỉ ấy. Họ mắng cũng đúng vì người mình khuôn hàng đồng nôi, hàng đồng sản phẩm của người ta để tuồn về nước. Khi đứng ở khách sạn Peking nhìn xuống đường, tôi thấy những đoàn đại biểu Việt Nam trong những bộ quần áo complet góm ghiếc trông như những đàn bò đi trong thành phố. Tôi hoàn toàn vỡ mộng và tôi khóc. Một nhà văn Nga mắng tôi. Anh ta bảo rằng, “người ta đi Nga người ta sung sướng, còn bà thì tại sao bà lại khóc như cha chết vậy. Sao lại vớ vẩn thế”. Anh ta không biết nỗi đau đớn của tôi khi thấy thân phận của người Việt Nam.

Việt Tide: Từ đó bà lao vào cuộc đấu tranh?

Dương Thu Hương: Ngày 30 tháng Tư năm 1975 đã là một ngã rẽ trong đời tôi. Đúng ra, ngã rẽ này đã bắt đầu từ năm 1969 khi lần đầu tiên tôi gặp những toán tù binh người miền Nam ở Quảng Bình. Lúc đó tôi làm công tác ở các binh trạm và những tù binh lần đầu tiên tôi gặp không phải là người Mỹ mà chính là người Việt Nam, cũng đầu đen mắt đen, cũng lùn và da vàng mũi tẹt như tôi, và nói tiếng Việt Nam như tôi. Cho nên tôi mới hồ nghi rằng tất cả những điều người ta nói đây là cuộc chiến tranh chống quân xâm lược thì đó là láo toét. Tuy nhiên vì lúc đó là chiến tranh và tất cả đều lao vào một guồng máy và bị cỗ xe khổng lồ nó cuốn đi. Cho đến năm 75, với thời gian (giọng ngậm ngùi, xúc động), tất cả mọi ngõ vực trong tôi đã chín muồi. Năm 75, tôi hiểu rằng đây là thời điểm quyết định và là ngã rẽ dứt khoát trong tư tưởng của mình.

Việt Tide: Nói chuyện với bà, tôi thường nghe bà nhắc đến hai chữ “số phận”. Bà tin số phận như thế nào và bà hiểu hai chữ số phận như thế nào?

Dương Thu Hương: (cười thoải mái) Tôi tin số phận theo kiểu của tôi và hiểu số phận theo kiểu một người nhà quê chân đất mắt toét. Đại loại như vậy. Còn để diễn giải hai chữ số phận trong cuộc phỏng vấn ngắn ngủi này thì đó là điều bất khả.

Việt Tide: Xin bà cứ nói chi tiết.

Dương Thu Hương: (cười to) Tôi nói ví dụ, chúng ta không phải hoàn toàn là những kẻ bất lực nhưng chúng ta cũng không hoàn toàn là những kẻ làm chủ được số phận của mình. Ví dụ như khi tôi ở trong tù năm 91, tôi nghĩ không bao giờ có ngày ra khỏi tù. Nhưng rồi tôi lại thoát nhờ sự can thiệp của những người mà tôi chưa bao giờ biết. Như vậy rõ ràng là có bàn tay của Chúa (nói theo người Thiên Chúa Giáo) và có bàn tay của Giới Phật (nói theo người dân Việt Nam). Đây là điều khiến tôi tin vào số phận. nghĩ một mình.

Việt Tide: Trong cuộc phỏng vấn lần trước, bà có đề cập đến vấn đề số phận; bà có phải là người tin vào tôn giáo không?

Dương Thu Hương: “Trên phương diện một nhà văn thì tôi nghĩ rằng tất cả mọi nhà văn đều phải cách xa tất cả các tôn giáo. Bởi vì người ta có câu là niềm tin cực đoan của một người có thể biến họ thành một con thú dữ. Lịch sử thế giới đã chứng minh điều này. Thí dụ những cuộc Thập Tự Chinh của phương Tây thời xa xưa và bây giờ là các cuộc nổi loạn bạo động của những người Hồi giáo cực đoan khiến người ta run sợ. Tôi muốn nhắc lại một sự kiện là vào mùa Đông năm 1994, lúc đó tôi đang ở Pháp, một chiếc máy bay bị không tặc, bị những người Hồi giáo cực đoan cướp. Trên chuyến bay đó từ Pháp đi Algerie có một người làm trong Đại sứ quán của nhà nước cộng sản Việt Nam tại Paris. Ông này đứng lên nói với những tên không tặc rằng, các ông không có quyền bắt tôi vì tôi là nhân viên ngoại giao, tôi không dây gì đến chuyện tôn giáo của các ông. Bọn không tặc nói rằng, à thằng này là trí thức, thằng này theo đạo Phật, vậy thì phải bắn chết nó. Lập tức chúng bắn chết ông này và vắt xác ra khỏi cửa máy bay. Bọn không tặc sau đó bị cảnh sát Pháp bắt. Vụ bắn giết đó ám ảnh tôi và khiến tôi ghê sợ những kẻ theo tôn giáo mà cuồng tín bắn chết những người khác tôn giáo của chúng. Thật là khủng khiếp.

“Nhưng vì lý do riêng biệt trong cuộc đời của tôi khiến tôi rất ngưỡng mộ đạo Phật. Nhưng tôi theo đạo Phật theo cách riêng của tôi. Tôi ngưỡng mộ đạo Phật với đầy đủ những sự suy nghĩ và những sự nghiệm sinh của bản thân tôi.
“Cũng như những đồng bào ở miền Bắc, tôi rất ngưỡng mộ không khí của chùa chiền, nếu không muốn nói là mê cái không khí của chùa chiền. Vào những ngày mùa Thu

hoặc mùa Đông không mưa bão, chùa chiền là nơi dân chúng thường đến, không những chỉ để cúng bái, mà còn đến để ngoạn cảnh và giải phiền.

“Thế nhưng thực tế cho thấy tất cả chùa chiền ở miền Bắc đều đã bị bộ phận A25 của công an gài sục công an xâm chiếm. Và ở chùa Kim Liên (gần phủ Tây Hồ), tôi đã nhìn thấy một công an giả dạng ni cô đối xử với bà sư cụ ở đó một tàn nhẫn. Sự việc này khiến tôi không còn hứng thú đi chùa nữa.

“Đối với tôi, đạo Phật không chỉ là một tôn giáo đơn thuần, mà Phật giáo còn là một triết lý sống; và tôi tìm được chân lý vĩnh hằng trong tôn giáo và triết lý đó”.

Việt Tide: Bà bắt đầu tin vào đạo Phật từ lúc nào?

Dương Thu Hương: “Có lẽ đó là một cái duyên khi tôi đọc tiểu sử của Phật Bà Quan Âm.

“Như tôi được biết, Phật Bà Quan Âm xuất thân là Công chúa nước Sở. Ngài là người thông minh và xinh đẹp. Nhưng Bà không chọn lối sống của các Công chúa khác, nghĩa là thụ động để Vua cha gả cho các viên tướng hoặc là cạnh tranh tài sắc với người khác. Không ít trong các Công chúa đã trở thành các Bà hoàng và vô cùng ác nghiệt lộng hành thao túng quyền năng. Nhưng riêng Công chúa nước Sở thì lại yêu thích đạo Phật, từ chối cuộc sống sa hoa ở hoàng cung và đã đến chùa để tu. Ngài đi đến đâu thì Vua cha sai binh sĩ đến đó giết hết sư sãi và đốt chùa. Ngài di chuyển từ chùa này sang chùa kia thì lính của triều đình tiếp tục đuổi theo đốt phá chùa chiền, săn đuổi Ngài với mục đích ép Ngài trở về cung. Theo truyền thuyết thì Ngài đã cưỡi hổ đi về phương Nam và tu tại chùa Hương Tích. Có lẽ Bà đã được Trời thương – Phật độ nên thoát khỏi mọi nguy nan rình rập của binh lính triều đình cũng như hổ beo thú dữ để rồi cuối cùng đến được chùa Hương, là một nơi vô cùng thanh tịnh, chung quanh toàn rừng mai rừng trúc. Bà tu ở đây và chiêu nạp được hai đệ tử là Long Nữ Bồ Tát và Thiện Nam Bồ Tát.

“Lịch sử của Bà làm cho tôi rung động một cách sâu sa. Bản thân tôi cũng bị xâu xé giữa hai thế lực, hai sức mạnh đàn áp. Một bên là lòng hiếu đễ và một bên là ý nguyện riêng. Vì lúc đó bố tôi bằng mọi giá bắt tôi phải ở lại với người chồng cũ và phải tuân theo nếp sống của người đàn bà trong chế độ phong kiến. Bố tôi thường nói dù chồng tôi có giết tôi thì tôi cũng phải chịu, và nếu gia đình có một đứa con gái bỏ chồng thì vô cùng nhục nhã. Tôi biết sự ép buộc ấy thật là lạc hậu và ngu ngốc. Nhưng vì tôi yêu bố tôi cho nên tôi sẵn lòng quỳ xuống để bố tôi hài lòng. Vì tôi biết bố tôi là người cổ, bố tôi quan niệm như vậy và ông thương con, cũng như tôi vô cùng thương bố tôi.

“Bài học của Phật Bà Quan Âm mà tôi học được là người ta vẫn có thể bảo vệ con đường của mình mà không phụ lòng hiếu đễ. Cho nên tôi vẫn tiếp tục đấu tranh bằng mọi cách nhưng gần 10 năm sau tôi mới ly hôn được để rồi chọn con đường làm giặc theo con đường của tôi. Bây giờ thì bố tôi không còn nữa, và tôi tin rằng ông cụ phải hiểu là tôi là người con hiếu đễ, mặc dù tôi không theo ý ông cụ.

“Đối với tôi, lịch sử của Phật Bà Quan Âm đã cứu rỗi linh hồn của tôi”.

Việt Tide: Theo thuyết nhân quả của đạo Phật thì muốn biết kiếp trước chúng ta đã làm gì thì thử xem kiếp này chúng ta được hưởng gì; và muốn biết kiếp sau chúng ta được hưởng gì thì tự hỏi kiếp này chúng ta làm được những gì. Bà có tin vào nhân quả không?

Dương Thu Hương: Tôi hoàn toàn tin vào thuyết nhân quả. Tôi hoàn toàn tin vào kiếp sau. Tôi vẫn dạy con tôi phải sống cho có trước có sau. Nhiều người yêu cầu tôi phải thế này phải thế khác. Tôi trả lời rằng tôi không phải gì cả. Tôi chỉ phải sống đúng với những nguyên tắc đạo đức mà gia đình tôi đã dạy tôi và những nguyên tắc mà tôi học được ở đạo Phật. Các con tôi cũng phải theo những nguyên tắc đạo đức đó. Bất luận chúng nó là thường dân hay là người lỗi lạc, tôi đối xử như nhau. Tôi không yêu cầu con cái tôi phải trở thành bác sĩ, tiến sĩ. . . , tôi không yêu cầu như thế. Tôi chỉ duy nhất yêu cầu các con tôi sống tử tế; và đối với tôi đạo đức là cốt lõi.

Việt Tide: Tin vào nhân quả, bà giải thích như thế nào về những họa chung mà dân tộc mình đã phải gánh chịu; và cái nghiệp của từng cá nhân Việt Nam trong nhiều chục năm vừa qua?

Dương Thu Hương: Dân tộc chúng ta là một dân tộc đau khổ; và mỗi người phải làm hết sức mình nếu người đó có lương tâm để rút ngắn lại con đường đau khổ đó. Bởi vì cuộc chiến tranh chống Mỹ đối với tôi là cuộc chiến tranh ngu xuẩn nhất trong lịch sử của người Việt. Không có cuộc chiến tranh nào ngu xuẩn hơn cuộc chiến đó. Và nếu những thế hệ người Việt Nam sau mà muốn rút được những bài học của lịch sử thì họ phải biết suy nghĩ, biết đào bới và phải dám nhìn vào sự thật. Sự thật đó là dân tộc chúng ta đã có lúc ngu dại; và vì là một nước nhỏ nên bị đưa đẩy giữa hai thế lực; dân tộc chúng ta đã bị kẹp giữa hai toa tàu lịch sử. Điều đó nói ra thật đau lòng. Nhưng đối với tôi, không còn con đường nào khác ngoài con đường nhìn thẳng vào sự thật. Khi một lần nhìn thẳng vào sự thật rồi thì chúng ta mới tự cứu được. Và đó là điều trong kiếp sinh tồn ngắn ngủi của tôi, tôi có thể làm được tới đâu thì tôi làm tới đấy.

Việt Tide: Trở lại câu chuyện của chùa Kim Liên, trong một bài viết của bà, bà có đề cập đến một người giả làm ni cô, và người này đã có hành động tàn ác đối với một sư bà chân tu tại chùa. Bà có thể kể lại cho nghe thêm chi tiết được không ạ?

Dương Thu Hương: Tôi rất hay đi ngoạn cảnh chùa và chỉ lẳng lặng đi một mình thôi. Chùa đó rất nhỏ, nằm trong lĩnh địa của xã Kim Liên. Đi trên đường xuống phủ Tây Hồ, rẽ xuống cánh đồng lúa thì chùa Kim Liên nằm phía bên phải. Lúc bấy giờ là cánh đồng lúa nhưng bây giờ đã biến thành những khu nhà ở. Ngôi chùa đó rất nhỏ và tôi thường trò chuyện với sư cụ. Sư cụ là người đi tu từ lúc nhỏ, khoảng 5 – 6 tuổi. Cuộc đời bà cụ không giống những người khác (tình ái lỡ dở hoặc gặp những nỗi khổ đau nên mới vào chùa đi tu); mà bà cụ là người đã có duyên với đạo Phật. Theo tôi thì cụ là người có chân duyên với đạo Phật ngay từ bé. Những lần trước đến chùa, tôi chỉ nhìn thấy mấy nhà sư do cộng sản đội lốt ở dưới chùa sau thôi. Bẵng một thời gian khoảng hơn một năm không lên chùa, hôm đó tôi lên chùa thì thấy sư cụ nằm ốm trên phản; bên tấm phản là ít thức ăn khô quéo lại. Người đàn bà khoảng tuổi tứ tuần mắt long sòng sọc thì rít lên rằng ‘sao mày không chết đi cho tao nhờ’. Mụ này là sư giả và do chính hệ thống A25 đào tạo để mà chặn giữ tất cả các chùa chiền và đuổi tất cả các người chân tu ra khỏi chùa. Vì chế độ biết là Phật giáo là một lực lượng đấu tranh cho dân chủ. Tôi nghĩ rằng, trong phong trào đấu tranh cho dân chủ hiện nay tại Việt Nam, Phật giáo là một lực lượng lớn. Cho nên những nhà chân tu như ông Thích Thiện Minh mới bị giam giữ cả chục năm và chỉ mới được thả khỏi tù năm ngoái; và cụ Thích Quảng Độ mới bị quản thúc ngặt nghèo đến như vậy. Nếu như Phật giáo không là cái gì cả thì đảng cộng sản không đến nỗi phải dùng nhiều biện pháp để hãm dọa, kiểm soát và trấn áp như vậy.

Việt Tide: Có cách nào Phật tử tại Việt Nam nhận chân được vai trò của A25 trong công tác tổ chức sư giả như bà từng chứng kiến?

Dương Thu Hương: Không phải mình tôi chứng kiến và biết vai trò của A25. Nếu chỉ mình tôi biết thì đã không xảy ra cuộc biểu tình của dân chúng tại chùa Láng cách đây vài năm đòi đuổi cổ sư róm để đưa sư thật về chùa. Năm Tết xảy ra vụ biểu tình đó, công an đã bắt giữ hơn 100 người. Thành ra tôi tin rằng không phải chỉ mình tôi nhìn ra sự thật mà nhiều người đã nhìn ra sự thật. Nhưng cái nỗi sợ triền miên, cái nỗi sợ bản thể của một dân tộc quen sợ hãi kẻ cầm quyền đã chế ngự dân tộc chúng ta; và chính vì nỗi sợ đó mà đảng cộng sản, chính quyền cộng sản mới tồn tại tới ngày nay. Nếu một dân tộc can đảm hơn, một dân tộc ý thức được quyền công dân, ý thức được quyền tự do thì cái nhà nước này sụp đổ tan tành từ lâu rồi.

Việt Tide: Làm cách nào để đồng bào chúng ta có được tinh thần can đảm đó?

Dương Thu Hương: (Cười thoải mái) Một trong những cách là ông và những người đồng nghiệp trong giới truyền thông như ông phải kêu gọi mọi người và những lực lượng đấu tranh cho dân chủ thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội bằng cách phổ biến tin tức và kiến thức cho đồng bào. Một cách nữa nhưng phải chờ đợi thời gian, bởi vì phải có thời gian để một dân tộc quá nhiều đau khổ ngừng mặt thì lúc đấy người ta mới nghĩ đến điều khác. Một dân tộc quá đau khổ thì khó có nhu cầu dân chủ được. Khi dân tộc khá no đủ thì lúc đó mới có ý thức về nhân phẩm, ý thức về quyền tự do và từ đó xã hội dân chủ mới có thể hình thành.

Việt Tide: Cuộc Cách Mạng Nhung đã xảy ra ở Tiệp, rồi cách mạng ở Nga, và gần đây là cuộc Cách Mạng Màu Da Cam tại Ukraine; phải chăng các dân tộc đó đủ no rồi nên họ mới đứng dậy?

Dương Thu Hương: Những dân tộc đó chưa bao giờ đói khổ như người Việt Nam; và họ có một tầng lớp trí thức. Trong khi đó ở xã hội cộng sản Việt Nam và Trung Quốc chưa bao giờ có tầng lớp trí thức. Tất cả đều là viên chức trá hình. Tất cả đều là người làm thuê cho đảng và nhà nước cộng sản. Mà đã làm thuê thì phải sợ chủ. Chủ nó trả tiền lương thì phải nói theo lời của nó chứ làm sao có tư tưởng tự do, có lớp người tự do. Cho nên khi nào một đất nước hình thành được một tầng lớp trí thức thực sự, nghĩa là những con người sống độc lập với kẻ cầm quyền về mọi lãnh vực, từ kinh tế đến suy nghĩ, thì lúc đó hạt mầm dân chủ mới có thể nảy nở được.

Việt Tide: Bà nghĩ gì về những người đang đấu tranh cho dân chủ tại Việt Nam như ông Hoàng Minh Chính, ông Nguyễn Đan Quế, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, Lê Chí Quang, Phương Nam Đỗ Nam Hải. . .? Đó có phải là những người trí thức không?

Dương Thu Hương: Đó là những nhân cách trí thức. Đây là những con người đặc biệt. Vì có nhân cách như vậy nên họ phải chịu tù đầy và bị đẩy ra khỏi xã hội. Họ và gia đình họ chịu đựng tất cả đòn thù của kẻ cầm quyền. Nhưng những nhân vật cá lẻ đó chưa đủ hình thành một tầng lớp trí thức. Phải cần có thời gian để số người có nhân cách như thế nhân lên trở thành một tầng lớp. Lúc đó thì đất nước mới có thể thay đổi được.

Việt Tide: Như vậy thời gian sẽ dài?

Dương Thu Hương: (tặc lưỡi) Có lẽ.

Việt Tide: Lịch sử của dân tộc nào cũng có những đột biến, những ẩn số. Bà có nghĩ là Việt Nam không thoát khỏi tiền lệ đó không?

Dương Thu Hương: Tôi cũng cầu Trời khẩn Phật cho có đột biến. Đột biến hay không là do Trời Phật quyết định, do Chúa quyết định. Cho nên tôi chỉ có thể với tâm thành cầu nguyện mà thôi. Chúng ta là những con người có những giới hạn của sinh tồn, giới hạn của khả năng. Chúng ta không nên tham vọng quá. Mỗi người có gắng làm hết sức mình trong khoảng ngắn của sinh tồn. Thế là đủ rồi.

Việt Tide: Sau bao năm tháng tiêu phí tuổi trẻ trong cuộc chiến tranh mà bà bảo là phi lý nhất trong lịch sử dân tộc mình; để rồi sau đó bị chế độ đầy đọa vì “làm giặc”; bản thân thì không ai dám liên hệ vì sợ bị liên lụy; có bao giờ bà chùn bước và muốn buông xuôi không?

Dương Thu Hương: (cười mỉm) Nếu mà tôi chùn bước, buông xuôi thì tôi đã chùn bước, buông xuôi từ lâu rồi. Thế nhưng mà bây giờ thì tôi sẽ buông vì hiện đang có một lớp khác. Tôi đã nói với Đỗ Nam Hải rằng, tôi già rồi nhá, bây giờ đến lượt các chú cầm cờ. Và lại tôi là người nhà quê, tôi không biết sử dụng các phương tiện văn minh kỹ thuật mobile phone, ordinateur (computer) như các chú; và tôi là người rừng, khi các chú đánh nhau với cộng sản thì tôi ở trong rừng tôi ném ra vài cú đá để hiệp đồng tác chiến; bây giờ tôi già rồi, ngọn cờ thuộc về các chú, và thuộc về cả ông nữa đấy ông Thái ạ!

Việt Tide: Như vậy có nghĩa là bà chuẩn bị nghỉ ngơi?

Dương Thu Hương: (cười thoải mái) Tôi 60 mươi tuổi rồi chứ ít ỏi gì nữa. Người đàn bà 55 tuổi là đã về hưu rồi. Tôi 60 mới được về hưu là hơi muộn đấy, thưa ông.

Việt Tide: Bà có thể kể lại diễn tiến lúc bà bị chế độ bắt giam năm 1991.

Dương Thu Hương: Họ bắt tôi vào tháng Tư năm 1991; và họ thả tôi vào ngày 20 tháng 11 năm đó.

Việt Tide: Lý do chính họ quy chụp bà là gì ạ?

Dương Thu Hương: “Lý do chính thì nó có cả một quá trình dài. Năm 1988, trong một nghị của trí thức Hà Nội, tôi có đọc bài diễn văn với tựa đề là ‘Nhân Cách Trí Thức’. Tại hội nghị đó, ông Nguyễn Văn Linh (Tổng bí thư đảng cộng sản lúc bấy giờ) tỏ ra vô cùng đặc ý với nội dung bài diễn văn của tôi. Ông ta đã ôm hôn tôi thắm thiết và xin bài diễn văn của tôi. Sau đó, vào giờ giải lao, người thư ký của ông ta tìm tôi và chuyển đề nghị của ông Linh tặng tôi một căn nhà tiêu chuẩn dành cho cấp bộ trưởng. Người thư ký này còn đề nghị tôi tạm im lặng để cho đảng tự cải sửa. Tôi trả lời rằng, tất cả những việc tôi làm là vì dân tộc chứ không phải vì bản thân tôi; và tôi không giàu có nhưng cũng có một căn nhà đủ để ở. Tôi còn nói với ông thư ký của ông Linh rằng, hiện giờ đang có hai vạn giáo viên tiểu học ở Hà Nội không có nhà để ở, cho nên nếu nhà nước có ý định thì nên phân phối nhà cho hai vạn người đó.

“Một lần khác, nhà thơ Giang Nam lúc đó còn sống chuyển lời của ông Nguyễn Văn Linh mời tôi ăn cơm với vợ chồng ông Linh và cô con gái của ông Linh. Giang Nam còn bảo là ông Linh nói rằng, dù sao chẳng nữa thì tôi cũng là người mà nhà nước này yêu mến vì tôi là người tình nguyện chống Mỹ và chống Tàu, và đó là điều chứng minh tôi là người hết sức hy sinh để bảo vệ tổ quốc. Tôi trả lời thẳng thừng rằng, tôi đã đấu tranh cho tự do dân chủ, tôi chỉ ngồi trên cỏ thôi, nên tôi không chơi với vua quan. Tôi nghĩ rằng những lời phát biểu đó của tôi khiến cho ông Linh phật lòng. Về phương diện cá nhân thì hẳn là ông ấy phải phật lòng, và sau đó thì ông ấy bị sức ép của cánh bảo thủ, nên ông ấy quay ngoắt lại và ông ta đánh vào các nhà văn mà ông ấy từng khuyến

khích họ đừng uốn cong ngòi bút. Với cá nhân tôi thì ông ta mắng tôi là “con đĩ chống đảng”. Lúc đó tôi nói với một ông trong ban tổ chức đảng rằng, nếu tôi là đĩ thì may cho cái đảng này; nhưng vì tôi không đánh đĩ được cho nên tất cả mọi năng lực của tôi đều dồn vào việc ã vào mặt đảng. Họ đã chửi tôi như vậy thì từ giờ trở đi mọi sự đều rõ ràng, không còn con đường thứ ba nữa. Nghĩa là tôi dẫn thân đến cùng trong mục tiêu đấu tranh cho dân chủ.

“Sau đó tôi viết một loạt bài chỉ trích cái Xã hội Chủ nghĩa này là xã hội nhà thổ và là cái bảng treo đầu dê bán thịt chó; chứ thực chất của nó là sự cướp bóc của một đội ngũ cầm quyền, cướp bóc tài sản của quốc gia, tài sản của dân chúng và tàn phá tài nguyên đất đai của tổ quốc. Tất cả những sự cướp bóc và tàn phá đó là những cái giá mà thế hệ sau phải trả.

“Vì lý do đó, trong một quá trình 2 năm, sự thù oán liên tục chỉ tăng lên giữa tôi và chế độ. Và tháng Tư năm 1991 thì họ bắt tôi”.

Việt Tide: Một ngày trong tù của Dương Thu Hương như thế nào ạ, thưa bà?

Dương Thu Hương: Một ngày trong tù thì phải trả lời hỏi cung của công an. Ba thằng chọi một không chột cũng què. Tất nhiên là họ không đánh đập được tôi. Nói một cách công bằng thì tôi chửi họ nhiều hơn là họ chửi tôi. Vì như thế nên thần kinh rất căng thẳng. Cho nên lúc vào tù thì tôi 53 cân và lúc ra khỏi tù tôi chỉ còn 37 cân và tóc tôi bạc rất nhiều. Thế nhưng tôi vẫn là người nhà quê mà, nhà quê chân đất mắt toét cho nên tôi tin vào những phương cách của bọn nhà quê, tôi tin vào thuốc của lang băm, tôi uống thuốc Ta, tôi tập dưỡng sinh, tôi tập thở nửa tiếng mỗi ngày, trừ những ngày căng thẳng tinh thần quá thì tôi mới không tập thở. Nhờ vậy mà tôi có thể tiếp tục sống đến ngày nay để giúp con cháu tôi một phần nào đó; một phần rất ít ỏi và đồng thời làm những việc tôi muốn.

Việt Tide: Chế độ ăn uống trong thời gian bà bị giam cầm ra sao?

Dương Thu Hương: Thời của tôi bị giam khác với thời sau này người ta nịnh nót tù nhân. Bây giờ bị bắt, tù chính trị được nằm giường đệm, có TV, có phòng vệ sinh đằng hoàng và ăn một ngày 50 nghìn đồng. Còn thời tôi bị tù thì họ giam tôi trong một cái góc, nơi từng giam ông Chu Văn Tấn (Thượng tướng của quân đội cộng sản), một ngày ăn 3 nghìn, vệ sinh là một nhà xí cổ lỗ xỉ cao hơn một thước mà lại không có cửa nên buộc tôi phải đi tiêu đi tiểu vào một cái xô để dưới gầm giường. Nước bị hạn chế nên tôi bị ghẻ. Đó là lần đầu tiên tôi hiểu thế nào là gãi ghẻ (cười); tức là máu càng chảy ra thì càng cảm thấy khoái trá (cười).

“Thế nhưng mà chính các cậu lính gác trẻ thì họ lại dấu diêm ném thuốc bôi ghẻ cho tôi. Lúc nào cũng có một đội gác canh chừng tôi. Nhưng tôi phải thú nhận là trừ một cậu tên là cậu Liên là cháu của Dương Thông (tướng công an của chế độ), còn tất cả các cậu khác đều rất tử tế với tôi. Các cậu ấy tử tế một cách dấu diêm. Họ cho tôi thuốc ghẻ và quà một cách lén lút. Tôi phải nói một cách công bằng rằng, những người đó bị phân công nhiệm vụ giam giữ tôi nhưng họ rất tử tế với tôi, và sau này, khi tôi ra khỏi tù, họ vẫn gặp tôi – tất nhiên là lén lút. Tôi cũng thẳng với các cậu ấy rằng, chị không thù ghét gì các em cả; các em là những đứa trẻ, các em sống trong một chế độ, các em phải theo chế độ đó thôi.

“Tôi cho rằng giữa con người với con người, một khi thù hằn rơi xuống thì người ta sẽ

đối với nhau một cách chân tình”.

Việt Tide: Thái độ tử tế của những người công an trông coi trại giam mà bà vừa nói, phải chăng đó là sự biểu lộ kín đáo sự đồng tình, thán phục và chia sẻ lý tưởng dân chủ tự do mà bà đeo đuổi?

Dương Thu Hương: Có thể. Bởi vì trong suốt thời gian bị giam, tôi hoàn toàn không biết tý gì về tin tức bên ngoài; chính các cậu công an đó cho tôi biết phu nhân Tổng thống Daniel Mitterand sang Việt Nam. Và chính các cậu ấy đưa tờ báo lót trơn cái nồi cơm đưa vào phòng giam cho tôi. Tờ báo đó đăng tin cuộc đảo chính ở Liên Xô đã thất bại. Ông Thái nên nhớ là khi đảo chính xảy ra, thái độ của những người hỏi cung tôi hoàn toàn khác. Trước đó, họ nói thẳng thừng và độc ác rằng, tôi sẽ bị nghiền nát như tương ớt. Tức là lúc đó họ tin là chế độ cộng sản Liên Xô sẽ được tái lập. Thế nhưng chỉ ba ngày sau thôi, cuộc đảo chính muốn lập lại chế độ cộng sản bị thất bại. Chính sự kiện đó làm thay đổi hoàn toàn thái độ của những người hỏi cung tôi. Tôi nghĩ rằng, nhờ biến cố bên Nga và với sự can thiệp của bà Daniel Mitterand nên tôi mới được thả khỏi tù.

“Tôi còn nhớ, khi cuộc đảo chính bên Nga thất bại, thái độ của nhóm hỏi cung tôi hoàn toàn thay đổi; mặt của họ hoàn toàn tái nhợt hẳn đi. Lúc đó tôi cười khẩy vào mặt họ. Tôi bảo, chính phủ của các ông luôn luôn ngu dốt, chưa bao giờ rút được bài học của những sự ngu dốt; ngu dốt muôn thủa, cho nên chưa chi đã vội vàng đăng rùm beng tiểu sử của những thằng đảo chính. Bây giờ đảo chính thất bại thì ăn nói làm sao với chính phủ nhà người ta. Tóm lại, các ông là cái bọn ngu dốt mãi kiếp. Nghe tôi nói thế, cả ba người hỏi cung tôi im thin thít không trả lời gì hết. Rõ ràng cuộc đảo chính thất bại khiến họ nhụt chí hoàn toàn và vô cùng hoang mang. Đó là điều tôi thấy rất rõ trong nhà giam”.

Việt Tide: Bà có được gia đình thăm và tiếp tế thức ăn thuốc men không?

Dương Thu Hương: Trong 4 tháng đầu tiên thì họ cấm nhưng đến tháng thứ 5 thì họ cho tôi gặp gia đình tôi ở một nơi cách giam giữ tôi độ 10 cây số. Mỗi lần như thế họ chở tôi đi bằng xe Jeep bọc kín và có công an ngồi hai bên. Tôi biết nơi đó là trụ sở chính của trại giam Thanh Liệt. Còn họ giam tôi ở một nơi cách đó 10 cây số.

Việt Tide: Bà có được đọc sách báo trong trại giam không?

Dương Thu Hương: Không. Khi bắt tôi, họ nói rằng, tôi được quyền đem theo một trong hai cuốn, hoặc là sách dạy thuốc, hoặc cuốn từ điển; vì trong tù không có bất cứ loại sách báo nào. Vì tôi không có ý đồ làm thầy thuốc và lúc đó trong nhà có cuốn từ điển Pháp-Việt, nên tôi đem nó vào tù để tự học tiếng Pháp. Trong gia đình tôi thì mẹ tôi nói được tiếng Pháp, còn bố tôi từng làm việc dưới một tàu buôn của Pháp trước thời chiến tranh. Học tiếng Pháp trong tù, tất nhiên là sau những giờ bị hỏi cung và những giờ bắt muỗi, gãi ghè.

Việt Tide: Sau khi ra khỏi tù, nghề tay trái của bà là dịch sách tiếng Pháp ra Việt ngữ?

Dương Thu Hương: Vâng. Tôi dịch sách báo như một thứ công nhân cạo râu hoặc như người làm gỗ làm gạch. Tiền thu nhập rất còm con nhưng dù sao cũng thêm thắt vào cuộc sống hàng ngày. Nhờ dịch sách nên tôi có cơ hội rèn luyện tiếng Pháp, vì tôi tự học tiếng Pháp vào tuổi 50 nên khó khăn vô cùng.

Việt Tide: Bà là người có nhan sắc, có trí tuệ và rất hóm hỉnh...

Dương Thu Hương: ...(cười) À thế à!

Việt Tide: ...và từng tan vỡ gia đình; hiện sống một mình tại Hà Nội, bà có tránh khỏi bị cảm dỗ không?

Dương Thu Hương: (thở dài, cười) Nói ra điều này thì nghe rất kỳ cục. Làm gì có điều gì cảm dỗ đối với tôi. Chẳng có gì cảm dỗ đối với tôi cả. Cảm dỗ lớn nhất đối với tôi là những tư tưởng mà tôi thường suy nghĩ. Tôi thích nhất là ngồi uống cà phê một mình và trước mặt không có ai cả.

Việt Tide: Chấn hấn phải có nhiều người muốn đến với bà?

Dương Thu Hương: Cũng có thể họ thật và cũng có thể họ giả vờ. (Tắc lưỡi) Cho là họ thất lòng thì tôi cũng không muốn. Vì tôi là người làm giặc; và trong những người làm giặc ở Việt Nam thì tôi là người khắc khổ nhiều nhất vào mặt bọn cầm quyền. Nghĩa là tôi là người hoàn toàn tự do; tự do vô chính phủ (cười). Và tôi khá kiêu ngạo về cái tính vô chính phủ của mình. Do đó mà những người đàn ông muốn đến với tôi thì họ không có cơ hội tiếp xúc với tôi, vì tôi thấy họ với tôi không tương hợp. Và đã không tương hợp thì tốt nhất là mời họ ra khỏi cửa trước khi họ bước vào.

Việt Tide: Thế còn những thúc bách về phương diện con người, ý tôi muốn nói về cơ thể?

Dương Thu Hương: Ông quên rằng khi bước vào cuộc chiến đấu này, tôi đã biết ba thứ cảm dỗ nhất đối với con người là tiền nong, địa vị và bản thể. Bản thể đây là đời sống bình thường đàn ông đàn bà. Để chiến đấu với kẻ thù thì tôi phải hiểu rõ nó. Bản thân những người cộng sản muốn tranh chức bí thư chi bộ, bí thư tỉnh ủy, ủy viên trung ương đảng, họ đã dùng con mồi gái để tiêu diệt lẫn nhau, thì hướng hò gì đối với một kẻ mà họ xem là kẻ thù như tôi. Cho nên cách tốt nhất là tôi phải tự thiên tôi trước để không bao giờ có chuyện gì xảy ra. Đã chiến đấu với kẻ thù thì phải có sách lược và phải có vũ khí. Nếu tôi chết thì chúng nó cũng phải chết năm bảy tháng chứ không bao giờ tôi chết một mình. Chắc chắn là như vậy. Ông nói đến sự cảm dỗ đối với người đàn bà, tôi vẫn còn ham thích may sắm để cho đỡ buồn chứ tôi không có nhu cầu tìm kiếm người bạn đời, hình bóng chàng trai hay đấng mày râu nào cả.

Việt Tide: Sống ở ngay Hà Nội mà hầu như không giao du với ai cả, bà có cảm thấy cô độc không?

Dương Thu Hương: Tôi rất thích hợp với nỗi cô độc của mình. Tôi không cần nói chuyện với người nào tôi không thích và không trọng. Tôi chỉ làm việc với những người làm việc xuất bản sách báo liên quan trực tiếp đến tôi thôi. Ngoài ra tôi thích sống một mình. Có lẽ đó là số phận.

Việt Tide: Nhìn lại những năm tháng qua, về mặt tình cảm, bà đánh giá như thế nào?

Dương Thu Hương: Tình cảm nào?

Việt Tide: Tình cảm đôi lứa, gia đình?

Dương Thu Hương: (Cười) Tôi là người hoàn toàn thất bại và bất hạnh trong cuộc sống đôi lứa. Nhưng tôi cũng tự cảm thấy hạnh phúc vì tôi đã tự tiêu diệt tuổi thanh xuân để nuôi con tôi trưởng thành. Con cái tôi không phải bưng chải ngoài đường. Trong khi bố nó có thể đi kiếm vài ba người vợ khác. Tôi không cần một xu của ông ta để nuôi con, dù tôi làm giặc và chịu nhiều hậu quả. Đây là điều hạnh phúc. Nếu không tôi sẽ bị lương tâm cắn rứt. Tôi còn một hạnh phúc nữa là tôi đã trả được tất cả những món nợ cho những người bạn tôi đã chết trong chiến tranh. Ít nhất là bằng tác phẩm và những bài viết để vạch trần tội ác của một cuộc chiến tranh phi lý. Tôi cảm thấy hạnh phúc trong sự bất hạnh của mình. Tôi nghĩ rằng số phận đã chọn tôi để trở thành một con người như vậy.

Việt Tide: Tôi nhớ không lầm thì bà có đọc một bài diễn văn tại Đại hội Nhà văn vào năm 1989; bà có thể cho biết tóm lược nội dung bà nói những gì ạ?

Dương Thu Hương: Trong bài diễn văn tôi đọc ở Đại hội Nhà văn năm 89, tôi nói rằng đảng cộng sản phải biết ơn nhân dân. Bởi vì xưa nay họ chỉ nói nhân dân phải biết ơn đảng thôi. Trong bài diễn văn đó, tôi phân tích rằng, cả một dân tộc đã đổ xương máu ra để kháng chiến chống Pháp và những gì dân tộc đạt được là do truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc nhưng đảng cộng sản đã cướp tất cả công đó và nhận vợ là công của đảng. Họ còn dậy dỗ quần chúng là phải biết ơn đảng. Hành động đó vừa đều cáng vừa vô ơn bạc nghĩa và tự cao tự đại. Những kẻ như thế không xứng đáng để lãnh đạo dân tộc. Bây giờ tôi không thể nhớ hết toàn bộ bài diễn văn, nhưng những ý chính là như thế. Những nội dung đó cũng được tôi khai triển trong những bài viết được phát tán nửa công khai nửa bí mật. Nhưng khi tôi phát biểu công khai trước Đại hội Nhà văn nên họ mới rắp tâm bức hại tôi.

Việt Tide: Trong giai đoạn gọi là “cởi trói văn nghệ sĩ” năm 1986, rồi vài năm sau thì chế độ “trói lại”, dân chúng tại Việt Nam có câu chuyện vui rằng, văn nghệ sĩ có phải là con lợn đầu mà người ta muốn trói thì trói, muốn cởi thì cởi. Theo nhận xét của bà, có thật văn nghệ sĩ khiếp nhược đến thế không ạ?

Dương Thu Hương: Theo tôi thì vì hoàn cảnh lịch sử, dân tộc Việt Nam bị nô lệ quá lâu. Toàn bộ sức sống của dân tộc dồn vào chống bọn phong kiến Trung Quốc trong một ngàn năm; chống Pháp hơn 100 năm; rồi sau đó chống Nhật. Nhưng sau khi chống tất cả những kẻ ngoại xâm ấy thì dân tộc lại rơi vào vòng nô lệ của chính kẻ cầm quyền cộng sản. Người Việt Nam chưa bao giờ có ý thức tự do, ý thức công dân. Người Việt Nam là những người lính rất dũng cảm trong chiến tranh nhưng khi Khải Hoàn Môn đã dựng lên rồi thì họ trở lại kiếp nô lệ và lần này làm nô lệ cho chính những kẻ da vàng mũi tẹt như họ.

Việt Tide: Nếu nói như bà thì tương lai Việt Nam không mấy sáng sủa; và vì nếu quá tình truyền thống của người Việt Nam như nhận định của bà thì lấy gì để tin là dân tộc mình sẽ có ngày quật khởi để thoát khỏi tình trạng hiện nay?

Dương Thu Hương: Chúng ta vẫn có thể tin tưởng được chứ. Vì con người không phải là con lợn. Nếu là con lợn cứ bị trói đi trói lại thì phải biết tự phấn đấu để làm người trong tương lai. Và đó là lý do khiến những người như chúng tôi dấn thân đấu tranh cho sự sinh tồn của dân tộc, tiến bộ của dân tộc và một nền dân chủ tương lai. Chúng tôi tin tưởng là trong tương lai chúng ta sẽ tự cởi trói để sống một cuộc đời xứng đáng như người dân ở các nước văn minh trên thế giới.

Việt Tide: Những năm gần đây, số người thoát khỏi sự sợ hãi ngày càng nhiều. Bằng

chúng là những vụ nổi dậy tại Thái Bình, Uy Nỗ năm 1998; gần đây là những cuộc biểu tình của đồng bào ở vùng Cao nguyên; và mới đây nhất là vài chục ngàn công nhân đình công ở Sài Gòn và Bình Dương chống lại chính sách lương bổng bất công. Những sự kiện đó cho thấy không hẳn dân tộc mình có căn tính khiếp sợ như bà nói. Bà nghĩ sao ạ?

Dương Thu Hương: Căn tính đó có rất lâu rồi chứ không phải không có; và chúng ta phải nhìn nhận đó là một sự thật đau lòng. Phải nhìn vào sự thật thì chúng ta mới có thể bước qua vực thẳm. Tôi muốn nói rằng, muốn giải quyết tận gốc rễ nỗi đau khổ thì phải một lần nhìn thẳng vào nỗi đau khổ. Những sự kiện mà ông vừa nêu lên cho thấy guồng máy của nền dân chủ đã bắt đầu quay; vì trong hai ba thập kỷ vừa qua, người Việt Nam đã được mở rộng tầm mắt nhìn những dân tộc văn minh trên thế giới họ sống ra sao; người Việt đã có thời gian so sánh để thấy rõ thân phận khổ đau của mình; chúng ta đã đủ thời gian để hiểu rằng đáng lẽ chúng ta phải được sống một cuộc đời xứng đáng. Tôi tin rằng bánh xe dân chủ đã chuyển động; và đó là điều mà những người đấu tranh dân chủ như chúng tôi mong muốn.

Việt Tide: Tệ nạn tham nhũng hiện đang lan tràn tại Việt Nam. Bà nghĩ sao về quốc nạn này?

Dương Thu Hương: “Tôi nghĩ rằng, tham nhũng là tệ nạn của tất cả các chính quyền chứ không chỉ có tại Việt Nam. Nhưng đặc biệt tại các quốc gia chậm phát triển với trình độ thấp kém của dân trí, thì kẻ cầm quyền dễ dàng lợi dụng sự khiếp sợ và thiếu hiểu biết của dân chúng để trục lợi một cách khủng khiếp xương máu của người dân. Tại những xứ sở mà người dân thiếu hiểu biết về quyền lợi công dân của mình, thiếu sáng suốt, và nhất là chế độ cầm quyền là chế độ không dân chủ, thì tệ những lạm trở nên khủng khiếp vô cùng. Đó là những gì đang xảy ra tại Việt Nam. Chúng ta chỉ biết về những vụ tham nhũng ở Việt Nam khi những bè nhóm trong đảng cộng sản ăn chia không đều nên mới xì tin ra ngoài. Họ xì ra để nhằm giảm bớt cầm phần của quần chúng và đó chỉ là trò của các tuồng Quảng Lạc, của các sân khấu cải lương mà thôi. Vấn đề tham nhũng tại đất nước chúng ta là hậu quả của chế độ độc tài, độc quyền, trong khi xã hội không có một cơ chế đối trọng nào để kiềm chế guồng máy cầm quyền. Cho nên phải đấu tranh để có một cơ chế bầu cử tự do với tối thiểu là hai đảng, để đảng này giám sát việc làm của đảng kia; đảng nọ phanh phui những hành động khuất tất, đêú cáng, khốn nạn của đảng kia; như thế thì mới giảm bớt được tình trạng những lạm. Vì những lạm là kẻ đồng hành với những kẻ cầm quyền lực trong tay. Quyền lực là cái thối tha; rất ít người có đầy đủ lương tri và sáng suốt để giữ mình trước cám dỗ của quyền lực. Nghề chính trị giống như nghề cổ xưa nhất của nhân loại. Nói thẳng ra, đó là nghề của nhà chứa. Nghề đó hiếm có người tránh khỏi sự dối trá, sự đêú cáng, sự lừa lọc, sự phản bội lẫn nhau. Vì nghề đó nó cho phép như vậy và hình như nó đòi hỏi như vậy. Trong chính trị, người ta cũng hành xử như vậy để bảo vệ quyền lực; vì quyền lực là giấc mơ kinh khủng nhất đối với con người. Quyền lực có sức cám dỗ hơn cả nhan sắc và tiền tài. Vì có quyền lực thì sẽ có được nhan sắc và tiền tài. Quyền lực rất dễ tước đi của con người cái giá trị rất mong manh là đạo đức.

“Tôi vẫn nghĩ là cần thiết phải có một chế độ đa đảng để hạn chế tối đa sự tòi tệ của con người khi họ nắm quyền lực trong tay. Trong chế độ độc đảng độc tài, tất cả tội ác diễn ra trong bóng tối. Vì thế tội ác tha hồ tung hoành mà người dân không hề hay biết gì cả. Tham nhũng hiện nay sẽ là một gánh nặng vô cùng lớn lao cho các thế hệ mai sau của Việt Nam. Con cháu-chất-chít của chúng ta sẽ phải gánh chịu những hậu quả tòi tệ hiện nay.

“Tôi luôn nghĩ rằng, không có thể chế chính trị nào có khả năng tận diệt tệ nạn tham nhũng. Nhưng thể chế dân chủ có khả năng ngăn chặn và làm giảm đi tệ nạn này.

Việt Tide: Bà nói rằng đi vào con đường chính trị thì người ta dễ sa đà vào những hành vi ma mãnh; nhưng các thể chế dân chủ lành mạnh vẫn có khả năng kềm hãm những kẻ hoạt đầu chứ ạ?

Dương Thu Hương: Tất nhiên tôi tin như thế. Và vì tin như thế nên những người ở trong nước mới đấu tranh cho tự do dân chủ. Nếu không tin thì bao nhiêu người bị tù đầy, bị đàn áp, bị mất mạng để làm gì cơ chứ? Tất cả những hy sinh đó chỉ nhằm mưu cầu một thể chế chính trị tốt đẹp; trong cơ chế đó, người dân đỡ bị áp bức, bóc lột và tình trạng những lạm bị kèm hãm bớt.

Việt Tide: Tệ nạn tham nhũng tại Việt Nam thì toàn dân đều biết. Nhưng chẳng lẽ cứ nhần nhục mãi và nhắm mắt để cho các chức quyền của đảng ăn hưởng trên đầu mình như thế sao?

Dương Thu Hương: Ông phải nêu câu hỏi đó với đồng bào mình chứ. Phần tôi, trong đời sống hữu hạn của tôi, tôi chỉ biết làm hết sức mình để chiến đấu chống lại sự hèn nhát và sự sợ hãi. Tất nhiên cũng có lúc tôi nản lòng nhưng cho đến tận bây giờ, tôi vẫn nghĩ rằng điều gì làm được, tôi đã làm. Còn ngày nào dân tộc mình có bừng tỉnh hay không thì bản thân từng người phải quyết định. Tôi nghĩ rằng Trời thương-Phật độ thì sẽ có ngày đồng bào mình hiểu rằng chúng ta cần phải có được cuộc sống xứng đáng của con người.

Việt Tide: Một số người, trong đó có cả những người từng giữ vai trò lãnh đạo của nền dân chủ chấp chính ở miền Nam trước năm 1975, cho rằng, với một đất nước và dân tộc như Việt Nam thì nhu cầu dân chủ chưa cấp thiết lắm và có lẽ cần một đảng cầm quyền cứng rắn, nếu không muốn nói là độc tài thì mới trị dân được. Bà nghĩ sao về cách suy nghĩ đó ạ?

Dương Thu Hương: Lối suy nghĩ đó hão huyền. Tất cả lối suy nghĩ đó chỉ nhằm hợp lý hóa những cuộc tàn sát cuối cùng của lũ sói đối với bầy cừu.

Việt Tide: Chúng tôi có nghe nói nhiều về một hình thức sinh hoạt của giới cầm bút dưới chế độ Xã hội Chủ nghĩa, là “Trại sáng tác”. Bà có thể kể cho nghe một sinh hoạt tiêu biểu của trại sáng tác mà bà từng tham dự.

Dương Thu Hương: Từ mấy chục năm nay, các nhà văn Việt Nam trong chế độ Xã hội Chủ nghĩa đều là các viên chức trá hình. Họ ăn lương của nhà nước và còn được hưởng thêm các khoản trợ cấp sáng tác. Lâu lâu, Hội Nhà Văn hoặc Hội Điện Ảnh, Hội Sân Khấu nhận một khoản trợ cấp của nhà nước để tổ chức những trại sáng tác để các nhà văn tham dự hầu có thể hoàn tất những tác phẩm dở dang của họ. Tham dự trại sáng tác, các nhà văn được ăn ngon hơn một chút, đỡ được cái sự mè nheo cầu xé của vợ con, đồng thời có dịp tương đối thoải mái gặp gỡ nhau để bàn chuyện nọ chuyện kia; ngoài ra cũng còn chút thì giờ để các anh chị đú đờn. Cho nên có rất nhiều cặp yêu đương nhau tại các trại sáng tác đó; hậu quả là về nhà bỏ vợ bỏ chồng. Đại loại sinh hoạt của các trại đó là như thế. Đây là sinh hoạt Xã hội Chủ nghĩa kiểu trại lính. Tỉnh thoảng người ta vỗ béo các văn nghệ sĩ; giúp văn nghệ sĩ hoàn thành tác phẩm và cũng là hoạt động tuyên truyền của chế độ. Hình thức sinh hoạt đó không có trong các nước tự do.

Việt Tide: Về phương diện sáng tác thì hình thức sinh hoạt đó có đạt kết quả tích cực không, thưa bà?

Dương Thu Hương: Đương nhiên là tích cực hơn chứ. Ông phải hiểu rằng, chúng tôi là những người sống trong một xã hội kiểu trại lính, cuộc sống vật chất và tinh thần rất là ngẹt thở. Cho nên, trong những dịp đi dự trại sáng tác thường được tổ chức ở vùng núi, vùng biển hoặc ở ngoại ô, ít nhất, các nhà văn được ăn ngon hơn, được thư giãn hơn, có được một không gian rộng lớn hơn những căn phòng tối tăm của họ. Các nhà văn tham dự trại sinh hoạt cảm thấy tạm xa lánh được những lo toan cấu xé của cuộc sống hàng ngày. Do đó có nhiều tác phẩm dang dở đã được hoàn tất trong trại sáng tác.

Việt Tide: Trong những tác giả ở Việt Nam, chúng tôi có đọc một số tác phẩm của nhà văn Nguyễn Minh Châu; bà có quen biết với nhà văn quân đội này không, và nếu có, bà có thể kể cho nghe về ông Nguyễn Minh Châu.

Dương Thu Hương: “Anh Châu là một trong những người bạn vong niên của tôi. Anh Châu sinh năm 1930, anh hơn tôi nhiều tuổi. Chúng tôi có lần cùng dự một trại sáng tác ở Đại Lải, thuộc địa phận tỉnh Vĩnh Yên cũ và cách Hà Nội khoảng 40 cây số. Trại sáng tác đó do nhà xuất bản Kim Đồng tổ chức. Tôi không còn nhớ rõ trại ấy được tổ chức năm nào, mà chỉ nhớ khoảng thời gian đó, tôi đã in cuốn Hành Trình Thời Thơ Ấu là cuốn tiểu thuyết cho trẻ em và bán rất chạy.

“Trong trại sáng tác đó, anh Châu và tôi có điều kiện trò chuyện nhiều với nhau, và do đó, tôi hiểu tâm tình của lớp đàn anh của tôi. Anh Châu cùng với các anh như Nguyễn Ngọc, Nguyễn Khải, v.v... thuộc lớp đàn anh của tôi.

“Cuộc gặp gỡ giữa anh Châu và tôi đã tác động tôi rất nhiều; làm cho tôi chín chắn hơn khi tôi quyết định đi theo con đường làm giặc của mình.

“Anh Châu thường nói với tôi rằng, thế hệ của anh là thế hệ nhà văn bị khinh bỉ, bị đàn áp; đảng nó không coi mình ra cái gì cả, anh nói như thế. Anh còn tâm sự rằng, vì đã chót đi một quãng đường dài và không có cách nào thoát ra được, nên đành cam chịu. Tôi có nói với anh Nguyễn Minh Châu rằng, hơi phí lý, vì tại sao các anh phải cam chịu bọn lãnh đạo. Tôi nói rằng, đời tôi chỉ cam chịu một người là ông Dương Đình Châu mà thôi, vì ông là bố tôi, là người cho tôi cuộc sống; ngoài ra tôi chẳng cam chịu ai cả. Khi bố tôi bắt tôi làm những việc vô lý, tôi vẫn làm; vì tôi yêu bố tôi và tôi phải chấp nhận; vì ông đẻ ra tôi. Chứ còn cam chịu những thằng lãnh đạo thì rất là vô lý. Nghe tôi nói thế, anh Châu bảo, ‘cô không phải là người của xã hội này, cô không thể sống với xã hội này được; hoặc là cô sẽ bị người ta nghiền nát; hoặc cô sẽ đến được với tự do’.

“Khi chúng tôi ngồi bên bờ hồ Đại Lải, anh Châu giơ tay chỉ cái đảo có đông chim di trú thường sống ở đó, anh Bảo, ‘hoặc là cô chết hoặc là cô sẽ đến được cái đảo đó, còn chúng tôi thì không bao giờ đến được nơi đó, vì chúng tôi đã già rồi và chúng tôi đành cam chịu những gì mà người ta cư xử với chúng tôi’. Tôi hỏi anh Châu rằng, trong kiếp sống phải cam chịu như thế, các anh có suy nghĩ gì không? Anh Châu trả lời rằng, cuốn sách của anh in lần thứ 7 là cuốn Dấu Chân Người Lính là cuốn bán rất chạy và được rất nhiều giải thưởng lớn; và anh cho biết, sau ngày 30 tháng Tư năm 1975, anh có đi Quảng Trị và một số nơi khác, và khi hiểu được sự thật về sự tàn khốc của chiến tranh, thì anh ấy vô cùng hối hận. Anh bảo, ‘tôi nghĩ rằng tôi đã xui con người ta đi vào chỗ chết’. Tôi chắc rằng anh Châu đã hiểu những cái chết đó không như chúng tôi làm

tưởng là những cái chết vinh quang, mà thực chất là những hy sinh cho một cuộc chiến tranh mù quáng, cuộc chiến tranh mang tính cách định mệnh của một dân tộc nhỏ bé bị hai thế lực xui khiến; và nỗi chua chát ấy khiến anh Châu cảm thấy rất ân hận vì xui con người ta vào chỗ chết.

“Hôm ấy, khi quay về chỗ nghỉ, tôi hỏi anh Châu mối quan hệ giữa anh và đảng cộng sản như thế nào? Anh Châu trả lời rằng, hãy về đọc lại truyện ngắn Chiếc Thuyền Ngoài Khơi thì sẽ hiểu anh. Lúc ấy, anh Châu có trong tay cuốn truyện đó và anh cho tôi mượn.

“Tôi hôm đó, tôi đọc một mạch hết cuốn Chiếc Thuyền Ngoài Khơi và thấy nội dung cuốn sách đầy tính cách biểu tượng. Truyện nói về một cặp gia đình dân chài; người chồng ngày nào cũng uống rượu và đánh vợ. Hành vi bạo lực này lặp đi lặp lại như một thứ nghi lễ của đời sống thường nhật của hai vợ chồng dân chài. Câu chuyện gợi cho tôi một câu chuyện tôi đã đọc lâu lắm rồi của tác giả người Nga Maxim Gorki. Truyện nói về một người thợ giày ngày nào cũng đánh vợ thâm tím mặt mày nhưng buổi tối lại khóc lóc lạy lục xin lỗi để rồi sau đó lại ăn nằm với vợ. Nhưng ngày hôm sau lại thương cảm chân hạ cẳng tay với vợ. Maxim Gorki cho nhân vật đóng vai chồng phát biểu rằng, ‘tôi biết hành động đánh vợ như thế là rất khốn nạn nhưng tôi không thể chữa được, vì cuộc sống của tôi quá buồn thảm, và tôi không thể bóp cổ hoặc đánh nhau khách hàng được vì làm như thế sẽ mất miếng ăn; tôi cũng không thể đánh cảnh sát được vì sẽ bị ngồi tù; tôi cũng không thể đánh nhau với hàng xóm bởi vì tôi sẽ bị họ đánh cho ốm đòn; cho nên cuối cùng tôi chỉ còn biết đánh vợ, vì đó là cách duy nhất để giải tỏa tâm lý’.

“Trong truyện Chiếc Thuyền Ngoài Khơi, người vợ tâm sự rằng, ‘tôi biết chồng tôi là thằng độc ác, đều cáng; nhưng vì cuộc sống lên đênh nay đây mai đó trên biển rất cần người đàn ông chèo lái con thuyền, cần người tung lưới, cần người đánh cá, cần người kiếm đồng tiền, cho nên tôi đành phải cam chịu hành động tàn bạo của chồng’. Khi người con lớn của hai vợ chồng trưởng thành, chứng kiến cảnh bố đánh mẹ, thằng con muốn dùng cái chèo đánh bố, thì chính bà mẹ ngăn cấm cậu con và khuyên con phải chấp nhận cuộc sống hiện tại.

“Gặp anh Châu, tôi cười rĩ và hỏi anh rằng, hình như trong truyện Chiếc Thuyền Ngoài Khơi, người chồng là đảng cộng sản, còn người vợ là dân tộc Việt Nam, có đúng thế không? Anh Châu bảo, ‘đúng đấy. Dân tộc đã theo đảng trong cuộc chiến tranh chống Pháp và vì đó là cuộc chiến giải phóng dân tộc nên sau đó dân tộc phải chịu để đảng ức hiếp, đánh đập và chà đạp mà không dám bật mình lên; bởi vì ân nghĩa của cuộc kháng chiến cũng tựa như cuộc sống bí bức lên đênh trên biển cả nên dù bị chồng đánh đập dã man, người vợ cũng phải cắn răng chịu’. Tóm lại, đó là mối quan hệ hoàn toàn không bình thường”.

Việt Tide: Khi ông Nguyễn Minh Châu cho rằng dân tộc Việt Nam theo đảng cộng sản trong cuộc kháng chiến chống Pháp, phải chăng vì nhà văn này đứng ở vị thế của một đảng viên nên nghĩ như thế; chứ thực tế lịch sử cho thấy, cuộc kháng chiến là của toàn dân và cộng sản đã cướp công để rồi áp đặt một chế độ độc tài trên giòng sống của dân tộc. Bà nghĩ sao về nhận định này?

Dương Thu Hương: “Tôi hoàn toàn đồng ý với nhận định đó. Chính vì nhận thức như vậy nên tôi mới đọc bài tham luận trong Hội Nhà Văn với nội dung là đảng cộng sản phải biết ơn nhân dân chứ nhân dân không phải biết ơn đảng, như những khẩu hiệu

tuyên truyền của đảng. Chính vì bài tham luận đó mà tôi trở thành kẻ thù số một của chế độ.

“Ông Thái nên nhớ rằng, một nhà văn như ông Nguyễn Minh Châu mà còn nhút nhát, sợ hãi đến thế thì rõ ràng là dân tộc mình đang bị đảng cộng sản hãm hiếp. Người ta nói ‘dân tộc nào thì chính phủ đó’. Nếu dân tộc mình khá hơn, tinh táo hơn, sáng suốt hơn, dám phản nộ thì chế độ cộng sản không thể tồn tại được đến ngày nay”.

Việt Tide: Không chỉ những người như ông Nguyễn Minh Châu, mà ngay cả Nguyễn Tuân, một trong những nhà văn lớn của Việt Nam, mà còn phải thoát lên rừng, sợ dĩ ông sống sót dưới chế độ cộng sản vì ông biết sợ. Chế độ toàn trị, chế độ trại lính nó gây ra nỗi khiếp sợ đến như thế trong lòng người dân, nhưng dù sao ông Nguyễn Minh Châu cuối cùng cũng dám bày tỏ, dù chọn cách biểu tượng như cuốn Chiếc Thuyền Ngoài Bờ. Theo nhận định của bà thì trong hàng ngũ những người cầm bút tại Việt Nam, số người như Nguyễn Minh Châu có nhiều không?

Dương Thu Hương: Tôi phải thú thật là tôi rất ít giao du với những người đồng nghiệp; nhất là vì thân phận làm giặc của mình nên tôi hoàn toàn cách ly với họ, nên tôi không rõ có bao nhiêu người như anh Châu. Riêng trường hợp anh Châu, tôi đoán chắc rằng anh Nguyễn Minh Châu là người tử tế. Anh ấy là người tử tế khi anh thú nhận tất cả sự sợ hãi của anh ấy đối với đảng cộng sản; và anh ấy là người có lương tâm nên mới ân hận vì sự nhầm lẫn của anh đối với đảng. Tôi nghĩ rằng con người ai cũng có nhầm lẫn, nhưng quan trọng là phải biết nhìn ra sự nhầm lẫn của mình và phải nói lên lỗi lầm một cách sòng phẳng. Anh Châu đã nhìn ra lỗi lầm của mình và anh ấy thương những người đã chết. Đó là lòng nhân đạo của một nhà văn đối với đồng bào của mình; và là tiếng nói của lương tâm đối với trách nhiệm của một người cầm bút. Nhưng có một điều anh Châu không làm được, là anh ấy không dám công khai nói với mọi người mà chỉ nói vào tai tôi. Sự hèn nhát đó chấp nhận được, vì hầu như tất cả mọi người phải hèn nhát để tồn tại trong chế độ trại lính như vậy.

Việt Tide: Dường như bà không kèm được xúc động khi nói về những câu chuyện bà trao đổi với nhà văn Nguyễn Minh Châu. Phải chăng hồi ức của chiến tranh vẫn còn ám ảnh bà?

Dương Thu Hương: Tôi chưa đủ già để quên hết mọi việc. Cho đến tận bây giờ, cuộc chiến vẫn ám ảnh tôi. Tôi muốn nói với ông rằng, lúc tôi tình nguyện vào Nam, số học sinh của cả bốn lớp 10 của trường chúng tôi vào chiến trường khoảng 120 người, vậy mà chỉ 2 người may mắn sống sót, là tôi và một người nữa. Tôi thì bị bom làm điếc tai bên phải; người còn lại là cậu Lương thì bị cụt một tay đồng thời trở nên ngớ ngẩn. Tất cả những bạn khác của tôi không ai sống sót. Khi tôi đi tìm mộ của những bạn đã chết, tôi mới biết, trong những trận đánh mà bộ đội miền Bắc thua, thì người ta xóa sạch dấu vết và tên tuổi liệt sĩ không được ghi lại. Họ giải thích rằng dân tộc ta là dân tộc anh hùng phải chiến thắng quân thù, nhưng trận này chưa thắng cho nên không thể kiểm kê các liệt sĩ được. Cho nên hàng trăm người chết dưới đáy hồ, dưới đáy vực mà hoàn toàn không ai tìm được tung tích.

“Nỗi ám ảnh của chiến tranh đè nặng tâm hồn tôi mấy chục năm nay và cho đến tận bây giờ vẫn còn. Khi nhắc lại những câu chuyện của anh Nguyễn Minh Châu, tôi không thể vui được. Vì tôi sinh ra trong một dân tộc như vậy, trong một cuộc chiến như vậy, với những nỗi dả trá trùm lên những đau đớn, mất mát. Tôi mong muốn một dân tộc Việt Nam được sung sướng, hạnh phúc; chứ không phải là một dân tộc cứ bị người ta khích

động lòng anh hùng để rồi hàng chục triệu người bị chết oan khuất. Đối với tôi, vinh quang cá nhân hay vinh quang dân tộc đều hão huyền như nhau.

Việt Tide: Trong thời gian vài tháng qua, nhiều cuộc đình công của công nhân đã bùng nổ ở một số tỉnh miền của giới chủ nhân người ngoại quốc. Bà nhận định như thế nào về phong trào đình công này?

Dương Thu Hương: Tôi nghĩ rằng đó là dấu hiệu tốt của dân tộc. Cái nhà nước này nó luôn luôn nói rằng công nhân bị rẻ tiền nhất, ngu xuẩn nhất. Bởi vì Việt Nam làm gì có đội ngũ công nhân đủ để trở thành một giai cấp nhân lớn nhất và một nửa nhân loại đã phải trả giá cho nó. Cho nên cái đảng cộng sản Việt Nam thực chất cũng

Bây giờ, những công nhân nổi lên như vậy có nghĩa là dân tộc Việt Nam đang phát triển nên công nhân bắt đầu những bài tập để hướng tới một nền dân chủ. Công nhân bây giờ không còn tin đảng cộng sản và họ ý thức bóc lột liên kết chặt chẽ với các nhà đầu tư nước ngoài để làm tiền trên xương máu của công nhân. Tôi nghĩ rằng các cuộc đình công là dấu hiệu đáng mừng. Vì xưa nay đất nước chúng ta là của những người bóc lột, đời khổ quá thì chỉ có thể làm giặc được thôi, chứ họ chưa biết đấu tranh, chưa biết những quyền lợi đáng được đòi hỏi. Người Việt Nam xưa nay mới chỉ tồn tại thôi chứ chưa bao giờ có được cuộc sống xứng đáng. Tôi cho rằng công nhân là chủ; những bài tập đầu tiên của một dân tộc bắt đầu biết đấu tranh cho quyền sống của mình; và thế hệ bây giờ họ.

Việt Tide: Lý do nào các cuộc đình công chỉ giới hạn ở miền Nam mà chưa thấy xảy ra ở miền Bắc, thưa bà? Chính quyền Hà Nội đã từng thú nhận rằng, nếu nhà tù Pháp ngày xưa mà giống nhà tù cộng sản bây giờ thì không một chiến sĩ cách mạng nào có thể sống sót được

Dương Thu Hương: Ngoài Bắc cũng có đấy, nhưng không nhiều lắm. Tôi có thể nêu thí dụ là những vụ tự thiêu ở vườn hoa Mai Xuân Thưởng; những vụ biểu tình ở Quảng Ninh; những vụ biểu tình ở Hưng Yên. Nhưng tôi xin nói với ông là cuộc biểu tình lớn nhất là cuộc biểu tình của nông dân Thái Bình và sau đó, nhà nước Việt Nam đã tiến hành một vụ Thiên An Môn trong bóng tối ở trong các trại giam, bằng cách dùng bàn tay bọn tù hình sự tiêu diệt những cựu chiến binh cầm đầu phong trào chống đối đó. Sự việc này tôi đã từng viết, từng tố cáo không phải một lần mà là nhiều lần.

Sở dĩ phong trào đình công bùng phát ở miền Nam, vì miền Nam có nhiều nhà máy hơn miền Bắc, cho nên lực lượng công nhân ở đó lớn mạnh hơn miền Bắc. Ngoài ra, một yếu tố nữa, là những bài tập về dân chủ thì dân chúng miền Nam đã từng làm ngay dưới thời chính quyền cũ, cho nên họ thành thực hơn, so với dân miền Bắc. Cuộc sống là một sự tập dượt, và người miền Nam đã từng diễn tập sinh hoạt dân chủ, nên bây giờ họ thực hành bài học đó một cách dễ hơn người miền Bắc. Những người miền Bắc, trong lãnh vực diễn tập dân chủ, họ như những người thợ mới tập việc, mới chỉ là phụ trội hồ thôi, chứ chưa bao giờ làm thợ nề. Cần phải có quá trình thì mới từ thợ phụ lên thợ chánh được. Người miền Nam thì đã quen với cơ chế dân chủ; tất cả khái niệm sống dân chủ họ đã mơ hồ hiểu dù chưa thật rõ ràng. Nền dân chủ trong Nam thời trước, dù chập chững, nhưng ít nhất đã tạo cho dân chúng biết khái niệm về dân chủ và những quyền sống của người dân.

Việt Tide: Bà vừa đề cập đến một vụ tàn sát Thiên An Môn tại Việt Nam khi xảy ra các cuộc chống đối của nông dân ở Thái Bình vào khoảng cuối năm 1997. Những tin tức về cuộc nổi dậy đó, đồng bào chúng ta tại hải ngoại có biết đến, nhưng những vụ tiêu diệt trong bóng tối những người cầm đầu cuộc nổi dậy thì ngoài này không rõ lắm. Bà có thể thuật lại được không ạ?

Dương Thu Hương: Cuộc đấu tranh của nông dân Thái Bình chống tham nhũng, chống

quan lại trong tỉnh xảy ra cuối năm 1997. Lúc xảy ra cuộc nổi dậy đó, anh Trần Độ và tôi đều bị công an giám sát một cách chặt chẽ, vì chúng tôi quê quán ở Thái Bình nên bị nghi là có liên hệ với những nhóm cựu chiến binh ở Thái Bình. Nhưng thật ra anh Trần Độ và tôi không hề biết tý gì về cuộc nổi dậy. Mãi sau này chúng tôi mới biết. Vì có một số người lên Hà Nội đi tìm con cái của họ và họ gặp chúng tôi .

Qua lời kể lại của những người này, chúng tôi biết được rằng, khi xảy ra sự việc hàng chục ngàn nông dân Thái Bình đứng lên đòi lại những khoản tiền bị bọn quan lại địa phương chôn lốt, thì lúc đó các nhà báo ngoại quốc từ Hà Nội đổ về Thái Bình. Công an đã làm đủ mọi biện pháp để ngăn chặn các nhà báo này. Biện pháp của công an là tiếp đón các nhà báo rất tử tế; mời các nhà báo nghỉ lại khách sạn, mời ăn uống rồi đưa các cô gái xinh đẹp ra để chiêu dụ những anh chàng nào thích của lạ, v.v... và đó là kế hoãn binh của công an. Kế hoãn binh nhằm mục đích mua thời gian, một tuần hai tuần ba tuần, các nhà báo ngoại quốc bắt đầu nản, họ bỏ sang Hongkong, sang Bangkok để chờ sẵn tin tức ở những điểm nóng khác trên thế giới.

Các nhà báo rời khỏi Việt Nam, đó là bước thắng lợi đầu tiên của nhà cầm quyền Việt Nam. Khi các nhà báo đi rồi, dư luận thế giới, những óang kính của giới truyền thông đã chĩa sang các góc khác của thế giới, Bosnia chẳng hạn, hay Afghanistan (A Phú Hãn) v.v., thì lúc đó, nhà nước ra lệnh bắt tất cả những người cầm đầu cuộc nổi dậy. Bởi vì mỗi một xã có một vài người cầm đầu. Những vụ bắt giữ đó được tiến hành trong bóng tối, không có lệnh lạc gì cả, chỉ có lệnh miệng thôi. Lực lượng bắt giữ người được điều từ các tỉnh khác về và số người bị bắt lên đến nhiều ngàn.

Những người bị bắt bị đưa đến những trại giam nào thì chính gia đình họ cũng không biết đích xác. Gia đình nộp đơn kiện thì công an chỉ những trại tù rất khác nhau; thí dụ họ giam con người ta Quảng Ninh thì họ chỉ thân nhân vào Nghệ An tìm; họ giam con người ta ở Thanh Hóa thì họ chỉ thân nhân lên Vĩnh Phú tìm; họ giam con người ta ở Vĩnh Phú thì họ nói là giam ở tận Đắc Lắc v.v. Như thế có nghĩa là để cho những nông dân nghèo khó, ngu ngơ không biết đường biết xá, đi tìm thân nhân vài lần là hết tiền nên đành phải bỏ cuộc.

Trong các nhà tù, thì chúng nó ra lệnh cho những thằng tù muốn lập công với công an, là bọn tù hình sự, những thằng tàn ác nhất, tìm cách gây sự với những nông dân và cựu chiến binh cầm đầu cuộc nổi dậy; rồi bọn hình sự này thủ tiêu những nạn nhân bằng cách dùng dũa nhọn đóng vào tai lúc người ta đang ngủ. Nạn nhân chết ngay tức khắc, không thể kêu một tiếng nào cả. Chính thân nhân những người chết kể lại cho tôi nghe chuyện đó.

Đó là cuộc tàn sát trong bóng tối một cách hèn hạ, cực kỳ khôn khéo, cực kỳ hèn hạ, cực kỳ đẽu cáng và chúng nó là những đao phủ số một nên mới nghĩ ra hình thức thủ tiêu dã man như thế.

Một vài năm sau vụ thảm sát này, cha mẹ các nạn nhân từ Thái Bình lên Hà Nội tập trung tại số 15 Trần Bình Trọng (trụ sở Bộ Nội Vụ cũ) để khiếu kiện, nhưng không có người nào tiếp họ cả. Chúng nó không đàn áp, không làm gì cả. Chúng nó cứ để họ đói là ra, và chỉ cho mỗi người một ổ bánh mì giá 1 nghìn Việt Nam (khoảng chưa tới 10 cent Mỹ kim), sau đó xúc họ lên xe quân đội, chở họ đến những cánh đồng rồi thả họ ở đấy. Người dân phải đi bộ hoặc tìm cách thuê những chiếc xe ở dọc đường để về nhà.

Chúng nó làm như thế khiến người nông dân cạn hết tiền, mỗi mệт kiệt sức và rớt cuộc

khieu kiện của họ không hề được giải quyết. Cuối cùng, dân chúng chỉ còn biết giữ nỗi căm hờn trong lòng thôi.

Tôi cho rằng, đó là vụ Thiên An Môn kinh tởm nhất và đó là một trong những lý do khiến tôi gọi cái lũ cầm quyền là giòi bọ. Chúng nó giòi bọ về mặt nhân cách, chúng nó là rắn độc, cực kỳ độc ác xảo quyệt. Khi chúng nó làm như thế, chúng nó đã đẩy người khác vào cái thế bất dung đối với chúng nó. Sau vụ đàn áp đó, tôi nói với anh Trần Độ rằng, nếu trước vụ đó, tôi còn chút gì nghĩ chúng nó là người, thì sau vụ này, tôi nghĩ chúng nó hoàn toàn là dòi bọ, hoàn toàn là một lũ đao phủ kinh tởm nhất và không thể nào tôi nhân nhượng với chúng nó được”.

Việt Tide: Đồng bào mình tại Việt Nam có nhiều người biết về vụ tàn sát mà bà vừa thuật lại không ạ?

Dương Thu Hương: Đồng bào trong nước tất nhiên biết rõ vụ tàn sát này hơn là người Việt ở hải ngoại. Nhưng mà họ sợ và nói chung họ chỉ có thể quan tâm đến người khác được một vài ngày vì người ta phải kiếm sống nữa chứ. Họ phải nghĩ đến nồi cơm, đến con cái gia đình họ nên họ đành phải im lặng.

Việt Tide: Nhiều tổ chức đấu tranh cho nhân quyền trên thế giới hằng quan tâm đến tình trạng nhân phẩm của người Việt Nam bị chà đạp, thành ra nếu có được những bằng chứng và hình ảnh cụ thể của vụ tàn sát, thì chắc chắn các tổ chức này sẽ lên tiếng kết án nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam. Có cách nào chúng ta thu thập được những bằng chứng tội ác của chế độ trong vụ tàn sát đó?

Dương Thu Hương: Điều đó là một chuyện ảo tưởng. Chúng ta nên nhớ rằng, chính quyền Hà Nội là chính quyền cực kỳ thông minh trong tất cả những cuộc giết người trong bóng tối. Ông nên nhớ rằng tất cả những người trong chính quyền Hà Nội đã từng thú nhận rằng, nếu nhà tù Pháp ngày xưa mà giống nhà tù cộng sản bây giờ thì không một chiến sĩ cách mạng nào có thể sống sót được; không người nào có thể thoát được để làm cuộc Cách mạng Tháng Tám. Đây là một thực tế.

Không cứ gì hình ảnh vụ tàn sát Thái Bình, mà chỉ riêng hình ảnh nông dân đốt đồng mía ở Đà Nẵng, hình ảnh nông dân chống đối hợp tác hóa ở lục tỉnh miền Nam, hình ảnh của những bộ đội sau cuộc chiến tranh bị nhốt tại trại giam Tân Kỳ; tất cả những hình ảnh ấy đều bị chế độ ra lệnh tiêu hủy.

Riêng hình ảnh trại giam Tân Kỳ, khi tôi làm cuốn phim *Thánh Đường Của Những Nỗi Tuyệt Vọng*, tôi đến Tân Kỳ lần thứ nhì là họ đã dọa cho người giết hoặc hãm hiếp tôi trong rừng. Lúc đó, Nguyễn Văn Linh đã ra lệnh tiêu hủy những hình ảnh của trại Tân Kỳ, thì làm sao bây giờ họ không tiêu hủy những hình ảnh của những cựu chiến binh trong vụ nổi dậy ở Thái Bình năm 1997.

Ai quay phim, chụp ảnh? Ai dám?

Khi tôi làm cuốn phim *Thánh Đường Của Những Nỗi Tuyệt Vọng*, tôi phải bỏ tiền túi của tôi ra mua những hình ảnh đó (chỉ có duy nhất một cuốn phim thôi). Người dân quay trộm và họ hy vọng bán cho người nước ngoài thì tôi đã mua lại. Nhưng sau đó Nguyễn Văn Linh ra lệnh tịch thu và tiêu hủy tất cả các thước phim đó.

Cho nên, những hình ảnh vụ tàn sát nông dân và các cựu chiến binh ở Thái Bình thì chỉ

có Giời mới quay được thôi. Tôi vẫn hy vọng có Giời-Phật chứng thì một ngày nào đó những thằng đao phủ Việt Nam ấy sẽ phải trả cái hậu quả mà chúng đã gây ra.

Việt Tide: Tin mới nhất chúng tôi vừa nhận được cho biết vào tuần lễ cuối tháng Tư này, bà sẽ có mặt tại New York để nói chuyện tại PEN WORLD VOICES Literary; bà có thể cho biết lịch trình sinh hoạt của bà trong thời gian bà ở New York?

Dương Thu Hương: Tôi rất tiếc không trả lời câu hỏi này được; vì thứ nhất, tôi không phải là người của nền văn minh; và thứ hai, tôi không bao giờ có lịch trình gì cả. Tôi đi New York cùng với cô Nina McPherson là người đại diện xuất bản sách của tôi và bà Sadine Giám đốc nhà xuất bản của Pháp; cho nên chương trình là do họ sắp xếp; còn tôi thì hoàn toàn thụ động.

Việt Tide: Thưa bà, chỉ còn vài ngày nữa, Đại hội 10 của đảng cộng sản Việt Nam sẽ khi mạc tại Hà Nội, bà nhận định ra sao về đại hội này ạ?

Dương Thu Hương: Tôi không dám nhận định. Vì cả hơn một năm nay, tôi không theo dõi hoạt động của họ; tôi cũng không đọc báo chí của đảng cộng sản. Nói chung, các hoạt động của đảng công sản thì quá nhàm chán, tôi không muốn theo dõi. Nhiều người cũng thờ ơ nhưng người ta không dám nói như tôi (cười). Tính tôi vốn dĩ thích gì nói vậy nên tôi nói thật là tôi không chú ý tới hoạt động của đảng cộng sản. Tôi biết là có một số người chú ý xem các cuộc đấu đá giữa các phe phái trong đảng, xem kẻ nào ngã ngựa, kẻ nào lên ngựa, có biến đổi những khuôn mặt lãnh đạo đảng hay không, v.v..., đại khái như thế.

Việt Tide: Bà từng là một đảng viên cộng sản và từng hết lòng trong cuộc chiến mà cộng sản gọi là “chống Mỹ cứu nước”, mà sao bây giờ bà lại thờ ơ đến thế đối với những chuyển biến chính trị diễn ra ngay tại Hà Nội?

Dương Thu Hương: “Điều này thì ông nhằm đấy ông Thái ạ! Tôi chưa bao giờ tận tụy với đảng cộng sản. Tôi vào chiến trường năm 1968 là vì tôi theo tinh thần yêu nước truyền thống của dân tộc. Lúc bấy giờ, tôi tưởng đó là một cuộc chiến chống xâm lược vì Mỹ xâm lược Việt Nam. Hành động của tôi giống như cha ông chúng ta là hể quân Minh, quân Thanh đến là chúng ta đánh. Đơn giản thế thôi.

“Năm 69, họ có nhã ý kết nạp tôi vào đảng, vào chi bộ đảng lúc bấy giờ ở Ty văn hóa Quảng Bình. Nhưng tôi trả lời thẳng thắn là, cái chi bộ này, đảng viên đàn ông thì cũng có người được; chứ đảng viên đàn bà thì toàn những đồ ăn mày-ăn nhật, toàn là những con đĩ và quân ăn cắp, thì tôi vào làm gì cho bản người tôi. Cho nên tôi không vào đảng.

“Nhưng vào năm 77, lúc bấy giờ tôi đang làm việc tại xưởng phim, thì chính những anh em ngoài đảng thúc giục và tha thiết mong tôi vào đảng để đấu tranh cho mọi người. Lúc đó tôi vào đảng với tinh thần rất thực dụng. Ông Thái nên nhớ là vì đảng lãnh đạo, cho nên tất cả lương bổng của mọi người đều chết đói, và những chuyến đi nước ngoài là điều béo bở, vì người được đi có cơ hội buôn bán kiếm tiền hầu cải thiện đời sống cùng khổ của mình. Mà những chuyến xuất ngoại như thế đều do các đảng viên thuộc các chi bộ quyết định. Vì thế anh em ngoài đảng bảo tôi phải vào đảng để đấu tranh cho họ. Tôi đã vào đảng và đã đấu tranh cho họ. Tôi có làm một số việc cụ thể, vì tính tôi không tham lam và thẳng thắn. Những tay lãnh đạo mềm yếu vì bản thân họ nhiều dục vọng quá, cho nên, gặp thằng bộ trưởng nào là tôi chửi thẳng ấy và chúng nó im hết.

“Tôi xin nhắc lại, lúc bấy giờ là năm 1977, tôi vào đảng không phải vì muốn tận tụy với đảng; tôi đã thấy đảng thối lắm rồi nhưng tôi vào để làm những việc cụ thể, là tranh đấu cho những anh em thấp cổ bé họng.

“Những năm sau đó, tôi bắt đầu bộc lộ một cách rõ ràng quan điểm của tôi chống lại cái nhà nước độc quyền này và đấu tranh cho một chế độ dân chủ. Lúc ấy tôi có làm một bản kiểm điểm, và bản kiểm điểm ấy rất thành công. Vì tôi ở trong đảng, như người ta nói, "trong chăn mới biết chăn có rận", nên tôi nêu lên nhiều vấn đề gây nhức nhối cho đảng.

Việt Tide: Hiện nay đang có tin đồn tại Hà Nội, rằng vì không tìm được một khuôn mặt nào sáng giá và mới mẻ cả, cho nên có thể Đại hội 10 kỳ này sẽ phải lưu ông Nông Đức Mạnh lại trong vai trò Tổng bí thư đảng; bà có nhận định gì về cá nhân ông Nông Đức Mạnh không ạ?

Dương Thu Hương: Nhìn một cách chủ quan, thì tất cả những nhân vật lãnh đạo đảng cộng sản, tôi không trực tiếp gặp họ. Tôi chỉ nhìn họ qua hình ảnh, mà cũng rất hãn hữu. Những lần thấy hình họ trên TV, tôi thấy trong những người lãnh đạo, thì cái mặt ông Nông Đức Mạnh còn có vẻ sáng sủa hơn. Đôi khi tôi thấy ông ta có cái nhìn buồn rầu. Có lẽ ông ta cũng thấy nước non thối tha quá và đảng của ông ta thối tha quá. Có lẽ cái nhìn buồn rầu ấy chứng tỏ người ta còn chút lương tâm; chứ không giống những bộ mặt nham nhở cười hềnh hệch như các cụ ngày xưa bảo "sắc sặc như... cái gì phải nước sôi ấy".

“Tóm lại, những người do đảng cử ra tất cả là do họ tự bầu lẫn nhau, nhân dân không bầu cho họ, cho nên mặt mũi họ tằm tối lắm, ăn nói thì nham nhở ngu độn, câu nọ chữ kia, không ra thể thống gì cả. Họ ngớ ngẩn đến độ tất cả người dân Việt Nam, dù người mù chữ cũng phải xấu hổ vì vua chúa sao mà tối tăm ngu dốt đến thế. Tôi chẳng biết ông Nông Đức Mạnh có lên được không, nhưng mà ngay cả ông Mạnh tại vị chẳng nữa thì cái cơ chế này vẫn buộc phải thay đổi. Không một cá nhân nào có thể tử tế được. Vấn đề là phải có cơ chế tốt để buộc con người phải tử tế. Trước sau tôi vẫn nghĩ phải có một chế độ mà trong đó dân chúng được quyền bầu lên những người đại biểu của mình. Bản thân những người đại biểu ấy khi được bầu lên, họ sẽ có sự tự tin của họ bởi vì họ được đảm bảo bởi lá phiếu của người dân; và do đó mặt họ dù có xấu xí chẳng nữa thì vẫn có ánh sáng của lòng tự tin. Hơn thế nữa, nhân dân không đến nỗi ngu dốt đến độ bầu cho những khuôn mặt tối tăm quá, hoặc những kẻ ngu dốt quá.

“Cho nên, đất nước chúng ta muốn tiến bộ thì phải phá bỏ chế độ độc đảng và phải tiến tới một thể chế tôn trọng quyền bầu cử thật sự của người dân. Lúc bấy giờ thì tôi mới có thì giờ nhìn kỹ những khuôn mặt lãnh đạo, chứ bây giờ thì tôi không có thì giờ làm việc đó”.

Việt Tide: Hiện nay, những vụ tham nhũng và hành động vô trách nhiệm tại Bộ Giao thông Vận tải của nhà nước Hà Nội đang gây căm phẫn trong dân chúng; nhất là thái độ của Bộ trưởng Đào Đình Bình điềm nhiên đi giải trí bằng cách tắm bùn, đúng vào lúc xảy ra tai nạn xe lửa ở Lăng Cô khiến nhiều người chết. Nhiều người băn khoăn tự hỏi chẳng lẽ giới lãnh đạo không còn tí tự trọng nào nữa hay sao. Bà nghĩ gì về lòng tự trọng của giới lãnh đạo hiện nay ở Việt Nam ạ?

Dương Thu Hương: “Tôi xin nhắc lại một định nghĩa rất cổ điển về con người: "con

người là sinh vật đứng ở giữa hai đầu, một đầu là thánh thần và một đầu là súc vật; và luôn luôn trong tình trạng bấp bênh và có khuynh hướng trượt; và sự trượt dễ nhất là trượt xuống về bản năng súc vật".

"Trong những cơ chế chính trị tốt đẹp, các lực lượng đối trọng, các cơ quan truyền thông báo chí tự do và trình độ dân trí sẽ là cái thắng để phanh người ta không thể trượt xuống phía bản năng súc vật. Chứ còn trong một xã hội bị cai trị bởi chế độ độc tài thối nát thì làm gì có phanh. Cho nên con người ta trượt đến đâu thì trượt thôi. Tất cả những chuyện tồi tệ như phá trình trẻ con mới trên 10 tuổi vì những thằng làm việc đó tin rằng như thế sẽ hên, sẽ thăng quan tiến chức, buôn bán thành công, v.v...; những chuyện như thế xảy ra từ lâu rồi trong xã hội Việt Nam hiện nay.

Việt Tide: Trong tuần lễ vừa qua, 118 nhà đấu tranh dân chủ tại quê nhà chúng ta đã cùng ký tên trong bản Tuyên ngôn Tự Do-Dân Chủ cho Việt Nam 2006; ngoài ra, Đại hội Dân Chủ Thế Giới tại Istanbul – Thổ Nhĩ Kỳ đã vinh danh Đại lão Hòa thượng Thích Quảng Độ và giáo sư Hoàng Minh Chính. Bà nhận định ra sao về hai sự kiện này ạ?

Dương Thu Hương: Đó là kết quả của cả một quá trình dài đau khổ và chiến đấu. Rõ ràng phải có chiến đấu thì mới đạt được những kết quả như thế. Theo tôi thì đó là một bước tiến dài trên con đường dân chủ của đất nước chúng ta. Tôi rất sung sướng về những thành quả này; và đây là một vận hạnh cho đất nước.

Dương Thu Hương, từ tiểu thuyết Vô Đê đến Chốn Vắng Nguyễn Mạnh Trinh

Từ năm 1975 đến nay, là hơn ba chục năm, mà dư âm của cuộc chiến vẫn còn. Nó để lại hậu quả chua xót cho cả một thế hệ về tất cả mọi phương diện. Về văn học, trước 1975 thì có văn học miền Nam và văn học miền Bắc, sau năm 1975 thì có văn học trong nước và văn học hải ngoại. Không phải chỉ là phân biệt địa lý mà sâu sắc hơn là sự phân biệt về chính kiến và đôi khi ở vào những chiến tuyến đối nghịch nhau... Ở trong nước, với văn nghệ bị chỉ huy bởi chính trị, văn nghệ sĩ bị trói buộc vào những đường lối những chính sách được ấn định bởi Đảng nếu muốn được viết và được in tác phẩm. Còn ở hải ngoại, văn chương có tính lưu vong lúc ban đầu và có tính chống đối nhà cầm quyền trong nước kéo dài mãi đến những năm tháng về sau. Còn, ở trong nước có một số nhà văn thức thời, viết văn là một cách để tranh đấu và nói thật tâm tư mình với những tác phẩm phản kháng muốn tìm lại chân lý của cuộc chiến, vượt qua những đe dọa hoặc trừng phạt của chế độ hiện hữu.

Một khuôn mặt văn học ở trong nước nổi tiếng vì những tư tưởng phản kháng chứa chất trong tác phẩm và được cả thế giới biết đến qua những tiểu thuyết được chuyển ngữ sang Anh và Pháp ngữ. Đó là Dương Thu Hương, tác giả của những Bùn Kìa Bờ Áo Vọng, Những Thiên Đường Mù, Chân Dung Người Hàng Xóm, Tiểu Thuyết Vô Đê, Chốn Vắng.

Xuân Sách, trong Chân Dung Nhà Văn đã phác họa Dương Thu Hương bằng :

Tay em cầm Bông Bần Ly
Bờ cây đỏ thắm làm chi não lòng
Chuyện tình kể lúc rạng đông

Hoàng Hôn Áo Vọng vẫn không tới Bờ
Thiên Đường thì quá Mù mờ
Vĩ Nhân Tinh Lẻ vật vờ bóng ma
Hành trình Thơ Ấu đã qua
Hỡi Người Hàng xóm còn ta với mình.

Bài này viết trước khi Dương Thu Hương xuất bản Tiểu Thuyết Vô Đề và Chồn Vẳng cũng như viết những bài Tự bạch hoặc có những bài phỏng vấn nầy lữa nên chỉ nhắc đến Những Thiên Đường Mù, Những Vĩ Nhân Tinh Lẻ, Chuyện Tình Kể Lúc Rạng Đông, Hành Trình Ngày Thơ Ấu, Chân Dung Người Hàng Xóm,..

Dương Thu Hương là một nhà văn phản kháng hàng đầu, hiện đang sống ở Paris dù rằng đã tuyên bố không muốn rời khỏi nước. Theo tài liệu của Trung Tâm Văn Bút Hoa kỳ thì bà được giải thưởng của chính phủ Pháp “Chevalier of the Ordre des Arts et des Lettres” năm 1994 và “Prince Claus Foundation Award” năm 1999 và “Grinzane Cavour Literay Award” năm 2005. Tiểu thuyết của bà như Tiểu thuyết Vô Đề, Bên Kia Bờ Áo Vọng, Những Thiên Đường Mù, Chồn Vẳng,.. được dịch ra 10 ngôn ngữ khác nhau trên thế giới như Pháp, Anh, Đức, Ý,..

Trong bút ký “Nhìn lại những chặng đường đã qua“, được phổ biến hạn chế, của giáo sư Nguyễn Văn Trung có nhận xét :

“Đọc Tiểu Thuyết Vô Đề và Tự Bạch của Dương Thu Hương, tôi thấy mấy điểm chính sau đây:

1. Dương Thu Hương cho rằng cuộc chiến Việt Nam là một cuộc chiến thần thánh chống Mỹ cứu nước nằm trong truyền thống chống xâm lược của người Việt và Dương Thu Hương hãnh diện tham gia cuộc chiến đó chống lại những tội ác của đế quốc Mỹ xâm lược và ngụy quyền Sài Gòn tay sai bán nước. Công giải phóng miền Nam là của Đảng, miền Bắc.
- 2- quân đội Sài Gòn là một quân đội tàn bạo. Bọn thám báo không phải chỉ hiếp 6 người con gái miền Bắc thuộc một đơn vị thanh niên xung phong hay binh trạm nào đó, mà còn xẻo vú, cửa mình của họ ném vung vãi khắp đám cỏ xanh (trang 16). Khi thuật lại bộ đội miền Bắc hạ sát ba tù binh miền Nam, Dương Thu Hương không bày tỏ phần nộ, coi như thuộc qui ước chiến tranh mà thôi.
- 3- Chính quyền Sài Gòn, Ngô Đình Diệm cũng tàn nhẫn khủng bố những người kháng chiến cũ, phân loại treo bảng từng gia đình cách mạng để trả thù.
- 4- Tiểu Thuyết Vô Đề không phải viết cho hải ngoại, cũng không phải để bày tỏ sám hối của một con Việt Cộng, của một kẻ đã từng là đảng viên Cộng Sản mà chỉ để tố cáo những kẻ phản bội cách mạng trong hàng ngũ cách mạng “lý do duy nhất thúc đẩy mọi suy nghĩ hành động vẫn là luôn luôn hướng tới chủ nghĩa xã hội đích thực”
- 5- những kẻ phải sám hối là chính quyền miền Nam và những kẻ ủng hộ chính quyền chống cộng đó, việc xuất bản Tiểu Thuyết Vô Đề và Tự Bạch ở hải ngoại là do bọn chống Cộng cực đoan lợi dụng mà thôi, những người mà bà khinh bỉ gọi là “bọn chó”..”

và giáo sư Trung đã nhận xét:

“Tôi muốn nói thêm đôi điều về lối nhìn Miền Nam của mấy nhà văn miền Bắc như Dương Thu Hương. Họ là những tác giả, nếu tôi không nhầm, đã sinh ra và lớn lên trong chế độ, ít hiểu biết miền Bắc trước năm 1954 và không biết gì về miền Nam trước năm 1975. Ngay cả những người sau 1975 vào sống ở Sài Gòn cũng có cái nhìn sai

lệch về miền Nam chỉ vì họ không sống ở miền Nam, đặc biệt giai đoạn 55-75.

Tôi bắt đầu làm việc ghi nhận này từ những năm đầu thập niên 90, duy có cái nhìn về Dương Thu Hương cần được điều chỉnh vì nhà văn này đã có những chuyển biến mới..”

Chính Dương Thu Hương cũng đã thú nhận khi viết như vậy :

“.. Thực ra tôi không nên viết vội vã như vậy. Tôi cần phải có một thời gian dài hơn nhiều để suy nghĩ đắn đo. Bản thân tôi, tôi đã nghĩ ; mình có thể là một nhà văn tồi nhưng là một công dân tốt. Điều quan trọng hơn cả trong lúc này là gửi được những thông điệp tới người đọc. Bạn đọc hãy thứ tha cho tôi. Mai sau sẽ có những nhà văn bản lĩnh hơn tài ba hơn, làm văn chương thực sự. Phần tôi, tôi xin nhận làm người cày vỡ lư ợt đầu” (in trong báo Lao Động ngày 24 tháng 8 năm 1989)

Tiểu Thuyết Vô Đề là những trang tự thuật của một sĩ quan trẻ tên Quân trong hàng ngũ bộ đội Cộng Sản. Anh gia nhập cuộc chiến với lòng hăng say của tuổi trẻ và huyền thoại cứu nước đã huyền hoặc bao thế hệ tuổi trẻ. Dần dần, đối chiếu từ sự thực, từ những gục ngã của lớp trẻ của những hy sinh máu xương đến sự hao phí tiềm lực đất nước để đạt được những mục tiêu viễn vông không nghĩa lý. Do đó anh nhận thức được đằng sau những lý tưởng được tuyên truyền là một chiêu bài lừa dối mà những người cầm quyền sử dụng. Bình đẳng – hạnh phúc – Tự Do, tất cả chỉ là trong mơ mộng và không bao giờ có thực. Nhưng dù có tâm ý như vậy, vẫn phải dấn thân về đằng trước với trách nhiệm của một người lính.

Trong khi đang ở chiến trường hay đi phép về thăm nhà, Quân đã gặp được nhiều người, nghe và thấy nhiều sự kiện vốn là đặc sản của chiến tranh. Có những trường hợp mà người thường khó tưởng tượng nổi. Trên đường về phép quay ngược lại phía bắc, Quân gặp một trạm giữa rừng mà người trách nhiệm là một lính cái xấu xí bản thủ và hôi hám vì vừa chôn xong ba xác người vừa bị chết. Vì cô đơn và sinh lý dồn nén nên đã thành một con thú thèm khát đến cùng cực và đã có hành động như hiệp dân chàng sĩ quan trẻ tuổi:

“Dưới chân giường đồng than hồng rực tỏa một thứ ánh sáng để chịu nhưng bất lợi cho tôi. Tôi đành nhắm nghiền mắt lại. Cô trần trở, cục cựa mạnh hơn lên, hơi thở cô dồn dập. Rồi, không kiên nhẫn được nữa, cô túm lấy lưng quần tôi, lay. Tôi ậm ừ giả bộ ngái ngủ, xoay mình đi. Động tác đó thật sai lầm. Cô hiểu rằng tôi đã thức. Cô gọi: Anh Quân!. Tôi im lặng: -Anh Quân! Tôi không đáp.

Cô buông lưng quần ngồi lên :

- Anh Quân, sao anh ác thế? Em ở đây một mình, buồn thối ruột gan. Anh mở mắt ra em bảo cái này.

Tôi không dám mở mắt ra nhưng xoay người lại, nói ôn tồn:

- Đồng chí Viêng ạ.. chính vì đồng chí ở đây một mình nên tôi không dám gây phiền phức. Lỡ có chuyện gì không may xảy ra thì chết mất.

Cô thốt lên một tiếng kêu khe khẽ rồi đổ ập xuống người tôi:

- Chẳng có gì mà chết cả. Có ghen với anh càng tốt... Anh Quân, anh Quân... người

cô uốn cong lên, cô rên rỉ quằn quại...

- Không... Không

Cô bật kêu lên khe khẽ

- Em đang muốn chết đây. Anh hãy giết em đi. Anh hãy làm cho em chết đi...

Rồi cô riết chặt lấy tôi, ôm bồng lên bụng mình. Một cảm giác xộc lên khiến tôi như tê bại. Thoáng qua tiếng tặc lười “Thôi nhắm mắt cho xong... Nhắm mắt,,” Chân tay tôi dờ ra. Một nỗi sợ hãi mơ hồ chấp chờn, một cơn đói nhục thể chấp chờn. Đúng lúc ấy cô lại thở hồng hộc và cất tiếng gọi:

- Anh Quân. Anh Quân...uân..”

Rồi nhân vật Biền cũng là một mẫu người bị xác thịt dày vò và bị dồn nén đến nỗi phải “tí toáy” với bò rồi bị bại lộ nên phát ngượng và giả điên. Người cha, ở hậu phương đã cảm khái cho thân phận của con trai mình:

“Khổ thân con tôi, trai đương thì hờ hớ... Anh Quân này, lũ dân thường như chúng ta chịu cực đủ điều, bóp miệng bóp mồm, bóp cả đến con c... Tụi tướng lĩnh nó có khổ như thế đâu? Ra Bắc vào Nam, đâu đâu chúng nó cũng có đàn bà. Ngày xưa thì là phi là thiếp, giờ thì là các đồng chí nữ phục vụ! Trò đều, thời nào cũng giống nhau là thế!

Nhân vật Hùng cũng là một mẫu người đặc thù của chiến tranh. Mồ côi từ nhỏ, sống sót sau những cuộc vật lộn với cơm áo, lớn lên thành du thủ du thực rồi đi lính thành một mẫu người không tim óc tàn nhẫn. Dương Thu Hương đã mô tả mẫu người say máu :

“Về tướng mạo bọn đó có: Một gương mặt vẻ u ám hình cong điệp cày - mũi nhọn và khoằm - cằm rất dài nhô ra như mảnh sành vỡ dưới hai gò má bẹt - hai mắt nhỏ, xếch cái nhìn ngưng đọng như cái nhìn của loài rắn. Họ có dáng đi lừ đừ nhưng trong nửa giây thoát biến thành con mèo rùng chộp mỗi, sau đó tức khắc trở lại vẻ lững khùng an nhiên.

Hùng thường nghĩ ra những cách giết người đặc sắc trong các trận giáp lá cà. Và gã kể lại cho đồng đội nghe với khoái cảm không che đậy. Kể thì gã sọc lê từ họng xuống tim – kẻ gã chọc từ nách bên phải qua bên trái - kẻ gã lại đâm ngược từ hạ bộ lên ổ bụng..”

Những nhân vật của chiến tranh ấy sống trong một giai đoạn đầy áp những hận thù. Những nhân vật phía bên kia bị Dương Thu Hương bẻ thử khinh miệt. Giáo sư Nguyễn Văn Trung phê phán về thái độ ấy:

“Tôi thấy thái độ của Dương Thu Hương bày tỏ một mâu thuẫn về nhận thức chính trị. Chủ đề cuốn truyện được trình bày trong Tự Bạch là sau một chiến thắng mà tác giả chỉ được một con búp bê mang về làm quà cho con, tác giả đau sót nhận ra biết bao hy sinh mất mát để trả giá cho một vinh quang khái hoàn môn chỉ là mộng tưởng giả trá... Đau sót làm cho tác giả nghi ngờ mục tiêu cuộc chiến mà bây giờ mới thấy. Vậy đáng lẽ tác giả phải đi xa hơn tìm hiểu “thực chất của chiến tranh cách mạng thì đã dừng lại tiếp tục tuyên xưng những luận điểm, khẩu hiệu về cách mạng giải phóng mà tác giả đã được học trong trường, các buổi học chính trị, trường dạy Việt Nam, dựa trên quan điểm phân biệt bạn / thù dứt khoát chính / tà rõ rệt và đảng cách mạng, chủ nghĩa Marx

Lenine là chân lý tuyệt đối, còn mọi ý thức hệ là tà, là địch mọi tổ chức khác đều là địch cần phải bôi đen tiêu diệt.

Đoạn tác giả viết về lính thám báo cho thấy rõ tác giả không biết một chút gì về quân đội miền Nam vì thám báo chỉ đi nắm tình hình và thấy có thể bị lộ phải tìm cách ẩn núp chạy trốn. Thôi thì hăm hiếp xẻo vú còn nghe được nhưng làm sao lại xẻo cả cửa mình vứt bừa bãi. Tác giả viết về miền Nam, quân đội Sài Gòn sao giống như Tố Hữu trong một bài thơ tả lính ngự dập bụng đàn bà đang mang thai làm phọt ra hài nhi để tố cáo cái dã man của lính ngự,,

Chúng ta thấy được chế độ giáo dục nhồi sọ đã làm cho cả một thế hệ bị mê muội và đi vào con đường chiến tranh bằng một chiêu bài rất đẹp là vì yêu nước và vì độc lập tự do cho dân tộc. Dù về sau bà đã thay đổi hẳn suy nghĩ nhưng lời nói, câu văn vẫn có một chút gì đó chưa gột rửa hết, dù bà đã phê phán cái chế độ hiện hữu một cách rất ráo không khoan nhượng. Trong Tiểu Thuyết Vô Đề có rất nhiều đoạn như vậy. Như đoạn tác giả mượn lời một nhân vật cha của Biên :

“Thời xưa, cứ mười người thì phải có bảy tám người là con nhà tử tế có lễ nghĩa. Muốn làm bậy cũng còn sợ nhục. Bây giờ đa phần là bọn không học cương thường đạo lý. Họ học luân lý Mác Lê. Cướp vườn cướp ruộng nhà người ta cũng là học theo sách Mác. Lột quần vợ người ta mà ngủ cũng là vì lợi ích của đấu tranh giai cấp..”

Hay như lời của một anh lính trẻ, nhìn ra cái bất công của chế độ:

“Em nghĩ cũng nhiều. Em cũng nghe chán vạn điều thiên hạ nói. Nhưng mà nhân dân lúc có thật lúc như bóng ma: nếu cần lúa nhân dân là con bò kéo cày. Lúc có chiến tranh, con bò ấy mặc áo giáp và cầm súng. Rồi khi mọi sự đã qua vào những ngày lễ lạc hội hè Người ta tôn xưng nhân dân như hú vọng các hồn ma. Tưởng thường cho khỏi thớm và tro tiền, còn phần xôi thịt thì kẻ khác hưởng..”

Đoạn văn mô tả giấc mơ của Quân suốt trong gần 6 trang sách là một chuyện như cổ tích, đẹp lãng mạn nhưng đầy ẩn dụ. Trong mơ, Quân gặp lại tổ tiên mình đi chân đất, vai mang ruột tượng lương khô, cầm ngọn dáo dài rèn bằng than củi quê hương. Hai người đã đối thoại về cái khải hoàn môn, của ngày xưa và của bây giờ. Khải hoàn môn bây giờ hùng vĩ hơn tuy tạo dựng bằng xương máu nhân dân, kết quả của những hy sinh dân tộc, nhưng lại do kẻ khác làm chủ, không ai khác hơn là những đại cường đã chỉ đạo và thúc đẩy trận chiến với chiêu bài vinh danh những ý tưởng vô nghĩa lý với dân tộc chúng ta.

Năm Dương Thu Hương viết Tiểu Thuyết Vô Đề là năm 1989. Lúc ấy chế độ Cộng sản chưa là một bóng ma trên thế giới và ở trong nước chưa khủng hoảng niềm tin như sau cuộc sụp đổ của Cộng Sản ở Liên Xô và Đông Âu. Sau đó, là một sự kêu gọi đổi mới và cởi trói cho văn nghệ sĩ của Tổng Bí Thư Đảng Nguyễn Văn Linh. Do đó có một số tác phẩm của văn chương phản kháng ra đời. Năm 1991, Dương Thu Hương bị bắt và lúc đó công luận thế giới mới biết đến sự cang cường bất khuất của nhà văn nữ này. Trong một cuộc phỏng vấn bà tuyên bố:

“Tôi không cố tâm làm nhà văn. Tôi viết vì có những nỗi đau. Đau khổ là một từ ngữ tiên tri. Tiểu thuyết của tôi là tiếng kêu của nỗi đau đớn. Và như vậy trong phong cách ấy tác phẩm của tôi không thể chia lìa với xã hội mà tôi đang sống cũng như với đất nước đã rèn luyện tôi. Trong chiến tranh, tôi nghĩ, và tôi đã quan sát những số phận của những

người đồng bào tôi. Dần dần, tôi bắt đầu bị ám ảnh và tôi đã cầm lấy ngọn bút. Tôi chia sẻ với nhận định của Henry Miller mà tôi đã đọc từ bản dịch” Công việc viết văn bốc ra những độc tố ”Sức tranh đấu của một mình tôi được gánh vác chia sẻ của nhiều người khác. Thụ hưởng được sự kính trọng từ lẽ phải của mình là một công dân tự do sống ở trên đất nước tôi. Cầm bút là một con đường tự giải phóng mình, con đường mà tôi tự tạo cho mình là một phụ nữ tự do. Tôi đã quyết định dâng hiến đời tôi cho công việc cầm bút và làm phim về đất nước tôi. Nếu quyết định này có thể đẩy tôi vào nhà tù một lần nữa, tôi cũng sẵn sàng..”

Ba cuốn sách viết sau khi Dương Thu Hương bị cầm tù được coi như tiểu thuyết bộ ba: Tiểu Thuyết Vô Đề, Lưu Ly và Chốn Vắng. Mặc dù kết cấu không chặt chẽ, hình thức hoặc cách kể truyện liên tục, chúng cùng họ hàng với nhau từ tính chất của nhân vật (Sương và Miên, người đàn bà chiến thắng những khổ nạn của tiểu thuyết Lưu Ly và Chốn Vắng, cũng là chị em trong cùng một bối cảnh làng quê nghèo nàn vùng sơn cước) và cũng như thời điểm và bối cảnh từng thời kỳ của chân dung thời chiến, hậu chiến và hiện tại ngày nay của xã hội người Việt Nam mà tiểu thuyết của bà có khuynh hướng muốn tạo dựng thành nguyên khối đồng nhất.

Nina McPherson., dịch giả của tác phẩm Chốn Vắng đã viết về tiểu thuyết này đại ý như sau:

Tác phẩm được phê bình nhiều nhất và cũng là một tiểu thuyết bi thảm nhất của Dương Thu Hương được xuất bản gần đây. Tiểu thuyết này - Chốn Vắng cùng với hai tiểu thuyết khác là Lưu Ly và Tiểu Thuyết Vô Đề là cuốn sách cuối của bộ ba tiểu thuyết viết về chiến tranh, mà bối cảnh của nó là chuyện ở một vùng quê trung châu Bắc Việt tiếp theo những ngày mà cuộc chiến chấm dứt vào năm 1975. Tiểu thuyết chứa đựng và giải bày theo cấu trúc xoay quanh số phận của ba nhân vật chính : Miên, Hoan và Bôn. Bộ ba này có phận số của những người bị bắt buộc liên quan với nhau và khó có thể tháo gỡ với cái cực kỳ phi lý của hậu quả chiến tranh. Trong truyện, tác giả làm tiếp tục bùng vỡ những bi kịch vật vã buộc trói kiếp người. Cuộc sống lứa đôi đang êm đẹp thì bị Đảng bắt hy sinh như một cách tế thần cho chế độ cũng như cách đả phá những thói tục mà họ gọi là phong kiến đã xây dựng nên làng xóm Việt Nam từ xưa. Không giống như những tiểu thuyết trước của bà, Chốn Vắng mở ra những bi kịch, chìm sâu tức thì vào những quan hệ bộ ba mà hai nhân vật trong đó hứng chịu những số phận của những người bị làm chột trí. Trong nét siêu thực, ác mộng của ám ảnh kinh khủng mở ra những diễn tiến câu chuyện và người kể chuyện giải bày phận số của mình. Miên, người đàn bà xứ quê ở tuổi quá ba mươi, đã có một đời sống hôn nhân hạnh phúc với Hoan người chồng nông dân năng động thì một bữa khi trở về nhà thì thấy trước cửa đầy những người trong làng. Cô biết tin người chồng cũ, Bôn, mà cô nghĩ đã chết như một anh hùng chiến tranh, nay sống sót trở về và muốn trở lại tình chồng vợ với cô.

Đối diện với áp lực kinh khủng của những người trong làng và Đảng bộ địa phương, Miên phải đồng ý rời bỏ người chồng thứ hai và đưa con để sống một đời sống chồng vợ nghèo nàn với Bôn.

Nhưng quyết định ấy bắt đầu cho những số phận cay đắng của bộ ba tình cảm không giải quyết được cho mình mà phải chịu sự sắp xếp của Đảng. Bôn, người mơ ước tạo dựng lại đời sống lứa đôi tươi đẹp với Miên và muốn có một đứa con với nàng. Nhưng, vì ảnh hưởng của chất độc da cam, Bôn bị bắt lực và chẳng thể nào có con được. Người chồng thứ hai của Miên là một người có tiền, nhân dáng đẹp, buôn bán giỏi dẫn và có khả năng làm tình tốt đã tạo thành một khuôn dáng “anh hùng” thực sự và như là

một hình tượng nhạo báng với nhân vật Bôn đã được Đảng vinh danh, một anh chàng bất lực kiệt xác được phong tặng “anh hùng chiến tranh” ..”

Ghen tức với tình địch, lại thất vọng vì không thể có con và bị bất lực sinh lý, Bôn trở thành một con người thèm khát những ước vọng không thể nào đạt. Hoan là người tốt có tiền của nên hay giúp đỡ Miên, trong khi đó Miên lại dùng tiền bạc để chạy chữa cho bôn về bệnh bất lực và thổi mồm kinh niên vì bị hở thực quản. Tác giả đã kể :

“Trong khoảng ngắt của hai hơi thở, lời rên rỉ buột khỏi môi anh, thuyền anh nô dờn trên con sóng đục tình., thấy lại tuổi trẻ của anh. Nhưng đột nhiên một luồng khí bị dồn nén chạy dọc sống lưng xuyên suốt thân xác anh như một mũi tên, khoá lạc và mộng mơ cùng lúc vọt ra rồi tắt ngấm. Con thuyền đắm say rơi từ đỉnh sóng xuống bờ cát nằm vạt vờ như mảnh ván mục. Rồi bỗng dừng bộ phận truyền giống của anh đi vắng, nó chẳng còn là của anh mà như một thứ đồ vật ngoài thân thể ngoài ý muốn và sự điều khiển của anh... Nỗi sợ hãi hùng hổ thẹn cùng lúc làm sống lưng anh lạnh toát trong khi hai thái dương và đầu anh nóng phừng phừng như lửa đốt.. Anh lặng lẽ tụt xuống chân miên không dám nhìn thẳng vào mắt chị.. vợ chiếc quần đùi mặc vội để che đi cái phần héo rũ trên cơ thể..”

Bôn vào một lúc muốn hạ sát Hoan cho hả lòng căm giận và kết cuộc là Hoan và Miên lại tiếp tục là một cặp vợ chồng hạnh phúc....

Trong bài phỏng vấn của đài BBC với Christine Nguyễn, Dương Thu Hương đã nói về tác phẩm Chốn Vắng của mình.

“Christine Nguyễn : Bà nói rằng những nhân vật trong truyện có thực ngoài đời, đó là những người đàn bà Việt Nam trong chiến tranh và họ đã thôi thúc bà viết Chốn Vắng?

Dương Thu Hương: Vâng, hoàn toàn tất cả những tiểu thuyết của tôi đều dựa trên những câu chuyện thật và Chốn Vắng cũng như vậy, tức là những nhân vật này tôi đã gặp họ và câu chuyện của họ xảy ra ở tại Quảng Bình. Tất nhiên là khi tôi viết thì tôi có gia cố vào đó tất cả những suy tưởng của tôi, những giấc mộng của tôi, những ý tưởng và quan niệm sống của tôi. Và đương nhiên là tôi phải nói một cách rành rọt phần kết chính là phần mà tôi sáng tạo. Cái đoạn kết mà người ta gọi là có hậu đó chính là giấc mơ của tôi cho số phận những người đàn bà như Miên. Còn trong cuộc sống thì có lẽ mọi người đều biết rằng sau cuộc chiến tranh này hàng vạn người đàn bà chết già bởi vì không có ai lấy họ nữa và họ bị dồn vào những nông trường xa xôi, những nông trường trồng cam ở Hòa Bình và các tỉnh miền núi khác, trồng cam, trồng lạc, trồng sắn và những nông trường toàn đàn bà đến nỗi ở một cái chân trời không bao giờ hiện lên một người đàn ông nào cả. Và nếu có một vài thi thoảng hiện lên một người đàn ông thì đối với họ đấy là những cái hạnh phúc thật là hiếm hoi, mặc dù nó chỉ là một cái thứ hạnh phúc vay mượn và chụp giựt...

CN: Với ba nhân vật : cô Miên, anh Bôn và anh Hoan thì ba nhân vật này tạo thành một bi kịch trong xã hội sau thời chiến. Ý đồ sáng tác của bà khi viết Chốn Vắng là gì?

DTH: Thật ra tôi là người viết văn không có ý đồ. Khi nào tôi định viết, khi nào có thời gian và khi nào có đủ điều kiện để có thể ngồi viết được thì những câu chuyện mà nó còn tích trữ trong óc tôi thì nó tự mở đường chui ra và tôi viết là dưới sức ép của nó như người ta nói là viết như một sự ám ảnh và tôi hoàn toàn không có ý đồ gì cả. Khi tôi đã bắt đầu viết thì câu chuyện đó nó sống dậy và những nhân vật đấy nó kéo tôi theo chứ

tôi không kéo họ theo

CN: Như vậy thì phải chăng sự ám ảnh đó chính là những thân phận của những người lính cũng như là của những người phụ nữ sau chiến tranh thống nhất đất nước, thưa bà ?

DTH: Nó rất bình thường với thế hệ chúng tôi và nó xa lạ với thế hệ của các chị. Vì bây giờ các chị trẻ tuổi và các chị đã tự cho mình quyền được sống cuộc đời của các chị. Các chị không chịu sức ép của truyền thống và sự hy sinh vô tận như chúng tôi. Cho nên tôi đã nói lại là cái thích của người này có thể là cái không thích của người khác. Cái của đối với người này là tất nhiên thì đối với người khác là hoàn toàn ngược với lý chí và có thể là không tất nhiên.

CH: Cũng là một người phụ nữ đã từng tham gia vào cuộc chiến tranh Việt Nam thì bà nghĩ gì về thân phận những người phụ nữ sau cuộc chiến hiện nay?

DTH: Tôi nghĩ rằng những thế hệ sau chiến tranh đã tiêu mòn và đã già rồi như tôi và tất cả những thế hệ ấy là những cuộc đời bị đánh mất trong hoàn toàn câm lặng và quên lãng. Tôi hy vọng là các chị và những người trẻ hơn các chị sẽ không bao giờ ném trái lại những cái địa ngục mà chúng tôi đã trải qua,,

Từ Tiểu Thuyết Vô Đề đến Chón Vắng, từ Tự Bạch đến bài tham luận Sự Cứu Rỗi Cuối Cùng hay Thời Gian Bản Lẻ, hoặc các bài trả lời phỏng vấn, càng ngày Dương Thu Hương càng tỏ ra đồng ý với nhận xét : Đổi Mới là con đường trở lại cái cũ đã bị phủ nhận... Những giọt lệ khóc ngày 30 tháng tư ở Sài Gòn cho một thức tỉnh đến nay ở Paris đã làm bà có giọng nói đanh đá miệt thị với những người Cộng sản nhưng đã biểu lộ những ý nghĩ tốt về chế miền Nam. Bây giờ, những người Cộng sản loay hoay với mô hình xã hội mà có thời gian là cái đích cho hành động hủy diệt của họ...

Rực lửa, rực nữ tính Tin Văn

Các tiểu thuyết của Dương Thu Hương không được xuất bản ở Việt Nam nhưng xuất bản ở nước ngoài. Cuộc gặp gỡ với một nữ lý khai, giữa dần thân và văn chương.
Claire DEVARRIEUX –

Báo Libération Quotidien, số đề ngày Thứ Năm 09-02-2006

Dương Thu Hương là tiểu thuyết gia Việt Nam được biết nhiều nhất thế giới. Từ khi bà bị bảy tháng tù năm 1991, tác phẩm của bà không còn được xuất bản ở Việt Nam; bà được thả ra nhờ sự can thiệp của các nhân vật ở Tây Phương. Bà bị quản chế nhưng không theo đúng nghĩa quản chế; Phan Huy Đường, người dịch các tác phẩm của bà cho hay: “Bà có thể đi đâu bà muốn nhưng lúc nào cũng có hai công an túc trực trước nhà bà, ngày đêm, báo cáo các khách thăm viếng, các buổi nói chuyện. Bà không thể có cuộc sống riêng tư.”

Sinh năm 1947, bà bị khai trừ khỏi Đảng và Hội Nhà Văn năm 1990. Người ta khiển trách thái độ chống đối và cuộc đấu tranh cho dân chủ của bà. Dịch giả của bà nói: “Trong xã hội trọng Khổng Giáo, chỗ đứng của người đàn bà không có. Trong chiến tranh, người ta cần họ, thật là đau lòng, nhưng sau chiến tranh, người ta thích họ quay

về với cái bếp.” Trong chiến tranh, năm 20 tuổi bà đã ra chiến trường và điều khiển một đoàn văn công.

Bà đang ở Paris nhân dịp ra mắt quyển sách - *Chốn Vắng - Terre des oublis*. Bà tươi cười, vui vẻ. Và bỗng chốc, bà bừng lửa.

Bà có ý định viết Chốn Vắng lúc nào?

Câu chuyện này có từ lâu lắm, từ tỉnh Quảng Bình, (để cho chúng tôi dễ hiểu bà ghi chú trên tờ giấy: “Quảng Bình là một tỉnh ở miền Trung, trong chiến tranh đó là tỉnh ở địa đầu chiến tuyến,”) giống như quyển *Tiểu Thuyết Vô Đê* và *Lưu Ly*. Tôi viết *Tiểu Thuyết Vô Đê* là để trả nợ cho các bạn đã khuất, từng người bạn trong quyển sách này hằng ở trong tâm trí tôi, các câu chuyện cứ chất đống trong đầu tôi và tôi phải xả nó ra, từng chuyện một.

Trong chiến tranh, tôi làm việc trong ban văn hóa tỉnh Quảng Bình. Sau khi Miền Nam giải phóng, tôi vẫn còn ở đó. Vùng đất này gây ấn tượng dữ dội trong đầu tôi vì chính nơi đó, tôi đã sống những năm tuổi trẻ, gặp những người khác nhau, lính tráng, dân sự, nạn nhân, thương binh và cả những kẻ đào ngũ, có rất nhiều trại cải tạo ở đó.

Lúc nào bà cũng nói bà không thích trở thành nhà văn?

Trở thành nhà văn là chuyện tình cờ, là để giải thoát tôi khỏi đau khổ. Tôi không quá mê nghề này nhưng tôi thấy đây là một phương cách để sống còn. Tuổi vị thành niên, tôi mơ trở thành nhà vô địch chứ không phải nhà văn.

Vô địch gì?

Vô địch bóng bàn, thể dục dụng cụ!

Khi nào bà mới quyết định viết?

Năm 1980. Tôi viết truyện ngắn. Trước đó, trong chiến tranh, năm 1970, để bắt chước bạn bè ở ban văn hóa, tôi viết những bài viết ngắn, vài bài thơ, tất cả chỉ có tính cách nghiệp dư. Thơ chỉ để giải trí, tôi thích lắm. Tôi nhớ lại lúc đó tôi chẳng có một ý tưởng nào trong đầu là tôi sẽ trở thành nhà văn.

Từ năm 1980, tôi tập trung tư tưởng. Tôi bắt đầu cảm thấy có thể theo đuổi nghề này. Một cảm giác mông lung bởi vì tôi phải kiếm sống bằng nghề viết kịch phim. Vào thời buổi đó, kịch phim chẳng có một nghĩa gì, phim ảnh không có đất đứng ở xứ sở nghèo nàn Việt Nam, phim ảnh là dùng để tuyên truyền.

Tôi viết năm kịch phim và đều được thực hiện. Giống như tất cả các nhà viết kịch phim, tôi muốn tham dự vào phần dàn dựng, nhưng đã không thành công tôi lại còn bị phá sản. Tôi viết một tài liệu văn nghệ - *le Sanctuaire des espoirs*, [dịch nghĩa đen, Giáo đường của những hy vọng, không biết nguyên tác, tên tiếng Việt là gì. ND]. Tôi để hết tiền bạc vào việc thực hiện phim này. Giống như các bài viết về chính trị của tôi, tôi đã kích chế độ vì thế họ hủy hết tất cả âm bản của tôi ở phim trường. Đó là năm 1990, một năm trước khi tôi bị bắt. Làm phim thì khó hơn viết sách, viết không cần tiền, không cần dụng cụ, nhất là không cần tiếp xúc với người khác. *Chốn Vắng* có thể dài nhưng cũng như các quyển khác, tôi viết đều đều, một năm và vài tháng. Sau đó tôi nghỉ ngơi, lo cho gia đình. Một hoặc hai năm, tùy, rồi tôi bắt qua quyển khác.

Có lúc nào bà nói đến bà trong tiểu thuyết?

Chưa. Trong mỗi câu chuyện, tôi viết các tư tưởng, các giấc mơ, các ảo tưởng và các thất tưởng của tôi nhưng chưa bao giờ tôi viết tự truyện. Năm 1994 (1), ở Paris, tôi từng viết hồi ký, lúc đó tất cả các bạn tôi sợ tôi bị bắt lại và sẽ bị giết, họ xin tôi viết lại chuyện của tôi. Tôi viết một bài có tên là Những cây nến trắng, *les Chandelles blanches*, tôi viết chưa xong và phải trở về Việt Nam. Chưa đến lúc viết xong quyển sách này vì chính tôi đây là quyển sách còn dở dang.

Với tôi, mọi sự đều trong sáng, mọi ranh giới đều rõ ràng. Tiểu thuyết là tiểu thuyết, tự truyện là tự truyện, tôi không muốn lẫn lộn hai loại này. Đó là tính của tôi. Tôi rất cứng ngắt, quá nghiêm túc. Quá đơn giản để tạo một cái gì cầu kỳ vi tế. Tôi thích các ranh giới. Có những chuyện nhiều người cảm thấy dễ chịu khi nó còn mơ hồ giữa tình yêu và tình bạn, giữa tình cảm của anh trai em gái, thêm thắt vào đó một chút cảm giác vô luân, thế là lôi cuốn người khác, thế là làm đảo lộn, thế là bùng lên giấc mơ thầm kín, tạo nên nét đẹp lạ thường cho văn chương. Tôi không thích như thế trong đời sống cũng như trong văn chương. Tôi được giáo dục kỹ càng trong chế độ phong kiến.

Gia đình của bà như thế nào?

Một gia đình theo truyền thống. Chấp nhận và giữ kỷ cương các giá trị luân lý cổ truyền. Bà nội tôi là người có đất đai. Bên ngoài làm nghề giáo và bác sĩ. Cha tôi là kỹ sư vô tuyến điện. Ông học trường Cao Đẳng Kỹ Thuật của Pháp ở Hà Nội. Sau đó, ông là kỹ sư trong ngành hàng hải dân sự Pháp cho đến khi có cuộc chiến của hai nước.

Bà nghĩ gì về cuộc tranh luận hiện nay ở nước Pháp về quá khứ, về thuộc địa?

Vô ích! Cái gì đã qua là đã qua. Lịch sử lúc nào cũng hình thành như vậy. Người Trung Quốc xâm lăng người Việt, người Pháp đô hộ người Việt, người Việt lấn đất người Cao Miên, người Chăm. Chúng ta, người đương đại, không trách nhiệm về những gì xảy ra trước chúng ta. tại sao lại đào mồ lên? Mất thì giờ. Có thể tôi quá thẳng. Nhưng tôi không phải là một chính trị gia. Cuộc chiến đầu cho nền dân chủ của tôi là cuộc chiến bất vụ lợi. Tôi tự do, tôi thấy tôi không cần phải làm vui lòng ai.

Bà dùng tiểu thuyết của bà cho các mục đích chính trị?

Không. Không bao giờ. Tôi viết tiểu thuyết là để cho tôi, tôi viết các bài chính trị là để cho người khác. Ở đó, tôi dẫn thân. Nhưng không đảng phái, không đoàn thể. Tôi lúc nào cũng là một con sói đơn độc. Tôi hài lòng với chính tôi.

Tại sao bà đấu tranh? Tại sao bà không ngồi nhà để viết?

Tôi không thể tiếp tục ngồi viết nếu có người cần đến sự giúp đỡ của tôi. Thời gian đã bị đã bị xé nát, tan hoang, và tôi cũng vậy. Đó là số phận của tôi.

Tại sao Chấn Vững là một tiểu thuyết sống sượng, nhắm thẳng vào dự tính như vậy?

Điều đó làm cho bà ngạc nhiên vì tôi là phụ nữ Á Châu sao? Đó là tính của tôi. Tôi trọng sự thật, con mèo là con mèo, sự thật là sự thật. Tôi không có khả năng khéo léo để nói vòng vòng. Tôi hoàn toàn tự do trong lãnh vực này, tôi làm đúng theo con người của tôi.

Có phải vì vậy mà tác phẩm của bà bị kiểm duyệt?

Không, *Tiểu Thuyết Vô Đề*, *Lưu Ly* và *Chốn Vắng* không được xuất bản ở đây, chúng chỉ được xuất bản ở nước ngoài. Tôi viết tiếng Việt, các bạn người Đức, người Pháp của tôi đem bản thảo qua biên giới, sau đó họ gửi qua Pháp. Từ khi tôi được thả ra, họ cấm tôi không được xuất bản. Các ký giả không được quyền nhắc đến tên tôi, nếu họ nhắc, công an sẽ can thiệp.

Cũng rất khó khăn nhưng tôi chọn như thế, tôi ở lại để đấu tranh. Tôi phải làm quen với mọi sự việc kể cả cái chết. Chuyện bình thường.

Bà không sợ nguy hiểm cho tính mạng?

Nếu tôi muốn khắc vào quyền lực, tôi không được quyền sợ.

Làm sao bà có được cái can đảm này?

Có thể là vì tôi đã quá hèn trong tuổi thanh xuân. Tôi tin trong mỗi con người, ai cũng có một số liều lượng can đảm, hèn nhát, thông minh, ngu dốt khác nhau. Tôi không tin có người nào hoàn toàn hèn nhát hay hoàn toàn anh hùng, nếu họ nói như vậy là họ nói dối hay quá kiêu ngạo, đó là những người lừa bịp.

Khi tôi còn trẻ, tôi lấy một người yêu tôi nhưng tôi không yêu họ. Ông kê khẩu súng vào cổ tôi và bắt tôi lấy, nếu không ông sẽ bắn một phát vào cổ họng tôi rồi tự tử. Tôi 20 tuổi, tôi sợ, đó là một tên điên vì yêu, lúc đó cha tôi ở xa. Bà hiểu rõ, trong gia đình, người cha lúc nào cũng là người nâng đỡ con gái. Các em tôi còn nhỏ, tôi là chị cả, tôi sợ chết và tôi không làm sao thoát ra khỏi hoàn cảnh này. Tôi sống khá lâu như cọng rau, như tên nô lệ. Sau khi sinh hai đứa con, tôi đòi ly dị, cha tôi can thiệp, ông bắt tôi phải ở lại với người đàn ông này vì theo chế độ phong kiến, ly dị là làm nhục gia đình. Tôi phải ở lại ngục thất này cho đến năm 1980. cha tôi là thần tượng của tôi, cha tôi rất tận tâm, rất dễ thương vì thế tôi vâng lời cha tôi. Đó, tôi kiệt sức vì hèn nhát như thế đó!

Bà viết về chiến tranh, về các trận đánh. Bà có sống trong đó không?

Trong chiến tranh, tôi là cán bộ văn công, tôi không phải là lính. Tôi không biết bắn nhưng tôi phải đem đoàn văn công của tôi đi theo trận đánh, dù muốn dù không, tôi phải làm quen với bom dội, với xác chết, mùi thịt rữa, mùi hôi thối, mọi sự. Nếu tôi là lính thì tôi đã biết cách chiến đấu với chồng tôi, tôi không biết chiến đấu nên tôi thụ động ở lại để chịu những cú đâm. Đứng trước quyền lực, tôi là người chiến đấu đến cùng dù cho phải chết nhưng để chiến đấu cho chính tôi thì không bao giờ, tôi sợ, tôi nhục; mấy người bán hàng rong, bán cá nếu họ làm nhục tôi, tôi im lặng, tôi tránh xa. Đứng trước chồng tôi, tôi không dám kêu, tôi như người không còn vũ khí.

(1) Năm 1994, bà đã từng được Bộ Trưởng Văn Hóa Pháp Jacques Toubon gán huy chương Hiệp Sĩ Văn Học Nghệ Thuật

"Thực ra tôi là một người phụ nữ khá cổ hủ"

Dương Thu Hương trả lời phỏng vấn M. Hoàng.

Lần đầu tiên nhà văn Dương Thu Hương bộc lộ những tâm tình riêng tư nhất và cho độc giả biết một số chi tiết về cuộc đời cũng như công việc thường ngày của mình.
Talawas

Dương Thu Hương đồng ý trả lời phỏng vấn với thái độ thận trọng. Chị hẹn tôi tại tầng trệt khách sạn Daewoo. Một nơi yên tĩnh, lịch sự nhưng đồ uống rất đắt và không khí thì hơi xa lạ, kiểu cách.

Phóng viên(PV): Hình như chị luôn hẹn gặp khách tại những nơi có tiếng là sang cũng như đắt đỏ nhất Hà nội. Chị có giàu đến mức vậy không?

DTH: Không hề. Tôi có mấy khi đến những chỗ thế này đâu. Tôi ở nhà suốt, sống rất bình thường. Nhưng tôi thường là người trả tiền nên tôi muốn khách phải được tiếp đón đàng hoàng. Tôi không muốn mang tiếng là người bủn xỉn. Với lại những nơi như thế này thường rất yên tĩnh, có cảm giác thoải mái, dễ chịu.

PV: Ra là vậy, một cung cách rất "chị hai" đấy.

DTH: Thì tôi cũng là chị cả trong nhà mà.

PV: Một ngày của chị diễn ra thế nào?

DTH: Tôi làm việc đêm nên bình minh của tôi là 10h sáng, thậm chí 12h trưa. Tôi sống một mình nên tất cả những việc vặt trong nhà phải tự làm lấy. Buổi chiều tôi đọc sách báo, thỉnh thoảng dịch tài liệu gọi là có thêm thu nhập. Tôi có đặt mua mấy tờ như *Le Point, Paris Macht, Le Nouvel Observateur*. Báo Việt thì có ông bạn cứ bài nào hay, có vấn đề thì đem đến cho tôi đọc. Từ 8h tối trở đi tôi mới thực sự làm việc. Có hôm bốc lên có thể viết 10 tiếng liền và cũng có hôm chẳng làm gì cả.

PV: Thu nhập chính của chị là gì?

DTH: Nhiều người cho là tôi giàu vì được lĩnh nhuận bút từ những nhà xuất bản nước ngoài. Thực ra không nhiều đến thế đâu. Hồi năm 90 bạn bè có xui tôi mua một số miếng đất nhỏ. Và tôi cứ bán dần từng miếng một để sống, để chu cấp thêm cho các con. Ngoài ra tôi có lương hưu hàng tháng.

PV: Chị giải trí như thế nào?

DTH: Tôi không xem TV. Khi rỗi rãi tôi đem quần áo ra khâu vá, nghe nhạc cổ điển và những bài hát Pháp xưa cũ thời Dalida, Mathieur, hay Clara Fabien.

PV: Chị có nhiều bạn bè không?

DTH: Bạn thân rất ít, một hai người. Nhưng tôi cũng có những mối quan hệ tốt, thỉnh thoảng tôi rủ họ ra quán ăn uống nói chuyện cho vui.

PV : Chị là người rất đáo đả, đúng không?

DTH: Tôi vốn là một người phụ nữ bình thường, rất bình thường. Cuộc hôn nhân đổ vỡ làm cho cuộc đời tôi xáo trộn ghê gớm. Đã thế cuộc sống với những điều ngang trái, bất công cũng khiến tôi chẳng mấy khi thanh thản. Hồi sinh viên tôi xuýt bị đuổi học vì lấy guốc đập vào mặt một gã đã giở trò sàm sỡ với tôi. Tôi bị qui tội hành hung chỉ vì gã ấy thuộc diện ưu tiên, chính sách, lại là đảng viên nữa.

Ông chồng cũ của tôi hồi ấy là cán bộ lớp đã ra tay cứu vớt tôi. Sau đó anh ta tìm mọi cách để lấy được tôi. Đỉnh điểm là dí súng vào cổ tôi và nói rằng nếu không nhận lời thì "cô chết trước tôi chết sau". Hồi ấy tôi rất trẻ, tôi sợ chết, sợ gia đình mang tiếng là có cô con gái chết vì chuyện yêu đương nhăng nhít. Cho đến giờ tôi vẫn là người sợ mang tiếng là dĩ hoà vi quý, lẳng lơ. Và tất nhiên một cuộc hôn nhân không có tình yêu sẽ rất tồi tệ. Tôi cũng định sống nhẫn nhục để cho các con đỡ khổ nhưng không làm nổi. Có thể chồng tôi là một người cha không đến nỗi nào nhưng ông ấy luôn xúc phạm vợ mình bằng cách này hay cách khác, ông ấy không tôn trọng phụ nữ. Năm 1980 chúng tôi ly dị

PV: Những người đàn ông sau này đến với chị có dễ chịu hơn không?

DTH: Thực ra tôi là một người phụ nữ khá cổ hủ. Thậm chí đến bây giờ tôi vẫn cho rằng đàn bà chỉ được phép ngủ với người chồng hợp pháp của mình. Những cuộc mây mưa ngoài hôn thú là không tốt đẹp. Sau khi ly dị khoảng 4 năm tôi có quan hệ với một tay hoạ sĩ điên khùng kém tôi 14 tuổi. Cũng lại bắt đầu bằng bạo lực.

Anh ta đến mang theo một lưỡi dao cạo và nói rằng nếu tôi không yêu anh ta sẽ cắt cổ tự sát. Gia đình tôi rất phản đối, hai đứa con giận mẹ, thằng lớn bỏ nhà đi. Ông chồng cũ cũng làm âm lên, đòi kiện tôi thậm chí có hôm còn xuất hiện với một chiếc búa trong tay. Cũng may là chuyện này chỉ kéo dài vài tháng. Đó là mối quan hệ thân xác duy nhất của tôi sau khi ly dị. Sau vụ này tôi suy nghĩ rất nhiều, tôi không hề yêu tay hoạ sĩ đó vậy mà tôi lại đồng ý lên giường với anh ta.

Tôi chợt phát hiện ra mình vẫn chỉ là một người đàn bà với những nhu cầu bản năng thường tình. Tôi không muốn kết hôn khi các con còn nhỏ, tôi sợ chúng nó thương tổn, tôi không muốn cặp bồ chơi chơi vì tôi cho rằng như thế là xấu, là mất danh dự. Và lại tôi rất khó yêu nên những mối quan hệ với đàn ông chỉ làm cho cuộc đời tôi thêm rắc rối. Vậy là chỉ còn một cách duy nhất là tự thiến mình.

PV: Có nghĩa là chị phải...

DTH: Phải tự tiêu diệt bản năng giới tính của mình. Tôi đã nhờ một sư ông cắt cho tôi những thang thuốc bắc. Thứ thuốc đó khá hiệu nghiệm, tôi không còn cảm thấy ham muốn tình dục. Tôi có thể bình tĩnh làm việc, kiếm tiền, chăm lo cho hai đứa con. Nhiều người cho rằng tôi bị lãnh cảm hay luyến ái đồng tính. Họ đâu có biết rằng để được sống trọn vẹn trong danh dự tôi đã phải trả giá đắt lắm. Tôi thường xuyên bị nám da, tóc tôi bạc rất sớm và bệnh khớp luôn hành hạ tôi. Đó là tác dụng phụ của thuốc khi dùng lâu dài. Tôi biết tôi đã hành động rất điên khùng nhưng tôi thấy tốt hơn cả là làm vậy. Tôi không ân hận.

PV: Các con chị biết điều này không?

DTH: Gần đây tôi mới nói trong một lúc nóng giận. Chúng nó đều ngoài ba mươi tuổi, đã có gia đình cả rồi. Có thể chúng nó đã hiểu tôi hơn mà không hiểu cũng chẳng sao. Tự tôi biết là tôi đã sống hết lòng cho con cái.

PV: Chị có định sống chung với một trong hai cô cậu?

DTH: Có lẽ không nên vậy. Tôi có mua cho thằng lớn một căn hộ. Đứa em gái nó ở nhà chồng chật chội, tôi sẽ cho nó căn hộ đang ở. Khi nào vợ chồng nó dọn đến, tôi sẽ đi thuê nhà.

PV: Chị rất chiều con đấy !

DTH: Tính tôi nó vậy. Chính thế cũng làm giảm tính tự lập của chúng nó. Nhưng tôi không dám làm khác. Cả đời tôi chỉ đánh con có một lần, chúng nó lấy trộm tiền của tôi đi xem phim, đã thế về còn nói dối loanh quanh. Tôi rất ghét tính dối trá nên đã đánh chúng nó. Đánh xong thì ân hận cả một thời gian dài.

PV: Vậy là ngoài các con ra chị chẳng còn bận tâm đến ai khác?

DTH: Có, chỉ duy nhất một người, nhưng mà là yêu thầm. Tôi tự đề ra một nguyên tắc là không bao giờ yêu người có vợ vì đó là một tình yêu vô đạo đức, thế nhưng ông trời bắt tội tôi. Người duy nhất tôi thấy yêu lại có gia đình rồi. Có lẽ anh ấy cũng yêu tôi nhưng cũng hiểu là giữ khoảng cách thì hơn cả. Và chúng tôi yêu nhau thầm lặng vậy gần mười năm rồi. Giờ anh ấy không còn ở đây nữa nhưng chúng tôi vẫn trao đổi thư từ. Vì không quên được anh ấy nên tôi đã từ chối vài lời cầu hôn mà tôi biết sẽ đem đến cho

tôi một cuộc sống khác hơn, có thể là vui hơn.

PV: Chị có nghĩ mình sẽ làm vợ một lần nữa không?

DTH: Hôm nay tôi chưa có ý định nhưng có thể là ngày mai, tháng sau hoặc sang năm tôi lại nghĩ khác. Những chuyện thế này không thể nói trước được đâu.

PV: Chị có thần tượng không?

DTH: Có, nhưng không phải là nhà văn. Tôi ngưỡng mộ nhà triết học Anh gốc Áo tên là Karl Popper. Tư tưởng của ông ấy thật đáng khâm phục. Popper đã giải quyết được những vấn đề lớn nhất về biện chứng. Ông ấy đã từng nói một câu rất hay: "Chúng ta gần như chưa biết gì về vũ trụ và con người".

PV: Nhưng chắc chắn chị cũng phải yêu thích một số nhà văn chứ?

DTH: Tất nhiên. Dostojevski, Gogol, Tshechov, Bulgakov. Nhà văn Việt Nam thì tôi thích Cao Bá Quát, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương ...

PV: Có bao giờ chị liên hệ chút gì giữa mình và Hồ Xuân Hương?

DTH: Không hề.

PV: Gần đây có nhà văn Việt Nam nào chị thấy được hơn cả?

DTH: Nguyễn Huy Thiệp. Thiệp viết rất hay nhưng tôi không thích gặp. Có hai lần anh ta đến nhà tôi cùng với một cô người Nhật đề nghị tôi hợp tác mở nhà hàng. Tôi rất kinh những kiểu đề xuất như vậy.

PV: Chị có thích "Chuyện kể năm 2000" của Bùi Ngọc Tấn không?

DTH: Cuốn sách đó rất nghiêm túc, đáng trọng nhưng bây giờ tôi không quan tâm tới những vấn đề như thế nữa.

PV: Chị tâm đắc với tác phẩm nào của mình nhất?

DTH: Không cuốn nào cả. Nhà văn không nên tâm đắc thực sự với những gì đã hoàn thành.

PV: Nếu một người bảo rằng kiểu viết của chị hay nhưng "xưa rồi" thì chị sẽ đáp lại thế nào?

DTH: Đã nhiều người nói với tôi thế. Tôi không quan tâm lắm. Văn chương cũng giống như đồ ăn vậy, phụ thuộc vào "khẩu vị" của mỗi người. Họ có quyền không thích những tác phẩm của tôi.

PV: Con đường văn chương của chị bắt đầu thế nào nhỉ?

DTH: Không nhớ nữa. Ngày là học sinh tôi mơ ước trở thành vận động viên thể dục dụng cụ. Mấy thứ đó tôi chơi tốt lắm. Sau 1975 tôi bắt đầu viết bút ký, sau đó là truyện ngắn. Bạn đã biết đấy, trong lòng tôi chất chứa nhiều nỗi phiền muộn, bức xúc lắm. Viết văn đôi khi như là một cách trút giận vậy.

PV: Chị có thể nói qua về tác phẩm chị đang viết không?

DTH: Hiện tôi đang đắm chìm vào một thứ mà không biết là sẽ thành công hay thất bại. Có người nhờ tôi viết một bài tham luận về Trạng thái tâm thần của thanh thiếu niên Việt Nam trong và sau chiến tranh. Sau khi đọc xong 10.000 trang tài liệu thì tôi mệt quá, tôi từ chối viết tham luận và để dành thời gian viết một cuốn sách cho mình. Từ lâu tôi cũng hay quan sát những trường hợp thần kinh không bình thường xung quanh mình, cuốn sách này sẽ là cách nhìn của tôi, của một nhà văn về những con bệnh thần kinh xuất

hiện càng ngày càng nhiều trong xã hội.

PV: Chị đã từng bị bắt giam. Chuyện gì xảy ra vậy?

DTH: Năm 1991 tôi bị bắt giam hơn 7 tháng. Họ kết tội tôi là "Tuyên truyền chống chủ nghĩa xã hội". Tôi có viết một số bài lên án những sai lầm của chính phủ Việt Nam trong và sau cuộc chiến tranh chống Mỹ.

PV: Chị có lường trước được tính mạo hiểm của công việc chị đã làm?

DTH: Có chứ. Tôi không hề ngạc nhiên khi họ bắt tôi. Tôi chỉ làm theo lương tâm nhưng đã làm là làm đến cùng.

PV: Trong trại giam chị cảm thấy thế nào?

DTH: Tôi rất gầy vì mất ngủ. Phòng giam không được sạch sẽ lắm và tất nhiên là cơm nước làm sao bằng ở nhà.

PV: Họ đối xử với chị tốt chứ?

DTH: Nhóm công an phụ trách buồng giam rất tử tế. Có thể nói mười người thì có chín người tốt. Họ hay cho tôi quà, có người còn lột nổi bằng báo mới để tôi có thể cập nhật tin tức hàng ngày.

PV: Thế còn cấp trên của họ?

DTH: Những người thẩm vấn tôi ấy à, tất nhiên là tôi đã luôn to tiếng với họ. Tôi đốp chát đến cùng mọi vấn đề. Có lần tôi tức quá còn định chồm lên tát người đang tra hỏi tôi nhưng bị giữ tay lại. Họ không thích tôi đâu.

PV: Chuyện ấy xảy ra đã lâu rồi, còn bây giờ chị có thấy là Việt Nam đã và đang thay thay đổi rất nhiều không?

DTH: Có, nhưng mà trong sự thối rữa của châu Á.

PV: Xin cảm ơn chị Dương Thu Hương.

40 năm, nhìn lại về ngôn từ

Nhà văn Dương Thu Hương tại văn phòng RSF

Trong hồi ức 40 năm, đài Á Châu Tự Do hỏi chuyện nhà văn Dương Thu Hương về quan điểm của bà về những vấn đề liên quan đến cuộc chiến Bắc-Nam cũng như những hệ lụy của nó.

Tường An: Thưa bà, cách đây đã lâu, trong một bài viết, bà có nói ngày 30/4, vào đến miền Nam bà đã ngồi trên vỉa hè và khóc. Nhân đây bà có thể giải thích về những giọt nước mắt ngày 30/4, 40 năm về trước không ạ ?

Dương Thu Hương: Vào miền Nam tôi khóc vì sao? Là bởi vì tôi hiểu đạo quân chiến thắng ở miền Bắc phụ thuộc vào một chế độ man rợ. Rất nhiều dân tộc văn minh bị tiêu diệt bởi một chế độ man rợ hơn, bởi vì họ hung hăng hơn, vì họ có thể văn minh hơn vì văn hoá nhưng họ kém về phương diện tổ chức quân sự.

Sau này tôi mới hiểu tôi cũng ngây thơ tôi khóc thế thôi. 30/4 tôi còn khóc vì một lý do khác nữa là vì chúng tôi bị lừa. Chúng tôi đi không nghĩ ngày về, nhưng mà chúng tôi tưởng chiến thắng quân ngoại xâm nhưng thực sự hoàn toàn là không phải. Và tất

cả tuổi trẻ của chúng tôi đã bị tiêu huỷ đi. Và vì vậy mà tôi khóc, trong những giọt nước mắt của tôi có cái phần chung cho dân tộc và có phần riêng của chúng tôi, của những người bạn tôi đã chết và của bản thân tôi đã hy sinh tuổi xuân một cách vô ích.

Tường An: Thừa bà, cuộc chiến dài 21 năm mà miền Bắc gọi là «Chống Mỹ cứu nước» đã chấm dứt vào ngày 30/4, bà có nhận xét gì về cái ngày mà Việt Nam ngưng tiếng súng, ngày mà đại tướng Văn Tiến Dũng gọi là «thiên anh hùng ca vĩ đại của chiến tranh nhân Việt Nam trong thế kỷ XX » ạ?

“Tại sao cùng một thời điểm, người Mỹ tạo ra những điều kiện để tạo ra chính sách dân chủ của 2 nơi : miền nam Việt Nam và miền Nam Hàn Quốc. Tại sao Hàn Quốc chiến thắng mà Việt Nam chiến bại?

Dương Thu Hương: Đối với tôi ngày 30/4 có 2 phía : phía những người Việt ở miền nam thì gọi là ngày «Quốc hận», phía những người Việt ở miền Bắc thì gọi là «ngày Giải phóng của dân tộc» thì tất cả 2 cái đó thì tôi cho là cần phải xét lại ngôn từ , bởi vì ngôn từ nó cũng bấp bênh và nó cũng chao đảo với thời gian, nói tuý theo quan niệm con người , tuý theo cách nhìn con người để mà thay đổi.

Về phía những người miền Bắc tưởng rằng đó là một sự sung sướng, một chiến công lừng lẫy, một thắng lợi vô tiền khoáng hậu trong lịch sử. Bây giờ nhìn lại tôi thấy nó chỉ là một ánh đèn loé lên trên một chặng đường, mà cái chặng đường ấy phía sau khi ánh đèn ấy loé lên thì nó đã dần dần trôi vào bóng tối. Thắng lợi ngày 30/4 là một thứ mà người ta gọi là « illusion » tức là một ảo ảnh. Bởi vì sau cái ảo ảnh ấy thì có những thực tại chồm đến và người Cộng sản ngập trong những cái thực tại ấy.

Sự thất bại liên tục của họ trên tất cả những chính trường, trên ngoại giao cũng như là đối nội.

Tường An: Bà có thể giải thích tại sao từ một chiến thắng mà người Cộng sản gọi là «cuộc kháng chiến thần thánh » họ lại trở nên thất bại sau này như bà nhận định ?

Dương Thu Hương: Cái sự chiến thắng đó đem cho họ một lòng kiêu hãnh quá độ. Cho nên cái chiến thắng ấy là mớ mìn cho tất cả những thất bại sau này. Và bây giờ, mặc dù họ còn giữ được chính quyền nhưng cái thất bại thì rõ ràng không ai có thể chối cãi được là họ đã trở thành một bộ phận nô lệ của triều đình Cộng sản phương Bắc và cái sự bán nước của họ dù diễn ra trong bóng tối, nhưng nhân dân và tất cả cảnh người có lương tâm đều đoán được một cách chính xác.

Chiến thắng 30/4 khiến cho những người Cộng sản có món mồi bở béo giống như ông Nguyễn văn Trấn viết trong cuốn «Viết cho Mẹ và Quốc hộ » – tôi cho ông Nguyễn văn Trấn là một người rất chính trực – ông ấy nói : nhà của người ta lấy, vợ của người ta ngủ v.v... và tức là một sự chiếm đoạt về mặt tài sản đối với tất cả những người mà đã chiến bại.

Họ đã thực hiện phương sách của Mao Trạch Đông, tức là «Toạ sơn quan hổ đấu» tức là để cho người Việt đánh nhau với người Mỹ, một cuộc chiến tranh sức tàn lực kiệt để mà dễ biến thành một thứ thuộc địa nghìn năm Bắc thuộc lần thứ hai.

Tường An: Tại sao bà cho là phải xét lại chữ «Quốc hận» của những người miền Nam, những người đã thua trong cuộc chiến này, thừa bà?

Dương Thu Hương: Về mặt những người miền Nam mà gọi là « Quốc hận » thì họ cũng phải nhìn lại. Tại sao ? Tại sao lại là « Quốc hận » Trước khi hận những người khác họ phải hận chính họ . Tại sao cùng một thời điểm, người Mỹ tạo ra những điều kiện

để tạo ra chính sách dân chủ của 2 nơi : miền nam Việt Nam và miền Nam Hàn Quốc. Tại sao Hàn Quốc chiến thắng mà Việt Nam chiến bại ? Tại sao cùng một cơ hội lịch sử như thế, người Nam Triều Tiên họ đã chớp lấy cơ hội để biến đất nước của họ thành một xứ sở văn minh phồn thịnh, còn miền Nam thì không ? Cái đó phải xét lại.

Tường An: Từ khi sang Pháp năm 2006 cho đến nay, có vẻ như bà ít tiếp xúc với cộng đồng người Việt hải ngoại, phe chống Cộng cũng như phe thân Cộng, chắc là phải có lý do nào đó có phải không ạ?

Dương Thu Hương: Bây giờ nhìn lại những phong trào chống Cộng của người Việt hải ngoại, ta thấy cái gì ? Trừ những vụ treo đầu dê bán thịt chó như Hoàng Cơ Minh ra, rất nhiều chính khách khác chỉ chờ cơ hội để về Việt Nam thương thuyết với Cộng sản để chia ghế. Những nhà chống Cộng ở đây tôi biết thì hoàn toàn là một thứ trò du hí để thỏa mãn cái lòng tự tôn của họ. Bởi vì sống ở nước ngoài họ không có một gương mặt hãnh diện, một vị trí xứng đáng cho nên là họ nêu chiêu bài chống Cộng, nhưng lúc nào cũng ngóng chờ Cộng sản chia tay ra để trở về chia ghế. Và có những ông Cộng sản chưa cần mời đã vội vàng đến sứ quán làm lạnh trước. Vì sao . vì họ thấy đấu tranh mệt mỏi quá, hàng Cộng sản đi kiếm được một chút vui thú trong cuối đời. Cho nên bây giờ muốn chiến thắng Cộng sản thì trước tiên phải chiến thắng chính bản thân mình. Bây giờ rất nhiều Việt kiều ở nước ngoài chửi Cộng sản nhưng về trong nước lại vui thú, cho làm ăn, cho kiếm tiền, cho chơi gái rẻ. Cho nên cái tinh thần chống Cộng của tôi cũng giống như cái đuôi con chó, vẫy lên rồi vẫy xuống theo cái lợi ích của họ.

Tường An: Từ sự phân tích những tiêu cực của phe Cộng sản cũng như phe chống Cộng, bà có kết luận gì về cuộc đấu tranh trên chiến trường mới này ạ?

Dương Thu Hương: Tóm lại, tôi thấy cần phải chống Cộng, nhưng trước hết cần phải soi lại bản thân mình. Thế còn người Cộng sản nhìn lại ngày 30/4 như một điều hãnh diện thì tôi đó là sự ngu ngốc . Bởi vì bây giờ, cái đũa ngu nhất thì cũng hiểu là họ đang bán nước và sẽ còn bán nước một cách trầm trọng hơn. Và nếu không có một sự kiện nào có thể thay đổi được vận mệnh quốc gia thì chắc chắn 1000 năm Bắc thuộc lần thứ hai sẽ diễn ra. Không phải với một đoàn quân phương Bắc kéo sang nữa mà là một sự khống chế toàn bộ về mặt chính trị và kinh tế bắt đầu từ đảng Cộng sản Trung quốc đối với đảng Cộng sản Việt Nam và sau đó là hai nhà nước cùng một hệ thống mà tôi gọi là một thứ phong kiến trá hình.